

NGUYỄN THỊ MAI HOA – ĐINH CHÍ SÁNG

**MỘT SỐ KIẾN THỨC – KĨ NĂNG
VÀ BÀI TẬP NÂNG CAO
NGŨ VĂN 6**

(Tái bản lần thứ chín)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến !

Lên lớp 6 là các em đã chuyển lên bậc Trung học cơ sở, cách học sẽ khác hơn, chương trình cũng đổi mới. Từ chỗ tập đọc, các em tiến lên đọc – hiểu văn bản, lí thuyết và thực hành trong tiếng Việt cũng như tập làm văn được sắp xếp trong hệ thống chặt chẽ, toàn diện giữa bài học và bài tập. Cả ba phần cùng nằm trong một hệ thống tích hợp hỗ trợ cho nhau một cách chặt chẽ và thiết thực theo phương châm "Học đi đôi với hành".

Sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, tập một và tập hai được biên soạn theo hướng tích hợp và tinh giản, vừa nhằm mục đích giảm tải lại vừa nhằm mục đích phát huy tính chủ động – sáng tạo của học sinh trong học tập, nhất là các tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của thầy giáo, cô giáo. Cuốn sách này có mục đích giúp các em hệ thống lại những kiến thức cần thiết, cần đạt được trong quá trình học tập. Sách được mang tên : *Một số kiến thức, kĩ năng và bài tập nâng cao Ngữ văn 6*.

Cuốn sách tập trung vào hai phần Tiếng Việt và Tập làm văn. Coi trọng tính thực hành, mỗi phần đều chú trọng vào các bài tập mở rộng và nâng cao lí thú theo hướng tích hợp làm cho việc học tập của các em trở nên tự nhiên, thoải mái, thú vị. Phần lí thuyết của cuốn sách là những tri thức cơ bản, thiết thực, theo sát nội dung của sách giáo khoa nhằm hỗ trợ cho các em trong khi học và làm bài tập ở nhà.

Ngoài đối tượng là các em học sinh lớp 6, cuốn sách còn là tài liệu cần thiết làm cơ sở cho các bậc phụ huynh trong khi theo dõi và hướng dẫn con em mình tiếp nhận kiến thức môn Ngữ văn. Mong rằng cuốn sách này cũng là một tài liệu tham khảo có ích cho các thầy giáo, cô giáo ở Trung học cơ sở và tất cả các bạn quan tâm đến môn Ngữ văn trong nhà trường.

Chúng tôi hi vọng rằng những kiến thức và những bài tập trong cuốn sách sẽ là người bạn đường thiết thực của các em trong quá trình học tập. Cuốn sách được hoàn thành sớm là một cố gắng của chúng tôi nhưng chắc chắn còn nhiều chỗ chưa trọn vẹn. Rất mong được sự góp ý của các thầy giáo, cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh trong khi sử dụng.

CÁC TÁC GIẢ

Chương I

TỪ VỰNG

1. CẤU TẠO TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Từ và đơn vị cấu tạo từ

a) Từ là gì ?

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất, có nghĩa mà độc lập, dùng để đặt câu.

Ví dụ : Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ tiên vương.

(Bánh chưng, bánh giầy)

Câu này do các từ : *hãy, lấy, gạo, làm, bánh, mà, lễ, tiên vương* tạo nên.

Các từ này đều là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có nghĩa vì không phân chia được nữa và được dùng độc lập trong nói và viết. Chẳng hạn *tiên vương* là một từ vì *tiên* và *vương* không thể dùng độc lập.

b) Đơn vị cấu tạo từ

Xét ba từ sau đây :

ăn, ăn ở, ăn năn

Chúng ta thấy rằng từ *ăn* do một tiếng tạo thành, từ *ăn ở* do hai tiếng *ăn* và *ở* tạo thành, từ *ăn năn* do hai tiếng *ăn* và *năn* tạo thành. Hầu hết các tiếng ở các ví dụ trên cũng như trong tiếng Việt đều có nghĩa. Ở các trường hợp trên chỉ có *năn* là không có nghĩa thực. Tiếng trong tiếng Việt còn có đặc điểm là hình thức ngữ âm ổn định (khi nói thì phát âm giống nhau, khi viết thì cách viết như nhau). Các tiếng luôn luôn tách bạch nhau khi chúng ta phát âm cũng như khi viết.

Từ những đặc điểm trên về tiếng, chúng ta có thể khẳng định rằng tiếng là đơn vị tạo nên từ tiếng Việt. Đây là đặc điểm cơ bản nhất, quan trọng nhất trong cấu tạo từ tiếng Việt. Từ đơn vị tiếng, người ta cấu tạo nên từ đơn, từ phức. Trong từ phức lại có từ ghép, từ láy và mỗi loại lại có đặc điểm cấu tạo riêng của nó.

2. Từ đơn

Từ do một tiếng tạo nên là từ đơn.

Ví dụ : *anh, chị, ông, bà, bàn, ghế, ăn, hát, nói, cười, đi, đứng, đẹp, xấu, cao, thấp, mèo, gà, cây, người,...*

Để làm rõ hơn về từ đơn, ta xét các từ sau đây :

con, cháu, con cháu, ăn, ở, ăn ở, hồng, hồng hào, hải, hải khẩu

Ta thấy :

– Các từ : *con, cháu, ăn, ở, hồng* khi đứng một mình đều là từ đơn. Vì chúng chỉ gồm một tiếng có nghĩa và có khả năng được dùng độc lập.

– Các từ : *con cháu, ăn ở, hồng hào, hải khẩu* không phải là từ đơn vì chúng gồm hai tiếng ghép lại mà thành gọi là từ phức.

– Trong các từ phức có những từ do các từ đơn ghép lại như : *con, cháu, ăn, ở.*

– Những tiếng không có nghĩa như : *hào* trong *hồng hào* phải kết hợp với một tiếng có nghĩa khác để tạo thành từ phức.

– Có những từ gồm hai tiếng có nghĩa như : *hải khẩu* nhưng cả hai tiếng đều không dùng được độc lập. Vì vậy *hải* và *khẩu* không phải là từ đơn.

Như vậy cấu tạo của từ đơn là một tiếng, có thể dùng độc lập trong nói và viết. Các tiếng không dùng độc lập đều không phải là từ đơn.

Ví dụ : *lòng* trong *lạnh lòng, nhận* trong *nhiều nhận, nhĩ nhận, hữu* trong *hữu tình.*

Các tiếng có nghĩa nhưng không dùng độc lập thường là gốc Hán và cũng không phải là từ đơn.

Ví dụ : *hải, quan* trong *hải quan, cầu* trong *hải cầu, khẩu* trong *hải khẩu.*

Vì thế chúng phải ghép với một tiếng khác để thành từ như *hải quan, hải cầu, hải cảng, hải đăng, hải đồ, hải khẩu,...*

Thảo là *cỏ* nhưng *cỏ* dùng độc lập, còn *thảo* không dùng độc lập. Vậy *cỏ* là từ đơn, còn *thảo* chỉ là tiếng làm yếu tố cấu tạo từ, vì ta có thể nói *thảo lư* (lều cỏ), *thảo nguyên* (đồng cỏ), *thu thảo* (cỏ thu) mà không nói được "cắt thảo về cho trâu ăn".

3. Từ phức

a) Thế nào là từ phức ?

Tiếng là cơ sở để tạo nên từ đơn. Tiếng còn là cơ sở để tạo nên từ phức. Từ phức là từ được cấu tạo bởi hai hoặc nhiều tiếng. Phần lớn từ phức là từ được cấu tạo bởi hai tiếng.

Ví dụ : *xe đạp, xe máy, ô tô, tàu hoả, ăn mày, ăn năn, con trưởng, nhà cửa, xe cộ, hối hộp, hồng hào, bấy giờ, con trai, lạ thường, khôi ngô, khoẻ mạnh, chờ mong, than thở, thiệt thòi.*

Một số từ phức được cấu tạo bởi nhiều tiếng.

Ví dụ : *hợp tác xã, nông nghiệp hoá, cơ khí hoá.*

b) Phân loại từ phức

Trong từ phức, căn cứ vào quan hệ giữa các tiếng, người ta chia từ phức thành hai loại chính là từ ghép và từ láy.

– Từ ghép

Từ ghép là từ phức mà *các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa*. Hình thức âm thanh của từ cố định, do đó phải phát âm liền mạch.

Ví dụ : *sân bay, hoa hồng, con trưởng, ăn ở, chăn nuôi, con trai, con gái, khoẻ mạnh, chờ mong, quá giang, xe lam, bánh chưng, bánh giầy, bánh ít.*

Căn cứ vào quan hệ giữa các tiếng trong từ ghép, người ta lại chia thành hai loại nhỏ là từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ.

– Từ láy

Từ láy là từ phức *có quan hệ láy âm giữa các tiếng*.

Ví dụ : *bấp bênh* : phụ âm đầu lặp,

lao xao : vần và thanh lặp.

Từ láy cũng được chia làm hai loại : từ láy bộ phận và từ láy toàn bộ.

Từ láy bộ phận là kiểu từ láy mà chỉ có một bộ phận giữa các tiếng được lặp lại.

Ví dụ : *lao xao, lác đác, loanh quanh, rột roạt, tùm tùm.*

Từ láy toàn bộ là kiểu từ láy mà các tiếng lặp lại hầu như toàn bộ.

Ví dụ : *châu chấu, chuồn chuồn, đo đỏ, róc róc, rột rột, rì rì.*

Từ ghép và từ láy sẽ được học kĩ ở chương trình lớp 7. Tuy nhiên, ở lớp 6, chúng ta cũng cần nhận diện được từ láy và từ ghép trong văn bản. Từ láy là từ phức gồm hai tiếng hoặc nhiều tiếng láy lại. Các tiếng trong từ láy có sự hoà phối ngữ âm với nhau đó là hiện tượng lặp ngữ âm : lặp phụ âm đầu hoặc lặp vần hoặc lặp tiếng. Từ ghép là từ phức gồm hai tiếng hoặc nhiều tiếng ghép lại. Các tiếng trong từ ghép có sự phối hợp ngữ nghĩa.

Khi một từ phức mà ta phân vân giữa từ láy và từ ghép, ta phải xét xem các tiếng trong từ đó có nghĩa không. Nếu các tiếng đều có nghĩa thì đó là từ ghép. Nếu tiếng đứng sau không có nghĩa mà lặp lại ngữ âm thì đó là từ láy.

Ví dụ :

+ Từ ghép : *tướng tá, bao bọc.*

+ Từ láy : *nhỏ nhoi, nhỏ nhắn, vương vấn.*

– Từ có cấu tạo đặc biệt

Ngoài từ đơn, từ ghép và từ láy, tiếng Việt của chúng ta còn một số từ không nằm trong kiểu cấu tạo của từ ghép và từ láy. Loại này cũng bao gồm hai hay nhiều tiếng ghép lại nhưng đối với người Việt các tiếng đó lại không có nghĩa, đồng thời giữa các tiếng cũng không có quan hệ ngữ âm với nhau. Ta gọi loại này là những từ có cấu tạo đặc biệt (còn gọi là từ ngẫu kết).

Ví dụ : *bổ nông, bổ hóng, bổ hòn, bù nhìn, xì dầu, ca la thầu, phốt pho, ô xi, xà phòng, cà phê, sen đầm.*

Những gốc Việt loại này rất ít, chủ yếu là phiên âm các từ nước ngoài.

II – BÀI TẬP

1. Cho đoạn trích sau đây : "Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình, tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn."

(*Con Rồng cháu Tiên*)

a) Em hãy tìm các từ phức có trong đoạn trích trên.

b) Các từ phức trong đoạn trích trên có từ nào là từ láy không ? Vì sao ?

c) Các từ ghép trong đoạn trích trên, từ nào có nghĩa khái quát, từ nào không có nghĩa khái quát ?

2. Trong các từ ghép sau đây, từ nào có nghĩa khái quát, từ nào có nghĩa cụ thể ?

ăn chơi, ăn bớt, ăn khách, ăn khớp, ăn mặc, ăn nhập, ăn theo, ăn xối, ăn ý, ăn nói, ăn diện, ăn đong, ăn học, ăn ở, ăn mày, ăn mòn, ăn sương, ăn ngọn, ăn quýt, ăn rơ, ăn theo.

3. Em hãy nhận xét về vần và các phụ âm đầu trong các từ láy sau đây. Nghĩa của chúng biểu thị trạng thái như thế nào của sự vật ?

thập thò, mấp mô, thấp thoáng, lấp lánh, bập bề, tấp tẹ, nhấp nhô, cập kê, mấp mé, dập dờn, nhấp nhồm, thấp thỏm, lấp ló.

4. Trong đoạn văn sau đây, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy ? Vì sao ?

"Mã Lương vờ như không nghe thấy, cứ tiếp tục vẽ. Gió bão càng to, mây đen kéo mù mịt, trời tối sầm. Sóng lớn nổi lên dữ dội như những trái núi đổ sập xuống thuyền. Chiếc thuyền ngả nghiêng rồi bị chôn vùi trong những lớp sóng hung dữ".

(Cây bút thần)

5. Có bạn cho rằng các từ sau đây là từ láy, theo em có đúng không ?

non nước, chiều chuộng, ruộng rẫy, cây cỏ, vương vấn, bao bọc, ngay ngắn, cười cợt, tương tá, ôm ấp, liu lo, trong trắng, nhức nhối, tội lỗi, đón đợi, mỗ mả, dả dáo, tươi tốt, vùng vẫy, thơm thảo.

6. Tìm nhanh các từ láy mà giữa các tiếng có thể thay đổi được trật tự.

Ví dụ : *vơ vẩn, thần thờ.*

7. Em hãy tìm các từ láy :

a) Tượng hình. Ví dụ : *ngoằn ngoèo, khấp khểnh,...*

b) Tượng thanh. Ví dụ : *lách cách, rột roạt,...*

c) Chỉ tâm trạng. Ví dụ : *bâng khuâng, thần thờ,...*

8. Tìm các từ láy có vần eo, vần êu.

9. Ngoài các từ đơn, từ láy, từ ghép, dựa vào nghĩa của các tiếng, em hãy tìm một số từ có cấu tạo đặc biệt mà các tiếng đều không có nghĩa, cũng không có quan hệ ngữ âm.

2. TỪ MƯỢN

1 – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Thế nào là từ mượn ?

Trong quá trình giao lưu văn hoá, chính trị, kinh tế, sự tiếp xúc ngôn ngữ giữa dân tộc này với dân tộc khác là đương nhiên. Trong quá trình đó, ngôn ngữ này vay mượn từ của ngôn ngữ khác để làm giàu cho tiếng của mình nhằm diễn đạt đầy đủ, chính xác suy nghĩ của con người. Quá trình vay mượn đó xảy ra liên tục, xuyên suốt từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Tuy nhiên các từ được vay mượn có hiện tượng "nhập gia tùy tục" nghĩa là có hình thức âm thanh cũng như ngữ pháp phù hợp với hệ thống ngôn ngữ của mình.

Chính sự vay mượn lâu đời mà ngày nay chúng ta khó biết từ nào là của tiếng Việt, từ nào là vay mượn. Từ nào có hình thức ngữ âm và ngữ pháp giống tiếng Việt ta cho là từ thuần Việt. Từ nào có hình thức ngữ âm và ngữ pháp không giống tiếng Việt là từ mượn.

Trong tiếng Việt các từ một tiếng có nguồn gốc nước ngoài khi vào Việt Nam nếu được Việt hoá hoàn toàn do từ Việt Nam không có, người Việt chúng ta cho là từ thuần Việt.

Ví dụ : – *điện, sinh, từng, bách, táo, lê,...* là từ gốc Hán.

– *săm, lớp, xô,...* là từ gốc Pháp.

Tất cả các từ trên đây người Việt Nam ta đều có cảm giác là từ thuần Việt. Chỉ có từ hai tiếng trở lên lúc đó ta mới cần phân biệt từ thuần Việt với từ vay mượn bởi vì các từ này khác với từ phức thuần Việt. Các từ phức vay mượn hầu hết đều do các tiếng không độc lập, tức không hoạt động tự do tạo thành.

Ví dụ : *giang sơn, quốc gia, bảo quản, hải quân, hải cảng, hải cẩu, hải âu, hải sản, cà phê, xà phòng, sơ mi, ti vi, tốp ten.*

2. Các loại từ mượn

a) Từ mượn tiếng Hán (từ Hán Việt)

Các từ một tiếng trong tiếng Việt dù là mượn tiếng Hán đều được coi là từ thuần Việt.

Ví dụ : *đầu, vua, chúa, từng, trúc, cúc, mai,...*

Từ mượn tiếng Hán chủ yếu là những từ phức gồm hai tiếng trở lên ta mới cần phân biệt với từ thuần Việt.

Ví dụ : *giang sơn, hải cảng, tham quan, quốc gia, trường xa* (xe dài), *siêu trường* (dài quá mức bình thường), *siêu trọng* (nặng quá mức), *siêu cầu thủ*.

Từ Hán Việt có những đặc điểm sau đây :

+ Từ Hán Việt là một kết hợp chặt chẽ gồm hai tiếng trở lên, trong đó mỗi tiếng đều có nghĩa.

Ví dụ : *quốc gia, quốc tế, quốc kế, gia bảo, quốc bảo*.

+ Mỗi tiếng trong từ Hán Việt đều có nghĩa tương đương với một từ đơn thuần Việt.

Ví dụ : *giang sơn* : *giang* / *sông* ; *sơn* / *núi*
hải đăng : *hải* / *biển* ; *đăng* / *dèn*
hải đồ : *hải* / *biển* ; *đồ* / *bản đồ*

Nguyên nhân là mỗi tiếng trong từ ghép Hán Việt vốn là những từ đơn gốc Hán, nhưng khi du nhập vào Việt Nam, do ở Việt Nam đã có từ đồng nghĩa rồi, nên nó không thể dùng độc lập được mà chỉ trở thành yếu tố cấu tạo từ mà thôi. Còn những từ đơn gốc Hán mà tiếng Việt không có như *tùng, trúc, cúc, mai*,... thì nó du nhập vào tiếng Việt dễ dàng và được coi là từ thuần Việt vì tiếng Việt không có từ tương đương.

+ Trong từ phức Hán Việt, một tiếng gốc Hán thường kết hợp với nhiều tiếng khác để tạo thành một từ khác.

Ví dụ : – *giả* : *khán giả, thỉnh giả, độc giả, tác giả*.

– *gia* : *thi gia, triết gia, danh gia, phú gia*,...

– *thảo* : *bách thảo, phương thảo* (cỏ thơm), *thu thảo* (cỏ thu),
thanh thảo (cỏ xanh), *thảo am* (miếu bằng cỏ),
thảo nguyên (đồng cỏ).

+ Trật tự giữa các tiếng trong danh từ Hán Việt thường là trật tự từ ngược với tiếng Việt. Ở tiếng Việt yếu tố chính đứng trước có nghĩa khái quát, yếu tố sau có nghĩa thu hẹp.

Ví dụ : *bánh chưng, bánh ngọt, bánh ít, bánh giầy*.

Ở tiếng Hán, yếu tố chính thường đứng sau.

Ví dụ : *thảo* là *cỏ*, *thu* là *mùa thu*, *thu thảo* là *cỏ mùa thu*, *thanh* là *xanh*, *thanh thảo* là *cỏ xanh*, *cam* là *ngọt*, *cam thảo* là *cỏ ngọt*.

+ Quan hệ giữa các tiếng trong từ ghép Hán Việt rất chặt chẽ làm thành một khối đọc lên nghe rất trang trọng. Vì vậy, khi cần khái quát trang trọng ta nên dùng từ Hán Việt, còn bình thường ta nên dùng từ thuần Việt.

So sánh : –	<i>Sẵn sàng, tể chỉnh, uy nghi</i>	} trang trọng
	<i>Bác đồng chặt đất tình kì rợp sân.</i>	
–	<i>Sè sè nắm đất bên đường</i>	} bình thường
	<i>Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.</i>	

(Nguyễn Du)

–	<i>Thủ tướng cùng phu nhân ra đón đoàn.</i>	} trang trọng
–	<i>Anh Hai cùng vợ đi chợ mua đồ đạc.</i>	} bình thường

b) Từ mượn các ngôn ngữ khác

Ngoài các từ mượn tiếng Hán, tiếng Việt còn mượn nhiều tiếng nước ngoài khác.

Ví dụ : Mượn tiếng Pháp như : *cà phê, ca cao, bút tét, xà phòng, đăng ten, kì lô gam, xăng ti mét, cao su,...*

Mượn tiếng Anh : *in-tơ-nét, ti vi, mít tinh,...*

Mượn tiếng nước ngoài qua tiếng Hán : *Phật, niết bàn, Thích Ca, Di Lặc, kinh tế, chính trị, Xô viết,...*

Các từ mượn này có các đặc điểm như sau :

+ Các tiếng trong từ mượn nhìn chung người Việt cho là không có nghĩa. Nghĩa của từ là nghĩa của cả khối.

+ Các tiếng trong từ phức loại này cũng không có quan hệ ngữ âm với nhau, hình thức ngữ âm được đơn tiết hoá hay rút gọn.

Ví dụ : *ăng-vơ-lốp → lốp, Ních-xơn → Ních*

c) Cách dùng từ mượn

Vay mượn từ là một hiện tượng tất yếu của các ngôn ngữ trên thế giới. Chính việc vay mượn từ nước ngoài làm giàu cho vốn từ tiếng Việt. Chúng ta không nên từ chối việc vay mượn từ của nước khác vì nó sẽ làm nghèo nàn và sai lệch tiếng Việt.

Ví dụ : *du* là chơi, *kích* là đánh, ta không thể nói *du kích* là "đánh chơi" được.

Độc là một, *lập* là đứng, *độc lập* không thể nói là "đứng một" được.

Khi dùng từ vay mượn ta phải theo các nguyên tắc sau :

+ Không được lạm dụng từ vay mượn.

Những từ nào tiếng ta có mà dùng đúng, dùng chính xác thì dùng từ tiếng ta, không dùng từ mượn.

Ví dụ : – Phải nói *đánh đấu* không nên nói *tét*.

– Phải nói *xin chào* không nên nói *hê lô*.

– Khi bình thường, nên nói *xem xét* không nên nói *quan sát*.

– Nên dùng *mặt, phía* thay cho *phương diện*.

+ Dùng từ thuần Việt hay từ vay mượn phải dùng đúng lúc, đúng chỗ thì mới có giá trị. Cha ông ta dùng từ Hán Việt và từ thuần Việt rất đúng lúc đúng chỗ, vì vậy cả từ Hán Việt cũng như từ thuần Việt đều phát huy hết tác dụng.

Ví dụ : Khi đặt tên cho con phải là Sơn, Thủy, Hùng, Hoàng, Thanh, Xuân, Thông, Hiếu, Nghĩa, Lễ, Trí, Đức,... Vì đó là những từ gốc Hán mang màu sắc trang trọng.

Khi đặt tên cho chợ thì toàn là từ thuần Việt : Chợ Cọi, Chợ Bộng, Chợ Nướ, Chợ Mơ, Chợ Hòm, Chợ Mai, Chợ Quán, Chợ Cầu, Chợ Rạp,... Vì tên chợ thì không cần trang trọng, đặt tên như vậy thật là gần gũi bình dị.

d) Cách giải thích từ Hán Việt

Muốn giải thích được từ Hán Việt ta tìm nghĩa của từng tiếng rồi ghép chúng lại.

Ví dụ : – *hải quân* : *hải* là biển, *quân* là quân đội, *hải quân* là quân đội canh biển.

– *hải sản* : *sản* là sản vật, *hải sản* là sản vật lấy từ biển.

Khi một từ phức Hán Việt có các tiếng là những từ đơn tạo thành ta chỉ cần đảo ngược trật tự là hiểu nghĩa của từ đó.

Ví dụ : *dân ý* là ý dân, *võ tướng* là tướng võ, *cao điểm* là điểm cao.

II – BÀI TẬP

1. Trong các từ sau đây, từ nào là từ mượn ?

đầu, não, tuỷ, dân, ông, bà, cô, cậu, hổ, báo, xã, ấp, tỉnh, huyện, phố, thành, quần, nhung, sách, táo, lê, từng, bách, lễ, nghĩa, đức, tài, xô, lớp, phanh, sút, gôn, giang sơn, Tổ quốc, khôi ngô, thuỷ cung, tập quán, cai quản, ghi đông, pê đan, may ơ.

2. Em hãy tìm các từ Hán Việt trong truyện *Con Rồng cháu Tiên*. Giải nghĩa các từ Hán Việt mà em tìm được. ?

3. Tìm các từ Hán Việt trong truyện *Bánh chưng, bánh giầy*. Giải nghĩa các từ đó.

4. Hãy giải nghĩa các từ sau :

sứ giả, học giả, khán giả, thánh giả, độc giả, diễn giả, tác giả, tác gia, nông gia, văn gia, thi gia, dịch gia, triết gia.

5. Tại sao không có các từ : *khán gia, thánh gia, độc gia ?*

6. Từ tiếng *thu* trong *thu thảo*, hãy tìm những từ Hán Việt có tiếng *thu*.

7. Cho hai bài thơ sau đây :

THU ĐIỀU

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

(Nguyễn Khuyến)

CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn
Tiếng ốc xa đưa vắng trống đồn
Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn
Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.*

(Bà Huyện Thanh Quan)

a) Hai bài thơ có gì khác nhau về cách dùng từ ?

b) Đọc hai bài thơ, em có cảm nhận gì ?

8. Cho các từ sau : *cha mẹ, phụ huynh, thu thảo, li hương, xa quê, sơn, núi, thi nhân, thi gia, phu nhân, bà xã*. Hãy điền các từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau :

- Kính gửi.....em
- Cô ấy có tên là.....
- là tên bạn ấy
- Anh mời.....sang đây uống nước.

9. Tìm những từ ghép thuần Việt tương ứng với các từ Hán Việt sau đây :

thiên địa, giang sơn, huynh đệ, nhật dạ, phụ tử, phong vân, quốc gia, tiền hậu, tiến thoái, cường nhược, sinh tử, tồn vong, mĩ lệ, sinh nhật, ca sĩ, hải quân, phụ huynh.

3. NGHĨA CỦA TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Thế nào là nghĩa của từ ?

Để hình dung ra nghĩa của từ, chúng ta hãy bắt đầu bằng các ví dụ sau đây :

– *Con lại chỗ bàn lấy giúp bố cái bát rồi vào ăn cơm.*

Em bé sẽ lại ngay bàn chứ không đi chỗ khác và lấy cái bát chứ không lấy vật khác. Như vậy em bé đã hiểu được nghĩa của từ, vì những đồ vật ấy là do từ *bàn*, từ *bát* biểu thị. Đó chính là nghĩa của từ.

Tất cả mọi cái *bàn* đều có đặc điểm chung là đồ dùng làm bằng gỗ, có mặt phẳng, có chân, dùng để bày đồ đạc, thức ăn, để làm việc.

Bát có đặc điểm : đồ bằng sứ, sành hoặc kim loại, miệng tròn, dùng để đựng thức ăn thức uống. Đây cũng chính là nghĩa của từ.

Từ *ăn* là từ chỉ hoạt động đưa thực phẩm vào dạ dày. Từ *chạy* chỉ hoạt động dời chỗ bằng chân với tốc độ cao. Từ *phóng* ngoài nghĩa là chạy ra còn có một nét nghĩa bổ sung là theo một hướng nhất định. Như vậy, khi một từ xuất hiện ta vừa hình dung ra sự vật, hiện tượng, tính chất mà từ biểu thị lại vừa hình dung ra các đặc điểm, sắc thái của sự vật, hiện tượng đó. Chính những sự liên hệ về các nét nghĩa đó là nghĩa của từ.

Vậy, nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.

2. Cách giải thích nghĩa của từ

Người ta có thể giải thích nghĩa của từ bằng các cách sau đây :

+ Trình bày khái niệm mà từ biểu thị

Ví dụ : – *Danh từ là những từ chỉ người, chỉ loài vật, cây cối, đồ vật,...*

– *Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của người, của sự vật.*

– *Tính từ là những từ chỉ tính chất như màu sắc, kích thước, hình thể, phẩm chất,...*

– *Quan liêu* là những người cán bộ phụ trách nhưng xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

– *Chạy* là hoạt động dời chỗ bằng chân với tốc độ cao.

+ Dùng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ mà mình giải thích.

Ví dụ : – *Tổ quốc* là đất nước mình.

– *Cao* là số đo chiều thẳng đứng, đối lập với *thấp*.

– *Dài* là số đo chiều nằm ngang, đối lập với *ngắn*.

– *Bấp bênh* là không vững chắc.

3. Dùng từ đúng nghĩa

Muốn dùng từ đúng nghĩa trước hết ta phải nắm vững được nghĩa của từ. Thông thường một từ có rất nhiều nghĩa.

Ví dụ : Từ *ăn* có 13 nghĩa, từ *chạy* có 12 nghĩa, từ *đánh* có 27 nghĩa.

Vì thế muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải đặt từ trong câu cụ thể. Do sự kết hợp giữa các từ trong câu mà nghĩa cụ thể của từ được bộc lộ. Ta cũng có thể tra từ điển để nắm được nghĩa của từ. Cách tốt nhất là đặt từ trong câu cụ thể.

Ví dụ : Trong các câu :

– *Tôi ăn cơm.*

Từ *ăn* có nghĩa là hoạt động đưa thực phẩm vào dạ dày.

– *Tôi đi ăn cưới.*

Từ *ăn* có nghĩa là ăn uống nói chung, nhân dịp lễ thành hôn.

– *Họ ăn hoa hồng.*

Từ *ăn* có nghĩa là nhận lấy để hưởng.

Chúng ta phải luôn luôn học hỏi, tìm tòi để hiểu đúng nghĩa của từ, tập nói, tập viết thường xuyên. Khi nói, khi viết phải lựa chọn và phải kết hợp một cách thành thạo các từ, nhất là khi gặp một từ có nhiều từ đồng nghĩa thì phải cân nhắc một cách cẩn thận.

Ví dụ : *chết, mất, toi, qua đời, từ trần, hi sinh.*

Muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải liên hệ được quan hệ giữa từ với sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất mà từ biểu thị. Từ đó chỉ ra những đặc điểm, những thuộc tính của sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất,... mà từ biểu thị.

II – BÀI TẬP

1. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống trong các trường hợp dưới đây :

..... phương tiện đi lại hoặc vận tải trên bộ có bánh lăn.

..... xe người đi, có hai bánh, tay lái nối với bánh trước, dùng sức người đạp cho quay bánh sau.

..... từ dùng cho người nhỏ tuổi, tự xưng một cách thân mật với thầy cô hoặc anh chị.

..... công trình xây dựng có mái, có tường vách để ở hay để dùng vào một việc nào đó.

..... đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất, có nghĩa hoàn chỉnh, cấu tạo ổn định dùng để đặt câu.

..... người đàn ông làm nghề dạy học.

2. a) Giải thích các từ sau đây theo cách đã biết :

giếng, ao, đầm, đũa, thìa, cho, biếu, tặng, khúc khuỷu, to, lớn.

b) Đặt ba câu với các từ : *cho, biếu, tặng.*

3. Điền vào chỗ trống các tiếng thích hợp trong các trường hợp dưới đây. Biết rằng :

+ Tiếng đầu của từ là *hải*.

..... : chim lớn cánh dài và hẹp, mỏ quặp, sống ở biển khơi.

..... : cửa biển dùng làm nơi ra vào của một nước.

..... : thú có chân biến thành bơi chèo, răng nanh dài, sống ở Bắc Cực và Nam Cực.

..... : khoảng đất nhô lên ngoài mặt biển hoặc đại dương.

..... : việc kiểm soát và đánh thuế đối với hàng hoá nhập từ nước này sang nước khác.

..... : sản phẩm động vật, thực vật khai thác ở biển.

+ Tiếng đầu của từ là *giáo* :

..... : người dạy học ở bậc phổ thông.

..... : học sinh trường sư phạm.

..... : bài soạn của giáo viên để lên lớp giảng.

..... : đồ dùng dạy học để làm cho học sinh thấy một cách cụ thể.

..... : viên chức ngành giáo dục.

4. TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Từ nhiều nghĩa

Trong tiếng Việt các từ sau đây là từ một nghĩa : *học sinh, rau muống, rau cải, nhanh nhẹn, linh hoạt, cá rô, nam giới, khoai lang, dừa, máy ảnh, giai cấp, tôn giáo, Phật học, ôxi, axit, bồ hòn, bồ hóng,...*

Ngoài các từ một nghĩa, trong tiếng Việt còn có hiện tượng một từ nhưng có nhiều nghĩa khác nhau.

Từ *xuân* có các nghĩa khác nhau trong các trường hợp sau đây :

– Mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ.

Ví dụ : *Mùa xuân là tết trồng cây*

(Hồ Chí Minh)

– Tươi đẹp.

Ví dụ : *Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.*

(Hồ Chí Minh)

– Tuổi của một người.

Ví dụ : *Ông ấy năm nay hơn sáu mươi xuân.*

– Trẻ, thuộc về tuổi trẻ.

Ví dụ : *Tuổi xuân chẳng tiếc sá chi bạc đầu.*

(Tố Hữu)

Từ *mắt* có các nghĩa khác nhau trong các trường hợp sau đây :

– Cơ quan để nhìn của người hay vật.

Ví dụ : *Thương ai con mắt lá răm*

Lông mày lá liễu thương năm nhớ mười

(Ca dao)

– Chỗ lõm, giống hình con mắt, mang chồi ở thân cây.

Ví dụ : *Cây này nhiều mắt quá.*

– Bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ một số quả.

Ví dụ : *Mắt na hé mở nhìn trời trong veo.*

(Trần Đăng Khoa)

– Lỗ hờ đều đặn ở các lỗ đan.

Ví dụ : *Mắt lưới này to quá.*

Vậy : Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa.

2. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ

Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ làm cho từ có nhiều nghĩa.

Sở dĩ có hiện tượng chuyển nghĩa của từ là vì trong quá trình phát triển của xã hội, nhiều sự vật hiện tượng mới ra đời, ngôn ngữ cũng phải phát triển theo để đáp ứng nhu cầu của cuộc sống. Trong quá trình phát triển của ngôn ngữ có hiện tượng tạo thêm nghĩa mới cho từ đã có sẵn để chỉ sự vật, hiện tượng mới. Hiện tượng này gọi là sự chuyển nghĩa tạo nên các từ nhiều nghĩa. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ thể hiện quy luật tiết kiệm trong ngôn ngữ.

Trong quá trình chuyển biến về nghĩa của từ, nghĩa ban đầu làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác gọi là *nghĩa gốc*. Các nghĩa được nảy sinh từ nghĩa gốc và có quan hệ với nghĩa gốc là *nghĩa chuyển*.

3. Phân biệt từ nhiều nghĩa với từ đồng âm

Từ đồng âm là những từ có vỏ ngữ âm giống nhau ngẫu nhiên. Giữa các từ đồng âm không có mối liên hệ nào về nghĩa.

Trong từ nhiều nghĩa, các từ ít nhiều có liên hệ với nghĩa gốc. Cụ thể là giữa nghĩa gốc và các nghĩa chuyển đều có ít nhất một nét nghĩa chung trùng với một nét nghĩa của nghĩa gốc.

Ví dụ 1 :

– *Con chào **bọ** mẹ.*

Trường hợp này *bọ* là cha, bố.

– *Giết **bọ** cho chó.*

Trường hợp này *bọ* là con *bọ* chết.

Ở ví dụ này, *bọ* là hiện tượng đồng âm.

Ví dụ 2 :

– *Đầu tôi to và nổi từng tảng, rất bướng.*

(Tô Hoài)

Trường hợp này *đầu* có nghĩa là bộ phận chủ chốt, ở trên hết hoặc trước hết, có chứa bộ óc của người hay vật. Đây là nghĩa gốc từ đó nảy sinh ra các nghĩa khác.

Các nghĩa của *đầu* ở trong : *đầu bãi, đầu đê, đi đầu, hàng đầu, cứng đầu, mù đầu,...* đều có liên hệ với nghĩa gốc. Đây là từ nhiều nghĩa.

4. Nghĩa trong câu của từ

Nghĩa của từ chỉ được bộc lộ cụ thể khi quan hệ với các từ trong câu.

Ví dụ : – Trong câu :

Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm đông ?

(Tố Hữu)

từ *mắt* có nghĩa là : cơ quan để nhìn của người hay động vật. Đây là nghĩa gốc.

– Trong câu :

Cây mía này mắt thưa lắm.

từ *mắt* có nghĩa là : chỗ lồi lõm, giống hình con mắt, mang chồi ở thân cây.

– Trong câu :

Mắt na hé mở nhìn trời trong veo.

(Trần Đăng Khoa)

từ *mắt* có nghĩa là : bộ phận giống hình con mắt ở ngoài vỏ một số quả.

Rõ ràng muốn hiểu được nghĩa cụ thể của từ trong câu ta phải liên hệ với các từ khác trong câu và ý chung của câu.

Trong tác phẩm văn học, một từ nhiều khi được hiểu theo cả nghĩa gốc lẫn nghĩa chuyển, tạo ra những khám phá, những nhận thức bất ngờ, thú vị cho người đọc.

Đoạn thơ sau đây trong trường ca *Nước non ngàn dặm* của Tố Hữu là một ví dụ :

*Con thuyền rời bến sang Hiền
Xuôi dòng sông Cái, ngược triển sông Bung
Chập chùng thác Lửa, thác Chông
Thác Dài, thác Khó, thác Ông, thác Bà*

*Thác, bao nhiêu thác, cũng qua
Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.*

Hình ảnh *thuyền* trong đoạn thơ là hình ảnh độc đáo, một chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh một con thuyền cụ thể xuôi ngược trên các dòng sông cụ thể. Gặp thác, thuyền biến mất, chỉ còn thác và quyết tâm vượt thác. Lúc đầu còn là những con thác cụ thể, đếm được : *thác Lửa, thác Chông, thác Dài, thác Khó, thác Ông, thác Bà*. Thác ngày càng nhiều đến nỗi không đếm được thì quyết tâm vượt thác càng cao :

Thác, bao nhiêu thác, cũng qua

Khi qua khỏi thác ghềnh, chiếc thuyền lại hiện ra nhưng thuyền ở đây không còn là thuyền cụ thể. Do kết hợp với *trên đời* mà thuyền được chuyển sang tầng ý nghĩa khác : nghĩa hình tượng (*con thuyền cách mạng*), đã đưa đến một nhận thức mới mẻ, bất ngờ, độc đáo cho người đọc. Từ nhận thức mới mẻ này, người đọc bất giác cảm thụ được các nghĩa hình tượng khác trước đó trong đoạn thơ.

II – BÀI TẬP

1. Các từ sau đây là từ một nghĩa hay nhiều nghĩa, vì sao ?

a) Kim loại, pháp luật, triết học, bồ hòn, khoai tây, rau cải, cá chép, phốt pho, kềm, mía.

b) Võ Thị Sáu, Dốc Miếu, Khe Sanh, Côn Tiên, Trần Phú, Cầu Treo, Cửa Tùng, Hà Nội.

2. Xác định và giải thích nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ *mũi* trong các câu sau :

a) *Trùng trục như con chó thui
Chín mắt chín mũi chín đuôi chín đầu.*

(Ca dao)

b) *Mũi thuyền ta đó, mũi Cà Mau*

(Xuân Diệu)

c) *Quân ta chia làm hai mũi tấn công.*

d) *Tôi đã tiêm phòng ba mũi.*

3. Trong đoạn trích sau đây từ *đường* có những nghĩa nào ? Hãy giải thích nghĩa của các từ *đường* có trong đoạn thơ :

*Nghìn năm nửa lạ nửa quen
Đường xuôi về biển đường lên núi rừng.
Bàn chân đặt lại bàn chân
Tóc xanh rơi mọc mấy tầng cỏ may
Lưới đường chăng chịt trên tay
Trời ghi định mệnh tháng ngày lao đao
Từ nơi vắng trán thanh cao
Buồn vui chi cũng hằn bao nếp đường
Bây giờ tóc đã thành sương
Tìm đâu thấy lại nẻo đường tuổi thơ
Ước mơ chỉ để mà mơ
Bến bờ cũng chỉ bến bờ xa xăm
Con đường lên đạo cung trăng
Xưa là hư ảo nay gần tắc gang
Sao đường ở giữa thế gian
Người không mở được lối sang với người.*

(Lê Quốc Hán – Lời khấn nguyện)

4. Hãy giải thích nghĩa các từ *mặt* trong các câu thơ sau của Nguyễn Du. Các nghĩa đó có nghĩa nào là nghĩa gốc hay không ?

– *Người quốc sắc kẻ thiên tài
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.*
– *Sương in mặt tuyết pha thân
Sen vàng lãng đãng như gần như xa.*
– *Làm cho rõ mặt phi thường
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.*
– *Buồn trông nội cỏ dàu dàu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*

5. Hai em học sinh tranh luận với nhau. Một em nói :

– Từ *cày* chỉ có một nghĩa là chiếc *cày* thời.

Một em khác nói :

– Không phải đâu, từ *cày* còn có nghĩa là chỉ hoạt động cày ruộng. Vậy là từ *cày* có hai nghĩa cơ.

Theo em, hai bạn nói đã đúng chưa ? Từ *cày* còn có nghĩa nào nữa không ?

5. SO SÁNH

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Thế nào là so sánh ?

So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ :

– *Thuyền xuôi dưới dòng con sông rộng lớn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng được dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.*

(Đoàn Giỏi)

– *Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như nước suối mới sa nửa vời.*

(Nguyễn Du)

– *Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.*

(Tô Hoài)

2. Cấu tạo của phép so sánh

So sánh là cách công khai đối chiếu các sự vật với nhau, qua đó nhận thức được sự vật một cách dễ dàng, cụ thể hơn. Vì vậy một phép so sánh thông thường gồm bốn yếu tố :

- Vế A : Đối tượng (sự vật) được so sánh.
- Bộ phận hay đặc điểm so sánh (phương diện so sánh).
- Từ so sánh.
- Vế B : Sự vật làm chuẩn so sánh.

Ta có sơ đồ sau đây :

Yếu tố 1	Yếu tố 2	Yếu tố 3	Yếu tố 4
Vế A (sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (sự vật dùng để làm chuẩn so sánh)
Mây Bà già Dừa	trắng sóng sánh đủng đỉnh	như như như là	bông bát nước chè đứng chơi

+ Trong bốn yếu tố trên đây, yếu tố (1) và yếu tố (4) phải có mặt. Nếu vắng cả yếu tố (1) thì giữa yếu tố (1) và yếu tố (4) phải có điểm tương đồng quen thuộc. Lúc đó ta có ẩn dụ.

Khi ta nói : *Cô gái đẹp như hoa* là so sánh. Còn khi nói : *Hoa tàn mà lại thêm tươi* (Nguyễn Du) thì *hoa* ở đây là ẩn dụ.

+ Yếu tố (2) và (3) có thể vắng mặt. Khi yếu tố (2) vắng mặt người ta gọi là so sánh chìm vì phương diện so sánh (còn gọi là mặt so sánh) không lộ ra do đó sự liên tưởng rộng rãi hơn, kích thích trí tuệ và tình cảm người đọc nhiều hơn.

+ Yếu tố (3) có thể là các từ như : *giống, tựa, khác nào, tựa như, giống như, là, bao nhiêu... bấy nhiêu, hơn, kém,...* Mỗi yếu tố đảm nhận một sắc thái biểu cảm khác nhau :

- *Như* có sắc thái giả định.
 - *Là* có sắc thái khẳng định.
 - *Tựa* thể hiện mức độ chưa hoàn hảo,...
- + Trật tự của phép so sánh có khi được thay đổi.

Ví dụ :

*Như chiếc đảo bốn bề chao mặt sóng
Hồn tôi vang tiếng vọng của hai miền.*

(Tế Hanh)

3. Các kiểu so sánh

Dựa vào mục đích và các từ so sánh, người ta chia phép so sánh thành hai kiểu :

a) So sánh ngang bằng

Phép so sánh ngang bằng thường được thể hiện bởi các từ so sánh sau đây : *là, như, y như, tựa như, giống như* hoặc cặp đại từ *bao nhiêu... bấy nhiêu*.

Mục đích của so sánh nhiều khi không phải là tìm sự giống nhau hay khác nhau mà nhằm diễn tả một cách hình ảnh một bộ phận hay đặc điểm nào đó của sự vật giúp người nghe, người đọc có cảm giác hiểu biết sự vật một cách cụ thể, sinh động. Vì thế, phép so sánh thường mang tính chất cường điệu.

Ví dụ : *Cao như núi, dài như sông*

(Tố Hữu)

b) So sánh hơn kém

Trong phép so sánh hơn kém, từ so sánh được sử dụng là các từ : *hơn, hơn là, kém, kém gì*.

Ví dụ : *Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.*

(Tục ngữ)

Muốn chuyển so sánh hơn, kém sang so sánh ngang bằng, người ta thêm một trong các từ phủ định : *không, chưa, chẳng* vào trong câu và ngược lại.

Ví dụ :
– *Bóng đá quyến rũ tôi hơn những công thức toán học.*
– *Bóng đá quyến rũ tôi không hơn những công thức toán học.*

4. Tác dụng của so sánh

+ So sánh tạo ra những hình ảnh cụ thể, sinh động. Phần lớn các phép so sánh đều lấy cái cụ thể so sánh với cái không cụ thể hoặc kém cụ thể hơn, giúp mọi người hình dung được sự vật, sự việc cần nói tới và cần miêu tả.

Ví dụ : *Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

(Ca dao)

+ So sánh còn giúp cho câu văn hàm súc, gợi trí tưởng tượng bay bổng. Vì thế trong thơ của thiếu nhi, các em đã thể hiện nhiều phép so sánh bất ngờ.

Ví dụ : *Tàu dừa chiếc lược chải vào mây xanh*

Cách so sánh ở đây thật bất ngờ, thật gợi cảm. Yếu tố (2) và yếu tố (3) bị lược bỏ. Người đọc, người nghe tha hồ mà tưởng tượng ra các mặt so sánh khác nhau làm cho hình tượng so sánh được nhân lên nhiều lần.

II – BÀI TẬP

1. Tìm phép so sánh trong đoạn trích sau đây, nêu rõ tác dụng của phép so sánh đó :

"Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước âm âm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên húc xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận".

(Đoàn Giỏi)

2. Trong câu ca dao :

*Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống than.*

- a) Từ *bồi hồi bồi hồi* là từ láy có gì đặc biệt ?
- b) Giải nghĩa từ láy *bồi hồi bồi hồi*.
- c) Phân tích cái hay của câu thơ do phép so sánh đem lại.

3. Trong bài *Vượt thác* có nhiều phép so sánh được thể hiện.

- a) Em hãy xác định những phép so sánh đó.
- b) Những phép so sánh nào độc đáo nhất ? Vì sao ?

4. Em hãy viết một đoạn văn tả cảnh sông nước hay núi non, làng xóm ở quê em trong đó có sử dụng từ hai phép so sánh trở lên.

5. Em hãy kể càng nhiều càng tốt những thành ngữ có sử dụng phép so sánh mà từ chỉ phương diện so sánh là từ láy.

6. Nói về thiếu niên, nhi đồng, Bác Hồ viết : *Trẻ em như búp trên cành*.

- a) Phép so sánh này bị lược yếu tố nào ?
- b) Yếu tố bị lược có thể được thay bằng những từ ngữ nào trong các từ ngữ sau đây : *tươi non, quyến rũ, đầy hứa hẹn, đáng trân trọng, chứa chan hi vọng, đầy sức sống, yếu ớt đáng thương, nhỏ nhắn, chưa đáng chú ý*.

7. Em hãy tìm khoảng mười phép so sánh trong ca dao và thơ trong đó vắng từ ngữ chỉ phương diện so sánh.

8. Em hãy trình bày tác dụng của các phép so sánh trong đoạn thơ dưới đây của Tố Hữu :

*Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp
Rắn như thép, vững như đồng
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chí ta lớn như biển Đông trước mặt !*

9. Trong hai câu thơ dưới đây, câu nào hay hơn ? Vì sao ?

– *Lũ đế quốc như bầy dơi hốt hoảng.*

– *Lũ đế quốc là bầy dơi hốt hoảng.*

10. Trong bài *Lượm* của Tố Hữu có đoạn :

*Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh*

*Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...*

a) Phép so sánh ở đoạn thơ trên độc đáo ở chỗ nào ? Em hãy phân tích cái hay của phép so sánh đó.

b) Các từ láy trong đoạn thơ thuộc từ loại nào ? Có tác dụng gì ?

11. Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt :

*Mẹ già như chuối và hương
Như xôi nếp một, như đường mía lau.*¹

(Ca dao)

6. NHÂN HOÁ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Thế nào là nhân hoá ?

Nhân hoá là cách gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người ; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

Khi gọi tả sự vật, người ta thường gán cho sự vật đặc tính của con người. Cách làm như vậy được gọi là phép nhân hoá.

Ví dụ : *Cây dừa*
 Sải tay
 Bơi
 Ngọn mừng tươi
 Nhảy múa.

(Trần Đăng Khoa)

2. Các kiểu nhân hoá

Nhân hoá được chia thành các kiểu sau đây :

+ Gọi vật bằng những từ vốn dùng để gọi người.

Ví dụ : *Đế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :*
 – Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta đấy hả ?

(Tô Hoài)

+ Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất của vật.

Ví dụ : *Muôn nghìn cây mía*
 Múa gươm
 Kiến
 Hành quân
 Đầy đường.

(Trần Đăng Khoa)

+ Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất của thiên nhiên.

Ví dụ : *Ông trời*
 Mặc áo giáp đen
 Ra trận

(Trần Đăng Khoa)

+ Trò chuyện, tâm sự với vật như đối với người.

Ví dụ : *– Khăn thương nhớ ai*
 Khăn rơi xuống đất ?
 Khăn thương nhớ ai
 Khăn vắt trên vai ?

(Ca dao)

– *Em hỏi cây kơ nia*
Gió mà thổi về đâu
Về phương mặt trời mọc...

(*Bóng cây kơ nia*)

3. Tác dụng của nhân hoá

Phép nhân hoá làm cho câu văn, bài văn thêm cụ thể, sinh động, gợi cảm ; làm cho thế giới đồ vật, cây cối, con vật gần gũi với con người hơn.

Ví dụ : *Bác Giun đào đất suốt ngày*
Hôm qua chết dưới bóng cây sau nhà.

(Trần Đăng Khoa)

II – BÀI TẬP

1. a) Em hãy tìm năm câu ca dao trong đó mỗi câu có một phép nhân hoá.
b) Nêu rõ tác dụng cụ thể của mỗi phép nhân hoá trong các câu ca dao vừa tìm.
2. Trong câu ca dao sau đây :

Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta.

Cách trò chuyện của người với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?

3. Em hãy chỉ ra các phép nhân hoá mà tác giả đã sử dụng trong bài *Cây tre Việt Nam* (Ngữ văn 6, tập hai).
4. Bài thơ *Cây dừa* sau đây của Trần Đăng Khoa đã sử dụng những từ ngữ nào có tác dụng nhân hoá?

Cây dừa cao toả nhiều tàu
Dang tay đón gió gập đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phếch tháng năm
Quả dừa đàn lợn con nằm trên cao
Hoa dừa nở lẩn cùng sao
Tàu dừa chiếc lược chải vào mây xanh

*Ai đem nước ngọt nước lành
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa.
Đứng canh trời đất bao la
Mà dừa đứng đĩnh như là đứng chơi.*

5. Em hãy kể những phép nhân hoá trong bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa. Nêu tác dụng của những phép nhân hoá ấy (Ngữ văn 6, tập hai).

6. Em hãy viết một đoạn văn tả cảnh hay làm một bài thơ năm chữ có sử dụng phép nhân hoá.

7. Trong bài thơ *Kính gửi cụ Nguyễn Du*, nhà thơ Tố Hữu viết :

*Song còn bao nỗi chua cay
Góm quân Ứng Khuyển, ghê bầy Sở Khanh
Cũng loài hổ báo, ruồi xanh
Cũng phường gian ác hội tanh hại người.*

Đây có phải là phép nhân hoá không ? Vì sao ?

7. ẨN DỤ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Thế nào là ẩn dụ ?

Ẩn dụ là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng quen thuộc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ẩn dụ thực chất là một kiểu so sánh ngầm trong đó yếu tố được so sánh giảm đi chỉ còn yếu tố làm chuẩn so sánh được nêu lên.

Muốn có được phép ẩn dụ thì giữa hai sự vật, hiện tượng được so sánh ngầm phải có nét tương đồng quen thuộc nếu không sẽ trở nên khó hiểu.

Câu thơ :

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

(Viễn Phương)

mặt trời ở dòng thơ thứ hai chính là ẩn dụ.

Ca dao có câu :

*Thuyền về có nhớ bến chăng ?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

Bến được lấy làm ẩn dụ để làm thời biểu thị người có tấm lòng thủy chung chờ đợi, bởi những hình ảnh cây đa, bến nước thường gắn với những gì không thay đổi là đặc điểm quen thuộc ở những con người có tấm lòng chung thủy.

Ẩn dụ chính là một phép chuyển nghĩa làm thời khác với phép chuyển nghĩa thường xuyên trong từ vựng. Trong phép ẩn dụ, từ chỉ được chuyển nghĩa làm thời mà thôi.

2. Các kiểu ẩn dụ

Dựa vào bản chất của sự vật, hiện tượng được đưa ra so sánh ngầm, ta chia ẩn dụ thành các loại sau :

+ Ẩn dụ hình tượng là cách gọi sự vật A bằng sự vật B.

Ví dụ : *Người Cha mái tóc bạc*

(Minh Huệ)

Lấy hình tượng *Người Cha* để chỉ *Bác Hồ*.

+ Ẩn dụ cách thức là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B.

Ví dụ : *Về thăm quê Bác làng Sen
Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.*

(Nguyễn Đức Mậu)

Nhìn "hàng râm bụt" với những bông hoa đỏ rực, tác giả tưởng như những ngọn đèn "thắp lên lửa hồng".

+ Ẩn dụ phẩm chất là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B.

Ví dụ : *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

Tròn và dài được làm thời chỉ những phẩm chất của sự vật B.

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B.

Ví dụ :

*Mới được nghe giọng hờn dịu ngọt
Huế giải phóng nhanh mà anh lại muồn về.*

(Tố Hữu)

3. Tác dụng của ẩn dụ

Ẩn dụ làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính hàm súc. Sức mạnh của ẩn dụ chính là tính biểu cảm. Cùng một đối tượng nhưng ta có nhiều cách thức diễn đạt khác nhau (*thuyền – biển, mạn – đào, thuyền – bến, biển – bờ*) cho nên một ẩn dụ có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau. Ẩn dụ luôn biểu hiện những hàm ý mà phải suy ra mới hiểu. Chính vì thế mà ẩn dụ làm cho câu văn giàu hình ảnh và hàm súc, lôi cuốn người đọc, người nghe.

Ví dụ : Trong câu : *Người Cha mái tóc bạc* nếu thay *Bác Hồ mái tóc bạc* thì tính biểu cảm sẽ mất đi.

II – BÀI TẬP

1. Xác định các kiểu ẩn dụ trong các câu sau đây :

– *Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.*

(Minh Huệ)

– *Bây giờ mạn mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?*

(Ca dao)

– *Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng
Đèn ra trước gió còn chăng hỡi đèn ?*

(Ca dao)

– *Chỉ có thuyền mới biết
Biển mênh mông nhường nào.*

(Xuân Quỳnh)

– *Này lắng nghe em khúc nhạc thơm.*

(Xuân Diệu)

– *Em thấy cơn mưa rào
Ngập tiếng cười của bố.*

(Phan Thế Khải)

2. Ẩn dụ sau đây thuộc kiểu ẩn dụ nào ? Sử dụng ẩn dụ như vậy có tác dụng gì ?

"Mà bên nước tôi thì đang hứng lên cái nắng bốn giờ chiều, cái nắng đậm đà của mùa thu biên giới."

(Nguyễn Tuân)

3. Những câu sau đây có câu nào sử dụng ẩn dụ không ? Nếu có, em hãy chỉ ra những ẩn dụ cụ thể.

– *Chúng ta không nên nường tiền bạc của cha mẹ.*

– *Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.*

(Hồ Chí Minh)

4. Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta thường hay sử dụng ẩn dụ để trao đổi thông tin và bộc lộ tình cảm. Em hãy kể một số ẩn dụ trong sinh hoạt hằng ngày.

5. Em hãy tìm những ẩn dụ trong ba bài thơ và các bài đọc thêm trong sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, tập hai.

6. Em hãy làm bài thơ theo thể thơ năm chữ có sử dụng ít nhất một phép ẩn dụ.

7. Trong đoạn thơ sau đây :

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim.*

(Tố Hữu)

a) Tìm các phép so sánh và ẩn dụ trong đoạn thơ.

b) Hãy viết thành văn xuôi đoạn thơ trên.

8. Có người nói : "Sức mạnh của so sánh là nhận thức, sức mạnh của ẩn dụ là biểu cảm". Em hãy tìm vài ví dụ tiêu biểu để chứng minh.

8. HOÁN DỤ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Hoán dụ là gì ?

Hoán dụ là tên gọi sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ :

*– Đứng lên, thân cỏ, thân rơm
Búa liềm không sợ súng gươm bạo tàn !*

(Tố Hữu)

*– Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà.*

(Hồ Chí Minh)

2. Các kiểu hoán dụ

Do quan hệ giữa hai sự vật, hiện tượng trong phép hoán dụ là quan hệ gần gũi nhau trong thực tế nên căn cứ vào quan hệ cụ thể giữa hai sự vật, hiện tượng ta có mấy kiểu hoán dụ sau đây :

+ Lấy bộ phận để chỉ toàn thể :

Ví dụ :

*Đầu xanh đã tội tình gì ?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.*

(Nguyễn Du)

Đầu xanh và má hồng đều chỉ Kiều.

+ Lấy vật chứa đựng để chỉ sự vật được chứa đựng :

Ví dụ :

*Cả làng quê, đường phố
Cả lớn nhỏ, gái trai
Đám càng đi càng dài
Càng dài càng đông mãi.*

(Thanh Hải)

Lấy làng quê, đường phố để chỉ đồng bào nông thôn và đồng bào thành thị.

+ Lấy vật dụng để chỉ người dùng :

Ví dụ :

*Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.*

(Tố Hữu)

Lấy áo chàm thay cho đồng bào Việt Bắc.

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

Ví dụ : *Đảng ta đó trăm tay nghìn mắt
Đảng ta đây xương sắt da đồng.*

(Tố Hữu)

Trăm và nghìn đều là những số cụ thể được dùng để thay cho số nhiều.

Phép hoán dụ chính là một cách phát hiện ra đặc điểm có thực, tiêu biểu cho sự vật, hiện tượng được miêu tả mà người khác chưa nghĩ đến, gây cho người đọc những suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ, bất ngờ, thú vị về sự vật, hiện tượng đó.

II – BÀI TẬP

1. Cho đoạn thơ sau :

*Còi máy gọi bến tàu hầm mỏ
Hòn Gai kêu Đất Đỏ đấu tranh
Áo nâu liền với áo xanh
Nông thôn liền với thị thành đứng lên.*

(Tố Hữu)

- a) Trong đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để làm phép hoán dụ ?
- b) Phép hoán dụ ở đây nhằm chỉ đối tượng nào ?
- c) Tác dụng của các phép hoán dụ trong đoạn thơ.

2. Cho các câu sau đây :

*– Tay ta tay búa, tay cày
Tay gươm, tay bút dựng xây nước mình.*

(Tố Hữu)

*– Đứng lên, thân cỏ, thân rơm
Búa liềm không sợ súng gươm bạo tàn !*

(Tố Hữu)

- a) Đó là những hoán dụ kiểu gì ?
- b) Cách sử dụng hoán dụ như vậy có tác dụng gì ?

3. Tìm phép hoán dụ trong các bài thơ ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai.
4. Tìm bốn hoán dụ tiêu biểu trong các tác phẩm thơ văn mà em đã học.
5. Trong giao tiếp hằng ngày, người ta có sử dụng hoán dụ không ? Em hãy tìm năm đến bảy hoán dụ.

9. CHỮA LỖI DÙNG TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Lặp từ

Lặp từ là hiện tượng dùng nhiều lần một từ trong câu hoặc trong các câu liên kế nhau trong một đoạn văn.

Lặp từ có nhiều khi rất cần thiết trong thể hiện nội dung.

+ Trong câu, lặp từ là để nhấn mạnh nội dung.

Ví dụ : *Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, luỹ tre thân mật làng tôi... Đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.*

(Thép Mới)

+ Trong câu, lặp từ còn để diễn đạt chính xác.

Ví dụ : *Mọi người rất thích thú các cách làm của em và của bạn Lan.*

Trong câu này, nếu không có từ *của* thứ hai thì mọi người sẽ nghĩ rằng *các cách làm* là của chung hai người.

+ Trong đoạn văn, lặp từ vừa để nhấn mạnh vừa để liên kết câu.

Ví dụ : *Người xưa có câu : "Trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Tre là thẳng thắn bất khuất ! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.*

(Thép Mới)

Ngoài các trường hợp đã nêu, việc lặp đi lặp lại một từ trong câu hoặc những câu liên kế nhau sẽ làm cho câu văn rườm rà, nặng nề. Đó là biểu hiện sự nghèo nàn của người viết cho nên được coi là lỗi dùng từ.

Ví dụ : *Con mèo nhà em rất đẹp nên em rất thích con mèo nhà em.*

Dạng lỗi này có hai cách chữa :

Một là bỏ những từ ngữ bị lặp khi thấy không ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu. Câu trên sửa lại như sau :

– *Con mèo nhà em rất đẹp nên em rất thích.*

Hai là thay thế bằng những từ cùng nghĩa. Câu trên có thể sửa lại như sau :

– *Con mèo nhà em rất đẹp nên em rất thích nó.*

2. Lẫn lộn các từ gần âm

Lẫn lộn các từ gần âm là do ta chưa nắm được nghĩa của từ, ta nhớ mang máng nhưng không hiểu rõ nên dùng chệch sang một từ gần âm quen dùng khác. Lỗi thông thường nhất là ở các từ hai tiếng mà ta nhớ một tiếng còn tiếng khác thì nhớ chệch đi.

Ví dụ : *cây bạch đàn* thành *cây bạch đằng*, *tinh túy* thành *tinh tú*.

Muốn chữa loại lỗi này ta phải nắm chắc nghĩa của từ, từ nào không hiểu nghĩa hoặc hiểu không chắc chắn thì hỏi người hiểu biết hơn, hoặc phải tra từ điển để nắm được nghĩa của từ. Hiểu nghĩa của từ mới dùng từ chính xác và chữa được lỗi dùng từ.

3. Dùng từ không đúng nghĩa

Dùng từ không đúng nghĩa là do không hiểu nghĩa của từ. Muốn chữa loại lỗi này, chúng ta phải đối chiếu với từ điển và sửa lại cho đúng.

Ví dụ : *Nguyễn Đình Chiểu lang thang từ tỉnh này sang tỉnh khác.*

(Dẫn theo Phan Thiệu)

Câu này phải thay *lang thang* bằng *đi* hoặc *ngược xuôi*.

II – BÀI TẬP

1. Phát hiện và chữa lỗi dùng từ trong các câu sau đây :

- Có thể nói em có thể tiến bộ nếu lớp em có thầy cô dạy giỏi.
- Những thiệt hại do bão lụt không thể tính bằng con số hay số liệu cụ thể.
- Chúng ta phải học tập chăm chỉ để sau này đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của việc làm.
- Nhân dân ta đang ngày đêm chăm lo kiến thiết xây dựng nước nhà.

2. Thay thế các từ ngữ đồng nghĩa với "Phù Đổng Thiên Vương" trong đoạn văn sau :

"Nghe chuyện Phù Đổng Thiên Vương tôi tưởng tượng đến một trang nam nhi sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ và giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người xưa. "Phù Đổng Thiên Vương" gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khoẻ mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế "Phù Đổng Thiên Vương" vẫn còn ăn một bữa cơm rồi nhảy xuống Hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u, ngồi dựa vào một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn mà chết".

(Nguyễn Đình Thi)

3. Chữa các lỗi dùng từ sau đây :

- a) Tỉnh uỷ đưa 50 con bò về giúp hợp tác xã chỉ đạo sản xuất vụ mùa.
- b) Nhưng rồi cái kim ẩn đâu đó trong bọc sẽ lòi ra.

(a và b dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

- c) Khu nhà này thật là hoang mang.
- d) Ông em được Đảng gắn danh hiệu 50 năm tuổi Đảng.

4. Tìm lỗi dùng từ trong các câu dưới đây và chữa lại cho đúng :

- a) Lòng yêu mến thiên nhiên say đắm đã làm cho Người quên đi nỗi vất vả trên đường đi.
- b) Trong truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*, người xưa đã nhân cách hoá các hiện tượng thiên nhiên rất sinh động.
- c) Bố em là thương binh, ông có dị vật lạ ở phần mềm.
- d) Lên lớp 6 em mới thấy việc học thật là nghiêm trọng.
- e) Mái tóc ông em đã sửa soạn bạc trắng.
- g) Bãi biển quê em mùa này đẹp ghê gớm.
- h) Ông nghe bì bõm câu chuyện của vợ chồng luật sư.

(Dẫn theo Phan Thiệu)

Chương II

NGŨ PHÁP

1. DANH TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Danh từ là gì ?

Danh từ là những từ có ý nghĩa sự vật : chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm,...

Sự vật bao gồm động vật, thực vật, đồ vật, các khái niệm trừu tượng như thói quen, tính nết, tật, thói, thái độ, tư tưởng, đạo đức,...

2. Đặc điểm của danh từ

Danh từ có những đặc điểm sau đây :

– Danh từ có ý nghĩa sự vật. Ta nói có ý nghĩa sự vật vì ngoài những sự vật cụ thể như *trâu, bò, lúa, khoai, đất, nhà, muối, dầu*,... còn có những hiện tượng không phải là sự vật như *tư tưởng, tình thần, bọt, tiên, ma, quỷ* vẫn được gọi là danh từ vì chúng có ý nghĩa sự vật.

– Vì có ý nghĩa sự vật nên danh từ có khả năng kết hợp với lượng từ (từ chỉ lượng) đứng trước như : *một, hai, những, các, mọi, mỗi* ; kết hợp với chỉ từ đứng sau như : *này, nọ, kia, ấy* (không kể danh từ riêng). Chính vì thế mà các từ như : *tư tưởng, tình cảm, thái độ, năng khiếu, tính nết, thói quen* được gọi là danh từ (vì chúng có khả năng kết hợp với các lượng từ đứng trước và chỉ từ đứng sau).

– Danh từ thường làm chủ ngữ trong câu. Khi danh từ làm vị ngữ thường phải có từ *là*.

Ví dụ : *Anh Nam là giáo viên.*

3. Phân loại danh từ trong tiếng Việt

Danh từ trong tiếng Việt được chia làm hai loại : danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật.

a) Danh từ chỉ đơn vị

Đặc điểm của danh từ chỉ đơn vị là có thể kết hợp trực tiếp với các số từ.

Ví dụ :

Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào ?

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Danh từ chỉ đơn vị được chia làm hai loại cơ bản là danh từ chỉ đơn vị tự nhiên và danh từ chỉ đơn vị quy ước.

– *Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên*

Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên được gọi là loại từ đứng sau lượng từ toàn bộ và lượng từ phân phối đứng trước danh từ chỉ sự vật. Loại từ có ý nghĩa khái quát về sự vật hơn cả danh từ chỉ vật. Do có ý nghĩa khái quát về danh từ, loại từ có hai đặc điểm chính sau đây :

+ Các danh từ có ý nghĩa khái quát khi đứng trước một danh từ chỉ sự vật cụ thể sẽ chuyển thành loại từ.

Ví dụ : – *Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ : vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi ; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên những dãy núi đồi.*

– *Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào ?*

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

Trong ví dụ đầu, *người* là danh từ chung chỉ sự vật. Trong ví dụ sau, *người* đứng trước *con gái*. Do *con gái* là danh từ có ý nghĩa cụ thể hơn nên *người* chuyển thành loại từ.

+ Do ý nghĩa thực nghèo nàn nên các loại từ như *con, cái, bức, tấm, sự, việc, cuộc,...* có thể kết hợp với động từ, tính từ, để trở thành cụm từ mang ý nghĩa danh từ.

Ví dụ : *cái ăn, cái ngủ, sự học hành, cuộc chiến tranh,...*

– *Danh từ chỉ đơn vị quy ước*

Danh từ chỉ đơn vị quy ước đứng trước danh từ chỉ sự vật để nói rõ về đơn vị đo lường như *cân, mét, lít, tạ, thúng, mủng,...* ; đơn vị tập thể như *bộ, cặp, tụi, bọn,...* ; đơn vị thời gian như *giờ, phút, giây, tháng, ngày,...* ; đơn vị sự việc như *lần lượt, phen, cú, cuộc,...* ; đơn vị hành chính nghề nghiệp như *xã, xóm, huyện, tổ, lớp, trường, tiểu đội, đại đội,...*

Danh từ chỉ đơn vị quy ước được chia làm hai loại cơ bản :

– Danh từ chỉ đơn vị chính xác như : *cân, lít, tạ, mét, thúng, mủng,...*

– Danh từ chỉ đơn vị ước chừng như : *năm, vốc, mớ, đàn, bọn, tụi, lũ, dãy, bó, bộ, cặp.*

b) Danh từ chỉ sự vật

Danh từ chỉ sự vật có hai loại cơ bản là danh từ chung và danh từ riêng.

– Danh từ chung :

Danh từ chung là những danh từ gọi tên chung của một loại sự vật như *nhà, giường, tủ, cá, chim, chuối, công nhân, con gái, nhà máy,...* Dựa theo ý nghĩa danh từ chung có thể tách thành một số tiểu loại như sau :

+ Danh từ chỉ vật thể. Loại này gồm những danh từ chỉ *người, động vật, thực vật, đồ vật.*

+ Danh từ chỉ chất liệu như *nước, gạo, muối, đường, dầu, sắt, thép, khí, đất, đá,...*

+ Danh từ trừu tượng là danh từ biểu thị khái niệm trừu tượng, các sự vật trong tư tưởng như *thói quen, tính nết, thái độ, tư tưởng, tình cảm,...*

– Danh từ riêng :

Danh từ riêng là tên gọi riêng của một người, một sự vật riêng lẻ, một địa phương,... Danh từ riêng bao gồm tên người, tên đất, tên tổ chức.

+ Tên người, tên đất Việt Nam viết hoa tất cả các tiếng.

+ Tên người, tên đất nước ngoài phiên âm qua âm Hán Việt cũng viết hoa tất cả các tiếng.

+ Tên người, tên đất nước ngoài không phiên âm qua âm Hán Việt, viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng và gạch nối các tiếng trong cùng bộ phận.

+ Tên tổ chức thường là một cụm từ bao gồm nhiều bộ phận. Theo thói quen, ta viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành từ đó, ví dụ : *Hội Cựu chiến binh, Trường Trung học cơ sở Hà Huy Tập.*

II – BÀI TẬP

1. Cho đoạn trích sau đây : "Người ta kể lại rằng, ngày xưa có một em bé rất thông minh tên là Mã Lương. Em thích học vẽ từ nhỏ. Cha mẹ em đều mất sớm, Em chắt củi, cắt cỏ, kiếm ăn qua ngày, nhưng vẫn nghèo đến nỗi không có tiền mua bút... Em dốc lòng học vẽ, hằng ngày chăm chỉ luyện tập. Khi kiếm củi trên núi, em lấy que củi vạch xuống đất, vẽ những con chim đang bay trên đỉnh đầu.

Lúc cắt cỏ ven sông, em nhúng tay xuống nước rồi vẽ tôm cá trên đá. Khi về nhà, em vẽ các đồ đạc trong nhà lên tường, bốn bức tường dày đặc các hình vẽ".

(Cây bút thần)

a) Tìm các danh từ có trong đoạn văn trên.

b) Trong đoạn văn trên có những từ nào là danh từ chỉ đơn vị ?

2. Một bạn liệt kê các danh từ chỉ sự vật như sau :

bàn ghế, sách vở, áo quần, đồ đạc, bụng dạ, nhà cửa, bếp núc, con cháu, tướng tá, tre pheo, ấm chén, chai lọ, máy móc, cu cu, chào mào, đa đa.

a) Tất cả các danh từ trên là từ ghép có đúng không ?

b) Có bao nhiêu từ ghép ? Em có thể tách chúng thành bao nhiêu từ đơn ?

3. Trong truyện *Cây bút thần* có ba danh từ : *đồ đạc, bụng dạ, cha mẹ.*

a) Em hãy cho biết cấu tạo các từ trên theo kiểu nào ?

b) Đặt câu có các danh từ trên ở phần chủ ngữ, ở phần vị ngữ.

c) Đó là các danh từ chỉ sự vật hay danh từ chỉ đơn vị ?

4. Tìm các loại từ có thể đứng trước danh từ *thuyền*.

5. Viết hoa cho đúng các danh từ riêng trong đoạn thơ sau :

*Nổ súng trận, Việt Minh truyền lệnh
Giải phóng quân tràn đỉnh non cao
Việt Minh như thác ào ào
Chiến khu kháng Nhật, cao trào nhân dân
Đã nghe súng hồng quân oanh liệt
Chân trời xa như sét đêm thâu...*

*Đức hàng, Nhật cũng cúi đầu
Bốn phương châu Á, châu Âu vẫy vùng [...]
Bắc trung nam khắp ba miền
Toàn dân khởi nghĩa ! Chính quyền về tay !*

(Tố Hữu)

6. Điền các loại từ thích hợp trước các danh từ sau đây :

...đất,...vải,...muối,...lụa,...nước,...bàn,...phản,...chiếu,...màn,...áo,...ngựa,...nhà.

7. Điền vào chỗ trống trong các câu sau đây :

- Con đường quê em mềm mại như một ... lụa.
- Mẹ em biếu bà hàng xóm một ... áo lụa.
- ... bộ đội thường cho cháu quà và dẫn cháu đi chơi.
- Ngoài trời những ... lá vàng bay xào xạc.
- Quê em có ... chùa cổ kính.
- ... tàu hoả đang tiến về sân ga.
- Bạn Lan thông thả uống từng ... nước.

8. Hoa và Hồng cho từ *máu me* và từ *máy móc* đều là danh từ cả. Để chắc chắn hơn, hai bạn đến nhà cô giáo để hỏi. Cô giáo gợi ý :

Phải đặt từ cho đúng chỗ các em ạ.

Theo gợi ý của cô giáo, em hãy cùng hai bạn suy nghĩ và tìm lời giải.

9. Cho đoạn trích sau đây :

"Nhưng con giun xéo lắm cũng quằn, chuột ta lấy thế làm giận. Một hôm, mới hội cả nhau lại làm một làng chuột để chống lại mèo. Thôi thì đủ mặt : nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca ; nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nên câu ví ; nào lại ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chấm cho ở trên ông Đố..."

a) Tìm các danh từ trong đoạn văn trên.

b) Trong các danh từ đã tìm được, những danh từ nào là danh từ riêng ? Vì sao ?

10. Có hai em tranh luận với nhau về từ *người*. Một em nói :

– Từ *người* là danh từ.

Một em khác nói :

– Từ *người* là loại từ.

Theo em, hai bạn đó nói đúng hay sai ?

11. Điền loại từ thích hợp vào các từ sau đây để được dùng như danh từ :

nhớ, thương, giận, hờn, chiến tranh, ngủ, ẩu đả, vui, trò chuyện, may mắn, to tát, tủi nhục, mơ ước, yêu thương.

2. SỐ TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Số từ là gì ?

Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.

Số từ có thể đứng trước và sau danh từ, bổ sung ý nghĩa cho danh từ về số lượng hay thứ tự. Số từ là từ chỉ lượng cụ thể vì thế khi có số từ chỉ lượng thì không có lượng từ và ngược lại.

Số từ ngoài chức năng làm định ngữ cho danh từ có thể làm vị ngữ trong câu.

Ví dụ : *Dân tộc Việt Nam là một.*

(Hồ Chí Minh)

2. Các loại số từ

Số từ có thể chia làm hai loại : số từ chỉ số lượng và số từ chỉ thứ tự.

+ Số từ chỉ số lượng thường đứng trước danh từ bao gồm số từ xác định, như : *một, hai, ba* và số từ ước chừng, như : *vài, dăm, mười*.

Cần phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng. Các từ như : *đôi, cặp, tá, chục,...* là những danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng. Chúng không phải là số từ vì có thể đứng sau số từ và trực tiếp kết hợp với danh từ chỉ sự vật.

Ví dụ : *ba tá bút chì ; năm cặp bánh chưng.*

+ Số từ chỉ thứ tự thường đứng sau danh từ để nói rõ về thứ tự. Tuy nhiên, có trường hợp số từ chỉ số lượng nhưng vẫn đứng sau danh từ.

Ví dụ : *đi hàng ba ; ba mâm sáu.*

II – BÀI TẬP

1. Số từ có hai loại chính : số từ chỉ số lượng và số từ chỉ thứ tự. Muốn xác định ý nghĩa của hai loại số từ này ta làm thế nào ? Cho ví dụ.

2. Xác định các số từ trong đoạn thơ sau :

*Chúng bay chỉ một đường ra :
Một là tử địa hai là tù binh [...]
Nghe trưa nay tháng năm mồng bảy
Trên đầu bay thác lửa hờn căm
Trông : bốn mặt lũy hãm sụp đổ
Tướng quân bay lố nhố cờ hàng...*

(Tố Hữu)

3. Xác định ý nghĩa của số từ trong đoạn thơ sau :

*Một yêu em cố tăng gia
Hai yêu em có đàn gà đầy sân
Ba yêu làm cỏ bốn phân
Bốn yêu sớm tối chuyên cần tưới rau...*

(Mười yêu)

4. Trong câu sau đây : *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*

(Tục ngữ)

Các từ *nhất, nhì, tam, tứ* là số từ chỉ số lượng hay số từ chỉ thứ tự ? Vì sao ?

5. Đọc bài *Không ngủ được* của Hồ Chí Minh, bạn Lan giải ngay ra rằng : *một canh, hai canh, ba canh* thì *một, hai, ba* là số từ chỉ số lượng còn trong *canh bốn, canh năm* thì *bốn, năm* là số từ chỉ thứ tự. Thấy Lan làm bài nhanh quá, bố hỏi :

– Thế câu thơ *Tám giờ chuông đánh phải nằm co* thì *tám* ở đây là số từ chỉ số lượng hay chỉ thứ tự ?

Em hãy cùng Lan suy nghĩ rồi trả lời.

6. Lan và bố đi dự tiệc ở một khách sạn. Lan nghe một ông khách gọi :

– *Cho hai mâm sáu ra đây !*

Lan băn khoăn *hai* và *sáu* là số từ chỉ gì đây ? Em thử giải đáp cho bạn.

3. LƯỢNG TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

Lượng từ là những từ chỉ lượng ít hoặc nhiều của sự vật.

Lượng từ bao gồm hai nhóm, nhóm lượng từ chỉ ý nghĩa toàn thể và nhóm lượng từ chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối, bổ sung ý nghĩa cho danh từ.

1. Lượng từ toàn thể : là những từ chỉ toàn thể một sự vật hoặc toàn bộ mọi sự vật đứng đầu cụm danh từ. Lượng từ có ý nghĩa toàn thể đứng đầu cụm danh từ bao gồm các từ như : *tất cả, tất thấy, hết thấy, toàn bộ, cả,...*

Lượng từ *cả* thường chỉ toàn bộ một sự vật hay số lượng.

Lượng từ *tất cả, tất thấy, hết thấy, toàn bộ,...* chỉ toàn bộ mọi sự vật.

2. Lượng từ chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối : Loại này thường đứng ở vị trí thứ hai trong cụm danh từ sau lượng từ chỉ toàn thể gồm các từ như : *những, các, mọi, mỗi, từng,...*

– Lượng từ *các, những* chỉ tập hợp số nhiều có ý nghĩa khách quan, chủ yếu là khi nói về người.

Ví dụ : *Thưa các bạn.*

– Lượng từ *mọi* chỉ tập hợp số nhiều, mang sắc thái tình cảm chủ quan.

– Lượng từ *mỗi, từng* chỉ ý nghĩa phân phối. *Mỗi* ngoài ý nghĩa phân phối còn mang sắc thái tình cảm.

II – BÀI TẬP

1. Hãy kể tất cả các lượng từ mà em biết. Lượng từ được chia làm mấy nhóm ?

2. So sánh các từ sau đây : *mọi* và *các* ; *mỗi* và *từng*.

3. Đoạn trích :

*Dọn tí phân rơi, nhặt từng ngọn lá
Mỗi hòn than, mẫu sắt, cân ngô
Ta nâng niu gom góp dựng cơ đồ.*

(Tố Hữu)

a) Tìm và kể tên các lượng từ có trong đoạn trích.

b) Tại sao ở dòng thơ thứ nhất tác giả lại dùng lượng từ *từng*, còn ở dòng thơ thứ hai tác giả lại dùng lượng từ *mỗi* ?

4. Tại sao ta nói "mỗi phát súng một quân thù" mà không nói "một phát súng một quân thù".

5. Trong bài thơ *Chào xuân 67*, nhà thơ Tố Hữu viết :

*Chào các em, những đồng chí của tương lai
Mang mũ rơm đi học đường dài.*

a) Tại sao tác giả lại sử dụng *các* và *những* mà không sử dụng lượng từ khác ?

b) Nếu thay đổi trật tự của *các* và *những* có được không ?

4. CHỈ TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Chỉ từ là gì ?

Chỉ từ là những từ dùng để trỏ vào sự vật, hiện tượng để xác định vị trí của sự vật, hiện tượng trong không gian hoặc thời gian.

Trong câu, chỉ từ thường làm phụ ngữ trong cụm danh từ, làm chủ ngữ hoặc làm vị ngữ trong câu. Chỉ từ còn được gọi là đại từ chỉ định.

Các chỉ từ thường gặp là : *đây, đấy, đó, này, nọ, kia, ấy,...*

2. Cách dùng chỉ từ

+ Dùng chỉ từ chỉ sự vật, hiện tượng ở vị trí độc lập thay cho việc gọi tên sự vật hiện tượng. Cách dùng này thường dùng các từ : *kia, đây, đó, ấy.*

Ví dụ : – *Đây là cậu lệ trên huyện.*

(Nguyễn Công Hoan)

– *Mặc, đây không biết.*

(Ngô Tất Tố)

– *Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ.*

(Bàn tay yêu thương)

– *Đó là báu vật.*

(Sự tích Hồ Gươm)

+ Dùng chỉ từ chỉ đặc trưng của sự vật, hiện tượng thay cho phụ ngữ miêu tả đứng sau danh từ.

Ví dụ : – *Anh ngồi ghế này.*

– *Mái nhà ấy (đã ôm ấp mẹ con tôi).*

(Nụ cười của mẹ)

– *Từ hôm đó (bác Tai, cô Mắt... không làm gì nữa).*

(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

II – BÀI TẬP

1. Tìm các chỉ từ trong truyện *Sự tích Hồ Gươm*.

(Ngữ văn 6, tập một)

2. Tìm các chỉ từ trong truyện *Thạch Sanh* và thay bằng các từ ngữ thích hợp.

(Ngữ văn 6, tập một)

5. ĐỘNG TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Đặc điểm của động từ

Động từ là những từ chỉ hoạt động, chỉ trạng thái nói chung của người, của sự vật.

Động từ có các đặc điểm sau :

+ Động từ có khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, còn, vẫn, cứ, hãy, đừng, chớ,...* để tạo thành cụm động từ.

+ Động từ chỉ trạng thái tâm lí dễ kết hợp với các từ chỉ mức độ : *rất, hơi, khi, khá.*

Ví dụ : *rất nhớ, khá thương, hơi lo lắng.*

+ Động từ cũng như tính từ ít có khả năng kết hợp với : *này, nọ, kia, ấy.*

+ Động từ thường làm vị ngữ trong câu. Ngoài ra động từ còn có khả năng làm phụ ngữ.

2. Các loại động từ chính

+ Động từ chỉ hoạt động như : *ăn, học, chạy, cho, hát, múa, nhìn, khóc, cười, đánh,...*

+ Động từ chỉ trạng thái như : *ốm, đau, bị, được, vỡ, lành, yêu, ghét, nhớ, thương,...*

+ Động từ chỉ tình thái như : *có thể, muốn, phải, nên,...* Động từ tình thái thường đòi hỏi động từ khác đi kèm nên còn gọi là động từ không độc lập. Đây là những động từ có nội dung ý nghĩa nghèo nàn do vậy phải có động từ hoặc cụm chủ – vị (cụm C – V) đứng sau nó.

Ví dụ : – *Tôi muốn học tập và lao động (động từ).*

– *Tôi muốn anh đừng quên tôi (cụm C – V).*

Động từ tình thái được chia làm ba nhóm nhỏ.

– Nhóm chỉ khả năng, sự cần thiết : *có thể, không thể, nên, phải, cần, cần phải,...*

– Nhóm chỉ ý chí : *dám, toan, định, chực, muốn,...*

– Nhóm chỉ ý bị động : *được, chịu, bị, mắc phải,...*

II – BÀI TẬP

1. a) Tìm các động từ trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

b) Tìm các động từ chỉ hành động và các động từ chỉ trạng thái trong văn bản đó.

2. Hãy kể các động từ chỉ tình thái mà em biết.

3. Cho đoạn trích sau :

"Một đêm nọ nghe tiếng gõ cửa, bà mở cửa nhìn thì chẳng thấy ai, một lát, có con hổ chột lao tới cổng bà đi. Ban đầu, bà sợ đến chết khiếp, khi tỉnh, thấy hổ dùng một chân ôm lấy bà chạy như bay, hễ gặp bụi rậm, gai góc thì dùng chân trước rẽ lối chạy vào rừng sâu. Tới nơi, hổ thả bà xuống, thấy một con hổ cái đang lăn lộn cào đất. Bà cho là hổ định ăn thịt mình, run sợ không dám nhúc nhích".

(Con hổ có nghĩa)

a) Tìm các động từ trong đoạn trích trên.

b) Em hãy chia chúng thành ba loại : động từ chỉ tình thái, động từ chỉ hành động, động từ chỉ trạng thái.

c) Động từ chỉ trạng thái có thể kết hợp về trước với những phụ ngữ nào mà động từ chỉ hành động không kết hợp được ? Vì sao ?

d) Trong các động từ chỉ hành động trên, có động từ nào cần từ ngữ đứng sau không ? Vì sao ?

4. Các động từ : *bảo, ra lệnh, đòi, gọi, đưa, cho, biếu, tặng, nhận, lấy* thường phải có các từ ngữ đứng sau, vì sao ?

5. Các động từ : *ngủ ngơi, đau, ốm, ngủ, nằm, đứng, quỳ*, khi đứng trong câu nếu không có từ ngữ đứng sau có thể được không ? Vì sao ?

6. Cho đoạn trích sau : "Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn".

(Thánh Gióng)

a) Tìm các động từ chỉ hành động trong đoạn văn trên

b) Em có nhận xét gì về việc sử dụng động từ trong đoạn văn trên ?

7. Em hãy viết một đoạn văn kể lại theo ý mình trận đánh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh hoặc giữa Thạch Sanh và chằn tinh. Chú ý sử dụng chính xác các động từ chỉ hành động.

6. TÍNH TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Tính từ là gì ?

Tính từ là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hành động, trạng thái.

Cũng như động từ, tính từ có thể kết hợp với các phó từ, nhất là những phó từ chỉ mức độ đứng trước và đứng sau. Khác với động từ, tính từ không có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ mệnh lệnh : *hãy, đừng, chớ*.

Tính từ có thể trực tiếp làm vị ngữ.

Ví dụ : – *Tiếng Việt của chúng ta rất giàu.*
 – *Ngồi dưới đáy giếng, chú ếch oai như một vị chúa tể.*

2. Các loại tính từ

– Căn cứ khả năng kết hợp, ta chia tính từ thành hai loại.

+ Tính từ chỉ đặc điểm tương đối

Tính từ chỉ đặc điểm tương đối còn gọi là tính từ có mức độ, là những tính từ kết hợp được với các phụ từ chỉ mức độ như : *rất, hơi, khá, khi*.

+ Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối

Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối (còn gọi là tính từ không có mức độ hoặc tính từ tuyệt đối) là những tính từ không kết hợp được với phó từ chỉ mức độ. Đó là các tính từ : *riêng, chung, đục, cái, trống, mái, xanh lè, đỏ ối, đen kịt, lùn tịt, thơm phức, béo ngậy,...*

– Căn cứ vào ý nghĩa lại có thể chia tính từ thành hai loại khác.

+ Tính từ chỉ các tính chất có giá trị về chất như : *tốt, xấu, xanh, đỏ, ngu dốt, thông minh, dũng cảm*.

+ Tính từ chỉ các tính chất có giá trị về lượng như : *dài, ngắn, to, nhỏ, nông, sâu, cao, thấp, nặng, nhẹ,...*

II – BÀI TẬP

1. Cho đoạn thơ sau đây :

*Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh*

*Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...*

(Tố Hữu)

a) Xác định các tính từ có trong đoạn trích.

b) Cách mô tả em Lượm của nhà thơ Tố Hữu có gì đặc biệt ?

2. a) Xác định các tính từ trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng* (Ngữ văn 6, tập một)

b) Văn bản sử dụng nhiều tính từ có tác dụng gì ?

3. Cho các tính từ sau đây : *đỏ ối, xanh lè, xanh ngắt, già tom, đen nháy, trắng lớp, lơ thơ, liu riu, róc rách, lơ dờ, đục, cái, trống, mái, công, tư, xanh, đỏ, tím, vàng, leng keng, lộp bộp, đen, già, trẻ, cao, thấp, dài, ngắn, đẹp, xấu,...*

a) Những tính từ nào chỉ đặc điểm tuyệt đối ? Vì sao ?

b) Đặt năm câu có tính từ làm vị ngữ.

4. Xác định từ loại của các từ : *côn đồ, anh hùng* trong các câu sau đây :

- *Bọn côn đồ thường lẫn trốn quanh đây.*
- *Thái độ của anh ta rất côn đồ.*
- *Rằng Từ là đáng anh hùng*
- *Người chiến sĩ ấy rất anh hùng.*

5. Em hãy tìm các tính từ trong những từ sau đây : *làm giàu, xinh xẻo, trắng nõn, buồn, nhớ, tiếng hát, học trò, cày cấy, nhớ nhung, tin tưởng, vui vẻ, yêu thương, đỏ au, vàng chanh, may mắn, khoẻ, nhâng nháo, thích, yên ổn, sợ hãi, khó khăn.*

6. a) Xác định cấu tạo của các tính từ sau đây : *ngheñ ngào, nhâng nháo, riu rít, đều đặn, già tom, trắng lớp, đen ngòm, đỏ chói, vàng ươm.*

b) Cách cấu tạo của các tính từ : *già tom, trắng lớp, đen ngòm* có gì đặc biệt ?

7. PHÓ TỪ

1 – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Phó từ là gì ?

Phó từ là những từ chuyên đi kèm động từ hoặc tính từ để bổ sung cho động từ, tính từ một ý nghĩa nào đó. Phó từ còn được gọi là phụ từ. Phó từ có thể đứng trước hoặc sau tính từ, động từ, giữ vai trò là yếu tố phụ.

2. Các loại phó từ : Dựa vào ý nghĩa khi làm yếu tố phụ, phó từ có thể chia thành các nhóm như sau :

a) Nhóm phó từ chỉ thời gian : *đã, sẽ, đang, vừa, mới, từng, sắp,...*

Ví dụ : *Giutom và rùa đã chìm đáy nước.*

(Sự tích Hồ Giutom)

b) Nhóm phó từ chỉ mức độ : *rất, hơi, khá, khi* thường đứng trước động từ chỉ trạng thái và tính từ có mức độ. Nhóm phụ từ *cực kì, cực, vô cùng, quá, lắm* thường đứng sau động từ chỉ trạng thái tâm lí và tính từ có mức độ.

c) Nhóm phó từ chỉ sự phủ định : *không, chưa, chẳng*. Nhóm phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự thường đứng trước động từ, tính từ như : *cũng, cùng, lại, vẫn, cứ, còn, đều*.

d) Nhóm phó từ chỉ sự cầu khiến đứng trước động từ như : *hãy, đừng, chớ* ; đứng sau động từ có ý thúc giục như : *đi, nào*.

đ) Nhóm phó từ chỉ sự hoàn thành như *xong, rồi* ; chỉ kết quả như : *được, mất, ra* ; chỉ sự tương hỗ như *nhau* ; chỉ sự phối hợp như : *với, cùng* ; chỉ cách thức thường đi sau động từ như : *ngay, liền, nữa, mãi, dần*.

Chú ý : Dựa vào vị trí đứng trước hay sau động từ, tính từ, ta cũng có thể chia thành hai nhóm :

– Nhóm phó từ đứng trước động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : *thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự khẳng định phủ định, sự cầu khiến*.

– Nhóm phó từ đứng sau động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : *mức độ, khả năng, kết quả, chỉ sự hoàn thành, chỉ tình huống, chỉ cách thức*.

Khi có hai phó từ trở lên cùng đứng trước động từ, tính từ thì chúng sắp xếp theo một thứ tự nhất định.

Ví dụ : *Tôi vẫn cứ còn nhớ mãi tuổi thơ ấu.*

II – BÀI TẬP

1. Xác định các phó từ trong đoạn trích sau đây :

"Bời tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua".

(Tô Hoài)

2. Xác định các phó từ trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ (Ngữ văn 6, tập hai).

3. Xác định các phó từ trong những câu sau đây :

a) *Đêm khuya cháu vẫn cứ thổn thức không sao ngủ được.*

b) *Em ăn ngay đi cho kịp giờ lên lớp.*

c) *Bạn Lan đi ra cổng từ lúc nãy.*

d) *Ồ vẫn còn đây, của các em*

Chống thư mới mở, Bác đang xem.

(Tố Hữu)

d) *Em tôi cũng vừa mới đi học.*

4. a) Đặt hai câu có phó từ đứng trước và hai câu có phó từ đứng sau động từ hoặc tính từ.

b) Đặt ba câu có hai phó từ đi liền nhau trước động từ.

5. Viết đoạn văn nói về tình cảm của em đối với thầy cô, chú ý sử dụng phó từ.

8. CỤM DANH TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Cụm danh từ là gì ?

Cụm danh từ là loại tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

Danh từ khi hoạt động trong câu phải có nội dung ý nghĩa đầy đủ thì ta mới hiểu được chính xác người nói muốn nói gì. Muốn vậy ta phải thêm những từ ngữ phụ nghĩa cho danh từ.

Ví dụ : – Gà (ăn thóc).

– Những con gà mái hoa mơ (ăn thóc).

Trong hai trường hợp thì trường hợp sau cụ thể hơn do danh từ kết hợp với các từ ngữ phụ.

Những từ ngữ phụ đứng trước và sau danh từ gọi là phụ ngữ.

Trong câu, cụm danh từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn danh từ. Tuy vậy, hoạt động của cụm danh từ trong câu cũng giống như danh từ. Trong câu, danh từ đảm nhận chức năng nào thì cụm danh từ do nó làm trung tâm cũng đảm nhận chức năng ấy.

2. Cấu tạo của cụm danh từ

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t2	t1	T1	T2	s1	s2
tất cả	những	con	gà	mái tơ	ấy

Cụm danh từ có cấu tạo gồm ba phần :

a) **Phần trước** do các lượng từ chỉ toàn thể và lượng từ tập hợp hay phân phối đảm nhận.

+ Phụ ngữ chỉ toàn thể sự vật như : *cả, tất cả, toàn bộ, tất thấy.*

Khi sự vật có số lượng xác định, ta dùng *cả*.

Ví dụ : – *Cả hai vị thần (đều xin cưới Mị Nương).*

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

– *Cả một trăm người con (đều hồng hào, khoẻ mạnh).*

(Con Rồng cháu Tiên)

Khi sự vật có số lượng không xác định, ta dùng *tất cả, tất thấy, hết thấy*.

Ví dụ : *Tất cả mọi người (đều đã sẵn sàng)*.

+ Phụ ngữ chỉ số lượng sự vật đứng sau phụ ngữ chỉ toàn thể sự vật, bao gồm cả số từ như : *một, hai, ba,... vài, dăm, mười* và những lượng từ có ý nghĩa tập hợp hay phân phối như : *những, các, mọi, mỗi, từng*.

Sắc thái ý nghĩa của các lượng từ đứng trước danh từ cũng khác nhau, do đó khi sử dụng cần lựa chọn để ý nghĩa của câu được chính xác.

b) Phần trung tâm

Phần trung tâm do loại từ và danh từ chỉ sự vật đảm nhận. Danh từ chỉ sự vật ít khi vắng mặt trong cụm danh từ. Loại từ có thể vắng mặt hay có mặt phụ thuộc vào danh từ chỉ sự vật.

– Khi danh từ là những sự vật ở dạng chất liệu như : *muối, dầu, đường, sắt, xi măng, đá, khí,...* thì thường kết hợp với danh từ chỉ đơn vị quy ước.

Ví dụ : *(Mẹ em mua) hai yến gạo, một lít dầu*.

– Khi danh từ là những từ chỉ người, động vật, thực vật, đồ vật,... chúng thường kết hợp với loại từ : *người, ông, vị, bác, chú, con, cái,...*

Ví dụ : *Khi thuyền rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước (Sự tích Hồ Gươm)*.

– Các loại từ như *cái, con, bức, tấm, lá,...* là những loại từ đồng nghĩa có sắc thái biểu cảm khác nhau theo ý chủ quan của người sử dụng. Khi sử dụng, chúng ta cần lựa chọn cho đúng ý nghĩa trong câu.

Ví dụ : Ta không nói "*Chủ* hổ (ngồi trong cũi)" mà phải nói : "*Con* hổ (ngồi trong cũi)".

Ngược lại, có thể nói "*Chú* mèo (đang treo cây)" hoặc "*Con* mèo (đang treo cây)" đều được.

c) Phần sau

Các phụ ngữ ở phần sau nói lên đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian và thời gian.

Loại phụ ngữ nêu đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị thường đứng trước phụ ngữ xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.

Ví dụ : *chiếc xe đạp mới ấy*

Loại phụ ngữ xác định vị trí của sự vật trong không gian và thời gian như *này, nọ, kia, ấy,...* đứng cuối cụm danh từ làm dấu hiệu kết thúc cụm danh từ.

Ví dụ : *em bé thông minh nọ*

Về cấu tạo : phụ ngữ đứng sau danh từ có cấu tạo rất đa dạng và phức tạp. Có thể là một từ, có thể là một cụm từ, có thể là cụm chủ – vị.

Ví dụ : *thanh sắt ấy*, phụ ngữ là một từ ; *thanh sắt chui vào lưới ấy*, phụ ngữ là một cụm từ ; *thanh sắt mà Lê Thận nhặt được ấy*, phụ ngữ là cụm C – V.

3. Phân biệt danh từ và cụm danh từ

Trong tiếng Việt, ranh giới giữa từ và cụm từ nhiều lúc khó xác định. Khi gặp những trường hợp cần xem xét, ta lưu ý mấy điểm sau :

Từ ghép có cấu tạo chặt chẽ không thể xen một tiếng nào vào giữa, còn cụm từ cấu tạo lỏng lẻo có thể xen tiếng vào giữa mà ý nghĩa vẫn không thay đổi. Chẳng hạn như trường hợp *hoa hồng* không chêm xen được. Đó là từ. Trường hợp *hoa giấy* ta có thể xen *bằng* vào *hoa* và *giấy*. Đó là cụm từ.

Tuy nhiên, nhiều trường hợp phải đặt vào hoàn cảnh nói năng mới phân biệt được như *hổ dữ, anh em, cha ông, áo dài*.

Ví dụ : Trường hợp "Cha, ông đều chưa về" thì *cha* và *ông* là hai từ. Trường hợp : "Ôi tiếng của cha ông thuở trước" thì *cha ông* là một từ.

II – BÀI TẬP

1. Làm thế nào để xác định được cụm danh từ trong câu ?

2. Cho đoạn trích sau đây :

"Một hôm, Mã Lương vẽ con cò trắng không mắt. Vì một chút sơ ý, em đánh rơi một giọt mực xuống bức tranh. Giọt mực rơi đúng chỗ mắt cò. Thế là cò mở mắt, xòe cánh, bay đi. Chuyện làm chấn động cả thị trấn. Mấy kẻ mách lẻo đến tố giác với nhà vua. Vua phái triều thần đến đón Mã Lương về kinh đô. Mã Lương không muốn đi, nhưng bọn họ tìm đủ cách dụ dỗ, dọa nạt để bắt em về hoàng cung".

(Cây bút thần)

a) Tìm các danh từ trong đoạn trích.

b) Điền các cụm danh từ đã tìm được vào mô hình cụm danh từ. Các cụm danh từ em vừa tìm được có đầy đủ các phần không ?

3. Thực hiện các yêu cầu như ở Bài tập 2 với đoạn trích sau đây :

"Vua có công chúa vừa đến tuổi lấy chồng. Hoàng tử nhiều nước sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không ai vừa ý nàng. Nhà vua phải mở một hội lớn cho hoàng tử các nước và con trai trong thiên hạ tới dự, để công chúa trên lầu cao ném quả cầu may : hễ quả cầu rơi trúng người nào, công chúa sẽ lấy người ấy làm chồng. Khi công chúa sắp sửa ném quả cầu, bỗng nàng bị một con đại bàng khổng lồ cắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh. Trông thấy nó, Thạch Sanh liền dùng cung tên vàng bắn theo".

(Thạch Sanh)

4. Có hai tiếng *anh, em* ghép với nhau.

a) Các trường hợp sau, trường hợp nào *anh em* là từ, trường hợp nào *anh em* là cụm từ ? Vì sao ?

- Hai anh em đi đâu mà bây giờ mới về ?
- Anh em ở nhà hay cùng mẹ đi chơi ?
- Anh em đi vắng, chốc nữa sẽ về anh ạ.
- Người đội mũ đỏ là anh em.
- Anh em bộ đội đang sinh hoạt.

b) Thay hoặc thêm các từ thích hợp vào tổ hợp *anh em* trong các câu trên.

5. a) Đặt các cụm danh từ có trung tâm là những danh từ sau đây : *nhân dân, mèo, đồng bào, xe, nước, bàn ghế*.

b) Thử nhận xét các phụ ngữ trước và sau các danh từ đã cho.

6. Tìm cụm danh từ trong các câu sau :

a) *Ngày xưa, ở đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân.*

(Con Rồng cháu Tiên)

b) *Bấy giờ ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.*

(Con Rồng cháu Tiên)

c) *Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt.*

(Thánh Gióng)

d) *Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng.*

(Tô Hoài)

7. Đặt năm cụm danh từ có phụ ngữ là cụm C – V.

9. CỤM ĐỘNG TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Cụm động từ là gì ?

Cụm động từ là loại tổ hợp từ do động từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Nhiều động từ bắt buộc phải có các từ ngữ phụ đi kèm, tạo thành cụm động từ mới trọn nghĩa.

Chẳng hạn các động từ như : *muốn, định, toan, cần, nghỉ, tin, đánh, ăn, cho, mượn, bảo, khuyên, bị, được,...* đều phải có phụ ngữ đi kèm để bổ sung ý nghĩa.

So với động từ, cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn động từ nhưng hoạt động trong câu cũng giống như động từ.

2. Cấu tạo của cụm động từ

Động từ có cấu tạo theo mô hình sau :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
<i>đang/còn/cứ/hãy</i>	<i>làm</i>	<i>bài văn</i>

a) Phần trước

Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung ý nghĩa cho động từ về quan hệ thời gian : *đã, sẽ, đang, vừa, mới,...* ; mệnh lệnh : *hãy, đừng, chớ* ; sự tiếp diễn tương tự : *cũng, cùng, vẫn, cứ, còn,...* ; sự khẳng định hay phủ định : *không, chưa, chẳng.*

b) Phần sau

Về ý nghĩa các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về *đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức hành động,...*

Về cấu tạo : Cũng như cụm danh từ, phụ ngữ đứng sau động từ rất đa dạng và phong phú.

– Phụ ngữ đứng sau động từ là một từ.

Ví dụ : *hãy lấy gạo*

– Phụ ngữ đứng sau động từ có thể là một cụm từ.

Ví dụ : *lại giáng một mỏ xuống*

– Phụ ngữ đứng sau động từ là một cụm C – V.

Ví dụ : *đã biết con học giỏi*

II – BÀI TẬP

1. Làm thế nào để xác định được cụm động từ trong câu ?

2. a) Tìm các cụm động từ trong những câu sau :

– *Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu ; đặt tên nước là Văn Lang.*

(Con Rồng cháu Tiên)

– *Càng ngắm nghĩ, chàng càng thấy lời thần nói đúng.*

(Bánh chưng, bánh giầy)

– *Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.*

(Ếch ngồi đáy giếng)

b) Điền các cụm động từ đã tìm được vào mô hình cụm động từ.

3. Tìm các cụm động từ trong đoạn trích sau đây :

"Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước".

(Thánh Gióng)

4. Đặt chín cụm động từ có đầy đủ các phụ ngữ đứng trước và đứng sau động từ trung tâm theo yêu cầu sau :

– Ba cụm động từ có phụ ngữ sau động từ là *từ*.

– Ba cụm động từ có phụ ngữ sau động từ là *cụm từ*.

– Ba cụm động từ có phụ ngữ sau động từ là *cụm C – V*.

5. Trong đoạn thơ :

*Đã nghe nước chảy lên non
Đã nghe đất chuyển thành con sông dài
Đã nghe gió ngày mai thổi lại
Đã nghe hồn thời đại bay cao.*

(Tố Hữu)

a) Đoạn thơ sử dụng các cụm động từ liên tiếp có ý nghĩa và tác dụng gì ?

b) Từ *nghe* ở đây được dùng theo phép tu từ nào ?

6. Đặt năm cụm động từ đứng sau danh từ làm phụ ngữ cho danh từ.

7. Em hãy thuật lại một buổi đi lấy củi của Thạch Sanh, chú ý sử dụng những cụm động từ thể hiện các động tác dứt khoát của Thạch Sanh.

10. CỤM TÍNH TỪ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Cụm tính từ là gì ?

Cụm tính từ là tổ hợp từ do tính từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

Không phải tính từ nào cũng có thể kết hợp với các từ ngữ phụ để tạo thành cụm tính từ. Các tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối không kết hợp với từ ngữ phụ để thành cụm tính từ như : *độc, cái, trống, mái, công, tư.*

Các tính từ chỉ đặc điểm tương đối thường kết hợp với các từ ngữ phụ để tạo thành cụm tính từ.

Ví dụ : – *(Hai vợ chồng ở với nhau) rất hạnh phúc.*

(Sọ Dừa)

– *(Sọ Dừa) cũng thông minh khác thường.*

(Sọ Dừa)

Cũng giống như cụm danh từ và cụm động từ, cụm tính từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn tính từ nhưng hoạt động trong câu cũng giống như tính từ.

2. Cấu tạo của cụm tính từ

Theo mô hình sau :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
<i>vẫn / cứ / còn / sẽ</i>	<i>đẹp</i>	<i>hơn cô tiên</i>

+ Phụ ngữ đứng trước là các phụ từ biểu thị :

– Quan hệ thời gian như : *đã, sẽ, đang,...* ;

– Sự tiếp diễn tương tự như : *cũng, cùng, vẫn, cứ,...* ;

– Chỉ mức độ như : *rất, hơi, khá,...*

+ Phụ ngữ đứng sau có cấu tạo phức tạp giống như cụm động từ.

II – BÀI TẬP

1. Tìm những tính từ là từ đơn chỉ đặc điểm tuyệt đối.

2. Tìm các cụm tính từ trong các câu sau :

a) *Bấy giờ ở vùng núi cao phía Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.*

(Con Rồng cháu Tiên)

b) *Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng ; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp dễ lạ thường.*

(Con Rồng cháu Tiên)

c) *Còn chàng, từ khi lớn lên, ra ở riêng chỉ chăm lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai.*

(Bánh chưng, bánh giầy)

d) *Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo.*

(Bánh chưng, bánh giầy)

d) *Vua vẽ một thỏi vàng, thấy còn nhỏ quá, lại vẽ một thỏi thứ hai lớn hơn.*

(Cây bút thần)

e) *Biển rộng mênh mông, xanh biếc, không một gợn sóng, trong suốt như mặt gương soi*

(*Cây hút thán*)

3. Xác định các cụm động từ, cụm tính từ trong các cụm từ sau đây :

- *vô cùng ngạc nhiên*
- *hết sức sững sốt*
- *khôi ngô tuấn tú vô cùng*
- *tương bình nhất kính kì*
- *khiếp sợ vô cùng*

4. Tìm các cụm tính từ trong đoạn trích sau đây rồi điền vào mô hình cụm tính từ :

"Tre luỹ làng thay lá... Mùa lá mới oà nở, thứ màu xanh nắng sớm chiếu vào trong như màu ngọc, cảnh quần thể, báo hiệu một mùa hè sôi động. Thân tre cứng cỏi, tán tre mềm mại. Mưa rào ập xuống, rồi trời tạnh, mối cánh, chuồn chuồn đàn còi trong bầu trời đầy mây xốp trắng. Nhìn lên những ngọn tre thay lá, những búp tre non kín đáo, ngây thơ hứa hẹn sự trưởng thành, lòng yêu quê của con người được bồi đắp lúc nào không rõ !..."

(Trích *Luỹ làng* – trong sách *Văn miêu tả và kể chuyện*, NXB Giáo dục, 1996)

5. Viết một đoạn văn tả lọ hoa trên bàn giáo viên của lớp em, có sử dụng tính từ và cụm tính từ làm nổi bật màu sắc của hoa.

11. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Khái niệm về câu trần thuật

Trong cuộc sống hàng ngày, câu dùng để thông báo, trao đổi ý kiến. Nội dung, mục đích khi trao đổi ý kiến rất đa dạng và phong phú. Căn cứ vào ý nghĩa khái quát, người ta chia câu theo bốn mục đích chính : trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán. Theo đó ta có bốn kiểu câu :

- Câu trần thuật dùng để kể, để miêu tả, để giới thiệu,...
- Câu nghi vấn dùng để hỏi và yêu cầu trả lời.
- Câu cầu khiến dùng để yêu cầu, ra lệnh, chúc tụng,...
- Câu cảm thán dùng để bộc lộ cảm xúc.

Câu trần thuật thường dùng trong văn tự sự và miêu tả.

2. Câu trần thuật đơn là gì ?

Câu trần thuật đơn là loại câu do một cụm C – V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.

Trong câu trần thuật có hai loại là câu trần thuật đơn và câu trần thuật ghép.

Câu trần thuật đơn là câu trình bày một ý độc lập, thường bao gồm một cụm chủ – vị.

Ví dụ : – *Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.*

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

– *Sơn Tinh không hề nao núng.*

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

Khi hai hay nhiều câu đơn có quan hệ với nhau chặt chẽ, người ta có thể ghép chúng lại để thành một câu ghép.

Ví dụ : – *Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương nhưng Sơn Tinh không hề nao núng.*

– *Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.*

(Hồ Chí Minh)

Như vậy, câu trần thuật ghép khác câu trần thuật đơn ở chỗ câu trần thuật ghép bao gồm hai cụm chủ – vị trở lên còn câu trần thuật đơn chỉ có một cụm chủ – vị.

3. Nội dung của câu trần thuật đơn

Câu trần thuật đơn có những mục đích sau đây :

+ Dùng để giới thiệu người, vật trong văn tự sự, miêu tả

Ví dụ : *Xưa có một người thợ mộc dốt hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề.*

(Đẽo cày giữa đường)

+ Dùng để miêu tả đặc điểm của người, vật trong văn tự sự, miêu tả

Ví dụ : *Cầu Long Biên có một tuyến đường sắt chạy giữa.*

(Thuý Lan)

+ Dùng để nêu một ý kiến

Ví dụ : *Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam.*

(Thép Mới)

+ Dùng để kể một sự việc như hoạt động của người, diễn biến của sự việc.

Ví dụ : *Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ.*

4. Các thành phần câu : chủ ngữ và vị ngữ

Trong câu trần thuật đơn cũng như các kiểu câu khác nói chung đều có chủ ngữ và vị ngữ.

a) Thành phần chủ ngữ

Chủ ngữ là một trong hai thành phần chính của câu làm chủ sự việc nói trong câu. Chủ ngữ nêu lên người, sự vật, sự việc được đem ra xem xét, đánh giá.

Chủ ngữ không phụ thuộc vào thành phần khác của câu. Chủ ngữ thường là đối tượng miêu tả của vị ngữ. Chủ ngữ thường đứng trước vị ngữ, trả lời câu hỏi *Ai ? Cái gì ? Việc gì ? Con gì ? ,...*

b) Thành phần vị ngữ

Vị ngữ cũng là một trong hai thành phần chính của câu nêu lên hành động, trạng thái, tính chất, quan hệ của người, sự vật, sự việc nêu ở chủ ngữ. Vị ngữ thường đứng sau chủ ngữ và cùng với chủ ngữ tạo ra nội dung thông báo cho câu. Vị ngữ thường trả lời câu hỏi *Làm gì ? Thế nào ? Ra sao ? Là ai ? Là cái gì ? ,...*

Về cấu tạo : Vị ngữ có thể là một từ, một cụm từ hoặc cụm chủ – vị.

Ví dụ : – Một từ : *Cái áo này đẹp.*

– Một cụm từ : *Ai cũng tấm tắc khen ngon.*

– Cụm chủ – vị : *Chim cất cánh nhọn như dao bầu (...).*

(Duy Khán)

Ngoài chủ ngữ và vị ngữ, câu còn có các thành phần khác – sẽ học sau.

II – BÀI TẬP

1. Em hãy xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu trần thuật đơn trong đoạn trích dưới đây :

"Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân".

(Thép Mới)

2. Tìm một số câu đơn trần thuật có tác dụng giới thiệu, có tác dụng kể, có tác dụng miêu tả trong bài *Cây tre Việt Nam* (Ngữ văn 6, tập hai).

3. a) Trong các câu dưới đây, câu nào có một cụm C – V, câu nào có hai cụm C – V trở lên? Vạch ranh giới chủ ngữ, vị ngữ chính trong mỗi câu :

"Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể⁽¹⁾. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc⁽²⁾... Người ta giờ đây đã hiểu lòng yêu của mình lớn đến dường nào, yêu người thân, yêu Tổ quốc, yêu nước Nga, yêu Liên bang Xô viết⁽³⁾".

(I. Ê-ren-bua)

b) Xác định các cụm C – V chính trong mỗi câu.

4. Em hãy xác định các câu đơn trong đoạn thơ sau đây và xác định chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu :

*Rồi Bác đi đêm chẵn
Tìm người, tìm người một
Sợ cháu mình giật thót
Bác nhón chân nhẹ nhàng.

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.*

(Minh Huệ)

12. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÀ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Thế nào là câu trần thuật đơn có từ là ?

Câu trần thuật đơn có từ *là* là kiểu câu trần thuật biểu thị một suy luận trong đó chủ ngữ thường được nối với vị ngữ bằng từ *là*.

Ví dụ : *Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ.*

(Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)

Kiểu câu này thường biểu thị một suy luận nên còn được gọi là câu luận.

2. Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ là

Câu trần thuật đơn có từ *là* có những đặc điểm sau đây :

+ Vị ngữ của câu thường do từ *là* kết hợp với danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành.

+ Khi chủ ngữ và vị ngữ được biểu thị bằng động từ hoặc tính từ thì nghĩa của chúng được dùng như danh từ.

Ví dụ : – *Tập thể dục là bảo vệ sức khoẻ.*

– *Thi đua là yêu nước.*

– *Khóc là nhục.*

+ Tổ hợp giữa từ *là* với động từ, cụm động từ, hoặc tính từ, cụm tính từ cũng có thể làm vị ngữ.

Ví dụ : – *Bài văn này là hay.*

– *Việc bạn làm là tốt.*

+ Khi muốn biểu thị ý phủ định cần có các cụm từ *không phải*, *chưa phải* đứng trước từ *là*.

Ví dụ : – *Chàng không phải là Sơn Tinh.*

– *Chị tôi không phải là cô giáo.*

+ Khi muốn khẳng định ta thêm từ *vẫn* vào trước từ *là*.

Ví dụ : *Trẻ con vẫn là trẻ con.*

3. Các kiểu câu trần thuật đơn có từ là

Căn cứ vào nội dung ý nghĩa, người ta chia câu trần thuật đơn có từ *là* thành các kiểu nhỏ đáng chú ý sau đây :

+ Câu định nghĩa, giới thuyết

Trong kiểu câu này vị ngữ thường giải thích, đánh giá bản chất của sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ.

Ví dụ : – *Sách giáo khoa là công cụ để thầy (cô) giáo tổ chức hoạt động học tập.*

(Ngữ văn 6, tập một)

– *Chiến mã là ngựa dùng trong chiến trận.*

(Ngữ văn 6, tập hai)

– *Sức khoẻ là vốn quý của con người.*

+ Câu giới thiệu

Trong kiểu câu này, vị ngữ thường nêu lên một tư cách, một đặc điểm của sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ.

Ví dụ : – *Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều.*

(Con hổ có nghĩa)

– *Trường học này là nơi chúng em trưởng thành.*

+ Câu miêu tả

Trong kiểu câu này, vị ngữ dùng để miêu tả, so sánh làm nổi bật đặc điểm trạng thái, sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ.

Ví dụ : – *Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa.*

(Nguyễn Tuân)

– *Mị Nương là người con gái xinh đẹp tuyệt trần.*

+ Câu đánh giá

Kiểu câu này vị ngữ nêu lên một nhận xét, đánh giá về sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ.

Ví dụ : – *Ba mươi sáu chước, chước chuẩn là hơn.*

(Nguyễn Du)

– *Bài làm của em là tốt.*

– *Khóc, rên đều là yếu hèn.*

II – BÀI TẬP

1. Hãy cho biết tác dụng của mỗi câu trần thuật đơn có từ *là* sau đây :

- a) Việc làm của Lang Liêu nhân ngày lễ tiên vương là có hiếu.
- b) *Đất rừng phương Nam* là truyện dài của Đoàn Giỏi.
- c) Câu trần thuật đơn là loại câu do một cụm C – V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.
- d) Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam.
- d) Đất là nơi chim về.
- e) Tự học là biện pháp tích cực nhất giúp ta tiến bộ.
- g) Thạch Sanh là người có tình, có nghĩa, hết lòng vì mọi người.

2. Đặt 12 câu trần thuật đơn có từ *là*, trong đó có : ba kiểu câu định nghĩa, ba kiểu câu giới thiệu, bốn kiểu câu miêu tả và hai kiểu câu đánh giá.

3. a) Viết một đoạn văn ngắn miêu tả cảnh đẹp quê em trong đó có một câu trần thuật đơn giới thiệu và một câu trần thuật đơn miêu tả.

b) Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu.

4. Có hai bạn tranh luận với nhau về hai câu sau đây :

- Chú Tư là người Hà Nội.
- Chú Tư, người Hà Nội.

Một em cho rằng chỉ có câu đầu là kiểu câu trần thuật đơn có từ *là*. Em kia thì cho rằng cả hai câu đều là câu trần thuật đơn có từ *là* nhưng ở câu thứ hai người ta lược bớt từ *là*. Theo em, ai đúng, ai sai ? Vì sao ?

5. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào đảo trật tự được, trường hợp nào không đảo trật tự được ? Vì sao ?

Trường hợp 1 : – Em là học sinh.

– Học sinh là em.

Trường hợp 2 : – Người mù là người tàn tật.

– Người tàn tật là người mù.

6. Sử dụng câu trần thuật đơn viết một đoạn văn tả cảnh sân trường lúc ra chơi.

13. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ LÀ

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ là

Câu trần thuật đơn không có từ *là* có những đặc điểm sau đây :

+ Vị ngữ thường do các động từ, cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành.

Ví dụ : – *Cái xác xinh xinh*

(Tố Hữu)

– *Buổi trưa hôm nay tôi ngủ.*

– *Sau trận bão, chân trời ngấn bể sạch như tấm kính, lau hết mây hết bụi.*

(Nguyễn Tuân)

– *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.*

(Tạ Duy Anh)

Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các từ : *không, chưa.*

Tuỳ theo ý nghĩa của vị ngữ mà ta có thể thêm các từ mang ý nghĩa phủ định : *không, chưa.*

Ví dụ : – *Buổi trưa hôm nay, tôi chưa ngủ.*

– *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh không treo kín bốn bức tường.*

2. Phân loại câu trần thuật đơn không có từ là

Xét về nội dung ý nghĩa và mục đích sử dụng, người ta chia câu trần thuật đơn có từ *là* thành hai loại : Câu miêu tả và câu tồn tại.

a) Câu miêu tả

Câu miêu tả là những câu dùng để miêu tả hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất,... của sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ.

Trong câu miêu tả, chủ ngữ được đặt trước vị ngữ. Có thể chia câu miêu tả thành các loại nhỏ sau đây :

– Câu miêu tả hành động của sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ. Kiểu câu này dùng để thuật lại hành động của người, của con vật, hay những đồ vật, cây cối đã được nhân hoá hoặc dùng để bày tỏ ý định, ý kiến của người hay của vật đã được nhân hoá.

Ví dụ : – *Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa.*

(Thánh Gióng)

– *Trông thấy tôi, Đế Choắt khóc lóc thảm thiết.*

(Tô Hoài)

– *Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên, rung xuống hai chiếc râu.*

(Tô Hoài)

– Câu miêu tả trạng thái của sự vật nêu ở chủ ngữ.

Sự vật, hiện tượng có thể tồn tại trong trạng thái động hay trạng thái tĩnh, trạng thái tồn tại hay trạng thái tiêu biến,...

Ví dụ : – *Lọ hoa đặt trên bàn.*

– *Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.*

(Thép Mới)

– *Cây hoa lan nở hoa trắng xoá.*

– *Em tôi đã trở thành một học sinh gương mẫu.*

– Câu miêu tả đặc điểm của sự vật nêu ở chủ ngữ : Loại câu này vị ngữ do tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành, thường dùng để miêu tả hay giới thiệu sự vật, hiện tượng.

Ví dụ : – *Chợ Năm Căn ồn ào, đông vui, tấp nập.*

– *Dòng sông Năm Căn rộng mênh mông.*

(Đoàn Giỏi)

Loại câu này có tác dụng sau đây :

+ Nêu những đặc điểm của sự vật được nêu ở chủ ngữ.

Ví dụ : – *Luỹ trong cùng tre càng thẳng hơn.*

(Ngô Văn Phú)

– *Suốt năm tre xanh rờn đầy sức sống.*

(Ngô Văn Phú)

+ Nêu lên hình thức tồn tại của sự vật, hiện tượng nêu ở chủ ngữ.

Ví dụ : – *Hằng đêm, chị ngồi lặng lẽ như một chiếc bóng.*

– *Dọc bờ biển lóng lánh những hạt cát vàng.*

b) Câu tồn tại

Ngoài câu miêu tả, câu trần thuật đơn không có từ *là* còn có một kiểu câu khác là câu tồn tại.

Câu tồn tại là kiểu câu dùng để thông báo về sự xuất hiện, tồn tại hoặc tiêu biến của sự vật, hiện tượng.

+ Thông báo về sự xuất hiện của sự vật.

Ví dụ : – *Từ trong màn sương sớm xuất hiện hai bóng người.*

– *Từ dưới nước nhô lên một cái đầu rỗng.*

+ Thông báo về sự tồn tại của sự vật.

Ví dụ : – *Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà.*

(Nguyễn Du)

– *Trên thính không bay ngang qua từng đàn chim lớn.*

(Anh Đức)

+ Thông báo về sự tiêu biến của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ : *Trên bầu trời vụt tắt một vì sao.*

Một trong những cách tạo câu tồn tại là đảo chủ ngữ xuống sau vị ngữ.

Ví dụ : *Từ dưới bờ sông, hai chú bé vụt chạy lên.*

Đảo thành : *Từ dưới bờ sông vụt chạy lên hai chú bé.*

II – BÀI TẬP

1. Cho đoạn trích sau đây :

"Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua những đám đông để xem những bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ".

(Tạ Duy Anh)

a) Xác định câu trần thuật đơn và tìm chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu trong đoạn trích.

b) Trong đoạn trích trên, câu nào miêu tả trạng thái, câu nào miêu tả hành động ?

2. Trong những câu sau đây, câu nào là câu miêu tả, câu nào là câu tồn tại ? Vì sao ?

"Mùa thu đã tới rồi. Từ trên bầu trời xuất hiện những áng mây lơ lửng. Từng đàn cò trắng nhẹ bay như trôi trên không gian tĩnh mịch. Không còn cái nắng gay gắt của mùa hạ nữa. Những chiếc lá trên cây đã bắt đầu lìa cành tìm về với cội. Trên mặt ao lặn dần những gợn sóng. Đâu đó vang lại những tiếng sáo diều ngân nga, tha thiết. Khung cảnh êm đềm của mùa thu gợi cho ta bao nhiêu kỉ niệm về một thời thơ ấu".

(Quang Dương)

3. Những câu sau đây, câu nào miêu tả trạng thái, câu nào miêu tả hành động, câu nào miêu tả đặc điểm của sự vật?

– *Đầu tôi to và nổi từng mảng rất hươg.*

(Tô Hoài)

– *Trên bầu trời, mây đen kéo đến mù mịt.*

– *Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy mẹ.*

– *Xưa kia, cuộc sống của người dân da đỏ thiếu thốn đủ đường.*

– *Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.*

(Tạ Duy Anh)

– Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè.

(Tạ Duy Anh)

– Nó đưa mắt canh chừng rồi lại nhét tất cả vào túi sau khi cho màu đen nhỏ nổi vào một cái lọ còn bỏ không.

(Tạ Duy Anh)

– Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.

(Tạ Duy Anh)

– Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi.

– Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng.

– Chú Tiến Lê tặng "đồng nghiệp" hẳn một hộp màu ngoại xịn.

(Tạ Duy Anh)

4. Đặt năm câu miêu tả sau đó đổi thành câu tồn tại.

5. Chuyển các câu sau đây thành câu miêu tả :

– Trên bầu trời vẳng lại một tiếng kêu.

– Xa xa xuất hiện những đàn cò, đàn sếu đông nghịt.

– Sáng nay đã diễn ra một cuộc họp.

– Dưới gốc tre tua tua những mầm măng.

(Ngô Văn Phú)

6. Viết một đoạn văn ngắn tả cảnh sinh hoạt nơi em ở, chú ý sử dụng câu trần thuật đơn.

14. CHỮA LỖI CÁC DẤU CÂU

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

Trong văn bản người ta dùng dấu câu làm phương tiện ngữ pháp. Dấu câu có tác dụng rất rõ ràng là giúp ta phân biệt được cấu tạo ngữ pháp trong văn bản. Dấu

câu có tác dụng chỉ ra ranh giới giữa câu với câu, giữa các thành phần trong câu đơn, giữa các vế trong câu ghép, giữa các yếu tố trong cụm từ. Dấu câu thể hiện ngữ điệu lên xuống trong câu cho nên ngoài phương tiện ngữ pháp, dấu câu còn là phương tiện để biểu thị sắc thái ý nghĩa trong câu về tư tưởng, tình cảm, thái độ của người viết.

Chính vì vậy mà dấu câu dùng đúng sẽ giúp cho bài viết được người đọc hiểu rõ ràng, chính xác nội dung của văn bản, tư tưởng của người viết. Nhiều trường hợp không dùng dấu câu sẽ gây ra sự mơ hồ về nghĩa hoặc gây ra hiểu lầm. Trường hợp dùng sai dấu câu sẽ dẫn đến sai ngữ pháp, dẫn đến sai cả nội dung ý nghĩa. Do tầm quan trọng của dấu câu là phương tiện ngữ pháp để diễn đạt nội dung tư tưởng cho nên trong nhiều trường hợp dứt khoát phải sử dụng dấu câu.

1. Dấu chấm

Dấu chấm được đặt ở cuối câu trần thuật làm dấu hiệu kết thúc câu. Trong một đoạn văn khi viết hết một câu trần thuật ta phải đặt dấu chấm. Nếu không có dấu chấm câu thì đoạn văn không sáng sủa mạch lạc, nhiều lúc sẽ lẫn sang câu khác.

2. Dấu chấm than

Dấu chấm than được dùng cuối các câu biểu thị cảm xúc hoặc được dùng cuối câu cầu khiến.

– Dấu chấm than dùng ở cuối câu cảm thán.

Ví dụ : – *Ôi quê hương ! Môi tình tha thiết
Cả một đời gắn chặt với quê hương.*

(Tế Hanh)

– *Chả lẽ lại đúng là nó, cái con mèo hay lục lọi ấy !*

(Tạ Duy Anh)

– Dấu chấm than được dùng cuối câu cầu khiến.

Ví dụ : *Đứng im ! Chúng ông bắn nát đầu !
Lười đâu ? Mau chỉ ! Lười ở đâu ?*

(Tế Hanh)

Khi đọc phải ngắt đoạn và có thể lên giọng hoặc xuống giọng tùy theo hoàn cảnh.

3. Dấu chấm hỏi

Dấu chấm hỏi được dùng ở cuối câu nghi vấn.

Dấu chấm hỏi thường được dùng trong văn đối thoại.

Ví dụ : – *Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không ?*
– *Con gái tôi vẽ đấy ư ?*

(Tạ Duy Anh)

4. Dấu phẩy

Dấu phẩy là dấu được dùng trong câu đánh dấu ranh giới một số bộ phận câu để diễn đạt đúng nội dung, mục đích của người nói. Dấu phẩy được dùng trong các trường hợp sau đây :

- Đánh dấu ranh giới các thành phần phụ của câu với nòng cốt câu.
- + Đánh dấu trạng ngữ với nòng cốt câu.

Ví dụ : *Ngày mai, trên đất nước này, sắt, thép có thể nhiều hơn tre, nứa.*

(Thép Mới)

- + Đánh dấu hô ngữ với nòng cốt câu.

Ví dụ : *Giàu, tôi cũng giàu rồi.*

(Nguyễn Công Hoan)

- + Đánh dấu thành phần hô đáp với nòng cốt câu.

Ví dụ : *Mẹ ơi, con là người đấy.*

- Đánh dấu một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.

Ví dụ : – *Tây Bắc, một hòn ngọc ngày mai của Tổ quốc, đang chờ đợi chúng ta, thúc giục chúng ta.*

(Phạm Văn Đồng)

- Đánh dấu ranh giới giữa các từ ngữ có cùng chức vụ như nhau trong câu.

Ví dụ : + *Thỉnh thoảng chúng tôi gặp những thuyền chài đầy cau tươi ; dây mây, dầu rái, những thuyền chở mít, chở quế.*

+ *Rồi tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.*

(Thép Mới)

– Chỉ ranh giới giữa các vế của câu ghép đẳng lập.

Ví dụ : + *Gió nổi vừa thổi, dạtong Hương nhỏ sào.*

+ *Nước bị cạn vắng bọt tít tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hoà Phước.*

(Võ Quảng)

II – BÀI TẬP

1. Có lần nhà văn Huy-gô gửi cho nhà xuất bản một tác phẩm của mình. Sách đã bán trên các hiệu sách mà nhà văn vẫn không thấy nhà xuất bản gửi tiền nhuận bút, ông bèn viết thư để hỏi. "Bức thư" chỉ vền vện có một dấu chấm hỏi (?). Vài ngày sau, nhà văn nhận được thư trả lời của nhà xuất bản. "Bức thư" ấy lại vền vện chỉ có một dấu chấm than (!).

Em hãy viết thành hai văn bản diễn tả nội dung, ý nghĩa của hai dấu chấm câu đó.

2. Đặt các dấu câu vào chỗ ngoặc đơn cho đúng trong đoạn thơ sau :

Anh,
Phải chi em đến được cùng anh
Chỉ một ngày thôi, kể ngọn ngành ()
Thư viết đôi trang, lòng cuộn cuộn
Như dòng sông cuốn lá tre xanh...
Anh ạ từ hôm Tết tới nay
Giấc đi ruồng bố suốt đêm ngày
Thời Lai, Thời Thuận liễn hai trận
Ba bốn nghìn quân, bảy máy bay ()
Biết không anh () Giống Keo, Giống Trôm
Thảm lắm anh à () Lũ ác ôn
Giết cả trăm người trong một sáng
Máu tươi lênh láng cả đường thôn.

(Tố Hữu)

3. Đặt dấu câu thích hợp vào mỗi câu trong đoạn đối thoại dưới đây :

- *Hu Hu Sao giờ này mà mẹ vẫn chưa về*
- *Mày có im đi không*
- *Hu Hu Tại vì mẹ đi chợ lâu quá*
- *Thôi nào Anh xin Chốc nữa mẹ về anh nhường hết quà cho em*

– A Mẹ về Mẹ đã về

– Chào các con Sao con lại khóc nhè

– Mẹ ơi anh mừng con

4. Đoạn trích dưới đây đã bị xoá dấu câu. Em hãy dùng các dấu câu đã học để điền vào các chỗ dấu câu bị xoá :

"Đối với đồng bào tôi mỗi tác đất là thiêng liêng mỗi lá thông óng ánh mỗi bờ cát mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi Những dòng nhựa chảy trong cây cối cũng mang trong đó kí ức của người da đỏ.

Khi người da trắng chết đi họ thường dạo chơi giữa các vì sao và quên đi đất nước họ sinh ra Còn chúng tôi chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất tươi đẹp này".

(Xi-át-ton)

5. Đặt dấu phẩy thích hợp vào các câu sau đây :

a) Trong ánh trăng suông gió bắc tràn xuống thung lũng.

b) Mát đến tận tim phổi ông bà ông vải ơi.

c) Bố em biểu thầy giáo chủ nhiệm lớp 7 quyển sách mới mua hôm qua.

d) Trái lại bạn Lan đạt điểm 10 môn Toán, điểm 6 môn Văn.

đ) Đêm hôm qua lồi rẽ tối lắm.

e) Bạn Lan lớp trưởng lớp tôi học giỏi.

6. Trong bài *Cây tre Việt Nam*, Thép Mới viết : "Tre, anh hùng lao động. Tre, anh hùng chiến đấu". Hai câu trên thuộc loại câu trần thuật nào ? Cách dùng dấu phẩy có tác dụng gì ?

15. CHỮA CÂU SAI NGỮ PHÁP

I – NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Câu thiếu chủ ngữ

Câu thiếu chủ ngữ là do khi viết ta nhầm tưởng trạng ngữ là chủ ngữ. Muốn chữa loại câu này, ta thêm chủ ngữ cho câu.

Ví dụ : *Qua truyện "Thạch Sanh" thấy Lí Thông là kẻ độc ác.*

Câu này vì có quan hệ từ đứng đầu nên đã biến "qua truyện Thạch Sanh" thành trạng ngữ, vì thế gọi là câu thiếu chủ ngữ, ta thêm vị ngữ thích hợp cho câu : Qua truyện Thạch Sanh, ta thấy Lí Thông là kẻ độc ác.

2. Câu thiếu vị ngữ

Thông thường câu thiếu vị ngữ là do người viết nhầm lẫn giữa thành phần phụ với vị ngữ.

Ví dụ : *Những học sinh chăm ngoan học giỏi trong học kì vừa qua.*

Loại câu này thường có hai cách chữa :

– Thêm vị ngữ thích hợp cho câu, câu trên có thể viết thành :

Những học sinh chăm ngoan, học giỏi trong học kì vừa qua đã được biểu dương.

– Biến đổi để phân phụ thành vị ngữ, câu trên có thể viết thành :

Những học sinh ấy đã chăm ngoan, học giỏi trong học kì vừa qua.

3. Câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ

Câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ là do người viết thêm thành phần có cùng chức vụ ngữ pháp hoặc kéo dài trạng ngữ rồi nhầm tưởng đó là kết cấu chủ vị.

Ví dụ : *Trong thời kì 1960 - 1975, là thời kì chiến tranh ác liệt nhất ở Việt Nam.*

Trong câu này người viết đã thêm một thành phần có cùng chức năng với thành phần đầu. Do vậy câu trên có cấu tạo là trạng ngữ với thành phần cùng chức vụ. Cả chủ ngữ lẫn vị ngữ đều thiếu. Kiểu câu sai này có hai cách chữa :

– Biến đổi ở bên trong bằng cách bỏ từ *trong* đầu câu, bỏ dấu phẩy trước từ *là* để biến câu trên thành câu trần thuật đơn có từ *là*.

– Thêm chủ ngữ, vị ngữ thích hợp để câu có cấu tạo đầy đủ. Câu trên chữa lại là :

Trong thời kì 1960 - 1975, là thời kì chiến tranh ác liệt nhất ở Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã thể hiện quyết tâm giải phóng đất nước.

4. Câu sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các bộ phận

Kiểu sai này là do các bộ phận trong câu tương hợp sai ý nghĩa với nhau.

Ví dụ : 1. *Chân bước thấp bước cao, ta thấy chị Dậu thật là tội nghiệp.*

2. *Ngồi bút của Lan sau những nét đưa lên đưa xuống mềm mại bỗng dừng lại mỉm cười khoan khoái.*

Đọc câu (1), chúng ta có thể hiểu người bước thấp bước cao ở đây chính là "ta" chứ không phải "chị Dậu". Muốn chữa câu này, ta có thể bỏ tổ hợp "ta thấy" để người đọc chỉ có một cách hiểu : chị Dậu là chủ thể của "chân bước thấp bước cao" và "thật là tội nghiệp".

Đọc câu (2) ta có thể hiểu : chủ thể của "mỉm cười khoan khoái" là "ngồi bút". Muốn chữa câu này một là cắt cụm từ "mỉm cười khoan khoái" ; hai là, tách thành hai câu : "*Ngồi bút của Lan sau những nét đưa lên đưa xuống mềm mại bỗng dừng lại.*" và "*Lan mỉm cười khoan khoái*".

Sai quan hệ ngữ nghĩa còn do không đảm bảo quan hệ hô ứng cần thiết trong khi viết gây nên.

Ví dụ : *Chúng em càng đến gần ngày thi thì tinh thần hăng hái học tập đã bộc lộ một cách rõ nét.*

Chữa kiểu câu này tốt nhất là thiết lập lại quan hệ hô ứng. Trong câu trên phải bỏ từ "đã", thay bằng từ "càng".

II – BÀI TẬP

1. Những câu sau đây, câu nào đúng ngữ pháp, câu nào sai ? Chỉ ra chỗ sai và nêu cách chữa những câu sai.

- Em Nga đi thi học sinh giỏi môn Toán.
- Việc em Nga đi thi học sinh giỏi môn Toán.
- Đi qua vườn bác Nam, thấy có nhiều cây ăn quả.
- Bạn Nga, người lớp trưởng mà tôi yêu quý nhất.
- Trong ngày sinh nhật, ngày mà em hằng mong đợi.
- Anh Phan Đình Giót là người đầu tiên lấy thân mình lấp lỗ châu mai.
- Truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài viết cho thiếu nhi.
- Tay ôm chiếc cặp bên hông cất bước đến trường trong niềm vui sướng.
- Để tưởng nhớ công lao của những anh hùng liệt sĩ đã hi sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

- k) Mỗi buổi chào cờ chúng em đều có một phút mặc niệm.
- l) Cứ mỗi lần nhìn lên bầu trời trong xanh của quê hương.
- m) Chân đi giày trắng, đầu đội mũ ca lô, trông thật dễ thương.
- n) Nơi những chiến sĩ quân Giải phóng đã chiến đấu rất anh dũng.
- p) Nơi đây nhiều trận đánh ác liệt đã xảy ra.

2. Hoàn chỉnh các câu dưới đây bằng cách điền thêm chủ ngữ và vị ngữ thích hợp vào chỗ trống :

- a) Khi mặt trời từ dưới biển nhô lên khỏi rặng núi xa xa...
- b) Qua câu chuyện nhạt phèo của hai cậu,... thấy thật rất phí thời gian.
- c) Mỗi khi nhìn lên ảnh Bác Hồ...
- d) Vì sự khó khăn triển miên trong cuộc sống hằng ngày của bạn Lan...
- d) Đi qua chiếc cầu mới bắc qua sông...
- e) Với sự giúp đỡ nhiệt tình và vô tư của các bạn trong lớp...
- g) Qua những ngọn thác cheo leo,... lại lặng lẽ trôi theo dòng nước ra tận biển khơi.

3. Phát hiện và chữa những câu sai sau đây :

- a) Chiếc xe đạp của Thuý bon bon chạy trên đường và hát vang bài hát.
- b) Em đến trường gặp bạn Đức mới được trả lại cái bút.
- c) Cầu thang đưa em đến tận cửa phòng học ở gác hai rồi tiến vào lớp.

Chương I

VĂN TỰ SỰ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN TỰ SỰ

1. Khái niệm

Tự sự là phương thức chủ yếu để thông báo sự việc, tìm hiểu sự vật, đáp ứng yêu cầu nhận thức của người đọc, người nghe. Trước đây, người ta thường gọi tự sự một cách nôm na là văn kể chuyện. Hiểu theo nghĩa này thì có thể coi tự sự là phương thức kể chuyện, kể lại một chuỗi sự việc nối tiếp nhau theo một trình tự hợp lí, có mở đầu, có diễn biến và có kết thúc. Những trình tự thường gặp trong văn kể chuyện là trình tự thời gian, trình tự không gian, trình tự cuộc đời các nhân vật, trình tự sự việc,... Kể chuyện tức là kể việc đời, kể việc người theo một điểm nhìn nào đó, nhằm một mục đích, một dụng ý nào đó của người kể. Thông thường, người kể hay gửi gắm trong câu chuyện của mình một vấn đề mà cuộc sống đặt ra. Vấn đề đó có thể rất rộng lớn, liên quan tới đất nước, xã hội, thời đại. Nhưng vấn đề đó cũng có thể rất nhỏ hẹp, chỉ liên quan tới một cuộc đời, một khía cạnh tâm hồn, tình cảm của con người. Qua câu chuyện, người kể bày tỏ hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp thái độ khen chê của mình đối với nhân vật, đối với sự việc. Do đó, văn kể chuyện thường mang đậm dấu ấn chủ quan của tác giả.

2. Các yếu tố nghệ thuật cơ bản tạo nên một tác phẩm tự sự

a) Cốt truyện

Cốt truyện là yếu tố đầu tiên của văn tự sự. Có thể coi đây là một trong những nét đặc trưng để phân biệt giữa văn tự sự với các phương thức biểu đạt khác như văn miêu tả, văn nghị luận, v.v. Tùy thuộc vào quy mô dài ngắn khác nhau của tác phẩm mà cốt truyện có thể phức tạp hoặc đơn giản, nhiều tình tiết hoặc ít tình tiết. Tuy nhiên, dù ở mức độ nào thì cốt truyện của văn tự sự cũng phải đảm bảo gồm

một chuỗi sự việc nối tiếp nhau trong một thời gian và không gian cụ thể, có nguyên nhân, có diễn biến, có điểm mở đầu và điểm kết thúc. Đặc biệt là cốt truyện phải có ý nghĩa nhất định. Thực tế cho thấy, chính sức hấp dẫn của cốt truyện sẽ góp phần rất lớn trong việc tạo nên thành công của tác phẩm. Và ngược lại, nếu cốt truyện quá sơ sài, nhạt nhẽo thì sẽ không đủ điều kiện để tạo nên một tác phẩm hay, có sức chinh phục người đọc, người nghe.

Cốt truyện thường được tạo nên bởi một loại chất liệu cơ bản. Đó là các sự kiện với những tình tiết cụ thể. Hệ thống các sự kiện, tình tiết này không phải do nhà văn tạo ra mà thường đã có sẵn trong cuộc sống vốn dĩ đầy biến động, phong phú và phức tạp. Xét trong phạm vi gia đình thì có quan hệ con cái – bố mẹ, anh – chị – em, vợ – chồng, mẹ chồng – nàng dâu,... Xét về phạm vi xã hội thì có quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng, quan hệ giữa con người với thiên nhiên, quan hệ giữa các dân tộc. Từ các mối quan hệ ấy nảy sinh ra biết bao nhiêu vấn đề : vấn đề đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu, cái mới và cái cũ, sự cao thượng và thấp hèn ; vấn đề tình yêu thương, niềm tin, ước mơ, hi vọng ; ... Từ các điểm nhìn khác nhau, với thái độ tình cảm khác nhau, các nhà văn đã khai thác những sự kiện ấy, lựa chọn, sắp xếp để tạo nên cốt truyện và hoàn thành tác phẩm của mình. Tính chân thật của hiện thực cuộc sống, tính chân thật của các sự kiện, tình tiết chính là yêu cầu đầu tiên mà cốt truyện trong văn tự sự phải đạt được. Đến với thể loại thần thoại, truyền thuyết, ta sẽ hiểu rõ thêm vấn đề này. Mặc dù thần thoại là sản phẩm của trí tưởng tượng, kể về các vị thần linh, nhưng vẫn bắt nguồn từ gốc rễ sâu xa là cuộc sống. Đằng sau hình tượng ông thần Trụ Trời của người Việt hay bà Nữ Oa vá trời của người Trung Quốc chẳng phải là bóng dáng của những con người lao động thời cổ đại đang bằng chính sức lao động của mình chinh phục và cải tạo thiên nhiên đó sao ? Hay các truyền thuyết, dù đã được nhân dân thêu dệt bằng trí tưởng tượng, sử dụng nhiều yếu tố kì lạ hoang đường, nhưng vẫn giữ được cốt lõi hiện thực cuộc sống. Truyền thuyết *Mị Châu, Trọng Thủy* là một ví dụ. Đằng sau chi tiết thần Kim Quy giúp An Dương Vương xây Loa Thành, cho An Dương Vương móng của mình để làm lẫy nỏ thần, rẽ nước đưa An Dương Vương xuống biển khi nhà vua cùng đường,... ta vẫn thấy rõ một hiện thực lịch sử hào hùng mà đẫm nước mắt của cha ông ta thời An Dương Vương : Nhà vua Âu Lạc đã biết dựa vào nhân dân để giữ nước, nhưng chỉ vì chủ quan mà cuối cùng đất nước Âu Lạc đã rơi vào tay Triệu Đà, chấm dứt thời kì độc lập, chuyển sang nghìn năm Bắc thuộc.

b) Nhân vật

Văn tự sự chính là kể chuyện – kể chuyện đời, chuyện người. Do đó, nhân vật là một yếu tố nghệ thuật hết sức quan trọng, không thể thiếu được của mỗi tác phẩm tự sự. Có thể khẳng định rằng nhân vật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc thể hiện nhận thức của nhà văn và trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Khái niệm nhân vật cần phải được hiểu theo một nghĩa rộng. Trước hết, nhân vật là những con người bằng xương bằng thịt, có tên tuổi, có diện mạo, tính cách, có cuộc đời riêng (vợ chồng ông lão đánh cá trong truyện cổ tích *Ông lão đánh cá và con cá vàng* theo lời kể của Pu-skin ; ông Tư trong truyện *Giấc mơ ông lão vườn chim* của Anh Đức ; Đan-cô trong truyện *Trái tim Đan-cô* của Gor-ki,...)

Nhân vật có thể là các vị thần hoặc bán thần như trong thần thoại, truyền thuyết (thần Trụ Trời trong thần thoại của người Việt ; bà Nữ Oa vá trời trong thần thoại của người Trung Quốc ; Sơn Tinh, Thuỷ Tinh trong truyền thuyết cùng tên, v.v.). Và đặc biệt, nhân vật còn có thể là loài vật, sự vật đã được nhân cách hoá, mang bóng dáng, tính cách của con người, thể hiện cuộc sống của thế giới con người (chẳng hạn như các nhân vật Dế Mèn, Dế Trũi, Dế Choắt, Bọ Ngựa, Xiến Tóc, Châu Chấu Voi, Kiến,... trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài ; hoặc là Mèo Con, Gián Đất, Cây Cau, Chuột Chù và lũ Chuột Nhắt trong tác phẩm *Cái Tết của Mèo Con* – Nguyễn Đình Thi).

Thế giới nhân vật trong tác phẩm tự sự rất đa dạng, phong phú. Nếu xét về vai trò thì có nhân vật chính, nhân vật phụ. Nhân vật chính là những nhân vật xuất hiện nhiều, đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm, chi phối toàn bộ diễn biến của cốt truyện. Còn nhân vật phụ là những nhân vật xuất hiện ít hơn, đóng vai trò hỗ trợ để làm nổi bật hình tượng nhân vật chính cũng như chủ đề của tác phẩm (trong truyền thuyết *Thánh Gióng*, Thánh Gióng là nhân vật chính ; người mẹ, sứ giả, nhà vua, dân làng,... là nhân vật phụ. Trong truyện cổ tích *Cây bút thần* của Trung Quốc, Mã Lương là nhân vật chính ; cụ già trong mơ, tên địa chủ, nhà vua,... là nhân vật phụ, v.v.). Tuy nhiên, dưới ngòi bút đặc sắc của các nhà văn, có nhiều nhân vật phụ dù chỉ xuất hiện thoáng qua nhưng vẫn để lại những ấn tượng khá đậm nét cho người đọc, người nghe (chẳng hạn như các nhân vật Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư,... trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du ; chú

tiểu đồng trong *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, v.v.). Nếu xét về phương diện tư tưởng, về điểm nhìn của các nhà văn đối với nhân vật thì có nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. Nhân vật chính diện là những nhân vật tốt, tích cực, thể hiện được chuẩn mực đạo đức của một thời đại, một giai cấp, một tầng lớp, một dân tộc và được nhà văn miêu tả, xây dựng với một thái độ trân trọng, khẳng định, ngợi ca. Còn nhân vật phản diện thường là nhân vật mang nét tính cách xấu, trái với đạo lí, được nhà văn miêu tả, xây dựng với thái độ phê phán, phủ định. Hai tuyến nhân vật chính diện và phản diện thường tạo nên quan hệ mâu thuẫn, đối kháng với nhau trong tác phẩm (ở truyện cổ tích *Tấm Cám*, nhân vật chính diện là cô Tấm, nhân vật phản diện là mẹ con Cám. Ở truyện cổ tích *Sọ Dừa*, Sọ Dừa và cô Út là nhân vật chính diện, hai cô chị là nhân vật phản diện).

Khi xây dựng nhân vật, các nhà văn phải rất dụng công. Thông thường, nhân vật trong tác phẩm tự sự được xây dựng nên từ những nguyên mẫu nào đó ngoài cuộc đời. Tuy nhiên, nhà văn không bao giờ bê nguyên mẫu ấy vào tác phẩm một cách máy móc, mà phải có sự gia công đầy sáng tạo. Thậm chí, phải từ nhiều nguyên mẫu để tạo ra một nhân vật. Hay nói đúng hơn, nhà văn chọn một nguyên mẫu chính, rồi dùng kiến thức thực tế của mình về những mẫu người tương tự để bồi đắp, điều chỉnh và hoàn thiện dần. Làm thế nào khi trở thành một nhân vật thì nhân vật ấy phải hiện lên thật sống động với một cái tên cụ thể, với một hình dáng cụ thể (trang phục, diện mạo, hành động, lời nói,...) ; với một tính cách cụ thể (tốt – xấu, hiền – dữ, thông minh – đần độn, cao thượng – thấp hèn,...). Việc đặt tên cho nhân vật cũng là một vấn đề, thể hiện dụng ý nghệ thuật của tác giả. Nhiều trường hợp cái tên cũng phần nào đó nói lên tính cách của nhân vật : Tên đẹp và quý dành cho nhân vật có tính cách cao thượng – nhân vật chính diện ; tên xấu dành cho kẻ ác, kẻ xấu – nhân vật phản diện. Đối với một số trường hợp, nhà văn có thể gọi tên nhân vật bằng một đặc điểm nào đó về ngoại hình, về tính cách (Sọ Dừa, cô bé quàng khăn đỏ, Lọ Lem,...) ; hoặc gọi tên nhân vật bằng nghề nghiệp (ông lão đánh cá, cô bé bán diêm, bác tiều, ông ngư,...).

Số lượng các nhân vật trong tác phẩm cũng là một vấn đề. Dù là nhân vật chính hay nhân vật phụ xuất hiện trong tác phẩm cũng đều đóng một vai trò nào đó trong việc thể hiện chủ đề. Không nên có những nhân vật thừa. Thông thường ở những tác phẩm lớn, đồ sộ về dung lượng, về chủ đề thì các nhà văn phải huy động

một số lượng nhân vật lớn. Ngược lại, những tác phẩm ngắn thì số nhân vật sẽ ít. Có nhiều tác phẩm chỉ cần hai đến ba nhân vật (truyện cổ tích *Trí khôn của ta đây* ; truyện cười *Thế thì không mất, Sang cả mình con* ; truyện ngụ ngôn *Thỏ và Rùa*,...). Thậm chí, có những truyện chỉ cần một nhân vật.

c) Các chi tiết nghệ thuật

Như trên đã trình bày, cốt truyện phải được tạo nên bởi một chuỗi những sự việc, những chi tiết nghệ thuật. Có những chi tiết lớn, đóng vai trò chính để dẫn dắt cốt truyện ; lại có những chi tiết nhỏ, chỉ đóng vai trò bổ trợ, làm rõ những chi tiết lớn. Tuy nhiên, dù lớn hay nhỏ thì sự xuất hiện của các chi tiết nghệ thuật đều có ý nghĩa trong việc bộc lộ chủ đề của tác phẩm cũng như làm nổi bật đặc điểm của các nhân vật (về cả ngoại hình lẫn tính cách).

Trong truyện ngụ ngôn *Đeo nhạc cho mèo*, ta có thể nhận thấy một chuỗi chi tiết chính :

Chi tiết thứ nhất : Cả làng chuột tề tựu nghe ông Cống bàn kế mua nhạc buộc vào cổ mèo để ngăn ngừa hậu họa bị mèo rình bắt lén.

Chi tiết thứ hai : Khi nhạc đã kiếm được, hội đồng Chuột họp lại, đùn đẩy nhau để cử người ra thực hiện kế sách đeo nhạc cho mèo.

Chi tiết thứ ba : Chuột Chù chậm chạp lãnh trách nhiệm, nhưng vừa thấy mèo nhe nanh, giương vuốt đã bỏ chạy khiến cho kế hoạch hoàn toàn thất bại.

Trong chi tiết chính thứ hai, bao gồm nhiều chi tiết nhỏ tạo nên. Ban đầu, cả hội đồng Chuột "Con nào, con nấy lao xao hớn hờ". Khi bàn đến việc ai sẽ đeo nhạc vào cổ mèo thì "Cả hội đồng im phăng phắc, không một cái tai nào nhích, một cái răng nào nhe cả". Nhắc đến ông Cống thì ông Cống đưa thứ bạc ra để chối phát. Đẩy đến Nhất thì Nhất láu lỉnh đùn sang cho Chù. Chù thật thà, chậm chạp, không biết cãi phải nhận lời...

Theo dõi toàn bộ câu chuyện, ta sẽ thấy qua hệ thống các chi tiết lớn nhỏ, tác giả dân gian đã làm nổi bật được thái độ mỉa mai đối với cái kế hoạch *đeo nhạc cho mèo* của hội đồng Chuột. Đây là một kế hoạch không có tính thực thi nên kết cục đã thất bại thảm hại. Thêm vào đó, nhờ các chi tiết nhỏ mà tác giả dân gian đã xây dựng thành công chân dung các nhân vật trong tác phẩm, qua đó gợi lên hình ảnh một số kiểu người trong xã hội nông thôn xưa : Ông Cống "rung rinh béo tốt", "lên giọng kẻ cả" làm ra bộ bề vênh, gợi lên chân dung những ông "lí toét", "xã xệ" ăn trên ngồi trốc trong làng ; thằng Nhất láu cá gợi lên hình ảnh loại người "dờ ông dờ thằng", tinh ranh, khôn lỏi, cơ hội đầy rẫy trong xã hội thôn quê thuở xưa.

Chuột Chù gợi lên hình ảnh loại người đầy tớ, tay sai hèn kém, thấp cổ bé họng, chịu nhiều thiệt thòi khổ nhục. Tất cả góp phần dựng lại cái gọi là "việc làng" cổ hủ ngày xưa với các thứ hội họp vô tích sự.

Khi đưa chi tiết vào tác phẩm, bao giờ nhà văn cũng phải có sự lựa chọn thật tinh tế, công phu. Số lượng chi tiết nhiều hay ít không quan trọng. Điều đáng phải lưu tâm là mỗi chi tiết dù lớn hay nhỏ đều có ý nghĩa đóng một vai trò nào đó trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của tác giả. Thông thường, ở những tác phẩm nghệ thuật thành công, cũng xuất hiện những chi tiết nghệ thuật đặc sắc được coi là điểm sáng. Chẳng hạn như chi tiết cái bóng trong *Chuyện người con gái Nam Xương* (trích *Truyện kì mạn lục* – Nguyễn Dữ). Chỉ là một chi tiết nhỏ nhưng nó chính là điểm nút của toàn bộ câu chuyện, vừa góp phần thể hiện những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Vũ Nương (nhớ chồng, thương con nên đêm đêm nàng chỉ cái bóng mình trên vách mà bảo đó là cha của bé Đản) ; vừa là nguyên cơ trực tiếp tạo nên cái bi kịch đau đớn cho chính nàng và cho cả gia đình (vì tin lời mẹ mà bé Đản không chịu nhận Trương Sinh là cha, khiến cho chàng Trương nghi ngờ, ghen tuông, đánh đập và ruồng rẫy Vũ Nương, đẩy Vũ Nương vào cái chết oan khuất) ; đồng thời cái bóng cũng lại đóng vai trò minh oan cho Vũ Nương (sau khi Vũ Nương chết, đêm đến, bé Đản chỉ cái bóng Trương Sinh trên vách và gọi đó là cha, khiến cho Trương Sinh bàng hoàng, hiểu ra nỗi oan của vợ. Nhưng tất cả đều đã muộn màng). Hay chi tiết kết thúc truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) cũng là một chi tiết bất ngờ làm sáng lên toàn bộ cốt truyện. Đó chính là chi tiết người anh "giật sống người", "ngỡ ngàng", "hãnh diện", "xấu hổ", "muốn khóc" khi nhận ra cậu bé đang ngồi suy tư, mơ mộng trong bức tranh mà em gái đã vẽ khi tham gia trại thi vẽ quốc tế chính là mình. Chi tiết này góp phần lí giải một loạt những chi tiết ở trên : người anh thì luôn luôn mặc cảm về sự "bất tài", cho rằng mình "bị đẩy ra ngoài" nên sinh lòng ghen ghét đối với em (nhưng dưới cái nhìn của cô em gái được thể hiện qua bức tranh thì anh trai mình lại rất "hoàn hảo"). Trước cuộc thi vẽ, cô em gái lại có vẽ "cứ hay xét nét" người anh làm người anh khó chịu (thực ra đó là cô em đang quan sát để cảm nhận, nhập tâm một hình ảnh "thân thuộc nhất" của mình, chuẩn bị cho cuộc thi)... Chỉ bằng sự liên kết khéo léo, tinh tế các chi tiết nghệ thuật mà nhà văn Tạ Duy Anh đã làm nổi bật được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật người em gái – cô bé Kiều Phương. Đồng thời cũng gửi gắm trong tác phẩm của mình bức thông điệp về tình cảm gia đình, về tình anh em thân thiết.

3. Ngôi kể và lời kể, lời thoại trong văn tự sự

a) Ngôi kể

Có thể kể chuyện theo ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, cũng có thể kết hợp cả hai ngôi kể trên. Mỗi ngôi kể đều có những ưu thế của nó.

Kể theo ngôi thứ nhất tức là người kể tự xưng "tôi" (không nhất thiết phải chính là tác giả), trực tiếp xuất hiện để dẫn dắt toàn bộ diễn biến của câu chuyện, tức là kể lại những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, và vì thế có thể trực tiếp nói ra những cảm tưởng, ý nghĩ của mình. Ở tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí*, *Bức tranh của em gái tôi*, *Con voi ở công viên Thủ Lệ*, các tác giả Tô Hoài, Tạ Duy Anh, Ngô Văn Phú đã sử dụng ngôi kể này. Các nhân vật tự xưng "tôi" : chú Dế Mèn, người anh trai, anh Phát là những người trực tiếp chứng kiến, tham gia câu chuyện, và đã gửi gắm trong lời kể những suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của mình. Các câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất thường là chuyện tường thuật, hồi ức. Chẳng hạn như : "Chao ôi, có biết đâu rằng : hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được" (*Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài).

Kể theo ngôi thứ ba là người kể tự giấu mình, không xuất hiện trực tiếp, gọi các nhân vật bằng chính tên gọi của chúng hoặc bằng các đại từ nhân xưng ở ngôi thứ ba : *ông (ấy)*, *bà (ấy)*, *anh (ấy)*, *chị (ấy)*, *cô (ấy)*,... Mọi diễn biến hành động, thái độ của tất cả các nhân vật đều được miêu tả một cách linh hoạt, tự do, không bị gò bó. Cách kể này có ưu thế là đảm bảo được tính khách quan của câu chuyện, khiến cho người đọc, người nghe có cảm giác toàn bộ diễn biến của câu chuyện đang diễn ra như nó đã từng có trong cuộc sống, và nhà văn chính là người thư kí ghi chép một cách trung thành và đầy sáng tạo. Hầu như đa số các tác phẩm tự sự, đặc biệt là các truyện cổ dân gian đều kể ở ngôi này : "Hùng Vương lúc về già, muốn truyền ngôi, nhưng nhà vua có những hai mươi người con trai, không biết chọn ai cho xứng đáng..." (truyện thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*) ; "Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo đi ở cho một nhà phú ông..." (truyện cổ tích *Sọ Dừa*) ; "Cô Mát, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng từ xưa vẫn sống với nhau rất thân

thiết..." (truyện ngụ ngôn *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*) ; "Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiền rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy dầu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiền đùa nghịch ở vườn nhà" (*Gió lạnh đầu mùa* – Thạch Lam).

Tuy nhiên, trong thực tế, có những trường hợp các nhà văn kết hợp cả hai ngôi kể trên, tức là có khi kể ở ngôi thứ nhất (xưng "tôi"), có khi lại kể ở ngôi thứ ba (dùng danh từ hoặc đại từ ở ngôi thứ ba để gọi nhân vật). Tiêu biểu cho cách kể này là tác phẩm *Thương nhớ Mười Hai* của Vũ Bằng. Trong phần "Tự ngôn", tác giả Vũ Bằng đã bộc bạch : "Tôi ghi lại *Thương nhớ Mười Hai* không nhằm mục đích gì cao rộng, chẳng qua chỉ là đánh dấu những ấn tượng hiện ra trong trí óc những buổi mây chiều gió sớm, "sầu biệt li với sáng đầy chiều" thấm nhận được trong những khi lạc bước trên những nẻo đường...". Chính vì vậy, tác giả đã để cho nhân vật chính xưng "tôi" vào vai người dẫn chuyện tự bày tỏ nỗi nhớ da diết trong lòng mình khi ở xứ người – nhớ Hà Nội, nhớ người vợ hiền, nhớ bao nhiêu kỉ niệm. Nhưng xen vào những trang tự thuật ấy, tác giả đã thay đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất "tôi" bằng một loạt cách xưng hô ở ngôi thứ ba. Khi thì gọi là "người chồng" ; khi thì dùng hình ảnh "người khách xa nhà" ; khi thì gọi là "y" ; có lúc lại dùng đại từ "anh ta".

b) Lời kể và lời thoại

Lời kể và lời thoại trong văn tự sự cũng đòi hỏi phải thật sự dụng công.

Trước hết, hãy nói về lời kể. Thông thường, nhắc tới lời kể là người ta nghĩ ngay tới lời dẫn dắt cốt truyện, giới thiệu thời gian không gian theo kiểu "Ngày xưa ngày xưa, ở tại một làng nọ...", hay "Buổi sáng hôm ấy"..., "Có lần...", "Một hôm...". Hoặc là lời kể về sự kiện diễn ra trong truyện : "Ngay nhíp trống dẫu, Quắm đen đã lăn xả vào ông Cản Ngũ đánh ráo riết" (*Ông Cản Ngũ* – Kim Lân). Lời kể còn là lời giới thiệu nhân vật – giới thiệu về lai lịch, tên tuổi, đặc điểm hình dáng, tính tình : "Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ" (truyện thuyết *Con Rồng cháu Tiên*). Tuy nhiên, trong các

tác phẩm, lời kể rất linh hoạt, bao gồm trần thuật (thông báo sự việc) ; miêu tả (tả người, tả cảnh,...), tường thuật (ghi lại thời gian, không gian, diễn biến sự việc,...). Có nghĩa là ngay trong cùng một đoạn văn tự sự đã phải bao gồm tất cả các hình thức ấy.

Còn lời thoại cũng phải rất sáng tạo. Người viết văn tự sự phải chọn lời thoại thật hợp với văn cảnh, hợp với nhân vật (liên quan tới tuổi tác, nghề nghiệp, tính cách,...). Lời nhân vật là thiếu nhi thì hồn nhiên, ngây thơ, pha chút nũng nịu ; lời nhân vật là người già thì điềm đạm,... Đặc biệt là trong lời thoại phải có kèm đệm chêm xen những từ ngữ đưa đẩy để làm rõ thái độ của nhân vật. Các nhà văn thường dùng kiểu ngôn ngữ đối thoại sát với đời thường, thậm chí có thể sử dụng ngôn ngữ địa phương để tăng thêm tính chân thực cho nhân vật. Câu văn trong đối thoại cũng không nhất thiết phải đầy đủ kết cấu C – V, có thể dùng kiểu câu tỉnh lược.

Ta hãy đọc một đoạn hội thoại trích từ một tác phẩm của nhà văn Đoàn Giỏi :

"Một thằng bé gánh tòn ten hai con chim gì lạ quá, cổ dài như cổ rắn, to gấp rưỡi con vịt bầu, sắc lông màu vàng xám.

– Ê, bán chim gì đó, mậy ?– Tôi men theo, tay chấp dít hất hàm hỏi nó.

– Con diêng diêng mà cũng không biết !

Cặp môi nó trề ra, cái mặt vênh vênh, nhưng bộ tướng nhỏ thó và đôi mắt chân thật của nó nhìn lâu cũng thấy dễ mến.

– Bộ mày ở đâu mới tới hả ?– Nó hỏi tôi.

– Ờ, mới tới. Xứ tao cũng... vô khối chim. Nhưng không giống như chim ở đây, thành ra tao mới hỏi mày chứ ! – Tôi nói phét với nó như vậy, để nó đừng chê tôi là quê !".

(Đất rừng phương Nam – Đoàn Giỏi)

Thông thường, lời thoại trong văn tự sự chỉ làm nhiệm vụ hỗ trợ cho lời dẫn chuyện. Nhưng có những trường hợp, tác giả lại dùng chính lời thoại làm yếu tố cơ bản để toát lên nội dung chủ đề của tác phẩm. Chỉ cần thông qua lời thoại, người đọc, người nghe đã hiểu được dụng ý của tác giả muốn gửi gắm trong tác phẩm. Câu chuyện vui *Thưa cô, tự nhiên nó như thế đấy ạ !* là một dẫn chứng sinh động.

"Khướu là một cậu học sinh lém lỉnh. Trong lớp, lẽ ra ngồi nghe cô giáo giảng bài và chăm chú theo dõi cô viết trên bảng thì cậu bé hết quay bên phải lại xoay sang bên trái ba hoa chuyện trò với bạn. Các bạn xung quanh bị cậu ta quấy rầy cũng chẳng thích thú gì, vì nhiều lần có bạn cũng đã bị cô giáo phê bình "lây".

Hôm ấy, ngồi ở lớp, Khướu quen tính, lại tán chuyện với bạn khá ồn ào. Nhắc mãi không được, cô giáo buộc lòng phải tạm dừng việc giảng bài để dành riêng cho cậu bé một bài học thật là thú vị.

Cô hỏi :

- Khướu, em có mấy cái tai ?
- Thưa cô, em có hai cái tai.
- Em có mấy con mắt ?
- Thưa cô, em có hai con mắt.
- Thế em có mấy cái miệng ?
- Thưa cô, em chỉ có một cái miệng.

Cô lại hỏi :

- Thế, tại sao em chỉ có một cái miệng mà lại có những hai cái tai và hai con mắt ?

Khướu lúng túng :

- Thưa cô... em không biết ạ !... À, thưa cô, tại... tự nhiên nó như thế đấy ạ !

Cả lớp bỗng cười rộ lên làm Khướu đỏ bừng cả mặt. Nhưng cô giáo vẫn ôn tồn :

- Em cứ nghĩ kĩ xem !... Thế, cô hỏi nhé ! Người ta có mắt để làm gì nhỉ ?
- Thưa cô, để nhìn ạ !
- Thế, tai ?
- Thưa cô, tai để nghe ạ !
- Còn miệng ?
- Thưa cô... để nói ạ !

Cô giáo mỉm cười :

- Thế đấy nhé ! Nếu người ta có những hai cái tai để nghe, hai con mắt để nhìn, mà chỉ có một cái miệng để nói, như vậy, có nghĩa là em phải dùng mắt hai lần để nhìn, dùng tai hai lần để nghe, và chỉ nên dùng cái miệng có một lần để nói thôi đấy nhé ! Có đúng không nào ?

Khướu bỗng then thùng cúi đầu xuống, mặt càng đỏ như lên. Cậu ta lúng túng :

– Thưa cô... Em xin hứa với cô... từ nay em không nói chuyện nữa ạ !

(Quý Thanh kể, phỏng theo *Truyện vui nước ngoài*)

c) Thứ tự kể trong văn tự sự

Việc sắp xếp thứ tự kể trong một tác phẩm tự sự là cả một nghệ thuật. Người ta có thể kể theo thứ tự thời gian, chuyện xảy ra trước kể trước, chuyện xảy ra sau kể sau. Đây là trình tự thường thấy ở các truyện kể dân gian. Để làm nổi bật diễn biến của cốt truyện, tác giả dân gian thường dùng một tập hợp gồm các từ ngữ chỉ thời gian đặt ở đầu các đoạn truyện : Ngày xưa ngày xưa... ; Hồi ấy... ; Một hôm... ; Từ đó... ,v.v.

Truyện Cây khế :

"Ngày xưa, có hai anh em, bố mẹ mất sớm...

Năm nào cây khế cũng sai trĩu quả...

Một buổi sáng, người em ra vườn thì thấy một con chim lạ đang mổ khế trên cành...

Sáng hôm sau, chim lại đến đưa người em đi lấy vàng...

Từ đó, hai vợ chồng người em trở nên giàu có...

Từ ngày đổi được cây khế, hai vợ chồng người anh nóng ruột chờ đợi...

Một buổi sáng chim lạ lại đến ăn khế...

Sáng hôm sau, chim bay tới đưa người anh đi lấy vàng..."

Hoặc truyện *Con Rồng cháu Tiên* : "Ngày xưa... Bấy giờ... Ít lâu sau... Thế rồi một hôm..." :

Ta cũng có thể kể chuyện theo trình tự các nhân vật. Kể diễn biến cuộc đời của nhân vật này rồi lại chuyển sang kể diễn biến cuộc đời của nhân vật khác. Trình tự kể này thường thấy ở các truyện Nôm.

Ví như ở *Truyện Kiều* :

– Giới thiệu về nhân vật Thuý Kiều và cuộc gặp gỡ giữa Kiều và Kim Trọng.

– Kể về chặng đường mười lăm năm lưu lạc của Thuý Kiều.

– Kể về những sự kiện diễn ra trong cuộc đời chàng Kim và chặng đường chàng đi tìm Thuý Kiều.

– Kể về cảnh đoàn viên.

Trong thực tế, các nhà văn không máy móc tuân thủ một cách kể mà thường có sự phối hợp, đan xen trình tự thời gian với cuộc đời của từng nhân vật. Trình tự

thời gian cũng có thể đảo lộn : đi từ hiện tại quay về quá khứ, nhắc lại quá khứ để rồi lại trở về với thực tại. Trong truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, tác giả dùng cách kể này. Câu chuyện mở đầu bằng hiện tại – cuộc trò chuyện giữa những người cán bộ kháng chiến đang chờ đợi chuyển đi tại một trạm giao liên. Trong cuộc trò chuyện ấy, tác giả tập trung giới thiệu nhân vật một đồng chí già – ông Ba – và câu chuyện của ông về chiếc lược ngà. Qua câu chuyện này, thời gian quá khứ được khơi dậy. Ngay câu chuyện về chiếc lược ngà mà ông Ba kể lại cũng không theo trình tự thời gian. Ban đầu, ông giới thiệu về quá khứ gần (chuyện xảy ra cách đây hơn một năm với những kỉ niệm về một cô giao liên dũng cảm, gan dạ đã giúp ông và các đồng chí của ông an toàn vượt qua mưa bom bão đạn của kẻ thù). Trong câu chuyện xuất hiện hình ảnh chiếc lược ngà. Và qua hồi ức của nhân vật ông Ba, lai lịch về chiếc lược ngà được giới thiệu rõ, làm sống dậy một quá khứ đã rất xa (kỉ niệm về người đồng đội và cuộc nghỉ phép thăm nhà ngắn ngủi của ông khi hoà bình vừa lập lại). Cứ như thế, dút quá khứ xa thì người kể chuyện lại trở về quá khứ gần (cảnh ông nhận ra cô giao liên dũng cảm chính là con gái người đồng đội cũ đã hi sinh – người mà ông cần trao lại chiếc lược ngà). Và tác phẩm kết thúc tại đó.

II – NHỮNG LƯU Ý KHI LÀM VĂN TỰ SỰ

1. Cách xác định cốt truyện và tạo tình huống

Xác định cốt truyện là việc làm đầu tiên của một nhà văn khi muốn hình thành tác phẩm tự sự. Đối với các nhà văn, công việc này hết sức cần thiết và quan trọng, nhưng cũng hoàn toàn không đơn giản. Để có một cốt truyện hay, nhà văn phải hết sức dụng công. Nào là tìm tòi những câu chuyện có thực diễn ra trong cuộc sống. Nào là lựa chọn, sắp xếp, thêm bớt, sửa đổi để hình thành một cốt truyện mới cho tác phẩm của mình.

Đối với người học sinh làm văn tự sự, việc tìm cốt truyện cũng rất khó khăn. Thông thường học sinh hay tạo ra những cốt truyện đơn giản, khuôn sáo, thiếu sức hấp dẫn. Chẳng hạn như gặp đề tập làm văn yêu cầu kể câu chuyện về gương người tốt việc tốt, đa số các em chọn cốt truyện kể về việc giúp đỡ một anh thương binh qua đường phố đông người ; giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ ; giúp một em bé lạc tìm được người thân,... (những cốt truyện này thường đã sẵn có trong các bài học đạo đức mà các em đã được học và đọc qua). Hoặc khi gặp đề văn yêu cầu kể về tình bạn, các em chỉ kể đơn giản : gặp bạn và làm quen như thế nào ?

Biểu hiện tình bạn thân thiết ra sao ? (cùng học một lớp, cùng ngồi một bàn, đi về chung một đường, v.v.).

Có nghĩa là trong câu chuyện kể của các em quá ít tình tiết, sự kiện. Diễn biến câu chuyện thường đơn giản, hời hợt, không có những tình huống bất ngờ khiến cho người đọc cảm thấy bài văn nhạt nhẽo. Thậm chí, có những bài làm chưa xác định đúng trọng tâm yêu cầu nên dẫn tới xa đề.

Sau đây là bài làm của một học sinh lớp 7 (khóa học 2000 - 2001), khi cô giáo ra đề văn kể chuyện "Hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ về người bạn thân giờ đã chuyển đi xa " :

Tôi và Hà là đôi bạn thân. Giờ Hà đã cùng gia đình chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng những kỉ niệm cũ về người bạn ấy vẫn luôn sống mãi trong lòng tôi.

Chúng tôi làm quen với nhau từ đầu năm học lớp 4. Lần ấy bố mẹ tôi bận đi công tác xa, thế là tôi được chuyển về quê ở với ông bà nội và học tại trường tiểu học xã nhà. Ngày khai giảng, ông nội dắt tôi tới trường. Lạ thấy, lạ bạn, tôi cứ đứng nép sau người ông khiến cho lũ học trò lại càng tò mò. Tôi được xếp vào lớp 4A. Ngồi cùng bàn với tôi là một cô bạn người nhỏ nhắn, nước da ngăm đen và có hai bím tóc được tết lại gọn gàng. Đó là Hà. Suốt buổi học, mỗi lần nhìn quanh, tôi lại bắt gặp những ánh mắt xa lạ và không mấy thiện cảm. Chả là trông vóc dáng bẽ ngoài, tôi khác xa với lũ trẻ ở đây. Những năm sống ở thành phố, suốt ngày chỉ có ăn với học, không phải đụng chân tay vào bất cứ việc gì nên tôi có nước da trắng trẻo, vóc dáng lại cao lớn hơn bạn bè cùng lứa. Thêm vào đó là mái tóc cắt cao trông hơi kiêu kì. Những cái nhìn xoi mói của lũ bạn mới khiến tôi cảm thấy khó chịu và muốn quay về thành phố ngay. Nhưng Hà đã giúp tôi nhanh chóng hoà nhập với bạn bè xung quanh. Ngay từ những phút đầu tiên, cô bé đã nheo mắt cười cười làm quen với tôi. Giờ ra chơi, Hà tranh thủ giới thiệu với tôi về cô giáo chủ nhiệm, về các bạn trong lớp. Rồi sau đó, Hà kéo tôi ra sân, rủ tôi cùng tham gia trò nhảy dây với các bạn. Cuối buổi học, Hà đi cùng tôi về nhà. Rất may là chúng tôi cùng đường. Nhà Hà ở ngay trong xóm mà ông bà tôi đang sống.

Từ buổi ấy, tôi và Hà trở thành đôi bạn thân. Hà sống ở đây đã lâu nên ngõ ngách nào cũng thông thuộc. Chiều chiều, chúng tôi cùng bọn trẻ trong xóm lừa trâu ra bãi cỏ rộng sau làng. Đây là vương quốc riêng của bọn trẻ. Thôi thì đủ các trò : nào thả diều, nào đánh trận giả, nào nhảy dây, kéo co,... Đứa nào cũng thủ sẵn một thứ quà vặt trong túi : mấy quả ổi xanh, một nắm lạc luộc, chùm dâu da

chín,... Ban đầu, thấy tôi còn ngại ngùng rụt rè, Hà kéo tay tôi ào vào nhập cuộc. Lâu quen dần, tôi trở nên bạo dạn. Cũng chạy nhảy. Cũng hò hét. Nét da trắng hồng của tôi đã được "nhuộm màu" nhưng điều đó không làm tôi bận tâm. Bởi vì tôi đã có được một quãng tuổi thơ đầy ý nghĩa.

Hà còn là một cô bé học giỏi. Từ khi có tôi cùng lớp, Hà thường rủ tôi học nhóm hoặc trao đổi bài ngay trên đường từ nhà đến trường. Tôi rất ngạc nhiên trước sự thông minh và vốn hiểu biết của Hà. Ở thành phố, tôi đã từng được mệnh danh là "mọt sách", từng được công nhận là "cây toán" của lớp. Vậy mà về đây, có những lúc giải toán, tôi vẫn thua Hà. Không dám nói ra, nhưng tôi thầm cảm phục cô bạn nhỏ bé của mình. Cứ thế, chúng tôi luôn sát cánh bên nhau cùng học, cùng chơi. Trong hai kì thi học sinh giỏi lớp 4 và lớp 5, cả hai chúng tôi đều đạt giải cao.

Khi chúng tôi học hết tiểu học, bố mẹ tôi cũng hoàn thành chuyển công tác xa, xin phép ông bà nội đón tôi lên thành phố. Và thật ngẫu nhiên, đó cũng là lúc Hà cùng gia đình chuyển vào Nam. Thế là chúng tôi xa nhau. Buổi chia tay diễn ra vô cùng xúc động. Đứa nào cũng khóc. Nhưng chúng tôi biết rằng khoảng cách không gian và thời gian sẽ không thể nào chia cắt nỗi tình bạn thân thiết của chúng tôi.

(Bài làm của học sinh)

Đọc bài văn trên, ta thấy người viết đã đáp ứng được phần nào yêu cầu của đề ra. Tức là làm đúng thể loại (văn tự sự). Nội dung câu chuyện có đề cập tới kỉ niệm về người bạn thân. Thời gian tương đối hợp lí (chuyện xảy ra trong quá khứ). Nhân vật phần nào đó đã được miêu tả với những hình ảnh khá cụ thể và sinh động (Nhân vật Hà có vóc "người nhỏ nhắn", "nước da ngăm đen", "hai bím tóc được tết lại gọn gàng". Còn nhân vật "tôi" thì "nước da trắng trẻo", "vóc dáng cao lớn", "mái tóc cắt cao trông hơi kiêu kì"). Về diễn đạt, lời văn rõ ràng, trôi chảy. Tuy nhiên, xét kĩ, ta sẽ phát hiện ra nhiều điểm chưa ổn trong bài. Đặc biệt là lỗi về cốt truyện. Câu chuyện kể còn rời rạc, lan man, nhất là phần sau. Đề ra chỉ yêu cầu kể "một kỉ niệm đáng nhớ" nhưng bài làm thì đề cập tới một quãng thời gian hai năm (lớp 4 và lớp 5) với khá nhiều kỉ niệm. Mà kỉ niệm nào cũng chỉ được nhắc tới thoáng qua, không đủ sức gây ấn tượng cho người đọc. Lỗi này thể hiện rõ ngay từ phần mở bài. Lẽ ra sau ý khái quát "những kỉ niệm cũ về người bạn ấy luôn sống mãi trong lòng tôi", người viết nên giới hạn bằng "một kỉ niệm đáng nhớ" như đề ra đã yêu cầu. Và vì kể lan man nhiều kỉ niệm nên cốt truyện rất rời rạc. Đã vậy, người kể chưa tạo được tình huống cho câu chuyện. Chẳng hạn như bài kể chuyện chỉ cần tập trung vào kỉ niệm viết về người bạn thân trong buổi đầu tiên nhân vật

"tôi" đến trường mới, dựng thêm tình huống nhân vật "tôi" bị lũ trẻ cùng trường (hoặc cùng lớp) trêu chọc, chế giễu về một đặc điểm nào đó khiến cho "tôi" buồn tủi, muốn bỏ học quay trở về trường cũ. Đúng lúc đó, nhân vật Hà đã xuất hiện, dùng lời lẽ để ngăn cản trò trêu chọc của bọn trẻ, bảo vệ cho nhân vật "tôi",... Hoặc cũng có thể chọn một kỉ niệm đáng nhớ trong chuỗi ngày nhân vật "tôi" cùng Hà và lũ trẻ trong xóm chơi đùa trên bãi cỏ sau làng. Tuy nhiên, dù ở tình huống nào, người kể cũng nên cố gắng làm nổi bật vẻ đẹp đáng mến phục của nhân vật Hà – người bạn thân.

Sau đây, ta có thể tham khảo một bài văn cùng yêu cầu về nội dung như trên nhưng có những khác phục về cốt truyện và cách kể :

– Lan ơi ! Cháu có thư này !

Nghe tiếng gọi của bác đưa thư, tôi vội vã chạy ra cổng. Thì ra là thư của cái Hà – cô bạn gái thân thiết đã cùng học với tôi những năm cuối cùng của bậc tiểu học. Giờ Hà đang ở cùng với bố mẹ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nhìn nét chữ tròn, hơi nghiêng nghiêng đã trở nên vô cùng quen thuộc trên bì thư, tôi xúc động quá. Bao nhiêu kỉ niệm cũ sống dậy trong lòng tôi. Nhưng có lẽ nhớ nhất là cái buổi đầu tiên tôi gặp và quen Hà...

Đó là một buổi sáng mùa thu, năm tôi bắt đầu vào lớp 4. Vì bố mẹ bận đi công tác xa nhà trong một thời gian dài nên tôi được gửi về quê ở với ông bà nội. Ngày khai giảng, ông đưa tôi đến trường làng. Là một cô bé chủ yếu sống và lớn lên ở thành phố, dù đã từng làm liên đội trưởng, và đã được các cô giáo cùng bạn bè ở trường cũ khen là "nhanh nhẹn", "bạo dạn", nhưng không hiểu sao khi theo ông đến trường làng, tôi lại trở nên rụt rè. Xung quanh tôi, cái gì cũng lạ lẫm. Con đường làng cong cong đi men giữa những rặng tre và những bờ lúa còn ướt dẫm sương. Ngôi trường đơn sơ với những dãy nhà ngói đã cũ kĩ. Cái cổng sơn xanh nép dưới bóng một cây phượng già cỗi. Sân chơi khá rộng, nhưng đầy cát chứ không được lát gạch như ở trường cũ của tôi. Thỉnh thoảng, có cậu học trò tinh nghịch nào đó vừa đi vừa ỉu chân hất cát lên là y như rằng bụi tung mù mịt. Còn bọn trẻ thì khỏi phải nói. Sau một mùa hè chạy nhảy dưới nắng, da đứa nào đứa nấy đen nhẻm, tóc thì cháy như râu ngô. Ngày khai trường nhưng chúng cũng ăn mặc rất giản dị với những cái quần xanh, áo trắng đã cũ. Cả mũ ca lô và khăn quàng đỏ cũng cũ. Còn tôi lại xúng xính với một bộ trang phục còn mới tinh. Từ quần áo, mũ khăn cho đến cả đôi dép Bitis màu trắng sữa. Thêm vào đó, tôi lại có vóc người khá cao và nước da trắng hồng, trông ra dáng "tiểu thư yếu điệu" như các cô các chú ở quê vẫn đùa. Có lẽ vì vậy mà tôi cảm thấy mình trở nên lạc lõng giữa ngôi trường và lũ bạn mới.

Sau khi dẫn tôi vào lớp 4A theo lời giới thiệu của thầy giáo Hiệu trưởng, ông tôi ra về. Chưa đến giờ làm lễ khai giảng, ngồi trong lớp cũng buồn, tôi mon men ra đứng ở cửa nhìn lũ trẻ chơi đùa. Ngay lập tức, tôi trở thành tiêu điểm để lũ học trò nghịch như quỷ sứ kia chú ý. Đầu tiên là một thằng bé tóc húi cua, mặt mũi đen nhẻm, cao lêu đêu, ra dáng đại ca lên tiếng :

– Ê ! Chúng mày nhìn kìa ! Hôm nay lớp 4A được đón một "tiểu thư xinh đẹp" đấy ! Trông "quý bà" mới ra dáng làm sao !

Cả bọn cười tán thưởng làm tôi ngượng chín mặt. Đã vậy, một vài đứa còn xì xào :

– Da nó trắng quá chúng mày ạ !

–Trắng gì ! Nó bôi phấn đấy. Lũ trẻ con thành phố dạo này cũng đua đòi ăn chơi lắm...

Buồn tủi, không hiểu sao nước mắt tôi trào ra. Tôi thấy mình cô độc. Lũ trẻ càng khoái trá. Chúng được dịp nhao lên :

– Mới đùa tí chút mà đã "nhè" chúng mày ời !

– Mít ướt ! Mít ướt !...

Vừa lúc ấy, một cô bé có vóc người nhỏ nhắn xuất hiện :

– Các bạn làm gì đấy ! Thấy người ta lạ nên bắt nạt phải không ? Thôi ngay cái trò vớ vẩn ấy đi, không tí nữa tớ báo cáo cô giáo.

Bọn trẻ đang hào hứng, tự nhiên im bặt. Một đứa dẩu miệng, nói vớt vát :

– Gớm ! Gì mà hắc thế hả lớp trưởng ! Bọn này đùa tí cho vui ấy mà !

Vừa lúc ấy, tiếng trống vang lên báo hiệu các lớp ra tập trung tại sân trường để làm lễ khai giảng. Cả bọn được dịp chạy ừa đi. Hà kéo tay tôi ra chỗ tập trung. Đến lúc này, tôi mới có dịp nhìn kĩ cô bạn gái – lớp trưởng lớp 4A. Hà có gương mặt thông minh, không xinh lắm nhưng ai đã nhìn một lần thì rất khó quên. Một đôi mắt mở to, đen láy. Một cái mũi hơi hếch trông ngổ ngỗ. Vầng trán cao, phát phơ mấy sợi tóc mai hoe vàng. Hai bím tóc ngắn được tết lại gọn gàng, ngoe nguẩy theo mỗi nhịp bước đi của Hà. Như bọn trẻ ở đây, Hà cũng có nước da ngăm đen. Khi Hà cười, để lộ mấy cái răng khểnh, toát lên vẻ tinh nghịch, dễ mến, và trông càng có duyên. Bước theo Hà, tôi thoáng nghĩ trong bụng : "Cô bạn lớp trưởng này có lẽ cũng hắc lắm đây ! Nhìn thái độ của bọn con trai lúc nãy thì biết. Chỉ một câu nói mà Hà đã có thể khiến cho bọn chúng phải tuân phục cơ mà !".

Từ đó, tôi và Hà trở thành đôi bạn thân. Chúng tôi không chỉ học cùng lớp, mà còn ngồi cùng bàn và đi học cùng đường nữa đấy. Nhà Hà ở ngay trong xóm

mà ông bà nội tôi đang sống. Càng chơi, tôi càng phát hiện ra ở Hà nhiều nét đáng quý. Tôi khâm phục Hà không chỉ vì Hà học giỏi, thông minh mà còn bởi ở Hà luôn toát lên vẻ cương nghị, chân thành. Xét về tính cách thì Hà có vẻ "người lớn" hơn tôi nhiều. Chính Hà đã giúp tôi nhanh chóng hoà nhập với bạn bè và mọi người xung quanh.

Khi tôi kết thúc năm học lớp 5, bố mẹ tôi cũng hoàn thành chuyển công tác xa, về quê xin phép ông bà nội đón tôi trở lại thành phố. Và thật ngẫu nhiên, Hà cũng cùng gia đình chuyển vào Nam. Thế là chúng tôi phải xa nhau. Buổi chia tay của chúng tôi diễn ra thật lưu luyến, bịn rịn. Hai năm trôi qua với biết bao nhiêu kỉ niệm, làm sao chúng tôi có thể quên. Giờ cầm lá thư trên tay, nhìn những dòng chữ quen thuộc, tôi như đang hình dung được gương mặt bầu bĩnh, cương nghị và thông minh của Hà. Và tôi tin rằng khoảng cách không gian, thời gian chắc chắn sẽ không bao giờ có thể làm cho tình bạn giữa chúng tôi phai nhạt. Phải vậy không Hà ?

Từ việc so sánh hai bài văn trên, ta có thể rút ra một số lưu ý trong thao tác xây dựng cốt truyện khi làm văn tự sự :

Thứ nhất, cốt truyện cần phải có nhiều tình tiết với những diễn biến phong phú. Không nên chọn cốt truyện quá đơn giản. Dù là kể chuyện người thật việc thật, hay kể chuyện sáng tạo thì cốt truyện cũng phải bắt rễ từ hiện thực cuộc sống. Có thể hư cấu, tức là thay đổi, thêm bớt tình tiết để cốt truyện hay hơn, hấp dẫn hơn, nhưng tránh bịa cốt truyện. Có nghĩa là không được đưa vào cốt truyện những tình tiết phi lí, thiếu thực tế. Chẳng hạn như muốn cho nhân vật có sự thay đổi trong tính cách, hoặc chuyển từ học kém sang học giỏi thì cần phải có một thời gian dài, không thể tính bằng một tháng hay một học kì. Ngay cả sự thay đổi trong nhân vật cũng phải ở một chừng mực nhất định. Đừng đưa vào những tình tiết có tính đột biến tới mức phi lí. Một học sinh vốn học ở mức độ kém (do lười biếng), sau một thời gian ngắn, nếu phấn đấu tốt và có sự giúp đỡ của thầy cô, bạn bè thì cũng chỉ có thể vươn lên trở thành một học sinh tiên tiến chứ không nhất thiết phải thối phồng lên, cho nhân vật trở thành một học sinh giỏi huyện, giỏi tỉnh hay giỏi quốc gia. Ở tuổi học trò, nếu có những hoạt động tương thân tương ái, giúp đỡ bạn nghèo thì cũng chỉ dừng lại ở mức độ vừa phải, hợp lí : người tặng bạn quyển vở, người tặng bạn mấy quyển sách giáo khoa, có người góp tiền ăn sáng để giúp bạn,... Không thể tặng bạn những vật đắt tiền như chiếc xe đạp hay những bộ quần áo, v.v.

Thứ hai, trong chuỗi các tình tiết được đưa vào cốt truyện, người kể phải biết xác định tình tiết nào chính, tình tiết nào phụ. Nếu kể các tình tiết với giọng kể

đều đều, tình tiết nào cũng lần lượt được dẫn ra tỉ mỉ thì câu chuyện quá dài. Ngược lại, tình tiết nào cũng chỉ được điểm qua thì cốt truyện lại quá hời hợt, không đủ sức tạo dấu ấn cho người đọc, người nghe. Nói như vậy có nghĩa là người kể chuyện phải biết nhấn vào những tình tiết quan trọng và lướt qua những tình tiết phụ, dùng tình tiết phụ tạo nền để làm nổi bật tình tiết chính. Số lượng tình tiết chính cũng không nên nhiều quá.

Thứ ba, cần tạo tình huống cho cốt truyện. Tình huống được tạo nên phải thật bất ngờ, thậm chí người đọc có thể chưa lường tới. Việc đưa tình huống và xử lí tình huống cũng đòi hỏi thật linh hoạt, khéo léo. Không nên vội vàng, hấp tấp giải quyết ngay tình huống vừa đưa ra, mà nên chọn thời điểm giải quyết tình huống một cách hợp lí và bất ngờ, cuốn hút người đọc, người nghe (chẳng hạn như cách giải quyết tình huống ở cuối truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi*. Ở truyện ngắn này tác giả đã dẫn dắt tình tiết cốt truyện một cách khéo léo, đẩy tâm trạng bức bối, khó chịu của người anh lên đến đỉnh điểm, để rồi kết thúc tác phẩm, với chi tiết bức tranh dự thi nhan đề "Anh trai tôi" của cô em gái, tác giả đã giải toả tâm lí nặng nề của người anh trai, khiến cho nhân vật này sung sướng, bàng hoàng, vừa xúc động vừa xấu hổ trước tấm lòng nhân hậu, độ lượng của cô em gái). Xây dựng tình huống đặc sắc là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của cốt truyện.

2. Cách xây dựng nhân vật

Thông thường, khi làm văn kể chuyện, học sinh chỉ chú ý tới cốt truyện mà lại bỏ qua yêu cầu xây dựng nhân vật. Hay nói một cách khác, bài văn tự sự của các em cũng có nhân vật, nhưng các nhân vật xuất hiện trong truyện rất mờ nhạt, không rõ đặc điểm (kể cả ngoại hình lẫn tính cách). Các em chỉ quan tâm tới diễn biến của câu chuyện mà chưa để ý tới việc khắc hoạ chân dung các nhân vật của mình. Thậm chí các em cũng chưa cân nhắc với những câu hỏi : Cần số lượng bao nhiêu nhân vật là vừa ? Nhân vật nào chính ? Nhân vật nào phụ ? Lúc nào thì cần sự xuất hiện của nhân vật này hay nhân vật kia ? v.v. Người kể chuyện nhiều khi nói toạc ra đặc điểm nhân vật của mình chứ không phải thông qua miêu tả để nhân vật tự toát lên. Đọc bài văn tự sự của các em, người đọc chỉ dõi theo được diễn biến của sự việc một cách tẻ nhạt, đơn điệu. Chẳng hạn như kể chuyện giúp đỡ chú thương binh thì chỉ quan tâm tới địa điểm (gặp chú ở đâu ?), thời gian (lúc nào ?), hành động (đã làm gì để giúp chú ?), diễn biến và kết quả (câu chuyện kết thúc như thế nào ?). Hay kể về sự tiến bộ của một cậu học sinh thì cũng chỉ quan tâm tới biểu hiện ban đầu trong tính cách của nhân vật (học kém, hay đi chậm, hay nói chuyện riêng, hay quên các thứ trang phục như khăn quàng đỏ, mũ ca lô,... khiến cho lớp bị trừ điểm thi đua) ; và diễn biến quá trình thay đổi (lớp tìm cách giúp đỡ, phân công người kèm cặp, chia sẻ, động viên

khiến cho cậu học sinh cá biệt ấy cảm động, tự sửa mình thành một học sinh tốt). Trong khi đó, từ đầu tới cuối câu chuyện, người kể không hề miêu tả nhân vật, từ nội tâm đến ngoại hình, tức là hình ảnh chân dung nhân vật bị mờ nhạt trước hệ thống các chi tiết liên tiếp nối nhau.

Sau đây là một số lời khuyên dành cho các em trong thao tác xây dựng nhân vật khi làm văn tự sự :

Trước hết, các em hãy lựa chọn số lượng nhân vật phù hợp với cốt truyện, đồng thời xác định rõ nhân vật nào chính, nhân vật nào phụ. Kinh nghiệm cho thấy vì bài văn tự sự của học sinh không dài nên số lượng nhân vật cũng không cần quá nhiều, đồng thời cũng không được quá ít. Nếu quá nhiều, thì sẽ khó xác định được nhân vật nào chính, nhân vật nào phụ. Thậm chí có những nhân vật trở nên bị thừa, không cần thiết cho cốt truyện. Ngược lại, nếu số lượng nhân vật quá ít thì không đủ để chuyển tải hết nội dung cốt truyện.

Thứ hai, nhân vật (dù chính hay phụ) thì cũng nên được miêu tả với một chân dung cụ thể, có tên tuổi, vóc dáng, trang phục, diện mạo, tính tình. Tức là phải quan tâm tới thao tác miêu tả ngoại hình để làm nổi bật tính cách nhân vật. Việc đặt tên cho nhân vật cũng nên cân nhắc. Đối với các nhân vật thiếu nhi, có thể gắn tên với một biệt hiệu nào đó làm nổi bật đặc điểm hình dáng hoặc tính cách. Ví dụ như nhân vật nghịch ngợm thì gắn với những biệt hiệu có vẻ "gấu" một tí : "mập", "gấu", "cá sấu", "se", "ve",... ; nhân vật thông minh học giỏi thì có thể gắn với các biệt hiệu : "bác học", "nhà thông thái",... ; nhân vật hay quay cóp giấy tài liệu hoặc xem bài của bạn thì gắn với biệt hiệu : "hươu cao cổ", "phôtôpcóppi",... Hay việc miêu tả ngoại hình cũng phải cân nhắc thật kỹ lưỡng. Không phải nhân vật nào cũng tả từ đầu tới chân. Tuỳ theo các đặc điểm tính cách, tuổi tác hay tình huống truyện mà chọn những nét ngoại hình phù hợp. Nhiều khi một nhân vật chỉ cần khắc sâu bằng một nét đặc điểm ngoại hình hay tính cách nào đó cũng có thể gây ấn tượng đậm nét cho người đọc : Một điệu cười, một chiếc răng khểnh, một vóc người cao lêu đêu với cặp chân dài, đôi bím tóc ngoe nguẩy, cái cằm lẹm, chiếc mũi hếch, động tác vừa đi vừa nhún nhảy, cái miệng rộng mỗi khi cười như ngoác đến tận mang tai,... Tạo dựng chân dung nhân vật với những đặc điểm ngoại hình, tính cách sẽ góp phần rất lớn trong quá trình làm nổi bật chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Thứ ba là nhân vật được xây dựng trong tác phẩm tự sự phải xuất phát từ những nguyên mẫu ngoài đời. Không nên "bịa" nhân vật mà dẫn tới những chân dung phi lí. Một cậu bé người thành phố thì thường có vóc dáng thư sinh, nước da

trắng trẻo, kèm theo cặp kính cận ; còn cậu bé ở nông thôn thì thường có nước da ngăm đen (hoặc đen cháy), tóc hoe vàng, chân tay chầy nịch,... Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là khi xây dựng nhân vật, người viết văn tự sự phải tuân thủ những khuôn mẫu cứng nhắc, sáo mòn. Trong thực tế rất cần có sáng tạo với những nét đặc điểm bất ngờ, không đi theo quy luật. Có thể coi đó là những ngoại lệ. Nhưng khi tả ngoại lệ thì cần phải có sự lí giải, và phải gắn với một dụng ý nào đó của người kể chuyện. Ví như tả một cô bé ở nông thôn, sớm gần bó với đồng ruộng, hay lam hay làm, mà lại có nước da trắng hồng thì vẫn có thể chấp nhận được, nhưng phải thể hiện dụng ý của người kể là tô đậm thêm màu da của cô bé : cái nắng gay gắt của trời, màu bùn đen của đất cũng không nhuộm nổi làn da trắng mịn màng của cô bé.

3. Cách viết lời kể, lời thoại

Về lời kể, người viết văn tự sự phải biết cân nhắc, gọt giũa. Đây là lời dẫn dắt cốt truyện nên nó có ý nghĩa tạo sức lôi cuốn, chinh phục người đọc, người nghe. Dù kể theo ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba thì tầm quan trọng của lời kể vẫn không thay đổi. Thực tế bài làm của học sinh cho thấy các em thường ít chú trọng thay đổi lời kể cho linh hoạt, chỉ dùng lời kể đơn điệu, miễn sao đưa ra hết các nội dung thông tin cho cốt truyện là đủ. Ví như muốn nói tới diễn biến thời gian khi cốt truyện phát triển thì cứ lặp đi lặp lại mãi cụm từ : "sau đó", "sau khi", "một hôm",... Hoặc câu văn diễn đạt chủ yếu dùng kiểu câu trần thuật có ý nghĩa mô tả, khẳng định.

Sau đây là một số lưu ý khi viết lời kể trong văn tự sự :

Thứ nhất, lời kể phải rõ ràng nhưng kín đáo, ý nhị. Không nên quá cầu kì, dài dòng, nhưng cũng không được quá hời hợt, sơ lược. Điều quan trọng là thông qua lời kể, người viết văn tự sự phải làm toát lên được nội dung cốt truyện, chủ đề của câu chuyện cũng như thái độ, tình cảm của mình. Nếu như lời kể lấp lửng thì người đọc, người nghe khó hiểu, thậm chí hiểu sai lệch. Nhưng nếu dùng lời kể quá chi tiết, có nghĩa là nói toạc ra tất cả vấn đề thì câu chuyện sẽ thiếu sức hấp dẫn.

Thứ hai, là lời kể phải hết sức linh hoạt. Đặc biệt là người viết văn kể phải biết phối hợp các kiểu câu : có câu trần thuật, câu nghi vấn, có câu dài, có câu ngắn, có câu đảo trật tự cú pháp,... Ngay việc thông báo thời gian cũng phải linh hoạt, dùng thay thế các từ, cụm từ chỉ thời gian.

Thứ ba, là lời kể phải phù hợp với ngôi kể. Khi bài văn tự sự dùng ngôi kể thứ nhất (nhân vật xưng "tôi") thì lời kể thiên về tự thuật, có thể nêu chi tiết những

cảm nhận, suy nghĩ, thái độ, lời bình phẩm về các sự việc được diễn ra trong cốt truyện. Còn khi bài văn tự sự dùng ngôi kể thứ ba thì lời kể phải mang tính khách quan, để cho người đọc người nghe tự cảm nhận chủ đề tác phẩm qua từng nhân vật, từng sự việc. Có thể so sánh hai đoạn văn tự sự sau đây để thấy rõ điều đó :

Đoạn 1 : "Chiều nay, trước khi đi làm, mẹ giao cho Thắng giải 10 bài toán. Nó ngồi vào bàn để vừa ý mẹ. Vừa làm toán, nó vừa nhong nhóng ngó ra cổng vì thằng Nam hẹn nó sẽ tới để cùng đi đá bóng ngoài bãi. Bọn trẻ xóm bên đã gửi lời thách đấu với đội tuyển bóng đá của xóm nó. Nhưng đợi mãi, đợi mãi, bóng dáng thằng Nam vẫn bất tăm. Thắng sốt ruột quá. Nó thầm trách thằng Nam lỡ hẹn, lại vừa lo nếu đội bóng của xóm nó bỏ cuộc thì ê chề với lũ trẻ xóm bên. Nhìn trang vở toán còn dang dở, Thắng chợt nghĩ tới lời mẹ dặn. Nó ngáp ngừng rồi gấp vở lại, khoá cửa và chạy ù ra bãi".

Đoạn 2 : "Chiều nay, trước khi đi làm, mẹ giao cho tôi giải 10 bài toán. Để mẹ vừa ý, tôi ngồi ngay vào bàn. Nhưng làm sao tôi có thể chuyên tâm mà học bài được cơ chứ ! Vừa làm toán, mắt tôi vừa nhong nhóng nhìn ra cổng. Thằng Nam đã hẹn tôi rằng chiều nay nó sẽ tới để cùng tôi đi đá bóng ngoài bãi. Chả là bọn trẻ xóm bên vừa gửi lời thách đấu với đội tuyển bóng đá của xóm tôi. Đây chắc chắn sẽ là một trận đấu hay. Mà cả tôi và thằng Nam đều là những "cầu thủ sáng giá" của đội tuyển nhà. Đã ba giờ chiều. Rồi ba giờ rưỡi. Rồi 4 giờ kém 15. Quái lạ, cái thằng này, sao vẫn bất tăm thế không biết ? Tôi bắt đầu sốt ruột. Trận đấu sắp bắt đầu rồi. Thiếu cả tôi và nó thì đội nhà sẽ nguy mất ! Nhìn trang vở toán còn dang dở, tôi chợt nghĩ tới lời mẹ dặn. Nhưng hình ảnh những gương mặt hiếu thắng của đám cầu thủ xóm bên lại hiện lên trong tâm trí tôi. Tôi vội vã gấp sách vở, đóng cửa rồi chạy ù ra bãi".

Bên cạnh lời kể, lời thoại cũng đóng một vai trò khá quan trọng. Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là bất cứ bài văn tự sự nào cũng phải đưa lời thoại vào. Nhưng không ai phủ nhận rằng nhiều lúc chính lời thoại sẽ góp phần tạo nên sức hấp dẫn cho bài văn tự sự. Kinh nghiệm cho thấy là ở một bài văn tự sự, lời thoại không cần đưa vào nhiều quá cũng không nên ít quá. Nếu lời thoại nhiều thì câu chuyện sẽ loãng ra. Ngược lại, nếu lời thoại quá ít, lại đưa vào cho có lệ, và lời thoại dở nữa thì giá trị của bài văn sẽ giảm rõ rệt. Các bài văn tự sự mà các em học sinh viết thường rơi vào một số lỗi đáng tiếc : Lời thoại không được chọn lọc (hoặc quá dài dòng hoặc quá sơ lược) ; lời thoại khô khan, chỉ đơn thuần mang tính chất hỏi – đáp giữa các nhân vật, hoặc lời thoại quá đơn điệu, không tế nhị,... Đó là chưa tính đến những trường hợp không biết cách viết lời thoại, tức là không phân biệt rõ ràng đâu là lời thoại, đâu là lời dẫn chuyện.

Khi viết lời thoại cho bài văn tự sự, trước hết phải nắm bắt được đặc điểm tính cách, tuổi tác, nghề nghiệp, giới tính của các nhân vật tham gia hội thoại. Chính từ đặc điểm của nhân vật, người làm văn tự sự sẽ lựa chọn được lời thoại cho phù hợp. Ví như lời thoại của nhân vật là cô giáo thì phải nhẹ nhàng, mực thước ; lời thoại của một bé gái thì phải nũng nịu, ngây thơ ; lời thoại của một nhân vật có tính cách xấu thì phải toát lên vẻ cộc lốc, danh đá, chua ngoa hoặc đầy vẻ đe dọa, v.v. Cùng một nội dung thể hiện sự nghi ngờ, không tin người khác với một thái độ thất vọng, các kiểu nhân vật trên sẽ dùng những cách nói khác nhau :

– Cô giáo : Cô làm sao có thể tin được rằng các em đã quên hết lời cô dặn. Thế mà thật không ngờ... !

– Bé gái : Con ứ tin bố nữa ! Bố đã không giữ đúng lời hứa ! Bố hãy đền đi !

Một nhân vật xấu : Mày nghĩ rằng tao tin mày à ? Nhảm to rồi nhóc ạ ! "Ông nội" mày đã đi guốc trong bụng mày từ lâu rồi !

Lời thoại cũng không quá dài dòng. Cần phải học cách viết những lời thoại ngắn gọn. Người viết lời thoại phải biết dựa vào văn cảnh để lựa chọn lời thoại hợp lí. Khi đã đặt vào văn cảnh thì lời thoại trước sẽ gợi cho lời thoại sau, tức là không nên diễn giải quá tỉ mỉ, dài dòng bằng những câu văn có đầy đủ kết cấu chủ – vị, cũng không cần nói toạc ra ý cần diễn đạt, phải để cho nhân vật đối thoại tự hiểu, cũng là để cho người đọc, người nghe tự cảm nhận ý nghĩa. Chính vì vậy, lời thoại nên dùng kiểu câu ngắn, câu tỉnh lược, có thể được bổ trợ thêm bằng các dấu câu (dấu chấm lửng, dấu chấm hỏi, dấu chấm than). Đọc một đoạn hội thoại trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài, ta sẽ có được một bài học sinh động về cách viết lời thoại :

"Tính tôi hay nghịch ranh. Chẳng bạn đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi :

– Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không ?

– Đùa trò gì ? Em dương lên cơn hen đây ! Hừ hừ...

– Đùa chơi một tí.

– Hừ...hừ... Cái gì thế ?

– Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :

– Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả ?

– Ừ.

– Thôi thôi... Hừ hừ... Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt :

– Sợ gì ? Mà bảo tao sợ cái gì ? Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa !

– Thưa anh, thế thì... Hừ... hừ... Em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Đế Choắt và bảo :

– Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này ... ".

Một lưu ý nữa là khi viết lời thoại cần phải có sự chọn lọc. Không nên đưa vào bài văn tự sự những câu hội thoại thừa mà nội dung thông báo (lời hỏi và lời đáp) không có tác dụng bộc lộ chủ đề của bài văn. Nói như vậy có nghĩa là người viết lời thoại phải biết bỏ qua những câu thoại không cần thiết. Thậm chí có trường hợp câu hỏi và câu đáp có thể không khớp nhau mà người nghe vẫn hiểu ý nghĩa. Đặc biệt, chọn lời thoại cũng là để làm toát lên thái độ của người nói về sự việc và đối tượng được nhắc tới. Chẳng hạn như trong cuộc hội thoại giữa hai bạn học sinh, khi A hỏi B "Cậu đang làm gì đấy ?", thay cho câu trả lời có tính chất thông báo "Tớ đang học bài" (đang ôn bài, đang xem phim,...), B có thể dùng nhiều cách nói khác : "Ôi dào ! Đang lút đầu vì một mớ bài tập toán cô giáo ra đây !" (tỏ ý than phiền) ; "Còn làm gì khác ngoài học bài nữa !" (tỏ ý chán nản, không hào hứng) ; "A ! May quá, tớ đang bí bài toán này, cậu vào giúp tớ với !" (lồng nội dung thông báo đang học bài vào một nội dung khác : yêu cầu giúp đỡ).

Cuối cùng, phải nói tới vai trò của những từ có tính chất kèm đệm, chêm xen trong lời thoại. Nhờ hệ thống từ ngữ này, lời thoại sẽ trở nên sinh động và hấp dẫn hơn. Có điều, người sử dụng phải chọn dùng những từ thuộc loại này một cách khéo léo. Sau đây là một số từ ngữ kèm đệm, chêm xen thường gặp : dùng để tỏ thái độ dè bủ, mỉa mai (*ôi dào, vế chuyện, thôi thôi,...*) ; dùng để tỏ thái độ khó chịu, tức giận (*hức, hừ,...*) ; dùng để tỏ thái độ ngạc nhiên, bất ngờ (*chao ôi, trời ơi, chà chà, a, ái, quá lạ, chết thật, ra thế, ô hay, chết nỗi, ủa, hả,...*) ; dùng để tỏ thái độ sợ hãi (*eo ôi, khiếp, ối,...*) ; dùng để tỏ thái độ lưu ý (*này, ê, kia kìa, nè,...*) ; dùng để tỏ thái độ nghi ngờ, phỏng đoán (*lẽ nào, phải chăng, đâu có, đâu phải, sao,...*) ; dùng để tỏ thái độ lạnh nhạt qua chuyện (*ờ ờ*) ; dùng để tỏ thái độ bất cần (*mặc, mặc kệ, cần gì,...*) ; dùng để tỏ thái độ rủ rê, thúc giục hoặc ngăn ngừa (*nào, thôi, thôi đi,...*).

4. Cách sắp xếp bố cục

Như ở trên đã trình bày, thứ tự kể trong văn tự sự rất linh hoạt. Điều quan trọng là người viết văn tự sự phải chọn thứ tự kể sao cho phù hợp với nội dung từng

cốt truyện. Thông thường, người ta hay đi theo thứ tự việc gì diễn ra trước kể trước, việc gì diễn ra sau kể sau. Cách kể này tuân thủ một kiểu dàn bài có ba phần rõ rệt :

Phần Mở bài : giới thiệu chung về nhân vật và sự việc.

Phần Thân bài : kể diễn biến sự việc.

Phần Kết bài : kể kết cục của sự việc.

Nhưng cách kể theo thứ tự này không sáng tạo, thậm chí gọi cho người đọc một cảm giác đơn điệu. Vì vậy, trong thực tế làm văn, dù kể chuyện việc thật người thật hay kể chuyện tưởng tượng cũng có thể thay đổi thứ tự kể theo hướng đan xen các sự việc : từ hiện tại (nêu kết quả) quay trở về lần lại quá khứ (lí giải nguyên nhân, diễn biến). Đặc biệt là đối với những câu chuyện có nội dung hồi tưởng. Nếu kể theo thứ tự này thì cách triển khai các phần trong bố cục bài văn tự sự cũng sẽ rất đa dạng, phong phú. *Phần Mở bài* không nhất thiết phải là một đoạn văn giới thiệu nhân vật và sự việc mà có thể chỉ bằng những câu giới thiệu thời gian, không gian, miêu tả cảnh vật, nêu tâm trạng, ý nghĩ của nhân vật,... Cũng có thể mở đầu câu chuyện bằng một tiếng gọi, một vài câu đối thoại ngắn, v.v.

Cách mở phong phú như thế nào thì cách kết thúc một bài văn tự sự cũng phong phú như thế. Ngoài việc nêu kết cục của một câu chuyện kể còn có thể dùng cách kết bài bằng một vài câu giới thiệu không gian, thời gian, miêu tả cảnh vật, hình ảnh, nhân vật, cảm nghĩ nhân vật. Thậm chí có thể dùng kiểu kết thúc theo lối mở, tức là không khép lại vấn đề mà mở ra thêm một hướng suy nghĩ, một hướng cảm xúc, một chặng đời khác đang chờ đợi nhân vật,...

Sau đây là một vài ví dụ để tham khảo :

Ví dụ : Kể mẩu chuyện có nội dung nói về việc giúp đỡ một em bé ăn xin nghèo khổ (như câu tục ngữ "Thương người như thể thương thân").

Có thể mở đầu câu chuyện này như sau :

Cách 1 : *Trời về trưa, cái nắng càng trở nên gay gắt. Những đợt gió mạnh ào qua làm hơi nóng từ đường nhựa bốc lên hằm hập, cuốn bụi bay mù mịt. Tôi gò lưng trên chiếc xe đạp, mong cho mau chóng về tới nhà. Sau một buổi học căng thẳng, giờ thì trong bụng đã đói meo. Lại thêm cả khát nữa. Con đường như dài ra. Mắt tôi chợt sáng lên khi nhìn thấy hiệu kem trước mặt. Phải rồi, lúc này mà thường thức cảm giác mát lạnh của một que kem thì thú vị phải biết. Một nghìn mẹ cho ăn sáng vẫn còn nguyên đây. Tôi vội vã ghé xe vào vệ đường. Đột nhiên, tôi giật bắn mình vì một tiếng quát the the :*

–Thằng ranh kia ! Cứ đứng ám mãi trước hàng người ta thế hả ? Có xéo ngay không thì bảo !

Thì ra bà chủ hiệu kem đang quát một đứa bé ăn xin gầy gò, rách rưới...

Cách 2 : – Ai kem đây ! Kem đây !

Đang gò lưng trên chiếc xe đạp đi ngược chiều gió, tôi như tỉnh người khi nghe tiếng rao. Sau một buổi học căng thẳng, bụng thì đói, miệng thì khát, lại phải chịu cái nắng gay gắt của mùa hè, giờ được thưởng thức cảm giác mát lạnh của que kem thì thật sướng khoái. Mà trong túi tôi, tờ bạc một nghìn mẹ cho ăn sáng vẫn còn nguyên. Tôi vội vã ghé xe lại bên hàng kem. Đột nhiên, tôi giật bản mình vì nghe tiếng thét the thé :

–Thằng ranh kia ! Đứng ám trước hàng người ta thế hả ? Xin xỏ gì ! Có xéo ngay không thì bảo !

Thì ra đó là tiếng của bà chủ quán kem. Bà ta đang quát một đứa bé ăn xin gầy gò, đen đúa.

(Nội dung : Nhân vật "tôi" chạnh lòng thương đứa bé. Vừa rất muốn được thưởng thức que kem để giải quyết cơn khát, vừa muốn cho đứa bé tiền để nó ăn bánh mì đỡ đói. Đấu tranh tư tưởng và cuối cùng quyết định : cho đứa bé tờ bạc một nghìn).

Câu chuyện này có thể kết như sau :

Cách 1 : Tôi cúi tờ bạc một nghìn vào tay thằng bé và cảm nhận được thoáng bồi hồi xen lẫn sự biết ơn trong đôi mắt mở to, ngây thơ của nó. Trời trưa, nắng càng gay gắt. Gió Lào quạt càng dữ. Nhưng cơn khát trong tôi dường như đã biến đi từ lúc nào. Một cảm giác lâng lâng, dịu dàng đang lan toả trong tôi bởi vì tôi đã làm được một việc có ý nghĩa.

Cách 2 : Cầm tờ bạc trong tay, thằng bé ngược đôi mắt ngây thơ nhìn tôi với vẻ hàm ơn. Rồi nó lặng lẽ bước đi. Cái bóng nhỏ bé, gầy gò như tiêu vẹo trước những đợt gió Lào dữ dội. Tôi vội vã lên xe, đạp về nhà. Trong tâm trí tôi còn đọng mãi hình ảnh một đôi mắt ngây thơ và một dáng người gầy gò với nước da đen đúa.

Nắng vẫn đổ lửa xuống mặt đường. Hầm hập... Hầm hập...

5. Cách vận dụng văn miêu tả trong tự sự

Trong phương thức tự sự, văn miêu tả đóng một vai trò rất quan trọng. Tự sự tức là kể việc, kể người. Việc trong văn tự sự thường có diễn biến, xảy ra trong

một thời gian, không gian và giữa một khung cảnh nhất định. Còn người trong văn tự sự cũng phải mang những nét, đặc điểm, hình dáng riêng, cụ thể. Tức là đều cần đến văn miêu tả. Đó là những bức tranh tả cảnh thiên nhiên làm nền cho câu chuyện (một đêm trăng sáng, một buổi chiều hè, một sân trường, một ngõ phố, một bãi cỏ sau làng,...). Đó là những bức tranh tả cảnh sinh hoạt cụ thể, sinh động (cảnh một buổi lao động, cảnh một trò chơi, cảnh một gia đình sum họp,...). Đó là chân dung các nhân vật với những nét đặc điểm cố định và những nét đặc điểm gắn với những tình huống, những tâm trạng cụ thể (nhân vật đang buồn hoặc đang vui, nhân vật đang làm việc hoặc đang chơi một trò chơi nào đó,...).

Thực tế cho thấy nếu trong văn tự sự chỉ chú trọng kể việc mà không quan tâm tới miêu tả thì câu chuyện sẽ thiếu sinh động, tẻ nhạt, chán ngắt. Mà đây lại là lỗi thường thấy ở bài văn tự sự của các em học sinh. Do đó, khi làm một bài văn tự sự, ngoài việc quan tâm tới cốt truyện và hệ thống các chi tiết, sự kiện, các em phải chú ý sử dụng văn miêu tả đúng lúc, đúng chỗ và hợp lí. Điều đáng nói là khi các em dùng văn miêu tả trong truyện kể thì phải có sự lựa chọn. Nói tả nhân vật, tả cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt nhưng không phải là làm hẳn một bài văn miêu tả chi tiết, cụ thể mà chỉ có tính chất đan xen, bổ trợ để cốt truyện hay hơn, hấp dẫn hơn ; nhân vật của câu chuyện hiện lên sinh động và ấn tượng hơn. Như vậy có nghĩa là khi làm một bài văn tự sự, ngoài những câu trần thuật nêu sự việc, hiện tượng, người viết nên chú trọng dùng những từ ngữ có sức gợi tả (nhất là hệ thống các từ láy tượng hình, tượng thanh) ; những câu văn giàu hình ảnh, nhạc điệu.

Vận dụng vào thực tế làm văn tự sự, ta sẽ thấy tác dụng của văn miêu tả. Chẳng hạn như khi kể một câu chuyện về chuyến đi tham quan di tích lịch sử, ngoài việc nêu những sự việc chính liên quan tới cốt truyện (chuyến đi tham quan di tích lịch sử diễn ra lúc nào ? Địa điểm ở đâu ? Có những ai tham gia ? Chuyến đi tham quan ấy diễn ra như thế nào ? Có điều gì bất ngờ lí thú ?,...), người viết bài có thể xen vào những đoạn, những câu tả (tả đôi nét về cảnh vật và thời tiết mà mình cảm nhận được trên đường đi, tả toàn cảnh khu di tích lịch sử – trong đó tập trung vào một số hình ảnh đặc sắc, tả cảnh cả đoàn tham quan lắng nghe lời giới thiệu của người thuyết minh,...).

Hoặc khi kể về một chuyến ra thành phố, ngoài những chi tiết truyện (Gặp gỡ những ai ? Làm những việc gì ? Có sự kiện nào bất ngờ ?,...), người viết bài nên vận dụng thêm văn miêu tả (tả khung cảnh thành phố : nhà cửa, đường sá, những khu vui chơi,... ; tả tâm trạng ngạc nhiên của em, tả hình ảnh những người mà em được gặp gỡ, tiếp xúc,...).

III – MỘT SỐ BÀI TẬP

1. Bài tập mở rộng, nâng cao

Bài 1 : Hãy đặt tên (kèm theo biệt hiệu) và nêu đặc điểm ngoại hình của các kiểu nhân vật sau :

- a) Một cậu học sinh cá biệt
- b) Một cô bé tinh nghịch, nhí nhảnh
- c) Một em bé lang thang cơ nhỡ
- d) Một cụ già khó tính.

Bài 2 : Trong truyền thuyết *Sự tích Hồ Gươm* có đoạn kể :

"Hồi ấy ở Thanh Hoá có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ. Khi kéo lưới lên, thấy nặng nằng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vớt luôn thanh sắt xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném xuống sông. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm lạ, Thận đưa thanh sắt lại cạnh mỗi lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên :

– Ha ha ! Một lưỡi gươm !"

Đoạn truyện này kể lại một sự việc : Lê Thận bắt được lưỡi gươm thần trong một lần đi đánh cá. Sự việc ấy được kể rất hấp dẫn nhờ nghệ thuật sắp xếp tình tiết truyện và cách dùng từ ngữ như thế nào ?

Hãy vận dụng nghệ thuật kể ấy để viết đoạn văn tự sự có nội dung kể sự việc : một cậu học sinh kiên trì giải bài toán khó để tìm ra đáp số.

Bài 3 : Cho nhan đề truyện : "Một bài học nhớ đời".

a) Hãy hình dung ra hai cốt truyện khác nhau. Nêu rõ ở mỗi cốt truyện có những sự việc và những nhân vật nào ?

b) Viết phần *Mở bài* cho một trong hai cốt truyện trên theo các cách sau :

- Mở bài bằng tả cảnh.
- Mở bài bằng một số câu nêu ý nghĩ của nhân vật về sự việc đã xảy ra.

– Mở bài bằng một tiếng kêu của nhân vật.

– Mở bài bằng một đoạn đối thoại.

Bài 4 : Hãy dùng lời văn tự sự để viết các đoạn văn giới thiệu từng nhân vật sau (tự đặt tên cho nhân vật) :

a) Một bác thương binh vui tính

b) Một cô giáo trẻ tận tụy với học sinh

c) Một cậu học sinh thông minh, nhanh nhẹn, thích vui đùa

d) Một ông già phúc hậu, yêu trẻ, thích chăm cây cảnh

đ) Một cầu thủ bóng đá thiếu niên đầy tài năng.

Bài 5 : Hãy dùng lời văn tự sự để viết các đoạn văn kể từng sự việc sau :

a) Một em bé hồn dôi vì một lí do nào đó

b) Một học sinh dũng cảm tự nhận lỗi của mình trước cô giáo và trước cả lớp

c) Một cậu bé quyết định thả con chim đang nuôi về với bầu trời tự do

d) Hai anh em nhường nhau một bắp ngô luộc (hoặc một cái bánh mì)

đ) Cách giải quyết thông minh của một bạn học sinh nữ khi nhìn thấy cảnh ẩu đả trước cổng trường.

Bài 6 : Hãy viết các đoạn văn tự sự triển khai các câu chủ đề sau :

a) Buổi chiều hôm ấy, tôi cùng lũ trẻ trong xóm rủ nhau ra đê chơi trò đánh trận giả.

b) Tôi có một người bạn thân học cùng lớp.

c) Lan là một cô bé nhanh nhẹn, hoạt bát.

d) Đúng chiều thứ bảy, cả gia đình tôi ra ga đón bố.

đ) Lúc nào bà ngoại cũng chiều chuộng và chăm chút tôi hết mực.

Bài 7 : Xác định nội dung chính và câu chủ đề của các đoạn văn sau :

a) "Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước" (truyện thuyết *Thánh Gióng*).

b) "Dùng cây bút thần, Mã Lương vẽ cho tất cả người nghèo trong làng. Nhà nào không có cày, em vẽ cho cày. Nhà nào không có cuốc, em vẽ cho cuốc. Nhà nào

không có đèn, em vẽ cho đèn. Nhà nào không có thùng mức nước, em vẽ cho thùng" (truyện cổ tích *Cây bút thần*).

Bài 8 : Hãy chuyển đoạn văn tự sự dùng ngôi kể thứ nhất sau đây thành đoạn văn tự sự dùng ngôi kể thứ ba sao cho hợp lí và nêu rõ việc thay đổi ngôi kể đem lại điều gì mới cho đoạn văn ?

"Anh Xiển Tóc vênh hai cái sừng dài như hai chiếc lưng cong cong có khắc từng đốt, chỗ xuống măng tôi :

– Dế Mèn nghếch ngác kia ! Mày to đầu thế mà mày nữ đánh thằng bé bằng ngón áy à ? Không được quen thói bắt nạt.

Tôi ngoảnh nhìn lên : Anh Xiển Tóc lực lưỡng và uy nghi bọc mình trong bộ giáp đồng hun rất cứng, bộ hung tợn dữ dội lắm. Nhưng tôi cóc sợ. Coi bộ chẳng làm gì nổi tôi tốt ! Bởi tôi biết anh ta cũng hải lữ trẻ, chỉ đứng trên cây không dám xuống" (*Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài).

Bài 9 : Hãy chuyển đoạn văn tự sự dùng ngôi kể thứ ba sang đoạn văn tự sự dùng ngôi kể thứ nhất sao cho hợp lí và nêu rõ việc thay đổi ngôi kể ấy đem lại điều gì khác cho đoạn văn :

"Quân của Triệu Đà kéo vào chiếm đóng Loa Thành ; còn Trọng Thủy một mình một ngựa theo dấu lông ngỗng đi tìm Mị Châu. Đến gần bờ biển, thấy xác vợ nằm trên đám cỏ, tuy chết mà nhan sắc không mờ phai, Trọng Thủy khóc oà lên, thu nhặt thi hài đem về chôn trong Loa Thành rồi đâm đầu xuống giếng trong thành mà chết" (*Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy*).

Bài 10 : Hãy sắp xếp lại trật tự những lời văn tự sự sau sao cho hợp lí :

a) Tên tướng giặc vô cùng hoảng sợ, giả làm người dân thường, phải cắt râu, thay áo để lẫn trốn.

b) Nhưng tôi uống vào tới đâu thấy mát rượi tới đó, nước ngọt lắm, chỉ hơi có chút vị bùn và phảng phất mùi cỏ.

c) Người đi săn lòi cái súng kíp trên gác bếp xuống, xem lại cái kíp, cái mỏ vẹt, cũng như mọi lần.

d) Con gà trống phóng tầm mắt nhìn quanh, nhảy tót lên cây rom thật cao, ra chùng muống mọi người chú ý để rồi sẽ gáy một hồi thật to, thật dài.

Bài 11 : Cho đoạn văn tự sự sau :

"Năm ấy, đến lượt Lí Thông nộp mình. Mẹ con hần nghi kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lí Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo :

– Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.

Thạch Sanh thật thà nhận lời đi ngay.

Nửa đêm, Thạch Sanh đang lim dim mắt thì chằn tinh sau miếu hiện ra, nhe nanh, giơ vuốt định vô lấy chàng. Thạch Sanh với lấy búa đánh lại. Chằn tinh hoá phép, thoát biến thoát hiện. Thạch Sanh không nao núng, dùng nhiều võ thuật đánh con quái vật. Chỉ một lúc, lưỡi búa của chàng đã xả xác nó làm hai. Chằn tinh hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ, nó chết để lại bên mình bộ cung tên bằng vàng. Thạch Sanh chặt đầu quái vật và nhặt bộ cung tên xách về. Mẹ con Lí Thông đang ngủ, bỗng nghe tiếng gõ cửa. Ngỡ là hồn oan của Thạch Sanh hiện về, mẹ con hấn hoảng sợ, van lạy rối rít. Khi Thạch Sanh vào nhà kể cho nghe chuyện giết chằn tinh, chúng mới hoàn hồn. Nhưng Lí Thông bỗng nảy ra kế khác. Hắn nói :

– Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu.

Thạch Sanh lại thật thà tin ngay. Chàng vội vã từ giã mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc đa, kiếm củi nuôi thân. Còn Lí Thông hí hửng đem đầu con yêu quái vào kinh đô nộp cho nhà vua. Hắn được vua khen, phong cho làm Quận công" (truyện cổ tích *Thạch Sanh*).

Hãy lần lượt thay lời Thạch Sanh và Lí Thông để viết đoạn văn trên thành hai đoạn văn tự sự khác có cùng nội dung.

Bài 12 : Cho đề văn "Kể một kỉ niệm sâu sắc về tình cảm của ông (hoặc bà) dành cho mình".

Hãy chọn ngôi kể và thứ tự kể cho câu chuyện. Lí giải vì sao lại chọn ngôi kể và thứ tự kể ấy.

Bài 13 : Cho đoạn văn tự sự sau đây :

"Một Cóc khác bước ra, cất lên một giọng rất văn vẻ (Cóc văn nổi tiếng thấy đồ, thấy đồ Cóc trong tranh Tết) :

– Hà có mà nhị vị tráng sĩ du nhàn qua bản thôn ?

Rõ chán, nói chữ mà chưa chắc đã biết nghĩa, tôi bấm bụng nhin cười thấy đồ Cóc. Rồi tôi cũng dùng cái khoa giao thiệp hoa mỹ khôi hài đó để đáp đùa lại :

– Thưa tiên sinh, chúng tôi đi du lịch.

– Kềng kẹc ! Du lịch ! Kềng kẹc ! Du lịch ! Vậy bỉ phu xin hỏi nhị vị tráng sĩ, nhị vị xưa rầy là tay dọc ngang nào biết trên đầu có ai, thế thì chắc nhị vị phải

nghe tiếng từ lâu rằng bỉ phu mặc dầu thanh bạch ở hang dưới đất nhưng bỉ phu là cậu thẳng Trời đấy ! Nhị vị đã qua chơi nhiều nơi trên hoàn cầu, nhị vị có gặp thẳng cháu" trời đánh thánh vật" nhà tôi ở đâu không ?

Trũi mỉm cười, dùng càn khê hích tôi một cái. Tôi nháy, ý bảo phải nghiêm một chút, gặp dứa dờ hơi thì mình cũng cứ liệu lời cho qua chuyện mới được. Tôi bèn lấy diệp vuốt cái râu tường tượng, làm ra vẻ đứng đắn, trả lời rằng :

– Thưa tiên sinh, chúng tôi có gặp ông Trời.

– Kềng kẹc ! Rất tiếc ! Kềng kẹc ! Rất tiếc không được tương kiến trước. Thế thì nếu như từ nay về sau nhị vị tráng sĩ còn gặp nó thì hỏi nó cho bỉ phu rằng : Vì lẽ gì mà lâu nay bản thôn không có mưa ? Cái thẳng "trời đánh thánh vật" cháu tôi mãi tổ tôm xóc đĩa ở đâu mà không biết suốt đêm cậu Cóc nó phải nghiêng kềng kẹc đến nỗi đầu đầu cũng nghe như trống đặng văn đấy chẳng, đến nỗi cậu nó đã nghiêng mòn hết cả răng rồi đấy chẳng ?..." (*Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài).

a) Hãy nhận xét cách dùng từ ngữ trong lời hội thoại của hai nhân vật Dế Mèn và thầy đồ Cóc.

b) Thay thế các từ ngữ Hán Việt bằng các từ thuần Việt để viết lại đoạn văn trên.

c) So sánh hai đoạn văn và lí giải tại sao nhà văn Tô Hoài lại chọn cách viết để cho nhân vật dùng nhiều từ Hán Việt trong lời hội thoại.

Bài 14 : Cho đoạn văn tự sự sau :

"Chiều chiều, tôi thường cùng ông ra vườn bắt sâu và tưới nước cho cây. Trong tất cả các cây trồng của khu vườn này, hình như ông thích nhất cây mai tứ quý. Ông hay dùng lại, chăm chút cho nó thật lâu. Có hôm, ông còn thì thầm trò chuyện với nó nữa. Thấy lạ, tôi hỏi thì ông trả lời rằng đây là cây mai mà một người đồng đội cũ của ông đã đem từ miền Nam ra tặng. Nhìn mắt ông hơi chớp chớp, giọng lạc hẳn đi, tôi có vẻ thắc mắc. Mãi ông mới nói thêm rằng người đồng đội của ông giờ đã mất vì vết thương cũ tái phát. Tôi hiểu và thương ông tôi nhiều hơn. Từ đó, tôi càng chăm tưới nước và bắt sâu cho cây mai".

Trong đoạn văn trên có dùng câu hội thoại gián tiếp. Hãy chuyển thành đoạn văn tự sự có câu hội thoại trực tiếp.

Bài 15 : Có một cậu bé tính tình luộm thuộm, lười biếng. Một buổi sáng cậu ta ngủ dậy muộn, cuống cuống đi tìm các đồ dùng vật dụng của mình để chuẩn bị trang phục đến trường. Quần dài thì nhét nơi này, áo thì vút nơi kia, dép lại mỗi chiếc mỗi góc. Tìm mãi mới thấy. Thế là cậu bé đến trường chậm giờ.

Từ cốt truyện trên đây, hãy dùng biện pháp nhân hoá, biến các đồ dùng của cậu bé thành nhân vật biết nói, biết tỏ thái độ và viết thành một mẫu truyện ngắn có câu hội thoại trực tiếp.

Bài 16 : Hãy viết một đoạn văn tự sự ghi lại cuộc đối thoại lí thú giữa quyển sách giáo khoa mới còn thơm mùi mực với một quyển sách giáo khoa cũ đã bị nhàu nát, đầy những vết mực và hình vẽ.

Bài 17 : Viết một đoạn hội thoại ghi lại cuộc trò chuyện giữa hai bạn học sinh về đề tài bảo vệ môi trường (bảo vệ cây xanh, không được vứt rác bừa bãi). Ngoài các dấu câu thông thường trong đoạn phải dùng các kiểu dấu câu : dấu chấm hỏi, dấu chấm lửng, dấu chấm than.

Bài 18 : Có một bạn học sinh lớp 6 viết đoạn văn tự sự kể lại lí do mình đi học chậm như sau :

"Sáng nay, như mọi ngày, mình đã đi học từ rất sớm. Đường tới trường thật khó đi. Sau một trận mưa, nó trơn như đổ mỡ. Chiếc xe đạp của mình nhiều lúc cứ lạng cả bánh, suýt ngã. Có quãng, mình phải xuống dắt xe. Đang hối hả đạp thật nhanh vì sợ muộn giờ học, bỗng nhiên mình nghe "uých" sau lưng. Một chị học sinh bị ngã. Chiếc xe đạp lăn kênh ra, áo quần dính đầy bùn đất. Một lúc sau, không thấy chị đứng dậy đi tiếp, mặt mũi lại nhăn nhó, mình vội vã quay lại. Thì ra chị ấy bị ngã tẹo chân, đầu gối bị đập, máu ra nhiều quá. Mình vội vàng dìu chị ấy đến trạm xá. Khi chị được các cô y tá rửa vết thương xong, mình nhìn đồng hồ thì phát hiện ra đã quá giờ vào học. Thế là ba chân bốn cẳng mình ù chạy đến lớp ngay".

a) Hãy phát hiện lỗi trong đoạn văn trên.

b) Chữa các lỗi sai ấy và viết lại đoạn văn.

Bài 19 : Có một bạn học sinh không biết cách viết câu hội thoại trực tiếp nên đã tạo ra một đoạn văn tự sự như sau :

"Sáng nay, khi đến lớp, tôi phát hiện ra trên bàn học của mình đầy những nét vẽ kèm theo những lời bình thô lỗ, bất lịch sự. Khi ấy, trong lớp mới chỉ có mỗi mình Sơn. Tôi xẵng giọng hỏi có phải cậu vẽ bậy lên bàn tớ không. Sơn chối rằng không phải tớ. Tôi gắt lên là nếu không phải cậu thì ai vào đây. Sơn vẫn khẳng khái chối phắt. Tôi chẳng buồn cãi, lặng lẽ lấy giẻ ướt lau những vết bẩn. Hình như Sơn cảm thấy hối hận. Cậu ta đi lại, vừa cùng giúp tôi lau bàn, vừa lí nhí tớ xin lỗi cậu".

Hãy giúp bạn học sinh ấy viết lại đoạn văn trên.

Bài 20 : Viết một đoạn văn ghi lại cuộc trò chuyện giữa viên ngói cũ và viên ngói mới.

2. Một số đề văn tự sự

** Kể lại và kể mới cốt truyện có sẵn :*

Đề 1 : Thay lời nhân vật bà Âu Cơ, kể lại cho các cháu nghe về truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên*.

Đề 2 : Vừa lòng với lễ vật dâng cúng tiên vương của Lang Liêu, vua Hùng đã chọn chàng làm người nối ngôi. Trong buổi lễ đăng quang, Lang Liêu đã kể cho mọi người nghe về sự ra đời của hai loại bánh : bánh chưng và bánh giầy. Hãy ghi lại lời kể ấy.

Đề 3 : Có một lần, Thuý Tinh tình cờ gặp được Mị Nương. Chàng có cơ hội để thanh minh chuyện cũ. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ ấy.

Đề 4 : Thay lời mẹ vợ trong truyện cổ *Ông lão đánh cá và con cá vàng* để kể lại câu chuyện ấy.

Đề 5 : Tìm cách kết thúc mới cho truyện *Cây khế* và thay lời người anh để kể lại câu chuyện này.

** Kể chuyện đời thường :*

Đề 6 : Từ một học sinh bình thường, nhờ sự nỗ lực của bản thân và sự giúp đỡ của mọi người, em đã vươn lên trở thành một học sinh khá. Hãy kể lại quá trình phấn đấu ấy.

Đề 7 : Có một lần, mẹ em bị ốm, không đi làm được, phải nằm một chỗ. Em tự nhiên trở thành một cô chủ nhỏ, thay mẹ làm mọi việc trong gia đình. Hãy kể lại câu chuyện ấy.

Đề 8 : Kể lại một kỉ niệm đáng nhớ thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa em và những con người ở làng quê (ngõ phố), nơi em đang sống.

Đề 9 : Có một lần, em đã vô tình mắc lỗi với ông (bà). Điều ấy làm em ân hận mãi. Hãy kể lại câu chuyện.

Đề 10 : Cho nhân vật chính là hai chị em (hoặc hai anh em) và tình huống là người em đã làm hỏng một thứ đồ chơi nào đó của chị (hoặc anh). Câu chuyện xảy ra như thế nào ? Hãy hình dung và kể lại.

Đề 11 : Ngày mai sẽ có một bài kiểm tra. Nhưng tối nay trăng sáng quá, lũ trẻ trong xóm lại rủ em ra bãi cỏ đầu làng để chơi trò đánh trận giả (hoặc trò trốn tìm). Em lưỡng lự trong giây lát rồi quyết định đi chơi cùng các bạn. Câu chuyện tiếp diễn sau đó như thế nào ? Hãy kể lại.

Đề 12 : *Công cha như núi Thái Sơn*

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra...

Hãy kể một câu chuyện có nội dung như câu ca dao trên.

Đề 13 : Nhân dịp cùng bố mẹ đi tham quan (hoặc du lịch), em đã được làm quen với một người bạn mới. Dù cuộc gặp gỡ thật ngắn ngủi nhưng tình bạn ấy vẫn để lại trong em một kỉ niệm khó phai. Hãy kể lại.

Đề 14 : Địa phương em có tổ chức một đợt thi sáng tác về đề tài "Bảo vệ môi trường". Em hãy viết một câu chuyện nhỏ để tham gia cuộc thi.

Đề 15 : Trong quãng đời đi học, em có rất nhiều những kỉ niệm gắn bó với mái trường thân yêu. Hãy kể lại một kỉ niệm làm em xúc động và nhớ mãi.

** Kể chuyện tưởng tượng :*

Đề 16 : Từ ngày Sơn Tinh trở thành rể của vua Hùng, nhân dân hết sức phấn khởi vì họ đã có một vị thần tài giỏi có thể giúp họ chiến thắng thần nước. Hàng ngàn năm trôi qua, niềm tin ấy vẫn vững vàng. Nhưng thời gian gần đây, vị thần nước hung dữ lại có phần thắng thế, gây ra biết bao nhiêu tai hoạ cho con người. Họ cầu cứu Thần Núi. Sơn Tinh đã hiện lên, chỉ rõ cho con người thấy được nguyên nhân của nạn lũ lụt và giúp họ chuẩn bị tinh thần chống lại Thủy Tinh. Hãy hình dung và kể lại câu chuyện ấy.

Đề 17 : Có một ngọn núi uy nghi, diễm tĩn, từ bao đời đứng đó. Và dưới chân núi, một dòng suối nhỏ ngày đêm chảy róc rách, đi du lịch khắp mọi miền nên kiêu căng, hợm hĩnh. Hãy tưởng tượng và kể một câu chuyện về hai nhân vật này.

Đề 18 : Khi Thánh Gióng ra trận, người mẹ đã đến bên ngựa sắt để tiễn đưa chàng. Hãy viết một bài văn ngắn kể lại cuộc chia tay xúc động ấy.

Đề 19 : Lời tâm sự của một cây bàng non bị lũ trẻ bẻ gãy cành, rụng lá.

Đề 20 : Lời tâm sự của một bức tường loang lổ những vết xước và những hình vẽ.

Đề 21 : Lời tâm sự của một cánh rừng đầu nguồn bị tàn phá.

Đề 22 : Lời tâm sự của một con đường gồ ghề, lồi lõm và thiếu bóng cây che.

Đề 23 : Cây tre tự kể về cuộc đời của mình.

Đề 24 : Mùa đông, lá cây bàng chuyển sang màu đỏ rồi cuối cùng rụng hết. Sang xuân, những mầm non nhú lên, tràn trề nhựa sống. Em hãy tưởng tượng và viết thành một truyện ngắn có nhân vật là Cây Bàng, Đất Mẹ, lão già Mùa Đông và nàng tiên Mùa Xuân.

Đề 25 : Hằng năm, cứ vào sáng mùng hai Tết, các loài hoa lại nô nức kéo về vườn xuân để dự thi "Vẻ đẹp tuổi hoa". Năm nay cũng vậy, cả gia đình Hoa Hồng Nhung háo hức chuẩn bị cho Hồng Nhung Bé bước vào cuộc thi. Em hãy thay lời Hồng Nhung Bé kể lại cuộc thi lí thú đó.

Đề 26 : Có một bông lúa bị rơi bên vệ đường. Chuyện gì sẽ xảy ra nhỉ ? Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện.

Đề 27 : Sẻ mẹ thường dạy các con của mình : "Có công mài sắt có ngày nên kim". Nhưng có một chú Sẻ nhỏ bướng bỉnh không biết nghe lời, khi tập bay đã vấp phải nhiều thất bại mới hiểu hết lời khuyên của mẹ. Câu chuyện diễn ra như thế nào ? Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện ấy.

Đề 28 : Cho hai nhân vật là một giọt nước mưa còn đọng trên lá non và một vũng nước đục ngầu trong vườn. Hãy hình dung cuộc trò chuyện lí thú giữa hai nhân vật và kể lại.

Đề 29 : Lần đầu tiên, chim non được mẹ cho ra ngoài tổ để quan sát cảnh. Phía dưới kia là những gì nhỉ ? Chim non tự hỏi và cảm thấy thích thú vô cùng. Hãy ghi lại cuộc trò chuyện lí thú giữa hai mẹ con nhà chim.

Đề 30 : Em rất thích hái hoa bắt bướm. Dù mọi người đã phản đối và can ngăn nhiều lần nhưng em vẫn không từ bỏ được ý thích này. Thế rồi một hôm, trong giấc mơ, em đã nghe được câu chuyện cảm động giữa bông hoa hồng bị bỏ héo trên bàn và cây hoa hồng mẹ ngoài vườn. Từ đó, em bỏ hẳn ý thích ấy của mình. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện.

Chương II

VĂN MIÊU TẢ

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN MIÊU TẢ

1. Khái niệm

Miêu tả là một phương thức biểu đạt khá thông dụng, được sử dụng nhiều trong giao tiếp bằng ngôn ngữ của con người, kể cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Vậy văn miêu tả là gì ?

Văn miêu tả là loại văn nhằm giúp người đọc hình dung ra được những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh,... làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc. Qua văn miêu tả, người đọc không chỉ cảm nhận được vẻ bề ngoài (màu sắc, hình dáng, kích thước, trạng thái,...) mà còn hiểu rõ được bản chất bên trong của đối tượng, sự vật.

Đây là đoạn văn miêu tả lũy tre làng của Ngô Văn Phú :

"... Tre lũy làng thay lá... Mùa lá mới oà nở, thứ màu xanh lục, nắng sớm chiếu vào trong như màu ngọc, đẹp như loại cây cảnh quán thể, báo hiệu một mùa hè sôi động. Thân tre cứng cỏi, tán tre mềm mại. Mưa rào ập xuống, rồi trời tạnh, mối cánh, chuồn chuồn đan cài trong bầu trời đầy mây xốp trắng. Nhìn lên những ngọn tre thay lá, những búp tre non kín đáo, ngây thơ, hứa hẹn sự trưởng thành, lòng yêu quê của con người được bồi đắp lúc nào không rõ !...

Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng chồi lên, nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trỗi dậy. Bẹ măng bọc kín thân cây non, ủ kĩ như áo mẹ trùm lẩn trong lẩn ngoài cho đứa con non nớt. Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử ?..." (Trích *Lũy làng* – theo *Văn miêu tả và kể chuyện*, NXB Giáo dục, 1996).

Còn đây là đoạn văn tả một người lao động trong tác phẩm của Ma Văn Kháng :

"A Cháng đẹp người thật. Mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay, bắp chân rắn như trắc gụ. Vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng.

Nhưng phải nhìn Hạng A Cháng cày mới thấy hết vẻ đẹp của anh... Tới nương, A Cháng mắc cày xong, quát một tiếng "mõng" và bây giờ chỉ còn chăm chăm vào công việc. Hai tay Cháng nắm đốc cày, mắt nhìn thế ruộng, mắt nhìn

đường cày, thân mình nhoài thành một đường cong mềm mại, khi đi bên trái, lúc tạt qua phải theo đường cày uốn vòng theo hình ruộng bậc thang giống như một mảnh trăng lưỡi liềm. Lại có lúc được xá cày thẳng, người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoài dài hoặc bấm những bước ngắn, gấp gáp" (*Người con trai họ Hạng* – Ma Văn Kháng, theo *Tiếng Việt 3*, tập một, NXB Giáo dục, 2001).

Đọc hai đoạn văn trên, ta sẽ thấy rõ đặc trưng riêng của văn miêu tả. Bằng những hình ảnh sống động, các tác giả đã làm nổi bật từng đối tượng về cả vẻ bên ngoài lẫn bản chất bên trong. Đoạn văn của Ngô Văn Phú đâu chỉ gọi lên trước mắt ta hình ảnh lũy tre làng đang thay lá với màu sắc, hình dáng, trạng thái cụ thể, mà qua đó còn gọi lên cả một sức sống tiềm tàng, kì diệu đang trỗi dậy, vươn lên của những thế hệ tre nối tiếp nhau đoàn kết, gắn bó, tồn tại cùng cuộc sống của con người Việt Nam từ đời này qua đời khác. Còn đoạn văn của Ma Văn Kháng đã khắc họa thành công chân dung của một chàng trai người dân tộc thiểu số. Từng đường nét ngoại hình, mỗi hành động cử chỉ đều toát lên vẻ đẹp khỏe mạnh, dẻo dai và tinh thần lao động hăng say, nhiệt tình của chàng trai Hạng A Cháng.

Văn miêu tả rất phong phú, đa dạng nhưng có thể quy về một số dạng văn miêu tả thường gặp như sau :

Văn tả đồ vật, loài vật, cây cối : đối tượng của dạng văn miêu tả này là thế giới đồ vật và thế giới thiên nhiên quanh ta. Đó là cái bàn, cái ghế, quyển sách, quyển vở, ngôi nhà. Đó là cây bàng, cây phượng, cây ổi, cây na trước ngõ hay trong vườn. Đó còn là những loài vật quen thuộc như chú gà trống, con mèo lười, đàn chim gáy,...

Văn tả người : Riêng ở dạng này cũng có nhiều kiểu nhỏ. Tả người nói chung (một em bé, một cụ già, một cô bán hàng,...) ; tả người trong một trạng thái hoạt động nhất định (em bé đang chơi đồ hàng, cô giáo đang chấm bài, cụ già đang tưới cây,...) ; tả người trong một tâm trạng nhất định (lo lắng, buồn phiền, vui mừng, háo hức, hồi hộp,...).

Văn tả cảnh : Bao gồm hai kiểu : Tả cảnh thiên nhiên (một cánh đồng lúa chín, một dòng sông, một đêm trăng đẹp, một làng quê yên ả thanh bình,...) ; tả cảnh sinh hoạt (một buổi lao động, một trò chơi, một đêm biểu diễn văn nghệ, một phiên chợ tết,...).

2. Trình tự trong văn miêu tả

Việc sắp xếp trình tự trong văn miêu tả thực ra rất linh hoạt. Lựa chọn trình tự nào là tùy thuộc vào đối tượng được miêu tả hoặc điểm nhìn của người tả. Tuy vậy, vẫn có thể quy về một số trình tự thường được dùng như sau :

Trình tự thời gian : Trình tự này thường được dùng trong các dạng văn tả cây cối, tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh sinh hoạt. Trong một năm thì tả theo trình tự các mùa (xuân, hạ, thu, đông) ; trong một ngày thì tả các buổi (sáng, trưa, chiều, tối) ; tả một sự việc, một cảnh sinh hoạt thì theo thứ tự diễn biến (mở đầu – diễn biến – kết quả), v.v.

Ta có thể tìm hiểu trình tự này qua phần văn bản tả mùa xuân bên bờ sông Lương trích từ tác phẩm *Vỡ bờ*, tập II của nhà văn Nguyễn Đình Thi :

"Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. Mùa xuân đã điểm các chùm hoa đỏ mọng lên những cành cây gạo chót vót giữa trời và trái màu lúa non sáng dịu lên khắp mặt đất mới cách ít ngày còn trần trụi đen xám. Trên những bãi đất phù sa mịn hồng mơn mớn, các vòm cây quanh năm xanh um đã dần dần chuyển màu lốm đốm, như được rắc thêm một lớp bụi phấn hung hung vàng : các vườn nhãn, vườn vải đang trở hoa. Và hai bên ven con sông nước êm đềm trong mát, không một tác đất nào bỏ hờ. Ngay dưới dòng sông, từ sát mặt nước trở lên, những luống ngô, đỗ, lạc, khoai, cà,... chen nhau xanh rờn phủ kín các bãi cát mùa này phơi cạn.

Mùa xuân đã đến. Những buổi chiều hừng ấm, từng đàn chim én từ dãy núi biếc đằng xa bay tới, lượn vòng trên những bến đò, đuổi nhau xập xè chung quanh những mái nhà toả khói. Những ngày mưa phùn, người ta thấy trên bãi soi dài nổi lên dây dớ ở giữa sông, những con giang, con sếu cao gần bằng người, không biết từ đâu về, theo nhau lững thững bước thấp thoáng trong bụi mưa trắng xoá. Có những buổi cả một quãng sông phía gần chân núi bỗng rợp đi vì hàng nghìn đôi cánh của những đàn sâm cầm tới tấp sà xuống, chẳng khác nào từng đám mây bỗng rụng xuống, tan biến trong các đầm bãi rậm rạp lau sậy.

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa đổi mới, tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà sinh sôi nảy nở với một sức mạnh không cùng. Hình như từng kẽ lá khô cũng cự mình vì một lá cỏ non vừa xoè nở, hình như mỗi giọt khí trời cũng rung động không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay..." (Dẫn theo *Văn miêu tả và kể chuyện*, Sđd).

Trong phần văn bản trên, chỉ với điệp khúc "Mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương" ; "Mùa xuân đã đến" ; "Mùa xuân đã đến hẳn rồi...", nhà văn Nguyễn Đình Thi đã khéo léo làm nổi bật những đổi thay của cảnh vật thiên nhiên từ khi mùa xuân chớm về xua tan cái rét của mùa đông (Mùa xuân đã "điểm các chùm hoa đỏ mọng lên những cây gạo chót vót" và "trái màu lúa non sáng dịu lên khắp

mặt đất"). Rồi "Mùa xuân về thật" (với "buổi chiều hừng ấm" ; với đàn chim én "lượn vòng", "đuổi nhau xập xè" ; với "những đàn sâm cầm tới tấp sà xuống"...). Và cuối cùng, "Mùa xuân đã đến hẳn rồi" (với "đất trời đổi mới", "lá cỏ non xoè nở", "mỗi giọt khí trời cũng rung động không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay,...").

Trình tự không gian :

Trình tự này thường được dùng trong dạng văn miêu tả cảnh thiên nhiên và cảnh sinh hoạt. Có thể theo trình tự từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể ; có thể từ phải qua trái, từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ ngoài vào trong,... tùy theo điểm nhìn và vị trí quan sát của người miêu tả.

Đoạn trích tả sân chim trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi là một ví dụ khác tiêu biểu cho trình tự miêu tả này :

"Trên vệt rừng đen ở chỗ con sông ngoặt như lưỡi cưa cá mập chom chồm dựng đầu răng nhọn đã ửng lên màu mây hồng phơn phớt. Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời. Càng đến gần, khi bóng chim chưa hiện rõ hình đôi cánh, thì quang cảnh đàn chim bay lên giống như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên tri hô điệp.

Những bầy chim đen bay kín trời, vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông, cuốn theo sau những luồng gió vút cứ làm tai tôi rối lên, hoa cả mắt.

Mỗi lúc tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng... Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Công cốc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa... Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quần nhánh cây.

Một con diêng diêng ngóc cổ lên mặt nước, thoạt trông tôi tưởng là một con rắn từ dưới nước cất đầu lên. Khi thuyền chúng tôi chèo đến gần, nó bèn ngụp xuống lặn mất. Chốc sau đã lại thấy nó nổi lên gần bờ, mò ngậm con tôm càng xanh gần bằng cổ tay còn đang vùng vẫy rêu cựa quậy...

Chim từ những đầu tập trung về ở đây, nhiều không thể nói được !...

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi chèo đi hơn ba nghìn thước rồi mà hãy còn thấy chim đậu trắng xóa trên những cây gie mọc sát ra sông" (*Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi).

Dưới ngòi bút miêu tả tài tình của nhà văn Đoàn Giỏi, toàn cảnh sân chim đã hiện lên thật cụ thể và sống động. Đọc đoạn văn, ta như đang được xem một cuốn phim quay chậm dưới sự điều khiển ống quay rất khéo léo của nhà văn. Từ xa, thấy đàn chim "như đàn kiến, từ lòng quả đất chui ra, bò li ti, đen ngòm trên da trời". Gần hơn tí nữa thì thấy chim "như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên chi hồ điệp" ; rồi "những bầy chim đen bay kín trời, vươn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng" ; và còn nghe cả "tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng". Đến sát sân chim thì thấy rõ từng con một : "Công cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa". Khi đã đi qua rồi, nhìn lại, vẫn thấy "chim đậu trắng xoá trên những cây gie mọc sát ra sông". Trình tự không gian đã được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, giúp cho người đọc có thể hình dung được thật rõ, thật cụ thể toàn cảnh sân chim.

Ngoài hai trình tự trên, người viết văn miêu tả có thể sắp xếp ý theo một số trình tự khác nữa. Chẳng hạn như sắp xếp theo đặc điểm tính chất của đối tượng miêu tả (khi làm văn tả người, có thể tả từ hình dáng đến tính tình ; trong quá trình miêu tả tính tình có thể lần lượt đi sâu vào từng đặc điểm để miêu tả). Hay cũng có thể kết hợp đan xen cả trình tự không gian và trình tự thời gian. Hoặc có thể tả theo cảm nhận tự do của người quan sát, vừa tả vừa lồng vào những câu văn nêu suy nghĩ, cảm xúc.

Bức tranh miêu tả cảnh nắng trưa sau đây là một ví dụ :

"Nắng cứ như từng dòng lửa xối xuống mặt đất.

Buổi trưa ngồi trong nhà nhìn ra sân thấy rất rõ những sợi không khí nhỏ bé, mỏng manh, nhẹ tênh, vòng vèo lượn từ mặt đất bốc lên, bốc lên mãi.

Tiếng gì xa vắng thế ? Tiếng võng kéo kẹt kêu buồn buồn từ nhà ai vọng lại. Thỉnh thoảng câu ru em cất lên từng đoạn ạ ời...

Hình như chị ru em. Em ngủ và chị cũng thiu thiu ngủ theo. Em chợt thức làm chị bừng tỉnh và lại phải tiếp tục câu ạ ời. Cho nên câu hát cứ cất lên từng đoạn rồi ngừng lại, rồi cất lên, rồi lại ngừng, lịm đi trong cái nặng nề của hai mi mắt khép lại.

Con gà nào cất lên một tiếng gáy và ở góc vườn tiếng cục tác làm nắng trưa thêm óng ả, ngọt ngào.

Không một tiếng chim, không một sợi gió. Cây chuối cũng ngủ, tàu lá lặng đi như thiếp vào trong nắng. Đường làng vắng tanh vắng ngắt. Bóng tre, bóng chuối cũng lặng im bất động".

(Bằng Sơn, báo *Văn nghệ*, số 21, 1989,
dẫn theo *Văn miêu tả và kể chuyện*, Sdd)

3. Ngôn ngữ trong văn miêu tả

Đối tượng của văn miêu tả là hiện thực cuộc sống rất phong phú, đa dạng, muôn hình muôn vẻ. Để tạo dựng lại những bức tranh về cuộc sống ấy, các nhà nghệ sĩ sử dụng nhiều loại chất liệu khác nhau : Nhà họa sĩ miêu tả bằng màu sắc ; nhà điêu khắc miêu tả bằng đường nét, hình khối ; còn nhà văn miêu tả thông qua ngôn ngữ. Nói cách khác, văn học là nghệ thuật của ngôn từ.

Vậy ngôn ngữ trong văn miêu tả có đặc điểm gì ?

Trước hết, ngôn ngữ trong văn miêu tả phong phú, giàu hình ảnh và có sức biểu cảm lớn. Cái đích của người viết văn miêu tả là làm thế nào để phác họa được những bức tranh thiên nhiên, bức tranh sinh hoạt hoặc chân dung của con người một cách cụ thể, sống động và có hồn như nó vốn tồn tại trong cuộc sống. Và làm thế nào để khi thông qua đoạn văn, bài văn miêu tả, người đọc có thể hình dung ra toàn cảnh như đang được nhìn trước mắt. Tức là người viết văn miêu tả phải có khả năng tác động mạnh mẽ, sâu xa tới trí tượng tưởng và cảm nghĩ của người đọc. Muốn vậy, từ ngữ được đưa vào văn miêu tả phải giàu hình ảnh, đường nét, âm thanh, màu sắc, nhạc điệu. Thông thường, các từ láy (bao gồm cả từ láy tượng hình và từ láy tượng thanh) đáp ứng được yêu cầu này.

Ta hãy thử khảo sát một số đoạn văn miêu tả sau :

Đoạn 1 : "Có lẽ bắt đầu từ những đêm sương sa thì bóng tối đã hơi cứng và sáng ngày ra thì trông thấy màu trời có vàng hơn thường khi. Màu lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm, không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Buồng chuối quả chín vàng dóm. Những tàu lá chuối vàng ối xoã như những đuôi thất lung, vạt áo. Nắng vườn chuối đương gió lẫn với lá vàng, như những vạt áo nắng, đuôi áo nắng, vẩy vẩy. Bụi mía vàng xọng, từng đốt ngấn phấn trắng. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đó, con gà, con chó cũng vàng mượt. Mái nhà phủ một màu rơm vàng mới. Lác đác, cây lụi có mấy chiếc lá đỏ tía. Qua khe giậu, lộ ra mấy quả ớt đỏ chói. Tất cả đượm một màu vàng trù phú,

đầm ảm lạ lùng. Không còn có cảm giác héo tàn hanh hao lúc sắp bước vào mùa đông. Hơi thở của đất trời, mặt nước thơm thơm nhè nhẹ" (Tô Hoài – *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, NXB Giáo dục, 1997).

Ngoài một số từ láy gợi trạng thái, hương vị (*lắc lư, lơ lửng, thơm thơm, nhè nhẹ*), trong đoạn đã sử dụng tới hơn mười từ ngữ chỉ màu sắc, đặc biệt là màu vàng – màu của ngày mùa no ấm ở nông thôn : *vàng hơn thường khi, vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng sẫm, vàng tươi, vàng đóm, vàng ối, vàng xọng, vàng giòn, vàng mướt, vàng mới, màu vàng trù phú, đỏ chói*.

Đoạn 2 : "Mưa đến rồi, lẹt đẹt... lẹt đẹt... Mưa giáo đầu. Những giọt nước lăn xuống mái phen nứa : mưa thực rồi. Mưa ù xuống khiến cho mọi người không tưởng được là mưa lại kéo đến chóng thế. Lúc nãy là mấy giọt lách tách, bây giờ bao nhiêu nước tuôn rào rào. Nước xiên xuống, lao xuống, lao vào trong bụi cây. Lá đào, lá na, lá sồi vẩy tai run rẩy. Con gà sống ướt lướt thướt ngật ngưỡng tìm chỗ trú. Mưa xuống sầm sập, giọt ngã, giọt bay, bụi nước trắng xoá. Trong nhà tối sẫm, một mùi nồng ngai ngái. Cái mùi xa lạ, man mác của những trận mưa mới đầu mùa. Mưa rào trên sân gạch. Mưa đồm độp trên phen nứa, đập bùng bùng vào lòng lá chuối. Tiếng giọt tranh đổ ồ ồ" (Tô Hoài – *dẫn theo Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, Sdd).

Nhà văn Tô Hoài đã rất tài tình trong việc lựa chọn từ ngữ mô phỏng âm thanh tiếng mưa. Mưa giáo đầu thì "lẹt đẹt... lẹt đẹt...", mấy giọt "lách tách" ; rồi khi cơn mưa lớn dần thì tiếng mưa cũng thay đổi : "nước tuôn rào rào", "mưa xuống sầm sập, giọt ngã, giọt bay", "mưa rào trên sân gạch", "mưa đồm độp trên phen nứa", "đập lùng bùng vào lòng lá chuối", "tiếng giọt tranh đổ ồ ồ...". Cả một vốn từ phong phú và gợi cảm đã làm cho khung cảnh trận mưa rào đầu mùa hiện lên thật cụ thể, sống động:

Bên cạnh đó ngôn ngữ trong văn miêu tả phải thật chính xác. Dừng từ *hay* không có nghĩa là từ đó phải "kêu". Dừng từ *phong phú* không có nghĩa là liệt kê ra thật nhiều. Điều quan trọng là người tả chọn đúng từ ngữ diễn tả chính xác nhất cái thần, cái hồn của đối tượng miêu tả.

Đoạn văn tả cảnh biển đẹp của nhà văn Vũ Tú Nam được trích dẫn trong *Ngữ văn 6* (tập hai) là một dẫn chứng sinh động. Nhà văn đã rất dụng công trong việc lựa chọn từ ngữ miêu tả màu nước biển thay đổi theo những trạng thái khác nhau của tiết trời : Khi gió mùa đông bắc vừa dừng thì "biển lặng đỏ đục" ; khi trời nắng thì biển óng ánh đủ màu : "xanh lá mạ, tím phớt hồng, xanh biếc". Khi mưa rào thì biển "thâm sì, nặng trĩu". Buổi sớm "nắng mờ" thì biển bốc hơi nước "chỉ một

màu trắng đục". Vào buổi chiều lạnh thì biển "quánh đặc một màu bạc trắng". Hôm trời đẹp, nắng tàn thì biển "xanh veo màu mảnh chai", v.v. Đúng là muôn màu muôn sắc, tạo nên vẻ đẹp kì diệu mà hoàn toàn chân thực cho bức tranh về biển cả.

Ngoài tính chính xác ra, ngôn ngữ trong văn miêu tả phải là thứ ngôn ngữ có sức liên tưởng, tức là có khả năng khơi gợi trí tượng tượng cho người đọc. Các nhà văn khi viết những trang miêu tả, dù là tả cảnh, tả vật, hay tả người, không bao giờ dừng lại ở tả thực, không bao giờ sao chép một cách máy móc, y nguyên như nó đã từng tồn tại trong cuộc sống. Tất cả đều đã được sáng tạo. Chính vì lẽ đó, từ ngữ trong văn miêu tả không chỉ được dùng theo nghĩa đen mà còn được hiểu theo các lớp nghĩa ẩn, nghĩa bóng. Đó là lí do vì sao trong văn miêu tả, các nhà văn rất hay dùng các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ, thậm xưng, nhân hoá,... Nguyễn Tuân đã thành công qua đoạn văn miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển với những hình ảnh so sánh độc đáo : "Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hừng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông" (Nguyễn Tuân – *Cô Tô*). Còn tác giả Trần Hoài Dương lại sử dụng nghệ thuật nhân hoá một cách linh hoạt, sáng tạo để miêu tả hình ảnh chú nhái bén đáng yêu, ngộ nghĩnh : "Tôi ngắt một chiếc lá sồi đỏ thắm thả xuống dòng nước. Chiếc lá vừa chạm mặt nước, lập tức một chú nhái bén tí xiu như đã phục sẵn từ bao giờ nhảy phốc lên ngồi chễm chệ trên đó. Chiếc lá thoáng tròn thành, chú nhái bén loay hoay cố giữ thăng bằng rồi chiếc thuyền đỏ thắm lặng lẽ xuôi dòng. Chàng lái dò vênh mặt nhìn tôi, giương đôi mắt đen láy như hai hạt rau dền lên, đẩy về hãnh diện" (Dẫn theo *Văn miêu tả và kể chuyện*, Sdd).

Cuối cùng, phải nói tới việc sắp xếp ngôn ngữ trong câu văn tả, đoạn văn tả. Đây cũng là một nghệ thuật đòi hỏi sự sáng tạo của người viết. Câu văn tả không chỉ đúng (về nội dung biểu đạt lẫn hình thức cấu trúc) mà còn phải hay, phải độc đáo, phải có sự biến hoá linh hoạt. Dù là văn xuôi cũng phải có nhạc điệu. Có thể đan xen câu bình thường với câu đặc biệt, câu đơn với câu phức, câu dài với câu ngắn,... Và cũng có thể dùng kiểu câu đảo ngữ để gây ấn tượng cho người đọc. Việc lựa chọn các kiểu câu hoàn toàn phụ thuộc vào nội dung cần biểu đạt.

Chẳng hạn khi miêu tả khung cảnh thiên nhiên yên ả, êm đềm, thơ mộng hay khi miêu tả dòng cảm xúc đang tuôn chảy thì có thể dùng những câu văn dài, cấu trúc gồm nhiều vế nối tiếp nhau như : "Những nét hờn hờ trên mặt người lái xe chột đuôi ra rồi bằng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhò cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe" (Nguyễn Thành Long – *Lặng lẽ Sa Pa*, dẫn theo *Văn học 9*, tập hai, 2000). Ngược lại, khi miêu tả những hoạt động diễn ra nối tiếp, liên tục, nhanh, mạnh thì người ta thường dùng những câu đặc biệt hoặc câu tỉnh lược ngắn gọn. Ta có thể tham khảo đoạn văn của Nguyễn Công Hoan miêu tả cảnh "thằng ăn cắp" ngồi ăn bún riêu :

"Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù ! Nóng ! Xuyết xoạt ! Cay ! Ngon quá ! Ai cũng yên bụng, không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trà. Họ cười ha hả. Nó vẫn ăn. Ngon quá. Năm phút... Mười phút... Bỗng chốc : – Ồi ông đội xếp ôi ! Thằng ăn cắp ! Ai đuổi hộ tôi ! Bọn bán hàng nhốn nháo. Chạy tứ tung. Quang gánh vương. Người ngã. Hàng đổ. Bát vỡ "

(Nguyễn Công Hoan – *Thằng ăn cắp*).

4. Yếu tố trữ tình trong văn miêu tả

Hình ảnh thiên nhiên và con người được phản ánh trong văn miêu tả thông qua cảm nhận của nhà văn. Điều đó cũng có nghĩa là nhà văn không bao giờ sao chép, dựng lại những bức tranh cuộc sống một cách khô khan, máy móc. Đằng sau mỗi bức tranh tả cảnh phải là những thái độ rõ ràng, những tấm lòng, những tâm hồn nhạy cảm, biết rung động trước cái đẹp. Đó chính là chất trữ tình trong văn miêu tả.

Cách thể hiện chất trữ tình ở thể loại văn này không theo một mẫu quy định cứng nhắc nào. Người ta có thể bộc lộ thái độ tình cảm của mình đối với đối tượng miêu tả theo hướng trực tiếp hoặc gián tiếp. Trực tiếp bằng những câu cảm thán hay câu trần thuật ; trực tiếp bằng những lời bình, lời nhận xét. Còn gián tiếp qua nghệ thuật sử dụng từ ngữ, câu văn để cho hình ảnh miêu tả tự bộc lộ thái độ tình cảm của người viết. Có những trường hợp, người ta đan xen giữa lời bình trực tiếp của người miêu tả với những hình tượng nghệ thuật giàu sức gợi, qua đó làm nổi

bật chất trữ tình ý nhị, kín đáo mà đầy sức thuyết phục của đoạn văn, bài văn tả. Có rất nhiều hình ảnh đặc sắc, giàu chất trữ tình thực sự làm người đọc cảm động. Đây là đoạn văn miêu tả tâm trạng của bé Hồng khi gặp mẹ – một đoạn văn thấm đẫm chất trữ tình : "Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc ? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp vào đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm-giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường" (Nguyễn Hồng – *Những ngày thơ ấu*, dẫn theo *Văn học 8*, tập một, NXB Giáo dục, 2000).

II – NHỮNG LƯU Ý KHI LÀM VĂN MIÊU TẢ

1. Các kĩ năng chung cần sử dụng khi làm văn miêu tả

a) *Kĩ năng quan sát, ghi chép*

Đối tượng của văn miêu tả là những sự vật, sự việc, là thế giới thiên nhiên, là con người và cuộc sống của con người. Có thể coi đó là một thế giới hết sức đa dạng, phức tạp và sống động đang diễn ra quanh ta, thay đổi từng ngày từng giờ. Tuy vậy, không phải tự nhiên mà ta hiểu và nắm vững được đặc điểm của từng sự việc, từng sự vật, từng con người để miêu tả đúng bản chất của nó. Vì vậy, phải quan sát, ghi chép.

Đối với các nhà văn, kĩ năng quan sát đóng một vị trí hết sức quan trọng, thậm chí được coi là yếu tố khơi nguồn cho cảm hứng sáng tác cũng như quyết định cho sự thành công của quá trình miêu tả hiện thực cuộc sống. Không thể ngồi trong bốn bức tường, chỉ dùng trí tưởng tượng để mà dựng lại những bức tranh về thiên nhiên, loài vật và con người. Trí tưởng tượng dù có phong phú đến bao nhiêu cũng không thể nào sánh được với hiện thực cuộc sống. Ngay cả những câu chuyện thần thoại – sản phẩm được tạo nên bằng trí tưởng tượng của người xưa – suy cho cùng cũng bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, mang bóng dáng và hơi thở của cuộc sống.

Quan sát để ghi nhận, để khám phá và để hiểu về thế giới quanh mình. Sau đó mới có thể viết được. Ta hãy nghe chính nhà văn Tô Hoài – tác giả truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* – tâm sự : "... Chẳng phải chỉ vì có khiếu và thích thú trong tưởng tượng

mà có thể viết được. Những chàng Đế Mèn, đại vương Éch Cóm và thầy đồ Cóc trở thành bầu bạn với các bạn đọc là do một hoàn cảnh thực tế thời niên thiếu tôi đã được sống. Trước cổng làng tôi có một bãi sông, trên bãi ấy đã sinh hoạt một thế giới rất nhiều cây cỏ và các loài vật cho chúng tôi đùa chơi với. Những con giống trong *Đế Mèn phiêu lưu kí* mà tôi có miêu tả được sự hoạt động, tính nết và "phong tục" của chúng là do tôi có nghịch, có bè bạn thân thiết với chúng nhiều. Thực tế ấy, thơ mộng ấy khơi nguồn cho tôi viết. Chứ không phải chỉ có khiếu viết văn. Cái khiếu có tạo ra các nhân vật ấy đâu !" (Tô Hoài – *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, Sđd). Còn nhà văn Vũ Tú Nam cũng bày tỏ kinh nghiệm của mình : "Tôi đã say mê chơi các loài dế từ ngày ấy, để bốn mươi năm sau tôi có đủ tình yêu và sự hiểu biết để viết *Dế chọi* và *Ong bắt dế*. Những cây gáo cao lớn bên vườn rau của mẹ tôi khi xưa đã giúp tôi viết *Cây gáo*. Tôi đã bắt con bọ ve, thả trong màn, thức rất khuya để quan sát nó lột. Cũng như tôi đã nuôi con bọ ngựa cái sắp đến ngày sinh, theo dõi nó từ khi nó đẻ đến khi trứng nở ra hàng đàn bọ ngựa xinh xinh. Từ đó mà có thể viết được *Đêm hè* và *Cái trứng bọ ngựa*..." (Vũ Tú Nam – *Văn miêu tả và kể chuyện*). Qua những lời tâm sự ấy, ta có thể thấy được thái độ làm việc nghiêm túc của các nhà văn đối với công việc sáng tác nghệ thuật.

Đối với các em học sinh, khi làm văn miêu tả, kĩ năng quan sát và ghi chép cũng rất cần thiết. Tất nhiên, các em không thể có ngay được kĩ năng ấy và sử dụng nó thành thạo như các nhà văn vẫn làm. Tất cả đều mới ở bước đầu tập dượt : tập quan sát, tập ghi chép, tập phát hiện ra những đặc điểm của các sự vật, hiện tượng quanh mình. Từ đó có vốn để làm văn miêu tả. Nhưng trong thực tế, các em hay bỏ qua kĩ năng này. Thông thường, các em làm văn ở lớp (rất ít bài làm ở nhà). Ngồi giữa bốn bức tường của lớp học, xung quanh chỉ có thầy cô giáo, bạn bè, bảng đen, bàn ghế mà phải làm những bài văn tả cảnh biển, cảnh cánh đồng lúa chín, cảnh một buổi lao động,... thì quả là không có gì để quan sát trực tiếp. Thế mới xảy ra tình trạng bịa đặt hình ảnh trong bài làm, khiến cho những hình ảnh miêu tả ấy thiếu tính chân thực, thậm chí hết sức vô lí. Chẳng hạn như câu tả "Đêm cuối tháng, cả bầu trời vàng vạc ánh trăng, chi chít muôn ngàn vì sao lấp lánh, lấp lánh" ("Đêm cuối tháng" thì làm gì có trăng ! Mà những hôm "trăng sáng vàng vạc" thì lấy đâu ra "muôn ngàn vì sao chi chít" !). Hoặc có em lại tả "Con lợn sẽ có bốn cái chân như bốn cái ống điều" (Với bốn cái chân ấy thì làm sao có thể trụ vững cho toàn bộ cơ thể to lớn của con lợn sẽ ?)... Chính vì những hình ảnh miêu tả vô lí ấy mà nhiều bài làm của các em bị cô giáo phê là "thiếu kiến thức thực tế".

Vậy chúng ta có thể quan sát lúc nào ? Cách quan sát và ghi chép sao cho hợp lí ?

Qua tập hợp, khảo sát một số đề tập làm văn mà giáo viên trung học cơ sở thường sử dụng, ta có thể thấy rằng số đề bài đề cập tới những hình ảnh miêu tả xa lạ với cuộc sống của các em rất ít (Ví như yêu cầu học sinh miêu tả một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước trong khi không phải em học sinh nào cũng có điều kiện được đi tham quan ở những nơi đó, nhất là học sinh ở nông thôn, miền núi ; hoặc yêu cầu học sinh nông thôn tả cảnh hoạt động của một nhà máy, yêu cầu học sinh thành phố tả những công việc đồng áng ngày mùa,...). Đa số đối tượng miêu tả trong các bài văn mà giáo viên yêu cầu các em viết thường là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi trong cuộc sống : hình ảnh cô giáo, hình ảnh một bạn học sinh, không khí giờ ra chơi, con đường tới trường, buổi bình minh,... Tuy vậy, các em học sinh vẫn tỏ ra lúng túng khi làm bài. Và kết quả cho ra đời những bài văn nghèo nàn về nội dung ý nghĩa, thiếu sức thuyết phục. Nguyên nhân là do các em ít quan sát, không có thói quen để ý các sự vật, sự việc, hiện tượng quanh mình. Nói đúng hơn là có nhìn mà không thấy, có nghe mà không cảm nhận. Muốn khắc phục tình trạng này, các em học sinh phải tập thói quen quan sát hằng ngày. Quan sát và tự đặt ra những câu hỏi để giải đáp, nhằm tìm hiểu và khắc sâu vào trí nhớ những hình ảnh về cuộc sống xung quanh. Hãy xem hai bên đường ta đi học có những gì ? Cây cối cảnh vật ra sao ? Cảnh về mùa đông khác với cảnh về mùa hè, cảnh buổi sáng khác với cảnh buổi chiều ở chỗ nào ? Hay hãy quan sát em bé tập đi mà xem : Nó độ bao nhiêu tháng tuổi ? Gương mặt và hình dáng như thế nào ? Từng động tác tập đi ra sao ?... Tất cả những điều ta quan sát và ghi nhận được cần phải chép lại vào một cuốn sổ tay. Không cần chép dài dòng, chỉ điểm qua những nét chính, ngắn gọn. Sẽ rất thành công nếu khi quan sát chúng ta có được những phát hiện bất ngờ. Những phát hiện này sẽ là điều kiện giúp cho bài làm của các em thêm sáng tạo và độc đáo.

Có thể một số em sẽ nêu thắc mắc : Những đối tượng không xuất hiện trực tiếp hằng ngày trong cuộc sống của các em thì làm sao có thể quan sát ? Ở miền núi lấy đâu ra biển ? Ở đồng bằng lấy đâu ra rừng ? Vùng sản xuất nông nghiệp lấy đâu ra nhà máy, công xưởng ?... Khắc phục điều này không khó. Chúng ta có nhiều nguồn để thu thập kiến thức thực tế cho mình. Chẳng hạn như quan sát qua những hình ảnh trên chương trình truyền hình, quan sát qua những bức tranh cảnh, đọc những tác phẩm văn học có nghệ thuật miêu tả đặc sắc,... Từ nhiều nguồn khác nhau đó, chúng ta chắc chắn sẽ có một vốn kiến thức thực tế hết sức phong phú.

b) Kĩ năng tưởng tượng

Có thể khẳng định rằng nếu không có kĩ năng tưởng tượng thì bài văn miêu tả chắc chắn sẽ không thể hay được, dù là văn tả thực. Làm nghệ thuật nói chung và viết văn miêu tả nói riêng không thể chấp nhận kiểu sao chép hiện thực cuộc sống một cách máy móc, khô cứng. Nếu chỉ quan sát và ghi chép vào bài làm đúng y nguyên những điều đã quan sát ấy thì bức tranh được miêu tả trong bài văn sẽ quá trần trụi, thiếu sức hấp dẫn. Vì vậy, cần tưởng tượng và sáng tạo thêm để bổ sung những hình ảnh phù hợp, làm cho bức tranh miêu tả trở nên phong phú và sinh động hơn.

Không có trí tưởng tượng, chắc chắn nhà văn Tô Hoài không thể xây dựng được một bức tranh phong phú về thế giới loài vật như trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu kí*.

Không có trí tưởng tượng, chắc chắn nhà văn Vũ Tú Nam không thể viết được trang văn miêu tả cảnh thay đổi kì diệu của màu nước biển trong *Biển đẹp*.

Vậy khi làm văn miêu tả, trí tưởng tượng được dùng với vai trò gì ?

Có thể nói rằng vai trò của trí tưởng tượng rất lớn. Nó không chỉ là yếu tố tạo nên sự phong phú cho các hình ảnh trong bức tranh miêu tả mà còn giúp cho người làm văn miêu tả tìm được những từ ngữ và các biện pháp nghệ thuật phù hợp để bài văn miêu tả hấp dẫn hơn.

Ta hãy so sánh hai đoạn văn miêu tả sau :

Đoạn văn 1 : "Trên bãi cỏ sau làng, đàn bò đang gặm cỏ. Con nào con nấy hùng hục ăn một cách ngon lành, không còn để ý gì xung quanh. Tiếng gặm cỏ nghe rào rào. Nhìn cảnh tượng ấy thật thú vị" (Bài làm của học sinh).

Đoạn văn 2 : "Con Nâu đứng lại, cả đàn đứng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên như một nong tầm ăn rồi khổng lồ. Con Ba Bóp vẫn phàm ăn, tục uống nhất, cứ thúc mãi mõm xuống, ùi cả đất lên mà gặm. Bọt mép nó trào ra, nom nó ăn đến ngon lành. Con Hoạ ở gần đấy cũng hùng hục ăn không kém. Mẹ con chị Vàng ăn riêng một chỗ. Cu Tũn dờ hơi chốc chốc lại chạy tới ăn tranh mẩu cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó và đi kiếm một bụi khác" (Hồ Phương – *Cỏ non*, Văn học 6, tập một, NXB Giáo dục, 2000).

Ở đoạn văn thứ nhất, người tả chỉ dùng những câu văn tả thực hoàn toàn giới thiệu cảnh đàn bò gặm cỏ. Vì thế ý không thể phong phú, và đoạn văn cũng không có sức gợi tả, gợi cảm. Nhưng ở đoạn thứ hai, tác giả Hồ Phương đã kết hợp một

cách tài tình giữa hình ảnh tả thực và những hình ảnh sáng tạo nhờ trí tưởng tượng. Chính trí tưởng tượng phong phú đã giúp cho tác giả khi nghe tiếng đàn bò gặm cỏ đã liên tưởng tới âm thanh "của một nông tằm ăn rồi khổng lồ". Và cũng nhờ trí tưởng tượng mà tác giả đã phát hiện ra được tính cách của từng con bò qua cách gặm cỏ của chúng : Con Ba Bóp thì "ngổ ngáo", "phàm ăn tục uống" ; con Hoa vốn "tiểu thư yếu điệu" nhưng cũng không cưỡng lại được sức hấp dẫn của bãi cỏ non, "hùng hục ăn không kém" ; cu Tũn như một chú bé con dờ hơi, tinh nghịch, nũng nịu ; chị Vàng đúng là một người mẹ dịu dàng, quen nhường nhịn,... Nghệ thuật so sánh kết hợp với nhân hoá đã làm cho hình ảnh đàn bò gặm cỏ hiện lên thật sống động dưới ngòi bút miêu tả sáng tạo của nhà văn Hồ Phương.

c) *Kĩ năng so sánh*

So sánh là hệ quả của quá trình liên tưởng, tưởng tượng. Khi quan sát một đối tượng nào đó, hình ảnh của đối tượng ấy (từ màu sắc tới hình dáng, từ kích thước tới trạng thái) thường gợi cho người quan sát nghĩ tới những hình ảnh khác có cùng một nét tương đồng nào đấy. Chính sự liên tưởng, so sánh này làm cho trang văn miêu tả hay hơn, và đối tượng miêu tả hiện lên rõ hơn, đẹp hơn, hấp dẫn hơn.

Nếu xét về đối tượng, hiện tượng so sánh trong văn miêu tả hết sức đa dạng và phong phú :

Có thể so sánh người với người : "Với gương mặt phúc hậu và mái tóc bạc trắng, trông bà hết như một bà tiên trong truyện cổ tích" ; " Nhìn nó chăm chỉ làm việc giúp bà, ai cũng tấm tắc : Hết như cô Tấm trong truyện cổ tích xưa"...

Có thể so sánh người với các con vật (hình dáng, tính cách) : "Lão ta quá ranh mãnh, xảo quyệt, y như một con cáo già" ; "Trông anh ta như một con gấu " ; "Cậu ấy nhanh như một con sóc"...

Có thể so sánh người với cây cối : "Chấm cú như một cây xương rồng" (Đào Vũ – *Cái sân gạch*) ; "Cô bé cứ như một cây lúa non, lặng lẽ lớn lên từ bùn đất"...

Có thể so sánh người với các hiện tượng tự nhiên : "Giọng lão ta lúc nào cũng gầm vang như sấm" ; "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào"...

Có thể so sánh vật với vật, cảnh với cảnh : "Cây gạo như treo rung rinh hàng ngàn nỗi cơm gạo mới" (Vũ Tú Nam) ; "Vàng trắng non giữa bầu trời đầy sao hết như một cái liềm vàng ai bỏ quên giữa cánh đồng lúa chín" (theo Vích-to Huy-gô) ; "Măng chồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất luỹ mà trời dậy" (Ngô Văn Phú) ; ...

Có thể so sánh vật với con người : " Cây bàng già sừng sững, uy nghi như một người lính gác canh giữ cho khu vườn được bình yên" ; " Cây bưởi như một người mẹ đang cần mẫn cõng trên mình lũ con đầu tròn trọc lóc" (Đoàn Giỏi) ; ...

Nếu xét về cách thức so sánh thì có những hiện tượng so sánh sau :

So sánh theo hướng thu nhỏ lại : "Trái đất như một giọt nước màu xanh lơ lửng giữa không trung" ; "Xa xa, những cánh buồm nâu như những cánh bướm dập dờn trên mặt biển" ; ...

So sánh theo hướng phóng đại lên : "Rệp bò lổm ngổm như xe cóc – 'Muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay" (Hồ Chí Minh) ; "Chiếc lá tre được thả xuống dòng nước, tròn trành, xoay xoay, rồi trôi đi như một con thuyền, chở theo ước mơ của chúng tôi" ; ...

So sánh theo hướng cụ thể hoá : "Từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi" (truyện thuyết *Thánh Gióng*) ; "Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn" (Nguyễn Tuân) ; ...

So sánh theo hướng trừu tượng hoá : "Nước biển chiều nay xanh như một trang sử của loài người, lúc con người phải viết vào thân tre" (Nguyễn Tuân) ; ...

Tuy nhiên, khi sử dụng kĩ năng so sánh, cần lưu ý là phải biết sáng tạo, biết tìm điểm mới, điểm riêng. Không nên lặp đi lặp lại những hình ảnh so sánh đã quá cũ, quá sáo mòn theo kiểu : "Miệng cười tươi như hoa", "Những hạt sương long lanh như những hạt ngọc dính trên cánh hoa hồng", "Cánh đồng lúa chín trông như tấm thảm vàng trải rộng đến chân trời", v.v.

d) Kĩ năng nhận xét

Viết văn miêu tả, bao giờ người viết cũng để lại dấu ấn chủ quan của mình. Dấu ấn chủ quan ấy chính là sự cảm nhận riêng của mỗi người, là cách biểu lộ thái độ, tình cảm riêng của mỗi người đối với đối tượng được miêu tả. Một nhà văn Pháp viết : "Một trăm thân cây bạch dương giống nhau cả trăm, một trăm ánh lửa giống nhau cả trăm. Mới nhìn tưởng thế, nhưng nhìn kĩ thì thân cây bạch dương nào cũng khác nhau, ngọn lửa nào cũng khác nhau. Trong đời ta gặp bao nhiêu người, phải thấy ra mỗi người mỗi khác nhau, không ai giống ai" (Dẫn theo Tô Hoài – *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*).

Không phải chỉ các nhà văn, mà ngay cả học sinh khi làm văn miêu tả cũng nên ý thức rõ điều này. Chúng ta có thể hiểu cụ thể thêm nữa, rằng thiên nhiên và

con người xung quanh chúng ta luôn trong trạng thái vận động và thay đổi không ngừng – thật vô cùng thú vị và hấp dẫn. Đâu phải chỉ có ngọn lửa này khác ngọn lửa kia, thân cây bạch dương này khác thân cây bạch dương kia mà ngay cùng một sự vật, hiện tượng ấy cũng từng phút, từng giờ thay đổi liên tục. Cũng một con đường từ nhà đến trường, nhưng sáng hôm nay ta thấy nó như thế này, sáng mai đã có thể đổi khác. Cũng một cây bàng, chiều hôm trước còn trơ trụi lá cành, mà chỉ sau mấy hôm đã đâm chồi nảy lộc, tràn đầy sức sống. Cũng một bãi biển, nhưng khi ta buồn ta sẽ cảm nhận nó khác khi ta đang vui... Có thể nói rằng, đối tượng miêu tả sẽ xuất hiện và đi vào bài văn tùy thuộc vào điểm nhìn, thái độ, tình cảm, tâm trạng cũng như tình huống tiếp xúc của người viết. Đây chính là cơ sở tạo nên dấu ấn chủ quan của người viết trong văn miêu tả. Nó đòi hỏi người viết phải bộc lộ trong tác phẩm của mình những lời nhận xét, những suy nghĩ, những cảm nhận riêng về đối tượng.

Vấn đề là phải dùng cách nhận xét như thế nào để tạo sự hấp dẫn cho bài văn miêu tả ?

Trước hết có thể nhận xét trực tiếp bằng những lời bình, những câu cảm thán, những hình ảnh so sánh : "Chà ! Chà ! Béo ơi là béo ! ", " Gớm ! Béo đâu có béo lạ béo lung thế !" (Nguyễn Công Hoan) ; "Những bông hoa rơi từ trên cao, đài hoa nặng trĩu xuống, những cánh hoa đỏ rực quay tít như chong chóng, nom thật đẹp (Vũ Tú Nam) ; " A Chàng đẹp người thật... Nhưng phải nhìn Hạng A Chàng cày mới thấy hết được vẻ đẹp của anh" (Ma Văn Kháng) ; ...

Và cũng có thể bộc lộ một cách kín đáo qua việc lựa chọn hình ảnh miêu tả. Đây là thái độ mỉa mai, giễu cợt của nhà văn Nguyễn Công Hoan khi miêu tả hình ảnh một "bà chủ" : "Váy thì bà mặc đó. Như thoát trông, đồ ai dám bảo là một người. Nếu người ta chưa nom rõ cái mặt phì, cái cổ rụt, cái thân nung núc và bốn chân tay ngắn chùn chùn, thì phải bảo là một đồng hai ba cái chân bông cuộn lại với nhau, sắp đem cất đi". Còn đây là thái độ ngạc nhiên thích thú của nhà văn Vũ Tú Nam khi quan sát và miêu tả hình ảnh những trái mướp lớn nhanh như thổi : "Rồi quả thi nhau chồi ra... bằng ngón tay... bằng con chuột. Rồi bằng con cá chuối to...".

2. Lưu ý về cách diễn đạt trong văn miêu tả

a) Cách dùng từ ngữ, hình ảnh

Việc lựa chọn từ ngữ trong văn miêu tả là yêu cầu quan trọng, đòi hỏi phải được đặt ra một cách nghiêm túc. Muốn làm tốt yêu cầu này thì người viết văn

miêu tả trước hết phải có một vốn từ phong phú. Vấn đề tích lũy vốn từ cần được tiến hành thường xuyên và dưới nhiều hình thức : thông qua các giờ học Văn – Tiếng Việt trong nhà trường ; thông qua giao tiếp hằng ngày, thông qua quá trình đọc sách, đọc tài liệu tham khảo có liên quan tới văn miêu tả. Tất nhiên, có vốn từ phong phú chưa hẳn đã là thành công mà điều quan trọng là người viết bài phải có sự lựa chọn tinh tường, sao cho giữa một hệ thống các từ đồng nghĩa, gần nghĩa, có thể lấy ra được một vài từ phù hợp nhất, chính xác nhất. Điều cần lưu ý là phải luôn có thói quen tìm từ gợi hình, biểu cảm và phải chọn từ ngữ phù hợp với đối tượng, với văn cảnh. Muốn làm nổi bật hình ảnh của đối tượng thì chú ý nhiều tới hệ thống từ tượng hình (tả màu sắc, hình dáng, trạng thái,...) ; muốn làm nổi bật không khí của cảnh thì dùng hệ thống của từ tượng thanh (mô phỏng các tiếng động). Bài văn miêu tả thiếu đi các từ ngữ có sức tạo hình, gợi cảm thì chắc chắn sẽ không thể hay. Nhưng cũng cần ý thức được rằng nếu dùng từ ngữ, hình ảnh tùy tiện hoặc khuôn sáo, bắt chước một cách lộ liễu thì cách miêu tả cũng không có sức thuyết phục.

Ví như tả cảnh sóng biển có nhiều từ ngữ gợi hình, gợi thanh : *cuồn cuộn, nhấp nhô, lăn tăn, rì rầm, rì rào, lô nhô, ì oạp*,... Nhưng không phải tả sóng lúc nào cũng dùng được tất cả các từ ấy. Tả sóng biển lúc trời động thì phải dùng từ *cuồn cuộn* ; tả tiếng sóng biển vỗ vào bờ đá thì phải dùng từ *ì oạp* ; tả tiếng sóng biển vọng lại trong đêm mà nghe xa thì phải dùng từ *rì rầm* ; ...

Tả cây cối cũng có nhiều từ ngữ chỉ màu xanh khác nhau : *xanh um, xanh rì, xanh non, xanh mơn mớn, xanh tươi, xanh tốt, xanh rờn*,... Nhưng khi đi vào thực tế, mỗi loại cây sẽ có một màu xanh riêng, không thể lẫn lộn : cây rau cải trong vườn hay cây lúa đang thì con gái thì phải là *xanh mơn mớn, xanh rờn* ; cây cối trong rừng rậm rạp thì phải là *xanh rì, xanh tốt, xanh um*,...

Ngay cả âm thanh tiếng mưa rào cũng có sự phân biệt rất rõ : mưa giáo đầu thì *let đet* ; mưa trên mái tôn thì *rào rào* ; mưa đập vào phen nứa *đồm độp* ; mưa đập vào tàu lá chuối thì *lùng bùng* ; mưa từ mái giọt tranh đổ xuống sân thì *ổ ổ* ; ...

Còn từ ngữ tả dáng đi của con người cũng vô cùng phong phú, đa dạng : em bé tập đi thì *lẫm chẫm* ; cậu bé tinh nghịch thì có dáng đi *nhún nhẩy, vừa đi vừa nhẩy chân sáo* ; cụ già thì *lom khom* ; người đang đau chân thì đi *khập khà khập khiễng* ; các cô gái trẻ thì *yểu điệu thướt tha* ; người có tâm trạng thoải mái đi *thong thả* ; người vất vả thì dáng đi *hấp tấp, lật đật, sấp ngửa*,...

Bên cạnh việc lựa chọn từ ngữ, vấn đề tạo hình ảnh trong văn miêu tả cũng không kém phần quan trọng. Có thể thấy rõ câu văn miêu tả giàu hình ảnh

bao nhiêu thì sức gợi cảm của nó sẽ lớn bấy nhiêu. Việc tạo hình ảnh cho câu văn miêu tả có thể thực hiện bằng nhiều cách : hoặc là bằng từ ngữ tượng hình, tượng thanh ("gấu bố, gấu mẹ, gấu con cùng béo rung rinh, bước đi lặc lè, lặc lè") ; hoặc bằng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nhân hoá ("Lá mía sắc như lưỡi gươm, xanh đậm" ; "Lũ trẻ đứa nào đứa nấy da cứ đen bóng như bôi nhọ mỡ" ; "Dòng sông thay chiếc áo màu xanh hằng ngày bằng dải lụa đào" ; ...).

Tuy nhiên, khi sử dụng các biện pháp nghệ thuật trên trong bài văn miêu tả, chúng ta cần lưu ý rằng những nghệ thuật ấy chỉ thực sự có tác dụng nếu được dùng đúng lúc, đúng chỗ, hợp văn cảnh. Ngược lại nếu dùng những nghệ thuật ấy một cách máy móc, sáo mòn thì nó làm giảm giá trị của bài văn miêu tả rất nhiều. Mặt khác, cũng như khi ta ăn tiệc, món ăn dù ngon đến mấy nhưng ăn quá nhiều thì sẽ chán ; trong văn miêu tả, nếu quá lạm dụng cách nói so sánh, nhân hoá mà ít tả thực thì chắc chắn cảm giác thích thú ban đầu của người đọc sẽ giảm dần, thậm chí dẫn tới sự khó chịu, nhất là khi gặp những hình ảnh so sánh, nhân hoá nhạt nhẽo, vô vị. Chẳng hạn như : "Chị gió lá lướt bay tới làm cho cả vườn cây xao động" (chỉ cần viết : "Gió thổi nhẹ làm cả vườn cây xao động") ; "Ông mặt trời đã lên cao, nhân nhó xua muôn ngàn tia nắng tinh quái xuống trần gian" (chỉ cần viết "Mặt trời đã lên cao, chói chang, gay gắt. Nắng như hắt lửa xuống mặt đất"), v.v.

Để thấy rõ tầm quan trọng của việc dùng từ ngữ, hình ảnh trong văn miêu tả, ta hãy so sánh hai đoạn văn có cùng nội dung miêu tả cây cối trong vườn như sau :

Đoạn 1 : " Vườn cây đang vào mùa quả chín trông thật thích mắt. Đây là cây dứa to lớn đứng uy nghi toả bóng rợp nửa khoảng vườn, từng chùm quả bao quanh ngọn, nặng trĩu. Giữa vườn là những cây roi hồng. Năm nay roi cũng được mùa, quả nhiều, có những cành không còn trông thấy lá đâu. Cuối góc vườn là cây bưởi. Đây là giống bưởi mới, thân không cao, tán lá xòe rộng ra, quả to và múi dày. Ngắm vườn cây mùa này, lòng người tự nhiên thấy thư thái hơn".

Đoạn 2 : "Vườn cây đang vào mùa quả chín trông thật thích mắt. Rợp bóng che nửa khoảng vườn là một cây dứa to lớn, đứng uy nghi. Những buồng dứa trông như những chùm bóng bay màu xanh lúc liu bám quanh ngọn, nặng trĩu. Quả nào quả nấy mơn mớn và lớn nhanh như thổi. Còn giữa vườn là những cây roi hồng. Năm nay roi cũng được mùa, quả sai trĩu trĩu. Có những cành roi chín đỏ mọng, uốn cong, chỉ thấy quả chi chít mà không trông thấy lá đâu nữa. Nắng gắt. Rồi một trận mưa rào đổ xuống. Những trái roi căng da, mọng nước, trông càng hấp

dẫn thêm. Ở cuối góc vườn là cây bưởi đứng nép mình, lặng lẽ, cồng trên lưng lữ quả tròn trọc lóc. Đây là giống bưởi mới, thân không cao, tán lá xòe rộng. Nhưng được cái quả to và múi dày nên được nhiều người chuộng. Ngắm vườn cây mùa quả chín, không hiểu sao lòng người tự nhiên thấy thanh thản và thư thái hơn".

Cùng một nội dung miêu tả nhưng cách diễn đạt ở hai đoạn văn hoàn toàn khác nhau. Ở đoạn một mới chỉ dừng lại nội dung thông báo, giới thiệu đặc điểm của từng loại cây, không hề chú trọng việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh nên đoạn văn không hay, không có sức hấp dẫn. Nhưng ở đoạn thứ hai, nội dung thông báo đã được lồng trong những câu văn giàu hình ảnh với các từ láy (*lúc lữ, mơn mớn, trĩu trĩu, chi chít, lặng lẽ, trọc lóc*) và với cách nói so sánh, nhân hoá (*những buồng dừa trông như những chùm bóng bay màu xanh, cây bưởi cồng trên lưng lữ quả tròn trọc lóc,...*). Do đó, hình ảnh cây cối trong vườn hiện lên cụ thể hơn, đem lại thành công cho đoạn văn miêu tả.

b) Cách đặt câu, dựng đoạn trong văn miêu tả

Cũng như văn tự sự, cách đặt câu trong văn miêu tả đòi hỏi người viết phải linh hoạt và công phu. Có thể là câu dài với đầy đủ các thành phần chính phụ, có nhiều tầng ý nối tiếp nhau. Cũng có thể là những câu ngắn (câu đặc biệt hoặc câu tỉnh lược). Vấn đề đặt ra ở đây là phải biết chọn kiểu câu phù hợp với hoàn cảnh, với tình huống, nội dung miêu tả, và cả với cảm xúc của người miêu tả nữa.

Sau đây là một số trường hợp lựa chọn kiểu câu thường gặp :

Kiểu câu dài, nhiều tầng ý, nhiều vế nối nhau thường phù hợp với việc miêu tả khung cảnh thiên nhiên êm đềm, yên ả, hoặc những hoạt động diễn ra nhẹ nhàng, liên tiếp nối nhau ; hoặc khi cảm xúc của con người đang dâng tràn, tuôn chảy,...

Kiểu câu ngắn (câu đặc biệt, câu tỉnh lược) với các dấu câu (dấu chấm than, dấu chấm hỏi, dấu chấm lửng,...) thường dùng để diễn tả những cảm xúc mạnh, những hoạt động nặng, diễn ra nhanh gọn, liên tục ; những tình huống bất ngờ...

Kiểu câu đảo ngữ : thường dùng trong những trường hợp cần nhấn mạnh một đặc điểm, một trạng thái nào đó của đối tượng được miêu tả.

Ví dụ : Tả cánh đồng quê yên ả thanh bình : *cánh đồng trải ra xa tít tắp, mênh mông với sóng lúa lăn tăn gọn nhẹ, đuổi nhau chạy dài đến tận chân trời.* (Câu dài)

Tả ánh trăng khuya : *Trời đã về khuya, ánh trăng dường như càng sáng hơn, vàng vặc giữa vòm cao mênh mông, lặng lẽ toả ánh sáng dịu dàng và tinh khiết xuống mặt đất, huyền ảo và đẹp lạ kì.* (Câu dài)

Tả em bé đang tập đi : *Cu Tí đang chập chững tập đi. Hai bàn chân bấm xuống. Hai tay dang ra để giữ thăng bằng. Một bước. Hai bước. "Uỳnh". Cu Tí khóc oà lên vì bị ngã. Mẹ vội đỡ Tí dậy, thơm một cái vào đôi má trắng hồng. Tí ta nhoẻn cười, nước mắt vẫn đọng trên mí. Hai bàn chân lại bấm xuống. Hai tay lại dang ra. Một bước... Hai bước... Năm bước... Mười bước... Tiếng vỗ tay cổ vũ của mọi người làm cho cu Tí càng phấn khởi.* (Một loạt câu ngắn)

Tả hoa phượng : *Trên cành cây, lác đác xuất hiện những bông hoa phượng đầu mùa.* (Câu đảo ngữ)

Một điều cần lưu ý là trong cùng một bài văn miêu tả phải biết dùng đan xen nhiều kiểu câu khác nhau. Có câu dài xen câu ngắn. Có câu bình thường xen câu đặc biệt. Như vậy mới tạo được sự phong phú, đa dạng cho cách diễn đạt.

Ngoài việc đặt câu, cách dựng đoạn và liên kết giữa các đoạn trong một bài văn miêu tả cũng rất cần được quan tâm. Thông thường, khi làm văn, học sinh chia bài làm thành ba phần : *Mở bài, Thân bài, Kết luận*. Do đó, ứng với ba phần thường là ba đoạn văn. *Mở bài* và *Kết luận* ngắn, *Thân bài* thì dài. Dù nội dung bài văn nghèo nàn hay phong phú, dù dung lượng bài văn ngắn hay dài, dù đối tượng miêu tả ít hay nhiều, phần *Thân bài* cũng chỉ có một đoạn. Đây là hạn chế đáng tiếc mà ta có thể bắt gặp trong bài làm của học sinh.

Vậy có thể khắc phục hạn chế này bằng cách nào ?

Điều trước tiên là phải xác định những ý cần triển khai trong nội dung bài văn miêu tả để chia thân bài thành các đoạn văn tương ứng. Có nhiều cách để chia đoạn trong bài văn tả :

Chia đoạn theo trình tự thời gian : Người làm bài đặt đối tượng miêu tả vào các khoảng thời gian khác nhau. Trong một năm thì theo bốn mùa Xuân – Hạ – Thu – Đông (tả cây cối, cảnh vật) ; trong một ngày thì có sáng – trưa – chiều – tối (tả cảnh vật, thời tiết) ; trong một quá trình thì có bắt đầu – diễn biến – kết thúc (tả cảnh sinh hoạt), khi nhỏ – lớn lên – về già (tả con người), v.v.

Chia đoạn theo trình tự không gian : Người làm bài quan sát đối tượng miêu tả ở nhiều góc độ và từ nhiều hướng khác nhau : từ xa nhìn lại, từ ngoài nhìn vào, từ trong nhìn ra, từ trên nhìn xuống, từ dưới nhìn lên, nhìn bên trái, nhìn bên phải, nhìn phía trước, nhìn phía sau, nhìn toàn cảnh, nhìn chi tiết,...

Chia đoạn theo đặc điểm tính cách của đối tượng được miêu tả : Mỗi đặc điểm tính chất có thể được tách ra để miêu tả trong một đoạn văn độc lập. Ví như tả người nói chung có thể chia thành hai ý (hình dáng, tính tình)...

Chia đoạn theo số lượng đối tượng được miêu tả : có thể sử dụng cách chia đoạn này cho kiểu bài tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh sinh hoạt, tả thế giới loài vật, đồ vật... Ví như tả cảnh thiên nhiên thì có : bầu trời – mặt đất ; cảnh trong vườn – cảnh ngoài đồng ; cảnh biển cả – cảnh núi rừng ; ... Hoặc tả không khí giờ học thì có : công việc của thầy cô giáo, công việc của học sinh ; ... Tả đàn gia súc, gia cầm của gia đình thì có : bầy gà, đàn vịt, lũ trâu bò, mấy con lợn,...

Chia đoạn rồi thì phải suy nghĩ cách triển khai ý trong từng đoạn. Thông thường, nếu toàn bộ phần *Thân bài* triển khai trong một đoạn văn thì nhiều khi chỉ cần liệt kê cảnh cũng có thể tạo thành đoạn (dù rằng nội dung miêu tả sẽ nghèo nàn, dù rằng cách tả sẽ không hay). Nhưng khi tách phần *Thân bài* ra thành một số đoạn mà người viết bài không có đủ kiến thức để triển khai ý trong một đoạn thì những đoạn văn cụt lùn ấy sẽ làm cho bài văn trở nên rời rạc, vụn vặt, thiếu liên kết. Như vậy, thực tế này đòi hỏi người viết phải có khả năng mở rộng ý, phát triển hình ảnh miêu tả một cách phong phú và hợp lí. Thông thường có thể mở rộng ý theo một số hướng sau :

Mở rộng ý bằng cách liên tưởng, so sánh đối tượng đang miêu tả với những đối tượng khác. Hoặc đặt đối tượng đang miêu tả trong các mối quan hệ với những đối tượng xung quanh.

Mở rộng ý bằng cách đi vào miêu tả thật tỉ mỉ, thật chi tiết từng đường nét, hình dáng, đặc điểm của đối tượng.

Mở rộng ý bằng cách đan xen vào những câu văn miêu tả những câu văn nêu cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét.

Mở rộng ý bằng cách kết hợp miêu tả đặc điểm với những lời giới thiệu về giá trị, về công dụng của đối tượng được tả.

Ví dụ : Khi làm bài văn tả cây cối trong vườn vào một thời điểm cụ thể, ta có thể chia *Thân bài* thành một số đoạn ứng với một số đối tượng miêu tả như sau :

Đoạn một : Tả một cây có đặc điểm tiêu biểu và gây ấn tượng nhất trong vườn (lớn nhất, đặt ở vị trí quan trọng nhất,...). Khi tả, phải giới thiệu được vị trí, miêu tả hình dáng, đặc điểm của thân, lá, rễ, hoa, quả,... tầm quan trọng của nó đối với các cây cối khác trong vườn, hoặc đối với con người. Có trường hợp cần nêu thêm lai lịch của nó (Ai trồng ? Trồng lúc nào ? Người trồng và thời điểm trồng có ý nghĩa như thế nào đối với chủ nhân của khu vườn ?).

Đoạn hai : Tả loài cây cho hoa cho hương. Liệt kê một số loài hoa (hoa nhài, hoa hồng,...), đồng thời miêu tả cụ thể vị trí, hình dáng, đặc điểm, cấu tạo của từng loại cây (thân, lá, hoa, hương vị,...).

Đoạn ba : Tả loài cây cho quả. Liệt kê một số loài cây tiêu biểu (cam, bưởi, na, ổi,...), sau đó tập trung miêu tả vị trí, quy trình ra hoa kết trái, cấu tạo, công dụng,... của từng loài cây.

Lưu ý là trong quá trình tả, có thể đặt các đối tượng được tả trên trong mối quan hệ với nắng, với gió, với chim chóc, ong bướm, với con người,... để toàn cảnh khu vườn hiện lên sống động và đẹp hơn.

c) Cách mở đầu và cách kết luận cho một bài văn miêu tả

Mô hình bố cục của một bài văn miêu tả thông thường gồm ba phần rõ rệt :

Mở bài : Giới thiệu đối tượng cần miêu tả (Đối tượng gì ? Có quan hệ như thế nào đối với người miêu tả ? Hoàn cảnh tiếp xúc gặp gỡ với đối tượng ấy có gì đặc biệt ?).

Thân bài : Lần lượt dừng lại hình ảnh hoặc khung cảnh được miêu tả với những đặc điểm chung – riêng.

Kết luận : Nêu cảm nghĩ về đối tượng miêu tả.

Theo mô hình này thì văn miêu tả chỉ mở bài bằng việc giới thiệu đối tượng và kết bài bằng cách nêu cảm nghĩ của người viết. Như vậy là quá đơn điệu, rập khuôn. Thậm chí, có một số em học sinh dùng cái khuôn chung ấy để lắp ghép cho tất cả các bài văn tả khác nhau.

Ví dụ 1 : Khi tả một cây ăn quả, thường các em hay đi theo cách mở và kết như sau :

Mở bài : *Trong vườn bà em trồng nhiều thứ cây ăn quả. Nhưng em thích nhất là cây bưởi đào.*

Kết luận : *Em rất yêu khu vườn (yêu cây bưởi đào). Hoặc Em muốn được chăm sóc cho khu vườn ngày càng tươi tốt (chăm sóc cây bưởi đào để nó tiếp tục đơm hoa kết trái ở những mùa sau).*

Ví dụ 2 : Đối với đề văn "Tả một người bạn thân", cách Mở bài và Kết luận cũng theo như ví dụ 1 :

Mở bài : *Em có nhiều người bạn. Nhưng có lẽ thân thiết và gần gũi nhất vẫn là bạn X.*

Kết luận : *Em và X rất thân thiết, gần bó với nhau. Chúng em tự hứa với lòng mình rằng, dù cho hoàn cảnh và điều kiện cuộc sống có thay đổi như thế nào thì tình bạn ấy vẫn không bao giờ phai nhạt.*

Cứ theo kiểu lấp khuôn này thì ta sẽ có một loạt *Mở bài* và *Kết luận* na ná như nhau mặc dù đối tượng cần miêu tả có thể không giống nhau. Để bài văn miêu tả sáng tạo hơn, ta nên chọn một số cách mở bài và kết bài khác.

Cách mở bài : Có thể mở bài bằng một lời thông báo ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề (Thạch Lam – *Ngày chưa tắt hẳn, trăng đã lên rồi*).

Cũng có thể mở bài bằng lời giới thiệu tình huống để đối tượng miêu tả xuất hiện. Cách mở này thường dài dòng (Ví như tả một người công nhân làm đường : *"Cái Thư, bạn tôi lạ lắm kia ! Hễ cứ ngồi với nhau là cái Thư lại kể về mẹ nó cho tôi nghe. Chẳng lần nào là nó không mở đầu bằng câu "Mẹ tớ, ấy biết không, là công nhân sửa đường đấy. Năm nào mẹ tớ cũng được bầu là Lao động tiên tiến. Tổ mẹ tớ vá đường giỏi nhất công ti. Nếu ấy được xem mẹ tớ làm việc, ấy phải thích mê đi. Này nhé !..."*).

Một buổi sáng, chúng tôi được đi ô tô đến chỗ tổ mẹ Thư làm việc".
(Nguyễn Thị Xuyến)

Cách kết bài : Có thể kết bài bằng một câu văn tả.

Ví dụ : *Đêm đã khuya, vắng trăng càng sáng, vắng vạc trên vòm cao mênh mông như đang thao thức cùng trời đêm.*

Hay : *Cánh đồng lúa vẫn dập dờn, dập dờn trong gió. Hương thơm dịu dịu toả ra. Lan xa. Lan xa...*

Có thể kết bài bằng một lời mở ý hoặc để lửng ý cho người đọc tự cảm nhận.

Ví dụ : Khi tả hoàng hôn trên sông Hương, tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường đã kết thúc theo kiểu này : *Huế thức dậy trong nhịp chuyển động mới đi vào cuộc sống ban đầu của nó.*

Hoặc lời kết mở cho bài văn tả một câu thủ bóng đá thiếu niên : *Và mỗi sáng, mỗi chiều, cậu bé có đôi chân kì diệu ấy vẫn cùng lũ trẻ chơi đùa trên bãi cỏ. Theo đôi chân cậu, trái bóng cứ lăn tròn, lăn tròn...*

Cũng có thể kết bài bằng một vài lời tâm tình trực tiếp với đối tượng được miêu tả.

Ví dụ : Kết bài cho đề văn miêu tả mùa xuân : *Cảm ơn mùa xuân ! Cảm ơn những điều kì diệu mà trời đất đã ban tặng cho thiên nhiên và con người.*

Hoặc kết bài cho văn tả hình ảnh người mẹ : *Con yêu mẹ biết bao, mẹ ơi !*

3. Một số lưu ý riêng cho từng kiểu bài

a) Kiểu văn tả đồ vật, loài vật, cây cối

Đối tượng miêu tả ở kiểu bài này thường rất cụ thể, và thường là những vật quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta : Một cái cặp sách, một cái bút, một tấm bản đồ, một con mèo, một chú gà trống, một cây ăn quả,... Kiểu bài này thường khó ở chỗ đối tượng miêu tả quá cụ thể, nhiều khi cấu tạo của nó lại đơn giản nên người miêu tả không biết làm thế nào để phát triển ý. Rút cục là bài văn tả chỉ ngắn cụt lùn, hời hợt, nghèo nàn. Sau đây là một số lời khuyên đối với học sinh để giúp các em làm tốt kiểu bài này.

Thứ nhất, khi làm kiểu bài này có thể chọn trình tự miêu tả là từ bao quát (giới thiệu chung) đến cụ thể (đi vào chi tiết). Riêng tả loài vật, cây cối có thể theo quá trình trưởng thành của đối tượng với các giai đoạn cụ thể.

Thứ hai, đối tượng được miêu tả ở kiểu bài này là những đồ dùng, vật dụng, những hình ảnh quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, khi miêu tả, phải chú ý tới công dụng, ý nghĩa của chúng cũng như mối quan hệ giữa chúng với con người. Đặc biệt, thỉnh thoảng trong quá trình tả, có thể đan xen vào một vài kỉ niệm thể hiện sự gắn bó giữa người tả với đối tượng được tả.

Thứ ba, cần biết điều chỉnh một cách hợp lí giữa tả thực và các hình ảnh liên tưởng. Nếu tả thực nhiều quá thì hình ảnh miêu tả trở nên trần trụi. Nếu liên tưởng nhiều quá thì tính chân thực sẽ giảm đi. Riêng đối với đồ dùng vật dụng, không phải lúc nào cũng tả cái mới. Có thể tả những đồ dùng đã cũ (xen vào các kỉ niệm thể hiện sự gắn bó) thì ý nghĩa của bài làm sẽ sâu sắc hơn.

b) Kiểu văn tả cảnh

Đối tượng miêu tả bao gồm cảnh thiên nhiên và cảnh sinh hoạt. Có thể coi đây là những bức tranh bằng ngôn ngữ dựng lại một khung cảnh nào đó, một hoạt động nào đó của thiên nhiên, của con người (một phiên chợ tết, một bến đò hoặc ga tàu đông khách, một cuộc thi thả diều, một cánh rừng, một dòng sông, một làng quê yên tĩnh, v.v.). Nội dung của kiểu bài này không nghèo nàn, thậm chí rất phong phú nhưng do kinh nghiệm quan sát của học sinh còn yếu, kiến thức nghèo nàn, trình độ sắp xếp ý còn hạn chế nên bài làm thường có bố cục lộn xộn, thiếu cân đối.

Khi làm kiểu bài này cần lưu ý một số vấn đề sau :

Đối với văn tả cảnh thiên nhiên, người viết có thể chọn một trong số các trình tự tả : theo trình tự thời gian, không gian, số lượng cảnh,... Bức tranh thiên nhiên

không bao giờ ở dạng tĩnh mà luôn có sự thay đổi, vì vậy khi tả phải làm nổi bật được sự thay đổi này (mùa này khác mùa kia, buổi này khác buổi kia, thời điểm này khác thời điểm kia,...).

Ngoài việc tả bao quát toàn cảnh, người tả cần tìm được một số hình ảnh tiêu biểu để tập trung tả chi tiết, cụ thể. Đặc biệt là khi tả cảnh thiên nhiên cần chú trọng dùng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh. Dù cảnh thiên nhiên nào thì cũng phải đặt nó trong một không gian, thời gian cụ thể, và phải có mối quan hệ mật thiết với các hiện tượng tự nhiên, như gió, nắng,... Các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hoá nên được vận dụng nhiều để góp phần làm cho bài văn miêu tả sinh động hơn.

Đối với văn tả cảnh sinh hoạt thì cần chú trọng chọn tả theo trình tự thời gian và trình tự hoạt động của các đối tượng. Ngoài việc tả chung, nhìn bao quát toàn cảnh và liệt kê các hoạt động, người viết phải tập trung vào một số cảnh chính, tiêu biểu. Ưu tiên dùng nhiều những từ láy tượng hình, tượng thanh, nghệ thuật so sánh. Về câu văn, tùy theo nội dung miêu tả mà lựa chọn kiểu câu ngắn hay câu dài, câu đặc biệt hay câu bình thường, câu đảo ngữ hay câu tỉnh lược,... Đặc biệt cần chú ý làm nổi bật mối quan hệ tình cảm giữa các đối tượng xuất hiện trong các bức tranh cảnh này. Nếu cần thiết vẫn có thể đưa một số mẫu đối thoại, một số câu văn tự sự, một số câu văn nêu nhận xét cảm nghĩ vào văn tả cảnh sinh hoạt.

c) Kiểu văn tả người

Kiểu bài này khá thông dụng, được dùng phổ biến trong cuộc sống hằng ngày. Nhược điểm thường thấy là các em học sinh hay tả người theo một số hình ảnh ước lệ, có tính rập khuôn nhất định, đọc lên nghe quá nhàm, thiếu nét riêng, thiếu sự sáng tạo. Hơn nữa, dưới ngòi bút của các em, các nhân vật thường được lí tưởng hoá, đẹp hơn, đáng yêu hơn, nhưng lại thiếu tính chân thực (ví như hình ảnh mẹ hay cô giáo đều có dáng đi mềm mại, thướt tha, mũi dọc dừa, bàn tay đẹp với những ngón thon như tháp bút,... Tức là vô tình người tả biến họ thành những cô văn công trên sân khấu).

Khi làm kiểu bài này cần lưu ý mấy điểm sau :

Phải xác định rõ đối tượng được miêu tả (tuổi tác, nghề nghiệp, giới tính) để trên cơ sở đó chọn hình ảnh tả cho phù hợp. Chẳng hạn như người phụ nữ làm nghề dạy học sẽ có trang phục, diện mạo, cử chỉ khác hẳn người phụ nữ là công nhân làm đường.

Bên cạnh đó, phải xác định yêu cầu cụ thể của từng đề nữa. Nếu tả người nói chung thì phải làm nổi bật đặc điểm ngoại hình và tính cách ; nếu tả người trong trạng thái hoạt động thì phải tập trung vào cử chỉ, động tác. Ngay cả việc tìm nét ngoại hình, tính cách của nhân vật để miêu tả cũng phải gắn kết với hoạt động đang diễn ra (chẳng hạn, tả chú công nhân đang xây nhà thì phải tập trung vào cử động của đôi bàn tay, gương mặt ; tả cầu thủ bóng đá thì chú ý động tác của đôi chân, tả cô giáo đang giảng bài thì chú ý dáng đi, giọng nói, gương mặt, thái độ,...).

Đối với văn tả người cũng phải chú trọng nhiều tới ngôn ngữ tượng hình, tượng thanh, nghệ thuật so sánh. Đặc biệt, người viết phải bộc lộ tình cảm đối với người được tả ngay trong quá trình làm văn (trực tiếp qua những câu bình phẩm, nhận xét, những câu cảm thán ; gián tiếp qua việc lựa chọn hình ảnh, từ ngữ và sắp xếp trật tự miêu tả).

III – MỘT SỐ BÀI TẬP

1. Một số bài tập mở rộng, nâng cao

Bài 1 : Hãy tìm những nét nổi bật của cảnh vật được miêu tả trong các đoạn văn sau. Dựa vào nét nổi bật để đặt tên cho từng đoạn văn.

a) "Đến nửa đêm thì bốn phương trời đều như có gió nổi lên, hợp thành một luồng mạnh gồm ghê. Thịnh thoảng luồng đông nam gặp luồng tây bắc quay cuồng vật lộn như giận dữ, như hò reo, một lúc lại tan như mưa đang to bỗng tạnh. Gió lại im như trốn đầu mất. Rồi đột nhiên lại kéo đến rất mau, lại rít lên những tiếng ghê sợ trên các ngọn cây. Vạn vật đều như sụp đổ dưới cơn bão loạn cuồng".

(Hàn Thế Du – *Bóng mây chiều*)

b) "Tôi lắng nghe tiếng xôn xao cánh đồng. Những âm thanh ấy tác động thật mạnh mẽ tốc độ chín vàng của lúa. Mới đây thôi đồng lúa phơi một màu vàng chanh, còn bây giờ nó đã rực lên màu vàng cam rồi. Mặt trời từ từ trôi về phía những dãy núi mờ xa. Dường như đồng lúa và mặt trời đang có một sự đua tài thâm kín nào đấy.

Mặt trời càng xuống thấp, cánh đồng càng dâng lên. Màu vàng dâng lên, trải ra mỗi lúc một rộng, giống như toàn bộ cánh đồng là một hồ nước mênh mông màu vàng chói. Cánh đồng bập bênh, bập bênh".

(*Văn miêu tả và kể chuyện*, Sdd)

c) "Cây gạo ven đê, thân cổ thụ lực lưỡng vươn trời. Từ lâu, cây đã hết những chùm hoa đỏ rực như lửa với hàng đàn sáo đen, sáo đá suốt ngày cãi nhau âm ỉ. Bây giờ ngọn cây xanh um lá, xoè ra che cho cái tổ bù xù của đôi vợ chồng chú chim khách với lúu rúu một đàn con. Những quả gạo mở rộng năm cánh cứng màu nâu sậm lặng lẽ thả hạt giống đi khắp mọi vùng. Hạt gạo treo trên đầu một cái dù rộng trắng muốt tung tăng theo gió thổi mà bay đi xa mãi, xa mãi...".

(Nguyễn Văn Chương – *Trung thu*)

d) "Mùa hè mới là mùa đầy sức quyến rũ của Sa Pa. Màn mây vén lên cùng với tiếng sấm động thánhtư, để hiện bộ mặt thiên nhiên như mới tinh khôi : sóng núi nhấp nhô vô tận, rừng sáng xanh lên trong nắng, suối rì rào, thác xối, chim mở đàn hợp xướng khắp các cánh rừng và hoa tung bùng nở. Những ngày hè đỏ lửa ở đồng bằng thì ở Sa Pa không khí trong lành mát rượi. Những cơn mưa rào thoát đến, ồn ào một chốc rồi đi, đủ cho núi rừng cỏ cây tắm gội, cho các suối dào dạt nước, cho các búp hoa xoè nở, cho cảnh vật biếc xanh".

(Lăng Văn – *Đọc văn và luyện văn*)

Bài 2 : Trong cuộc thi "Tuổi thơ và thiên nhiên" do trường X tổ chức có một câu hỏi cho bốn đội dự thi : Hãy phác hoạ nhanh những nét nổi bật nhất của từng mùa trong năm (mỗi đội bốc thăm để chọn một mùa). Chỉ trong phút chốc cả bốn đội trình lên ban giám khảo đáp án của mình. Các vị giám khảo đã nhất trí thưởng cho mỗi đội 10 điểm (điểm tối đa) vì câu trả lời nào cũng đều xuất sắc.

Em hãy thử hình dung mình là người trong cuộc, lần lượt đóng vai bốn đội dự thi để trình bày những câu trả lời trên và nhờ cô giáo của mình làm giám khảo. Xem thử em có giành được điểm 10 không nhé ?

Bài 3 : Hãy viết tiếp những câu văn sau bằng cách dùng hình ảnh so sánh :

a) Con đường làng uốn lượn...

b) Mùa đông, cây hồng trụi hết lá, chỉ còn hàng trăm quả trĩu trĩu trên cành...

c) Bầu trời đầy sao...

d) Những quả dừa lúc lỉu trên cao...

đ) Trong buổi bình minh, chim chóc đua nhau cất tiếng hót ríu ran...

Bài 4 : Dùng nghệ thuật nhân hoá để viết lại những câu văn tả sau đây sao cho cách diễn đạt trở nên giàu hình ảnh hơn :

a) Về mùa hè, nước dòng sông trong xanh màu ngọc bích.

b) Trưa hè, lũ trẻ thường rủ nhau ra chơi dưới bóng cây đa cổ thụ.

c) Khi điều hâu xuất hiện, gà mẹ xoè cánh che chở cho đàn con.

d) Cần trục vươn tới, kéo lên từng thùng hàng khổng lồ, nhẹ nhàng đặt vào khoang những chiếc xe tải đang đợi sẵn.

Bài 5 : Tìm và điền những từ tượng hình, tượng thanh phù hợp vào chỗ trống trong các đoạn văn sau :

a) "Nắng đã lên. Sau một đợt mưa (...) kéo dài, chút ánh nắng (...) ấy thật đáng quý biết bao. Bầu trời không còn khoác chiếc áo choàng trắng (...) nữa. Những khoảng xanh thẫm trên vòm cao loang ra rất nhanh, phủ kín tạo thành một chiếc áo khoác mới tinh. Nổi lên trên cái nền trời xanh (...) đó là những cụm mây trắng muốt trôi (...). Mặt trời ló ra. Nắng (...). Rồi nắng (...) dần lên. Trong khu vườn nhỏ, chim chóc gọi nhau (...) nghe vang động và (...) biết bao".

b) "Dòng sông trong chiều hè thật (...). Gió thổi (...) đủ làm cho sóng nước gợn (...). Ánh nắng cuối ngày vàng rực, phủ sáng trên dòng nước trong xanh. Một vài con dò nhỏ lướt qua. Tiếng hò của cô lái dò vọng lên (...), (...). Hai bên bờ sông, những bãi ngô xanh rờn (...). Trên vòm cao (...), cánh diều đang chao lượn. Tiếng sáo diều (...), (...) lan toả trong bóng chiều".

Bài 6 : Viết một đoạn văn ngắn tả không khí oi bức của một buổi trưa hè. Trong đoạn có dùng nghệ thuật so sánh, nhân hoá và các từ láy tượng hình, tượng thanh.

Gạch chân dưới các từ láy tượng hình, tượng thanh có trong đoạn văn.

Bài 7 : Viết một đoạn văn tả sự thay đổi của hàng cây hai bên đường trong suốt bốn mùa. Trong đoạn có dùng nghệ thuật so sánh và nhân hoá.

Bài 8 : Hãy sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hoá để viết lại đoạn văn sau đây sao cho tạo thành một đoạn văn mới giàu hình ảnh và giàu sức gợi hơn.

a) Trước sân trường có một cây bàng to lớn. Dưới gốc cây bàng nổi lên nhiều cái u rất to. Cành lá bàng xoè ra rất rộng. Mùa đông lá bàng màu đỏ. Mùa hè lá bàng lại màu xanh.

b) Đêm đã về khuya. Gió bắc thổi hun hút. Cái lạnh bao trùm khắp nơi. Cây cối im lìm trong giá rét. Thỉnh thoảng có tiếng côn trùng rả rích nghe càng thêm náo nùng.

Bài 9 : Dùng các kiểu câu khác nhau (câu hỏi, câu cảm, câu cầu khiến, câu đặc biệt, câu tồn tại,...) để viết lại những đoạn văn sau đây, tạo thành những đoạn văn tả sinh động hơn :

a) "Mùa đông đã đến. Những cơn gió lạnh đã tràn về. Nhìn lên trời, em không thấy chim én nữa. Mẹ giục em lấy áo ấm ra mặc. Em rất phấn khởi và xúc động khi mặc chiếc áo len mà mẹ mới đan cho em".

b) "Trời đã về chiều. Lũ trẻ kéo nhau ra bãi cỏ sau làng. Chúng chia làm hai phe, cử trọng tài và bắt thăm phân sân. Một hồi còi vang lên. Trận đấu bóng đá bắt đầu. Cả hai phe giành nhau từng đường bóng, rất quyết liệt. Trọng tài chạy theo bóng không kịp nên bắt lỗi đôi lúc chưa chính xác. Thế là lũ trẻ cãi nhau om sòm. Cãi chán rồi tiếp tục chơi, cho đến khi mặt trời khuất hẳn sau dãy núi, bóng tối nhá nhem, chúng mới chịu rời bãi cỏ để về nhà".

Bài 10 : Tìm những từ ngữ gợi tả sắc nắng. Chọn khoảng năm từ để viết một đoạn văn tả cảnh một ngày nắng đẹp.

Bài 11 : Tìm khoảng từ 10 đến 15 từ láy gợi tả về biển (màu sắc, hình dáng, hoạt động,...). Chọn một số từ láy trong số từ ấy, kết hợp với nghệ thuật so sánh, nhân hoá và các kiểu câu khác nhau để tả cảnh biển trong buổi bình minh.

Bài 12 : Tìm các từ ngữ diễn tả các mức độ khác nhau của những hiện tượng sau :

a) Hương (đưa).

b) Gió (thổi).

c) Mưa (rơi).

Bài 13 : Tìm các từ ngữ gợi tả âm thanh sân trường trong giờ chơi. Hãy chọn một số từ để viết thành một đoạn văn tả cảnh.

Bài 14 : Chỉ rõ sự sáng tạo trong cách dùng từ ngữ và các biện pháp nghệ thuật ở đoạn văn sau :

a) "Mặt trời càng xuống thấp, cánh đồng càng dâng lên. Màu vàng dâng lên, trải ra mỗi lúc một rộng, giống như toàn bộ cánh đồng là một hồ nước mênh mông màu vàng chói. Cánh đồng bập bênh, bập bênh" (Dẫn theo *Văn miêu tả và kể chuyện*, Sdd).

b) "Bình minh của hoa phượng là một màu đỏ còn non, nếu có mưa lại càng tươi dịu. Ngày xuân dần đến, số hoa tăng, màu cũng đậm dần. Rồi hoà nhịp với mặt trời chói lọi, màu phượng mạnh mẽ kêu vang : hè đến rồi ! Khắp thành phố

bồng rực lên, như Tết đến nhà nhà đều dán câu đối đỏ. Sớm mai thức dậy, cậu học trò vào hân hoan mùa phượng" (*Phấn thông vàng* – Xuân Diệu).

Bài 15 : Hãy quan sát và ghi chép những điều đã quan sát được về các đối tượng cảnh vật sau :

- a) Một nhóm trẻ chơi thả diều trên đê trong một buổi chiều mùa hè.
- b) Khu vườn sau cơn mưa rào mùa hạ.
- c) Không khí sinh hoạt trong gia đình vào một buổi tối thứ bảy.

Bài 16 : Nếu tả chân dung các nhân vật sau đây, có thể làm nổi bật ở những nét đặc điểm ngoại hình nào ?

- a) Chân dung một em bé đang độ tuổi tập nói tập đi.
- b) Chân dung một chú bộ đội.
- c) Chân dung Bác Hồ.
- d) Chân dung một bạn liên đội trưởng (hoặc lớp trưởng) giỏi và gương mẫu.

Bài 17 : Viết một đoạn văn khoảng từ năm đến bảy dòng tả đôi mắt của người mẹ.

Bài 18 : Viết bốn đoạn văn miêu tả với nội dung sau :

- a) Tả gương mặt của một em bé khi làm nũng mẹ.
- b) Tả gương mặt bạn em khi nhận được điểm 10.
- c) Tả hình ảnh một em bé lớp 1 đang ngồi tập viết.
- d) Tả cảnh ông cháu đang chơi đùa trên sân.

Bài 19 : Viết một đoạn văn tả lại tâm trạng của em khi bước vào năm học mới.

Bài 20 : Có một lần Lan làm bài văn tả cô giáo. Bắt chước những hình ảnh đầu đó trong lời bài hát hay trong các bài văn mẫu, Lan viết :

"... Cô giáo em còn rất trẻ. Cô có gương mặt thật xinh xắn với nước da trắng hồng, cái mũi dọc dừa, đôi mắt hiền như mắt bồ câu và cái miệng hình trái tim chúm chím. Khi cô cười để lộ lúm đồng tiền trên má. Mái tóc cô dài làm cho dáng đi của cô thêm uyển chuyển..."

Đến giờ tập làm văn ở lớp, Lan đọc cô giáo nghe và nghĩ rằng chắc hẳn cô giáo sẽ rất hài lòng. Nào ngờ cô lắc đầu và bảo Lan phải viết lại.

Em có biết lí do vì sao không ? Nếu là Lan, em sẽ viết lại đoạn văn ấy như thế nào ?

2. Một số đề tập làm văn

Đề 1 : Tả một món đồ chơi mà em thích nhất.

Đề 2 : Nhân ngày 8-3, trường em tổ chức hội thi cắm hoa. Hãy tả lại lọ hoa (lăng hoa) mà em (hoặc bạn em) đã cắm để dự thi.

Đề 3 : Có một lần, em cùng mẹ soạn sửa lại tủ quần áo. Chợt em bắt gặp một cái áo cũ của mình. Hãy tả lại cái áo ấy và nói lên cảm xúc của em.

Đề 4 : Tả chiếc xe đạp mà em vẫn thường cùng nó tới trường hằng ngày.

Đề 5 : Tả cây bưởi vào mùa quả chín.

Đề 6 : Tả lại hình ảnh lũy tre làng ở quê em.

Đề 7 : Vào những buổi tối mùa đông, khi bà ngồi đan áo, mèo con vẫn thường cùng bé Bi đùa giỡn với cuộn len trên chiếc giường nhỏ. Hãy tả lại hình ảnh mèo con lúc ấy.

Đề 8 : Tả lại hình ảnh chú chim sâu đang chăm chỉ bắt sâu bọ trong vườn cây.

Đề 9 : Đã lâu lắm rồi em mới có dịp trở lại thăm ngôi trường cũ mà mình đã học những năm mẫu giáo (hoặc những năm đầu của tiểu học). Trường đã thay đổi nhiều nhưng vẫn còn giữ được những hình ảnh gắn bó với tuổi thơ em. Hãy tả lại ngôi trường ấy.

Đề 10 : Đêm rằm Trung thu thật đẹp, thật vui. Nhưng có lẽ thú vị nhất vẫn là mâm cỗ Trung thu với biết bao nhiêu bánh ngon, quả ngọt.

Hãy tả lại một mâm cỗ Trung thu mà mẹ đã bày sẵn để em cùng các bạn trông trăng phá cỗ.

Đề 11 : Mùa hè đã về thật rồi. Cảnh vật hầu như đều thay đổi. Ấm áp và rộn ràng hơn. Hãy tả lại cảnh vào hè trên quê em.

Đề 12 : Sau một đêm mưa rào, cây cối trong vườn như được tiếp thêm sức sống mới. Em hãy tả lại sự đổi thay kì diệu đó.

Đề 13 : Được ngắm bầu trời trong đêm thật là thú vị. Hãy tả lại trời đêm qua cảm nhận của em.

Đề 14 : Căn nhà em có một khung cửa sổ trông ra vườn. Mỗi lần mở tung cánh cửa, em lại trông thấy một thế giới nhỏ bé nhưng hết sức sinh động. Hãy tả lại thế giới nhỏ bé mà đáng yêu ấy.

Đề 15 : Tả cảnh buổi chiều hè trên đồng quê yên ả, thanh bình.

Đề 16 : Một buổi tối, sau khi đã học bài xong, em bước ra sân, hít thở không khí trong lành của màn đêm yên tĩnh. Hãy tả lại khung cảnh quanh em lúc đó.

Đề 17 : Tả cảnh giao mùa từ hạ sang thu (hoặc từ đông sang xuân).

Đề 18 : Tả không khí một tiết làm bài kiểm tra ở lớp em.

Đề 19 : Tả lại quang cảnh đường phố (đường làng) khi cơn đông bất ngờ ập tới.

Đề 20 : Tả lại khung cảnh đường phố lúc lên đèn.

Đề 21 : Đã lâu lắm rồi, dịp Tết này em mới được về thăm quê. Em không khỏi ngỡ ngàng trước cảnh quê hương đang đổi mới.

Hãy tả lại cảnh đổi mới nhanh chóng và kì diệu của quê em.

Đề 22 : Hãy tả lại không khí trong đêm Trung thu ở khối phố (hoặc thôn xóm) nơi em ở.

Đề 23 : Được tắm trong cơn mưa rào mùa hạ là một thú vui của lũ trẻ. Và có lần, khi về quê, em đã được hưởng thú vui ấy.

Hãy tả lại cảnh lũ trẻ tắm trong cơn mưa rào.

Đề 24 : Ngày hè, được về quê cùng lũ bạn trong xóm chơi đùa thì thật thú vị. Nhất là những đêm trăng sáng. Thôi thì đủ các trò : Đánh trận giả, trốn tìm, bịt mắt bắt dê,... Tất cả đã đi vào kỉ niệm.

Hãy tả lại một đêm trăng kỉ niệm mà em cho là đáng nhớ nhất trong kí ức tuổi thơ.

Đề 25 : Ngày Tết cổ truyền thường là dịp sum họp đầm ấm của mỗi gia đình. Hãy tả lại không khí đón giao thừa của gia đình em trong đêm 30 Tết.

Đề 26 : Tả lại không khí hoạt động trên sân trường em trong buổi lễ mít tinh mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.

Đề 27 : Tả lại một trò chơi quen thuộc mà em cùng các bạn chơi trong những giờ nghỉ ở trường.

Đề 28 : Hãy viết thư cho một người bạn ở nước ngoài để giới thiệu về ngày tết Nguyên đán cổ truyền của người Việt Nam.

Đề 29 : Tả lại hình ảnh chú công an đang điều khiển các phương tiện giao thông ở ngã tư (hoặc ngã năm) thành phố.

Đề 30 : Tối nào cũng vậy, lũ trẻ trong xóm lại tụ tập ở sân nhà em để nghe bà kể chuyện cổ tích. Hãy tả lại hình ảnh của bà trong một lần kể chuyện cổ tích dưới đêm trăng.

Đề 31 : Có một lần em phạm lỗi khiến mẹ rất buồn. Hãy tả lại hình ảnh của mẹ lúc ấy và nói lên tâm trạng của mình.

Đề 32 : Hãy viết một bài văn giới thiệu về người bố của em.

Đề 33 : Tả hình ảnh một bạn học sinh thông minh, hiếu động trong lớp em.

Đề 34 : Tả một bạn học sinh đang chơi trên sân trường.

Đề 35 : Tả một em bé đang tập đi trên sân.

Đề 36 : Hãy tưởng tượng và miêu tả lại chân dung người anh hùng làng Gióng đang cưỡi trên lưng ngựa sắt chuẩn bị ra trận.

Đề 37 : Một em bé đang ngủ ngon trong tiếng ầu ơ ru hời của người mẹ. Hãy tả lại cảnh ấy.

Đề 38 : Ông em đang chăm sóc vườn cây. Hãy tả lại hình ảnh ông lúc ấy.

Đề 39 : Trong đêm khuya, cô giáo em vẫn cặm cụi chấm bài để ngày mai đến lớp kịp trả bài cho học sinh. Hãy tả lại hình ảnh cô giáo lúc ấy.

Đề 40 : Qua chuyên mục "Kết bạn" trên báo *Thiếu niên Tiền phong*, em đã làm quen với một người bạn mới. Hãy viết thư cho bạn để tự giới thiệu về mình.

Chương III.

TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ

Thơ là một thể loại văn học có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Hay nói cách khác, sự hình thành của thơ ca gắn liền với nhu cầu tự biểu hiện tình cảm của con người. Vì vậy, so với các thể loại văn học khác thì thơ ra đời từ rất sớm mà hình thức ban đầu của nó thường là những câu nói có vần có điệu xuất hiện trong những lời cầu nguyện, những bài hát của người xưa. Càng về sau, nghệ thuật biểu hiện của thơ ca càng trở nên phong phú, đa dạng và tinh tế hơn.

Các thể thơ chính thường gặp : thơ bốn chữ ; thơ năm chữ (ngũ ngôn) ; thơ sáu chữ (lục ngôn) ; thơ bảy chữ (thất ngôn) ; thơ lục bát ; thơ song thất lục bát ; thơ tự do ; ... Ở đây ta chỉ đề cập tới hai thể thơ : thơ bốn chữ và thơ năm chữ.

I – ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ BỐN CHỮ

Nếu xét về nguồn gốc và thời điểm xuất hiện thì thơ bốn chữ là thể thơ có nguồn gốc Việt Nam. Nó là một trong những thể thơ ra đời sớm nhất và được sử dụng nhiều trong văn học dân gian (tục ngữ, ca dao, vè, câu đố,...). Dân gian gọi đây là thể văn bốn (mỗi câu có bốn âm tiết). Cho đến nay, thơ bốn chữ vẫn tiếp tục được các nhà thơ dùng để sáng tác. Nhất là những sáng tác dành cho thiếu nhi (*Lượm – Tố Hữu ; Kể cho bé nghe – Trần Đăng Khoa,...*).

Nếu xét về nội dung thì thơ bốn chữ thường thiên về tự sự, kể chuyện, kể việc, kể người. Những nội dung ấy đơn giản, dễ hiểu, được bộc lộ trực tiếp ngay trong lời thơ. Đó có thể là những khúc đồng dao gắn với các trò chơi cụ thể trong sinh hoạt vui chơi của trẻ (*Bịt mắt bắt dê, Rồng rắn lên mây, Phụ đồng ếch,...*). Đó có thể là những lời gọi, những lời chuyện trò với các loài vật (*Gọi nhé, Gọi bé,...*). Đó có thể là các bài về kể vật, kể việc, nêu lên những đặc điểm của các loài vật, sự vật hay những sinh hoạt đời thường trong dân gian (*Về chim, Về cá, Về trái cây,...*). Đó có thể là những bài mang nội dung khẩn nguyện thuộc dân ca nghi lễ :

*Lạy trời mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
Lấy đầy bát cơm
Lấy rơm đun bếp...*

Cũng có trường hợp, người xưa mượn khúc hát đồng dao của trẻ để nhắc đến tên tuổi các nhân vật lịch sử. Khúc hát nói về ông Ninh Quận Công Trịnh Toàn – một vị tướng giỏi của nhà Trịnh ở thế kỉ XVII là một ví dụ :

*Ông Ninh ông Ninh
Đi đến đầu đình
Lại gặp ông Nang
Ông Nang ông Nang
Đi đến đầu làng
Lại gặp ông Ninh...*

Ngày nay, trong thơ hiện đại, nội dung thơ bốn chữ có mở rộng hơn : miêu tả thiên nhiên, ca ngợi tình cảm gia đình,... Nhưng nhìn chung vẫn là thơ dành cho thiếu nhi (*Ngủ nào ngủ ngoan* – Xuân Quỳnh ; *Quạt cho bà ngủ* – Thạch Quỳ ; *Làm anh* – Phan Thị Thanh Nhàn ; ...).

Về hình thức, thể thơ bốn chữ thường có nhịp chẵn (2/2) :

*Ông tiến / ông tiên
Ông có / đồng tiền
Ông dắt / mái tai
Ông gài / lưng khố...*

(Đồng dao)

Tất nhiên vẫn có những trường hợp ngắt nhịp lẻ. Kiểu nhịp lẻ này linh hoạt, không cố định :

*Em yêu / nhà em
Hoa xoan / trước ngõ
Hoa / xao xuyến nở
Như mây / từng chùm*

Vần của thể thơ này chủ yếu được gieo ở tiếng thứ tư (gọi là vần chân). thỉnh thoảng có trường hợp gieo vần ở tiếng thứ hai (gọi là vần lưng). Vần được gieo liên tiếp giữa các cặp câu thì gọi là vần liền, vần được gieo cách câu thì gọi là vần cách.

Ví dụ : Trường hợp thơ bốn chữ gieo vần chân (là vần liền) :

*Nghé ơi ghé à
Mày đi theo ta
Đừng theo kẻ trộm
Nó cắt mất rốn
Nó xẻo mất đuôi
Lấy chi đuổi ruồi
Lấy chi đập bọ
Nghé ơ... Nghé ơ...*

(Đồng dao : *Gọi ghé*)

Trường hợp thơ bốn chữ gieo vần chân (là vần cách) :

*Vút qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư để thượng khẩn
Sợ chi hiểm nghèo
Đường quê vắng vẻ
Lúa trở dòng dòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng*

(Tố Hữu – *Lượm*)

Trường hợp thơ bốn chữ gieo vần lưng :

*Con cá có vây
Ông thầy có sách
Hàng bách có tàn
Ông quan có lọng...*

(Vè)

Có thể nói rằng, cả lời và nhạc, cả nội dung và hình thức của thể thơ bốn chữ thường mang tính chất hồn nhiên, chất phác, phù hợp với tâm lí tuổi nhỏ (từ trẻ lên ba mới tập nói cho đến tuổi thiếu niên mười bốn, mười lăm).

II – ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ NĂM CHỮ

Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng gồm năm tiếng. Trong văn học dân gian thì gọi là thể vãn năm (mỗi câu năm âm tiết). Còn trong văn học bác học thì gọi đây là thơ ngũ ngôn. Như vậy có thể khẳng định thể thơ năm chữ cũng xuất hiện từ xa xưa và được lưu hành nhiều trong văn học dân gian cũng như trong văn học bác học. Ở văn học dân gian, nhiều nhất là thể hát dặm Nghệ – Tĩnh :

*Kể trong nhà đói khổ
Trời giá rét căm căm
Nơi ước để mẹ nằm
Nơi khô xé con lại
Chỗ khô bồng con lại...*

Còn trong văn học bác học thì thể thơ năm chữ (ngũ ngôn) được dùng nhiều hơn thể thơ bốn chữ. Đặc biệt là ở thơ chữ Hán. Chẳng hạn như bài *Tăng thứ* (Ghét chuột) của Nguyễn Bình Khiêm, *Sở kiến hành* (Những điều trông thấy) của Nguyễn Du,... Cho đến nay, thể thơ năm chữ vẫn được các nhà thơ hiện đại sử dụng.

Xét về nội dung, thể thơ năm chữ cũng giống như thể thơ bốn chữ, tức là cũng kể chuyện, kể việc, kể người. Nhưng nếu như thể thơ bốn chữ thường đề cập tới những đề tài đơn giản, phù hợp với tâm lí trẻ em thì thể thơ năm chữ có nội dung phản ánh phong phú và lớn lao hơn. Có những bài thơ phản ánh những vấn đề xã hội sâu sắc như : tố cáo tội ác của bọn quan lại, tố cáo những bất công vô lí trong xã hội cũ (*Ghét chuột* – Nguyễn Bình Khiêm ; *Những điều trông thấy* – Nguyễn Du). Lại có những bài thơ thể hiện nỗi niềm tâm sự của các tác giả trước cuộc đời (*Ông đồ* – Vũ Đình Liên ; *Tiếng thu* – Lưu Trọng Lư). Trong văn học hiện đại sau Cách mạng tháng Tám, thể thơ năm chữ còn đề cập đến nhiều nội dung khác nữa như : ca ngợi lãnh tụ (*Đêm nay Bác không ngủ* – Minh Huệ) ; ca ngợi anh bộ đội Cụ Hồ (*Cá nước* – Tố Hữu) ; miêu tả thiên nhiên (*Mắm non* – Võ Quảng) ; ca ngợi tình cảm gia đình (*Thăm lúa* – Hoàng Trung Thông ; *Lời ru của mẹ* – Xuân Quỳnh).

Xét về hình thức, thể thơ năm chữ cũng phong phú hơn thể thơ bốn chữ. Cách ngắt nhịp của thể thơ năm chữ thường là 3/2, hoặc 2/3 :

*Anh đội viên / nhìn Bác
Càng nhìn / lại càng thương
Người Cha / mái tóc bạc
Đốt lửa / cho anh nằm...*

(Minh Huệ – *Đêm nay Bác không ngủ*)

Tất nhiên cũng có những trường hợp đan xen thêm một số cách ngắt nhịp khác như 1/2/2 ; 1/4...

*Mắm non / mắt lim dim
Cố nhìn / qua kẽ lá
Thấy / mây bay / hối hả
Thấy / lát phất / mưa phùn
Rào rào / trận lá tuôn
Rải vàng / đầy mặt đất*

*Rừng cây / trông thưa thớt
Như / chỉ cội / với cành.*

(Võ Quảng – *Mám non*)

Còn vần được gieo ở thể thơ năm chữ thường là vần chân (có thể là vần liền hoặc vần cách). Vần thơ thay đổi, không nhất thiết là vần liền tiếp, số câu cũng không hạn định. Bài thơ thường được chia khổ, mỗi khổ bốn câu, nhưng cũng có khi hai câu hoặc sáu câu. Một số trường hợp không chia khổ.

Với những đặc điểm trên thì thơ năm chữ có thể được viết theo hai phương thức : Phương thức tự sự (kể chuyện) và phương thức trữ tình (bộc lộ tình cảm). Có thể phản ánh những nội dung đơn giản (thơ viết cho thiếu nhi) hoặc những nội dung lớn lao sâu sắc (đề cập tới những vấn đề có tính xã hội).

III – MỘT SỐ LƯU Ý KHI TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ

1. Chọn đề tài

Như trên đã nói, thơ bốn chữ và thơ năm chữ thường là thơ tự sự. Do đó, khi tìm đề tài, chúng ta nên quan tâm tới những nội dung cụ thể, gần gũi với cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Chẳng hạn như mô tả một người bạn, một đồ vật, một sinh hoạt vui chơi nào đó. Cũng có trường hợp ta có thể nhại những khúc hát đồng dao cổ bằng cách thay lời mới. Bài thơ *Kể cho bé nghe* của nhà thơ Trần Đăng Khoa là một ví dụ. Trong dân gian đã có bài về chim :

*... Hay ăn thịt chết
Là thằng quạ đen
Tinh mắt hay ghen
Là con chim gáy
Vừa đi vừa nhảy
Là con sáo xinh
Hay nói linh tinh
Là con liều diều...*

Có lẽ từ bài về ấy mà nhà thơ Trần Đăng Khoa đã thay lời để viết bài thơ *Kể cho bé nghe* :

*Hay nói âm ỉ
Là con vẹt bầu*

Hay hỏi dàu dàu
 Là con chó vện
 Hay chẳng dây điện
 Là con nhện con
 Ăn no quay tròn
 Là cối xay lúa
 Mồm thở ra gió
 Là cái quạt hòm
 Không thềm cỏ non
 Là con trâu sắt
 Rống phun nước bạc
 Là cái máy bơm
 Dùng miệng thổi cơm
 Là cua là cáy...

2. Tập ngắt nhịp và gieo vần

Nhịp thường gặp ở thơ bốn chữ là nhịp chẵn (2/2). Rất ít trường hợp ngắt nhịp lẻ (1/3 ; 1/2/1). Còn nhịp thường gặp ở thơ năm chữ có phân phong phú hơn (2/3 ; 3/2 ; 1/2/2 ; 1/4 ; ...). Nắm được đặc điểm này ta phải lưu ý tới việc chọn từ phù hợp với cách ngắt nhịp. Thực tế cho thấy, ở hai thể thơ này, thường dùng các từ đơn hoặc các từ láy, từ ghép có hai tiếng. Ta có thể khảo sát một số ví dụ sau :

Ví dụ 1 : Một trăm / tám / ván
 Một vạn / thẳng / quân
 Thẳng / nào / cỏi / trần
 Đều / lẫn / xuống / hố

(Câu đối : Sàng gạo)

Ví dụ 2 : Ơi / chích choè / ơ
 Chim / ðùng / hót / nữa
 Bà / em / ốm / rồi
 Lặng / cho / bà / ngủ
 Bàn tay / bé nhỏ
 Vẫn / quạt / thật / đều
 Ngẩn nằng / thiu thiu

*Đậu / trên / tường / trắng
Căn nhà / đã / vắng
Cốc chén / nằm / im
Đôi mắt / lim dim
Ngủ / ngon / bà / nhé
Hoa cam / hoa khế
Chín / lặn / trong / vườn
Bà / mơ / tay / cháu
Quạt / đầy / hương / thơm*

(Thạch Quỳ – Quạt cho bà ngủ)

Ở ví dụ 1 gồm 12 từ thì có tám từ đơn (một tiếng), bốn từ ghép (hai tiếng).

Ở ví dụ 2 gồm 53 từ thì có 42 từ đơn (một tiếng), tám từ ghép (hai tiếng) và ba từ láy (hai tiếng).

Ngay ở thơ năm chữ, dù có khi ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2, nhưng số từ ghép hoặc từ láy ba tiếng rất ít, chủ yếu vẫn sử dụng các từ đơn hoặc từ láy – từ ghép hai tiếng.

Ví dụ :

*Mẹ / đan / tấm / áo / nhỏ
Bây giờ / đang / mùa xuân
Mẹ / thêu / vào / chiếc / khăn
Cái hoa / và / cái / lá
Cỏ / bờ đê / rất / lạ
Xanh / như / là / chiêm bao
Kín / bãi ngô / bãi dâu
Thoáng / tiếng cười / đâu đó...*

(Xuân Quỳnh – Con chó biết đọc đâu)

Còn vấn đề gieo vần thì quả là hơi nan giải đối với những người đang tập làm thơ. Về lí thuyết, phải nắm được luật gieo vần của thể thơ bốn chữ và năm chữ. Gieo vần chân (ở cuối câu) ; gieo vần liền (bắt vần giữa câu chẵn với câu lẻ đứng kế ngay sau nó : câu 2 – câu 3 ; câu 4 – câu 5 ; câu 6 – câu 7) hoặc gieo vần cách (bắt vần giữa câu lẻ với câu lẻ, câu chẵn với câu chẵn ngay trong từng khổ thơ : câu 1 – câu 3 ; câu 2 – câu 4 ; ...).

Khi tập gieo vần cần lưu ý là các tiếng cùng vần phải cùng thanh (thanh bằng đi với thanh bằng, thanh trắc đi với thanh trắc). Việc gieo vần và bắt vần cũng

không nên quá máy móc. Có thể chấp nhận những trường hợp vần gần giống nhau (các tiếng có vần "ương" bắt vần được với các tiếng có vần "ươn", "uơ", "ơn", "uông", "uôn",... ; các tiếng có vần "a" bắt vần được với các tiếng có vần "oa", "ua", "uơ",...).

Ví dụ : *Gió của ông trời*
Có khi rét buốt
Gió mẹ mẹ ơi
Lúc nào cũng mát

(Vương Trọng – *Gió từ tay mẹ*)

Khi vận dụng vào thực tế thì việc gieo vần khó ở chỗ các tiếng chứa vần ấy phải thể hiện được nội dung mà câu thơ, bài thơ cần biểu đạt. Như vậy, không chỉ hợp vần mà còn phải hợp với nội dung ý nghĩa. Muốn thực hiện yêu cầu này, người làm thơ phải có một vốn từ phong phú. Bắt đầu từ yêu cầu của nội dung cần biểu đạt, chúng ta liệt kê các từ gần nghĩa, đồng nghĩa có khả năng thể hiện được nội dung ấy. Sau đó, chúng ta sẽ chọn từ nào hợp vần nhất. Có trường hợp, cùng một nội dung, chúng ta có thể đưa ra nhiều cách diễn đạt khác nhau để chọn cách diễn đạt nào hay nhất, phối vần một cách hợp tình, hợp lí nhất. Tất nhiên, trong thực tế, các nhà thơ khi làm thơ không bị phụ thuộc vào việc phối vần quá nhiều. Từ mạch cảm xúc đang trào dâng trong tâm hồn, mạch thơ cứ thế tuôn chảy một cách tự nhiên. Còn với những người chưa phải là nhà thơ, khi làm thơ nói chung và làm thơ bốn chữ, thơ năm chữ nói riêng, việc gieo đúng vần vẫn là một thử thách lớn mà nếu không thể vượt qua thử thách này thì nhiều khi sẽ dẫn tới những trường hợp "ép vần" hoặc là thơ không có vần có điệu theo kiểu :

Hôm nay mồng tám tháng ba
Thương em anh tặng một và câu thơ

3. Cách diễn đạt

Đã gọi là thơ, dù là thơ tự sự hay thơ trữ tình thì cách diễn đạt cũng phải khác hẳn với văn xuôi. Do đó, khi tập làm thơ cần lưu ý là không thể lấy cấu trúc của câu văn xuôi (có đầy đủ cả chủ ngữ lẫn vị ngữ) để áp đặt cho cấu trúc của câu thơ. Đặc biệt là mỗi dòng thơ chỉ có bốn hoặc năm chữ. Có những trường hợp một dòng thơ mang một nội dung thông báo :

*Chú bé loắt choắt
Cái xác xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh*

(Tố Hữu – *Lượm*)

Có trường hợp nhiều dòng thơ nối nhau mới tạo thành một nội dung thông báo trọn vẹn :

*Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao
Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư để thượng khẩn
Sợ chi hiểm nghèo...*

(Tố Hữu – *Lượm*)

Trong thơ chấp nhận trường hợp lặp đi lặp lại một từ nào đó, một cấu trúc câu nào đó. Thậm chí có thể lặp lại nguyên khổ thơ. Người ta gọi đây là nghệ thuật điệp từ điệp ngữ hoặc kết cấu trùng điệp. Nhưng như thế không có nghĩa là được nhắc đi nhắc lại hình ảnh thơ một cách tùy tiện. Hiện tượng điệp ngữ, điệp cấu trúc là cả một nghệ thuật. Nó phải có giá trị nhất định trong việc thể hiện nội dung ý nghĩa của bài thơ :

*Tức thì trăm ngọn suối
Nổi róc rách reo mừng
Tức thì ngàn chim muông
Nổi hát ca vang dậy...*

(Võ Quảng – *Mắm non*)

Cũng như các thể thơ khác, thơ bốn chữ và năm chữ có thể dùng rất linh hoạt các kiểu câu. Có câu cảm, có câu hỏi, có câu cầu khiến, có câu đặc biệt, câu đảo ngữ,... Vì thiên về tự sự nên có thể đưa câu hội thoại hoặc dùng những kiểu câu thể hiện nội dung gọi, hỏi, than thở,... vào trong thơ bốn chữ và năm chữ :

*Bò ra sông uống nước
Thấy bóng mình, ngỡ ai
Bò chào : "Kìa anh bạn !
Lại gặp anh ở đây..."*

(Phạm Hồ – Chú bò tìm bạn)

Đối với những người đang tập làm thơ thì cũng nên chọn kiểu diễn đạt đơn giản và dễ hiểu.

Một lưu ý nữa trong việc tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ là cách dùng từ ngữ. Để biểu đạt nội dung miêu tả hoặc bộc lộ tâm tình, người làm thơ phải chọn những từ ngữ có giá trị biểu cảm cao, tức là phải quan tâm tới tính hình tượng của các từ ngữ được chọn đưa vào bài ; phải dùng nghệ thuật so sánh, nhân hoá thật nhuần nhuyễn và linh hoạt.

IV – MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài 1 : Hãy chỉ rõ nhịp thơ trong các ví dụ sau :

a) *Mấy hôm trước còn hoa
Mới thơm đây ngào ngạt
Thoáng như một nghi ngờ
Trái đã liền có thật.
Ôi ! Từ không đến có
Xảy ra như thế nào ?
Nay má hây hây gió
Trên lá xanh rào rào.*

(Xuân Diệu – Quả sáu non trên cao)

b) *Đường quê vắng vẻ
Lúa trở đồng đồng
Ca lô chú bé
Nhấp nhò trên đồng.
Bồng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi !
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi !*

(Tố Hữu – Lượm)

Bài 2 : Gạch chân dưới các tiếng chứa vần trong các ví dụ sau và nói rõ đó là vần chân hay vần lưng :

a) *Quả cau nho nhỏ
Cái vỏ vân vân
Nay anh học gần
Mai anh học xa...*

(Ca dao)

b) *Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.*

(Minh Huệ – Đêm nay Bác không ngủ)

Bài 3 : Mẹ Mậm sáng tác cho Mậm một bài thơ nhan đề *Về cu Mậm*. Mẹ đã chép bài thơ ấy vào sổ để sau này lớn lên Mậm sẽ đọc. Nhưng thời gian qua đi, một số chữ chứa vần trong bài đã bị mờ, em hãy giúp Mậm khôi phục lại vần cho bài thơ :

VỀ CU MẬM

Ve ve ve ve

Cái ve cu Mậm

Vóc người...

Cái mặt tròn xoe

Mái tóc...

Đầu thì...

Mỗi khi Mậm khóc

Mặt đỏ phừng phừng

Miệng thét vang...

Mũi còn khịt khịt

Mắt lại nhắm...

Trông thật buồn cười

Khi Mậm nằm chơi

Hai tay...

Hoa chân hoa cẳng

Tập võ liên hồi

Đôi mắt sáng...

Nhìn quanh lơ lảo

Khi Mậm...

Nhó nhó nhăn nhăn

Biết Mậm vùi ăn

Mẹ liền hiểu ý

Vừa chừa "ti tí"

Mậm liền im re...

Bài 4 : Có một bạn học sinh làm thơ ru em nhưng ở một số câu vẫn bí vần, nghĩ mãi chưa ra. Vì vậy, bài thơ *Ru em* mãi vẫn còn dang dở. Em hãy giúp bạn hoàn thành bài thơ bằng cách thêm từ vào những chỗ trống (nhớ là phải phù hợp về nội dung ý nghĩa, về số chữ, về vần và âm điệu) :

RU EM

Bé em ơi hãy ngủ
Ba mẹ đi làm rồi
Ngủ ngoan nhé...
Trong lời ru của chị
Gió huu huu thổi...
Thơm hương bưởi nồng nàn
Hoa cúc thơm nắng...
Nghiêng vào trong giấc ngủ
Nâng cánh màn khép rủ
Chị hát ru...
Ngủ đi nhé bé ngoan
Trong vòng tay của chị
Em mơ cho ba mẹ
Đường biết đến...
Em mơ cho ông bà
Tóc đừng thêm...
Đều đều tay chị quạt
Êm êm lời chị ru
Trong hương vườn...
Chị ru em thay mẹ.

Bài 5 : Trong bài đồng dao mới nhan đề *Rau xanh*, tác giả Trần Quốc Toàn viết :

Che mưa che nắng
Là rau Cần Ô
Bỏ vào nồi kho
Là rau Diếp Cá
Cho vô cối giã
Là rau Càng Cua
Chỉ đường lên chùa
Hành Hương thơm ngát
Mực tím ngăn ngắt
Là rau Mồng Tơi
Mình yêu suốt đời
Là cây Rau Má.

Dựa vào cách diễn đạt của bài đồng dao mới trên đây, em hãy tập viết các bài đồng dao khác có nội dung giới thiệu về đặc điểm, tên gọi của những đối tượng sau :

- a) Các loài cây bóng mát, cây cảnh
- b) Các loài động vật trong rừng (hoặc nuôi trong nhà)
- c) Các loài cá

Bài 6 : Cách diễn tả trong đoạn ca dao sau đây có gì độc đáo ? Hãy chỉ rõ đặc điểm ấy.

*... Bong bóng thì chìm
Gỗ lim thì nổi
Đào ao bằng chổi
Quét nhà bằng mai
Hương hoa thì hôi
Thơm tho là cú...*

(Ca dao vui)

Hãy vận dụng nghệ thuật diễn tả độc đáo ấy để viết một đoạn thơ bốn chữ nói về các sự vật, sự việc trong cuộc sống hằng ngày.

Bài 7 : Trong một cuộc thi sáng tác thơ trào phúng nói về chủ đề "Học tập", có một bạn học sinh lớp 6 đã mở đầu bằng hai câu :

*Tôi sẽ kể bạn nghe
Chuyện một chàng lười học...*

Nhưng sau đó, bạn học sinh ấy không thể viết tiếp được. Cho đến bây giờ, bài thơ ấy vẫn còn dang dở. Em hãy giúp bạn hoàn thành bài thơ để còn kịp tham gia cuộc thi nhé !

Bài 8 : Viết một bài thơ ngắn theo thể thơ bốn chữ có nội dung miêu tả một trò chơi của các em mẫu giáo.

Bài 9 : Ngày sinh nhật mẹ (ba hoặc ông, bà,...) đã đến rồi. Em hãy sáng tác một bài thơ theo thể thơ năm chữ nói lên lòng biết ơn của mình để làm quà tặng.

Bài 10 : Viết một bài thơ theo thể thơ năm chữ với chủ đề hướng về Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 để tặng thầy cô giáo của mình.

Một số ví dụ tiêu biểu cho thể thơ bốn chữ và năm chữ
Thể thơ bốn chữ :

Ví dụ 1 : *Nghé hành, ghé hụi*
 Mày chui bụi nào
 Chân thấp chân cao
 Chân nào theo mẹ
 Về làm việc nhẹ
 Về tập đi cày
 Cho lúa tốt cây !
 Cho khoai tốt củ !
 Nghé đừng đi ngủ
 Ngủ quàng ngủ quàng
 Mà gặp kẻ gian
 Về nhà nó lước
 Nghé σ....

(Đồng dao : Gọi ghé)

Ví dụ 2 : *Hay bay hay liệng*
 Là hoa chim chim
 Xuống nước mà chìm
 Là bông hoa đá
 Làm bạn với cá
 Là hoa san hô
 Cạo đầu đi tu
 Là hoa râm bụt

(Về hoa)

Ví dụ 3 :

LÀM ANH
 Làm anh khó đấy
 Phải đầu chuyện đùa
 Với em gái bé
 Phải "người lớn" cơ

Khi em bé khóc
Anh phải dỗ dành
Nếu em bé ngã
Anh nâng dịu dàng
Mẹ cho quà bánh
Chia em phần hơn
Có đồ chơi đẹp
Cũng nhường em luôn
Làm anh thật khó
Nhưng mà thật vui
Ai yêu em bé
Thì làm được thôi.

(Phan Thị Thanh Nhàn)

Thể thơ năm chữ :

Ví dụ 1 :

LUỸ TRE

Mỗi sớm mai thức dậy
Luỹ tre xanh rì rào
Ngọn tre cong gọng vó
Kéo mặt trời lên cao
Những trưa đồng đầy nắng
Trâu nằm nhai bóng râm
Tre bản thân nhớ gió
Chợt về đầy tiếng chim
Mặt trời xuống núi ngủ
Tre nâng vầng trăng lên
Sao, sao treo đầy cành
Suốt đêm dài thấp sáng
Bỗng gà lên tiếng gáy
Xôn xao ngoài luỹ tre
Đêm chuyển dần về sáng
Mầm măng đợi nắng về.

(Nguyễn Công Dương)

Ví dụ 2 :

CHÚ BÒ TÌM BẠN

Mặt trời rúc bụi tre
Buổi chiều về nghe mát
Bò ra sông uống nước
Thấy bóng mình ngỡ ai
Bò chào : "Kìa anh bạn !
Lại gặp anh ở đây !"
Nước đang nằm nhìn mây
Nghe bò, cười toét miệng
Bóng bò chợt tan biến
Bò tưởng bạn đi đâu
Cứ ngoái trước nhìn sau
"Âm ờ..." tìm gọi mãi.

(Phạm Hồ)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

A – TIẾNG VIỆT

Chương I : TỪ VỰNG

1. CẤU TẠO TỪ

1. a) Khi làm bài tập này, học sinh cần đọc kĩ phần Ghi nhớ ở sách giáo khoa để hiểu từ là gì. Cần phân biệt được chỗ khác nhau giữa từ đơn và từ phức là số lượng tiếng. Trong từ phức, các tiếng phải đọc liền nhau. Khi nằm trong câu, nó chỉ có một nghĩa chỉ một sự vật, một hoạt động, một tính chất,... duy nhất.

Trong đoạn văn trên *tính tình* chỉ tính nết con người ; *tập quán* chỉ thói quen của một số người, một số địa phương nào đó. Ta không thể nói, *tính* và *tình*, *tập* và *quán* được. Vậy chúng là từ phức. Những từ còn lại học sinh tự làm.

b) Muốn biết một từ phức có phải là từ láy không ta phải xét quan hệ ngữ âm giữa các tiếng trong từ phức, nếu chỉ có quan hệ ngữ âm thì đó là từ láy. Đoạn văn trên có từ phức nào có quan hệ ngữ âm không ? Học sinh kiểm tra cẩn thận trước khi trả lời câu hỏi.

c) – Từ ghép có nghĩa chung : *tính tình, ăn ở, lâu dài, giúp đỡ*.

– Từ ghép có nghĩa phân biệt : *tập quán*.

2. Làm bài này học sinh cần chú ý : Trong từ ghép hai tiếng cùng loại và có nghĩa tương đương nhau thì thường là có ý nghĩa chung khái quát. Các từ *ăn chơi, ăn mặc, ăn diện, ăn ở, ăn học, ăn nói* có ý nghĩa chung khái quát, các từ khác có nghĩa cụ thể phân biệt.

3. Các từ láy trên đây, học sinh chú ý vẫn lặp lại hay không lặp lại ? Phụ âm đầu có lặp lại hay không ? Vẫn không giống nhau tạo cho ta cảm giác gì ? Trả lời được các ý trên là bài làm đúng.

4. Học sinh xem lại Bài tập 1 để làm bài này.

5. Bài tập này gần giống mục (b) trong Bài tập 1.

Các từ sau đây là từ láy vì giữa chúng chỉ có quan hệ ngữ âm : *vuông vắn, ngay ngắn, cười cợt, lúi lo*.

Bạn nói như vậy là sai, vì có bốn từ đủ tiêu chuẩn là từ láy. Ở đây ta không thấy chúng có quan hệ về nghĩa. Các từ khác giữa các tiếng có quan hệ về nghĩa, do đó chúng không phải là từ láy.

Ví dụ : *chuộng, đả, đảo* đều có nghĩa.

6. Học sinh có thể tham khảo một số ví dụ sau đây : *thần thờ, vắn vợ, dẫn đo, tha thiết, lừng lơ, lững lờ, hẹn hò.*

7. Chú ý :

- Từ láy tượng hình là loại từ láy gợi hình dáng của người, vật, hiện tượng,...
- Từ láy tượng thanh là loại từ láy mô phỏng, gợi tả âm thanh trong thực tế.
- Từ láy chỉ tâm trạng là những từ láy chỉ trạng thái của người như trạng thái vui, buồn, suy nghĩ,...

Từ những gợi ý này học sinh cố gắng tìm càng nhiều từ láy càng tốt.

8. Các từ láy có vần *eo*, vần *êu* là những từ học sinh thường gặp. Một số từ cụ thể là : *lèo nhèo, eo sèo, lêu bêu, lêu nghêu*,... Học sinh tự tìm tiếp.

9. Học sinh cần nhớ loại từ nhiều tiếng có cấu tạo đặc biệt này trong tiếng Việt rất ít, chủ yếu chúng là từ mượn tiếng nước ngoài. Một điểm khác cần nhớ là các tiếng không có nghĩa chỉ là đối với tiếng Việt mà thôi. Xin nêu thêm một số từ : *lạp xường, axit, nitơ*,...

2. TỪ MƯỢN

1. Dĩ nhiên là tất cả các từ phức đã cho sẽ được học sinh xếp vào từ mượn, bởi vì các tiếng trong các từ phức có nghĩa nhưng không tách ra đứng một mình thành từ độc lập được. Khó nhất là những từ đơn. Trong số các từ đơn trong bài tập, từ quen dùng như *ông, bà, cô, cậu, hổ, báo, sách, táo, quần* có thể học sinh sẽ cho là thuần Việt. Còn những từ *là lạ* sẽ cho là từ mượn hoặc phân vân giữa từ mượn và từ thuần Việt. Trong vô số các từ đơn, từ nào là thuần Việt, từ nào là từ mượn, không mấy ai trả lời được. Các từ đơn kể trên đều là từ mượn. Bài tập này không phải để đánh đố mà để lưu ý học sinh rằng khi nói đến từ mượn chủ yếu là nói đến từ phức.

2. Trước tiên học sinh phải tìm tất cả các từ phức có trong truyện *Con Rồng cháu Tiên*. Sau đó xét các tiếng trong từ phức đó, từ nào có ít nhất một tiếng có nghĩa nhưng không thể tách ra làm từ được, từ đó là từ Hán Việt. Trường hợp hai tiếng có nghĩa và có thể tách ra thành từ độc lập được thì phải xét xem quan hệ giữa hai tiếng như thế nào. Nếu giữa hai tiếng có trật tự ngược thì chắc chắn đó là từ Hán Việt.

Cụ thể, một số từ sau đây là từ Hán Việt : *Lạc Việt, Bắc Bộ, Long Nữ, Lạc Long Quân, vô địch, Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh, thủy cung*,... Học sinh cố gắng làm nốt phần còn lại.

3. Bài tập này học sinh làm như Bài tập 2.

4. Muốn giải nghĩa được các từ này, phải giải nghĩa từng tiếng trong từ đó.

Trước hết tất cả các tiếng *giả* ở đây đều có nghĩa là người. *Khán* là xem ; *thính* là nghe ; *độc* là đọc ; *diễn* là trình bày, nói ; *tác* là sáng tác, làm ra.

Tất cả các từ *gia* đều có nghĩa là nhà chuyên môn, chuyên gia. *Nông* là nghề nông ; *văn* là làm văn , viết văn ; *thi* là làm thơ ; *dịch* là dịch thuật ; *triết* là triết học.

Học sinh ghép các yếu tố lại theo trật tự ngược là sẽ có kết quả.

5. *Khán* là xem, *thính* là nghe, *độc* là đọc. *Xem, nghe, đọc* có phải là một nghề không ? *Xem, nghe, đọc* không phải là nghề, do đó không có các từ "*khán gia*", "*thính gia*", "*độc gia*" được.

Những người sống về nghề sáng tác thì gọi là *tác gia*, làm nghề nông để sống thì gọi là *nông gia*,...

6. Học sinh chú ý tiếng *thu* có thể đứng trước hoặc đứng sau một tiếng nào đấy để tạo thành từ. Do đó ta có : *thu vịnh, thu diều, thiên thu*,... Học sinh cố gắng tìm và làm tiếp.

7. Học sinh chú ý cách sử dụng từ của tác giả. Bài *Thu diều* Nguyễn Khuyến dùng từ thuần Việt hay Hán Việt ? Bài *Chiều hôm nhớ nhà*, Bà Huyện Thanh Quan sử dụng nhiều từ Hán Việt không ? Đọc hai bài thơ em thấy bài nào dễ hiểu, bài nào khó hiểu hơn ? Vì sao ? Trả lời được những câu hỏi trên là học sinh giải tốt bài tập này. Không những thế học sinh còn vận dụng sự hiểu biết của mình về từ Hán Việt và thuần Việt vào việc nói và viết tốt hơn.

8. Học sinh cần dựa vào mục "cách sử dụng từ Hán Việt" và các gợi ý trong Bài tập 7 để điền từ cho đúng.

9. Bài này học sinh dịch các tiếng trong mỗi từ rồi ghép lại.

3. NGHĨA CỦA TỪ

1. Đây là bài kiểm tra khả năng nhận diện từ qua khái niệm. Học sinh tự liên hệ các chi tiết người ta đưa ra thì sẽ tìm được từ tương ứng với khái niệm. Các từ đó nằm trong số các từ sau đây :

Em, xe điện, nhà, xe đạp, từ, giảng viên, thầy giáo, xe, xích lô, xương, trường.

Làm xong học sinh tra từ điển hoặc hỏi thầy cô giáo và những người hiểu biết để kiểm tra lại kiến thức của mình.

2. a) Bài tập này ngược với bài tập trên nhằm kiểm tra sự hiểu biết của học sinh về nghĩa của từ. Muốn làm tốt bài tập này học sinh cần xem kĩ mục "Cách giải thích nghĩa của từ", sau đó nhìn tranh ảnh hoặc thực tế rồi chỉ ra những đặc điểm chung và riêng của mỗi sự vật, hiện tượng mà từ biểu thị. Sau khi giải thích xong, học sinh tra từ điển. Học sinh cứ làm như vậy với nhiều sự vật hiện tượng là cách tự học tốt nhất.

b) Mục (b) này, học sinh cần lưu ý quan hệ giữa người cho và người nhận để đặt câu cho đúng.

3. Muốn làm được bài này, học sinh phải vận dụng cả kiến thức về từ Hán Việt và nghĩa của từ để làm bài. Điền xong, cần tra từ điển để kiểm tra lại hoặc hỏi các thầy cô giáo để kiểm tra mức độ chính xác của bài giải.

Các tiếng cần điền nằm trong số các từ sau đây :

– *Yến, quan, cảng, âu, sản, ngư, đảo, lục, cầu, mã.*

– *Học, sứ, sinh, hán, khoa, viên, vụ, chức.*

4. TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

1. Học sinh cần chú ý :

– Các từ ở mục (a) mỗi từ chỉ bao nhiêu khái niệm ? Từ nào chỉ một khái niệm duy nhất là từ một nghĩa.

– Các từ mục (b) có đặc điểm gì ? Mỗi từ biểu thị bao nhiêu sự vật ? Số lượng ? Dựa vào gợi ý, học sinh tự làm bài này.

2. Học sinh chú ý, từ *mũi* có nghĩa gốc là bộ phận nhô lên giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi. Nghĩa này có trong câu :

*Trùng trục như con chó thui
Chín mắt chín mũi chín đuôi chín đầu.*

(Ca dao)

Các nghĩa còn lại là nghĩa chuyển có trong các câu b, c, d.

3. Dựa vào quan hệ giữa từ *đường* với các từ trong câu và nghĩa của cả câu, học sinh tìm xem câu nào có một trong các nghĩa sau :

– Nghĩa gốc : lối đi nhất định được tạo ra để nối liền hai nơi. Nghĩa này có trong câu :

Đường xuôi về biển, đường lên núi rừng

Các nghĩa khác :

- Chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ nơi này đến nơi khác.
- Chỉ quan hệ thân thiện giữa người với người trong xã hội.
- Chỉ vết hằn bấm sinh trong lòng bàn tay của người.
- Chỉ khoảng thời gian lúc còn nhỏ tuổi.
- Chỉ nếp nhăn ở trán của người khi về già.

4. Học sinh dựa vào quan hệ giữa từ *mặt* với các từ trong câu và ý nghĩa của các câu để hiểu nghĩa của từ *mặt* trong mỗi câu. Sau đó, học sinh liên hệ đối chiếu với nghĩa một của từ *mặt* trong từ điển để trả lời câu hỏi.

Một trong các nghĩa sau đây tương ứng với từng câu :

- Chỉ thái độ, cử chỉ của người khi giao tiếp.
- Chỉ phần phía trên hoặc phần phía ngoài của vật, phân biệt với phần bên dưới hoặc bên trong.
- Chỉ tài năng hơn người được bộc lộ.

5. Đây là loại từ mà việc xem xét bản chất từ loại rất khó. Do đặc điểm của tiếng Việt, từ *cày* cũng như các từ *cuốc*, *mưa*, *nặng* chỉ khi đứng trong câu mới bộc lộ bản tính từ loại của nó. Từ *cày* có thể bộc lộ bản tính từ loại trong các trường hợp sau đây :

Tôi đang cày ruộng → *cày* là động từ.

Xưa có một người thợ mộc dốt hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đục cày → *cày* là danh từ.

Học sinh có thể làm một số ví dụ khác để rút ra kết luận.

5. SO SÁNH

1. a) Đoạn trích trên có ba phép so sánh, dấu hiệu của các phép so sánh là từ *như*.

b) Tác dụng làm cho đoạn văn có hình ảnh cụ thể, gợi cảm, nhờ có phép so sánh để kích thích trí tưởng tượng mà sông nước Cà Mau hiện lên trong óc ta như một bức tranh trước mặt với đầy đủ các hình ảnh trên bờ, dưới nước.

2. a) Đây là từ láy chỉ mức độ cao.

b) Giải nghĩa : trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ cứ trở đi trở lại trong cơ thể con người.

c) Trạng thái mơ hồ, trừu tượng chỉ được bộc lộ bằng cách đưa ra hình ảnh cụ thể : *đứng đống lửa, ngồi đống than* để người khác hiểu được điều mình muốn nói một cách dễ dàng. Hình ảnh so sánh có tính chất phóng đại nên rất gợi cảm.

3. a) Học sinh chú ý bài *Vượt thác* gồm có sáu phép so sánh.

b) Phép so sánh trong câu : *Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.*

Đây là so sánh hoạt động của vật với tâm trạng của người.

Phép so sánh trong câu : *Những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước.*

Đây là so sánh vật với người.

4. Bài này học sinh có thể tự giải được.

5. Gợi ý học sinh một số thành ngữ mà từ chỉ phương diện so sánh là từ láy. Học sinh ghi tiếp phần còn để trống :

– *Đủng đỉnh như...*

– *Thìn thít như...*

– *Ào ào như...*

– *Lóc xóc như...*

– *Lạnh chanh như...*

– *Lò rò như...*

– *Lật đật như...*

– *Láo nháo như...*

6. a) Học sinh cần chú ý trường hợp này từ chỉ phương diện so sánh bị lược.

b) Các từ có thể được thay vào từ ngữ bị lược là : *tươi non, quén rũ, đầy hứa hẹn, đáng trân trọng, chan chứa hi vọng, đầy sức sống,...*

7. Học sinh cố gắng suy nghĩ và tự làm bài, xin nêu cho học sinh vài ví dụ :

– *Trường Sơn : chí lớn ông cha*

Cửu Long : lòng mẹ bao la sóng trào

– *Mẹ già như chuối chín cây*

8. Học sinh cần chú ý các phép so sánh được đưa ra liên tiếp làm cho sự việc vừa cụ thể vừa sinh động. So sánh giữa cái trừu tượng với sự vật cụ thể, hình ảnh

làm chuẩn so sánh vừa cứng rắn, vừa hùng vĩ, do đó lôi cuốn và tạo niềm tin cho mọi người.

9. Học sinh cần dựa vào ý nghĩa của từ *là* và từ *như* để phân tích và khẳng định trường hợp nào hay, trường hợp nào không hay. Cần nhớ rằng : *là* có sắc thái ý nghĩa khẳng định, *như* có sắc thái ý nghĩa giả định.

10. Học sinh cần chú ý :

- So sánh chú bé với chim chích để biểu thị tính cách hồn nhiên của trẻ em.
- Các từ láy là tính từ như : *loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt*.
- Các từ láy trong câu có tác dụng gợi hình.

11. Học sinh chú ý những chỗ đặc biệt sau đây :

- Từ ngữ chỉ phương diện so sánh bị lược bỏ.
- Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba : *chuối và hương – xôi nếp một – đường mía lau* là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.

6. NHÂN HOÁ

1. Học sinh đọc kĩ bài học về phép nhân hoá trước khi làm bài, sau đó tìm ở sách báo hoặc nhớ lại những bài ca dao có sử dụng nhân hoá.

Ví dụ : *Núi cao chi lắm núi ơi,*

Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.

2. Học sinh chú ý cách xưng hô của người đối với trâu. Cách xưng hô như vậy thể hiện thái độ, tình cảm gì ? Tâm quan trọng của con trâu đối với nhà nông như thế nào ? Qua đó sẽ trả lời được câu hỏi.

3. Trước hết, học sinh phải đọc kĩ toàn bộ văn bản để vừa nắm được nội dung, vừa có sự rung động giúp cho việc nhận biết các phép nhân hoá trong văn bản một cách dễ dàng.

Trong phép nhân hoá, từ ngữ có tác dụng nhân hoá là các từ vốn để gọi người một cách thân mật được dùng để gọi vật và các động từ, tính từ chỉ hoạt động tính cách của người được gán cho sự vật làm cho các sự vật ấy mang tính người. Phép nhân hoá chính là cách sử dụng những từ ngữ đó. Trong văn bản trên có hơn hai mươi phép nhân hoá, tập trung nhất là đoạn : "Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng giữ nước, giữ mái

nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !". Chỉ riêng đoạn này đã có hơn mười từ ngữ có tác dụng nhân hoá như : *chống lại, xung phong, giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, hi sinh, bảo vệ, anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.*

Các từ ngữ khác trong văn bản học sinh tự tìm.

4. Cách làm giống như Bài tập 3. Các từ ngữ có tác dụng nhân hoá nằm ở hai dòng đầu và hai dòng cuối bài thơ.

5. Các phép nhân hoá nằm trong các câu sau đây :

Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường
Cỏ gà rung tai
Nghe
Bụi tre
Tán ngán
Gõ tóc
Hàng bưởi
Đu đưa
Bế lũ con
Đầu tròn
Trọc lóc
Sấm
Ghé xuống sân
Khánh khách
Cười
Cây dừa
Sải tay
Bơi
Ngọn mừng tươi
Nhảy múa
Cây lá hả hê.

6. Bài tập này là bài tập về biện pháp tu từ ẩn dụ. Nếu học sinh đã làm được bài tập ở phép ẩn dụ thì nên cố gắng thử tài làm thơ của mình. Sau đó chuyển sang viết đoạn văn.

7. Đây là phép tu từ ngược với nhân hoá. Chú ý : Tác giả đã sử dụng các từ ngữ gọi tên và hoạt động tính chất của vật để chỉ người. Đây chính là vật hoá.

7. ẨN DỤ

1. Bài này là để củng cố kiến thức về các kiểu ẩn dụ. Học sinh đọc kĩ phần kiến thức cơ bản và giải bài tập.

2. a) Đây là kiểu ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

b) Cách sử dụng ẩn dụ như vậy có tác dụng làm cho sự vật, sự việc mình nói tới thêm rõ, vì được tiếp nhận bằng cả hai giác quan.

3. Bài này có hai ẩn dụ là "tắm" và "nướng".

4. Trong sinh hoạt hằng ngày chúng ta thường sử dụng các ẩn dụ sau đây : *thấy lạnh, nghe mệt, giọng nói khô nóng,...* Dựa vào đó học sinh có thể kể rất nhiều những ẩn dụ tương tự.

5. Học sinh đọc kĩ ba bài thơ trong sách giáo khoa và các bài đọc thêm để tìm các ẩn dụ. Tìm được, hãy gạch chân và điền vào bài tập, sau đó nhờ thầy, cô hoặc các bạn cùng kiểm tra lại.

6. Học sinh nhớ là tìm ra ẩn dụ cũng khó, làm thơ có ẩn dụ lại càng khó, vì phải chọn ẩn dụ hay và bất ngờ nhưng lại quen thuộc. Trước hết hãy chọn cách nói ẩn dụ của bố mẹ thường nựng con hằng ngày, sau đó đưa những ẩn dụ ấy vào thơ. Muốn làm được thơ học sinh phải học cách làm thơ.

7. a) Đoạn thơ có hai phép ẩn dụ và một phép so sánh, người ta thường gọi là liên dụ. Học sinh hãy chỉ ra cụ thể các phép ẩn dụ và phép so sánh theo gợi ý trên.

b) Muốn làm được câu này học sinh cần nhớ ẩn dụ là so sánh ngầm, thiếu cả vế A, cả phương diện so sánh và từ so sánh. Học sinh cố gắng phục hồi lại tất cả những yếu tố còn thiếu trong đoạn thơ, chắc chắn đoạn thơ sẽ biến thành đoạn văn.

8. Học sinh cần nhớ trong ẩn dụ, sự vật, hiện tượng A và sự vật, hiện tượng B phải có nét tương đồng và quen thuộc, chỉ gọi A là người ta hiểu B. Cho nên ẩn dụ không đem đến cho ta hiểu biết gì thêm về B mà chỉ là cách gọi B một cách gợi cảm. Trong so sánh chỉ cần A và B có một nét giống nhau là đủ. Người ta công khai đối

chiếu hai sự vật, hiện tượng để giúp ta hiểu biết sự vật, hiện tượng nói đến một cách có hình ảnh. Qua so sánh, người ta có cảm giác cụ thể hơn về sự vật, hiện tượng muốn nói. Từ những gợi ý trên học sinh tự rút ra kết luận và làm bài.

8. HOÁN DỤ

1. a) Học sinh xem lại bài học về hoán dụ và các kiểu hoán dụ, sau đó đọc kĩ đoạn thơ để nắm chắc nội dung và có cảm xúc để tìm các từ ngữ có sử dụng phép hoán dụ.

Dựa vào sự gần gũi giữa hai đối tượng, các từ : *còi máy, bến tàu, hẻm mỏ, Hòn Gai, đất đỏ, áo xanh* đều là từ ngữ hoán dụ để chỉ công nhân. *Áo nâu, nông thôn* và *thị thành* cũng đều là các từ ngữ hoán dụ.

b) Dựa vào kết quả trên, học sinh hãy thay vào các từ ngữ trong đoạn thơ để chỉ đúng đối tượng.

c) Tác giả muốn tránh lặp lại, đồng thời thay đổi nhiều tên gọi khác nhau làm cho câu thơ, đoạn thơ sinh động, uyển chuyển.

2. a) Học sinh trả lời câu hỏi sau đây để tìm lời giải.

– Các từ *tay* thay thế cho những ai ? Quan hệ giữa tên gọi (*tay*) và đối tượng cần biểu thị là quan hệ gì ? Đây có phải lấy bộ phận để chỉ toàn thể không ?

Búa liềm thay cho ai ? *Súng gươm* thay cho kẻ nào ? Đây có phải là lấy vật dụng để chỉ người không ? Theo đó học sinh tự giải bài tập này.

b) Học sinh thấy có giống như tác dụng ở câu (c) Bài tập 1 không ?

3. Trừ những hoán dụ đã dẫn trong bài học, học sinh chú ý đọc kĩ những bài thơ trong sách giáo khoa gồm ba bài trích giảng và các bài đọc thêm rồi tìm các hoán dụ để kiểm tra hiểu biết của mình.

4. Yêu cầu ở đây là phải chỉ ra được những hoán dụ tiêu biểu, có giá trị. Cụ thể đọc lên là phải hiểu ngay, phải đọc đáo, phải gợi cảm.

Ví dụ :

– *Một cây làm chẳng nên non*
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
– *Những hồn Trần Phú vô danh*
Sóng xanh biển cả cây xanh núi ngàn.

Đây là những ví dụ tiêu biểu. Học sinh cố gắng tìm được càng nhiều hoán dụ càng tốt.

5. Học sinh cần nhớ không chỉ trong văn thơ, trong giao tiếp hằng ngày hoán dụ xuất hiện thường xuyên và ở khắp mọi lúc, mọi nơi.

Ví dụ : Mọi người đều có tên riêng cả, nhưng khi gọi tên người ta ít khi gọi đích danh mà lấy các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ để gọi. Cách gọi như thế chính là hoán dụ. *Chào đại úy, chào thầy giáo, chào bác sĩ* đều là hoán dụ cả.

Những hoán dụ này chỉ xuất hiện trong một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và có giá trị lâm thời. Học sinh hãy gọi tên một người nào đó bằng vật dụng, bằng đặc điểm ngoại hình, bằng chức vụ, bằng nghề nghiệp. Những trường hợp này đều là hoán dụ.

9. CHỮA LỖI DÙNG TỪ

1. a) Bài tập này lỗi ở chỗ lặp từ *có thể* và từ *em*. Học sinh cần thay từ *có thể* bằng từ khác cho thích hợp và bớt một từ *em*.

b) Học sinh cần nhớ hai từ *con số* và *số liệu* có nghĩa như nhau. Vậy có nên dùng cả hai không ?

c) Hai từ *nhu cầu* và *đòi hỏi* đều có nghĩa như nhau, vậy là câu này lỗi giống câu (b).

d) Câu này lỗi sai giống hai câu trên.

2. Bài tập này yêu cầu học sinh thay thế các từ ngữ đồng nghĩa với *Phù Đổng Thiên Vương*. Học sinh có thể thay một trong các từ ngữ sau đây vào chỗ trống : *người trai làng Phù Đổng, cậu bé kì lạ ấy, người anh hùng làng Gióng, tráng sĩ ấy*.

3. a) Đây là sự nhầm lẫn giữa các từ gần âm : *con bò* nhầm với từ *cán bộ*.

b) Câu này nhầm lẫn giữa *ẩn dẫu đó* với *ẩn dẫu đó*.

c) Câu này nhầm lẫn giữa *hoang mang* với *hoang vắng*.

d) Câu này nhầm lẫn *danh hiệu* với *huy hiệu*.

4. a) Câu này có lỗi là dùng từ không đúng nghĩa. Học sinh cần thay từ *yêu mến* bằng một từ khác.

b) Câu này nhầm lẫn giữa *nhân cách hoá* với một từ khác. Học sinh hãy tìm và điền vào cho đúng.

c) Câu này có lỗi là không hiểu nghĩa của từ. Học sinh hãy thay thế một từ cho đúng nghĩa.

d) Câu này có lỗi là dùng từ không đúng nghĩa. Học sinh hãy thay từ *ngghiêm trọng* bằng một từ khác.

d) Câu này có lỗi là dùng từ không đúng nghĩa. Học sinh hãy thay từ *sửa soạn* bằng từ khác.

e) Câu này cũng có lỗi là dùng từ không đúng nghĩa. Học sinh hãy thay thế từ *ghê gớm* bằng một từ khác.

g) Câu này cũng có lỗi là dùng từ không đúng nghĩa, do không hiểu nghĩa của từ. Học sinh hãy thay từ *bì bõm* bằng một từ khác.

Chương II : NGỮ PHÁP

1. DANH TỪ

1. Làm bài tập này học sinh cần đọc kĩ phần *Kiến thức cơ bản* và phần *Ghi nhớ* ở sách giáo khoa. Sau đó học sinh đọc kĩ đoạn trích để nắm được nội dung làm cơ sở cho việc xác định danh từ.

a) Đoạn trích có các danh từ là : *ngời, ngày xưa, em bé, tên, Mã Lương, em, cha mẹ, ngày,...* Những danh từ còn lại học sinh tự tìm.

b) Đoạn trích có hai danh từ chỉ đơn vị là : *con* và *bức*.

c) Câu này đã có hướng dẫn ở phần bài tập cấu tạo từ, học sinh nhớ lại để làm cho đúng.

2. a) Học sinh xem lại hướng dẫn Bài tập 1 ở phần bài tập cấu tạo từ là sẽ làm được ngay.

b) Trừ các từ lấy ra, trong số từ ghép, tiếng nào tách ra mà dùng độc lập được đó chính là từ. Công việc cuối cùng của học sinh là đếm lại tất cả những tiếng có thể dùng độc lập. Đó chính là kết quả cần tìm.

3. a) *Bụng dạ, cha mẹ* là hai từ có sự phối hợp nghĩa, vậy chúng có cấu tạo kiểu gì ?

b) Học sinh cố gắng đặt câu cho đúng nghĩa, các từ phải đúng vị trí theo yêu cầu của đề.

c) Đây là danh từ chỉ sự vật.

4. Làm bài tập này học sinh cần đọc kĩ phần *Loại từ* và phần *Ghi nhớ* ở sách giáo khoa.

a) Học sinh có thể tìm trong số các loại từ sau đây : *cái, con, bức, tấm, chiếc, lá, tốp, đoàn, mớ, lũ, tá, bảy,...* từ nào hợp lí là đạt yêu cầu.

b) Trước hết học sinh điền các loại từ : *cái, lá, con, chiếc* trước danh từ *thuyền*, sau đó tìm sắc thái ý nghĩa của mỗi loại từ.

5. Học sinh đọc kĩ phần danh từ riêng và quy tắc viết hoa danh từ riêng. Sau đó đọc kĩ đoạn thơ và sửa lại lỗi viết hoa. Sửa xong, học sinh tìm văn bản để đối chiếu, kiểm tra kết quả của mình.

6. Các từ *đất, vải, nước, muối, lụa, bàn, phản, chiếu, màn, áo, nhà, ngựa* có thể kết hợp với một số loại từ đứng trước. Học sinh nên chọn những loại từ có sức gợi cảm để điền vào trước các từ trên.

Ví dụ : *dải lụa, manh áo.*

7. Học sinh cần dựa vào nghĩa của cả câu để điền từ cho thích hợp. Cần chú ý yêu cầu của bài tập này là điền từ không những đúng mà còn phải hay.

8. Có những từ khi dùng trong trường hợp này nó là danh từ nhưng khi dùng trong trường hợp khác lại là động từ hoặc tính từ. Vì thế, ý kiến của bạn Lan và bạn Hồng là chưa chính xác hoàn toàn. Học sinh chú ý các trường hợp sau đây rồi tìm lời giải đáp cụ thể.

– Anh ta bị thương, máu me bê bết cả người. → *máu me* là danh từ.

– Chúng ta không nên máu me cờ bạc. → *máu me* là động từ.

– Xe tôi dạo này máy móc chạy êm lắm. → *máy móc* là danh từ.

– Bạn ấy làm việc gì cũng rất máy móc. → *máy móc* là tính từ.

9. a) Câu này học sinh tự làm.

b) Các danh từ *Chù, Nhắt, Cống* vốn là danh từ chung nhưng ở đây đã được cá thể hoá để chỉ những nhân vật cụ thể. Đặt trong truyện ngụ ngôn, những danh từ này trở thành danh từ riêng. Trong đoạn trích *Chù, Nhắt, Cống, Đổ đều* là danh từ riêng.

10. Học sinh cần nhớ từ *người* có ý nghĩa khái quát khi đứng trước một danh từ cụ thể, danh từ *người* sẽ chuyển lên vị trí loại từ.

Ví dụ : *người con trai ấy*

Khi đứng sau một loại từ đích thực, *người* sẽ ở vị trí danh từ vật thể.

Ví dụ : *Đó là những con người.*

Căn cứ vào đó, học sinh có thể trả lời.

11. Đây là hiện tượng chuyển loại của từ. Một số động từ, tính từ được dùng như danh từ khi có loại từ thích hợp đứng trước. Với các từ : *nhớ, thương, giận, hờn* ta có thể làm như sau :

nhớ → *nỗi nhớ* ; *thương* → *niềm thương* ; *giận hờn* → *sự giận hờn*

Học sinh làm tiếp các từ còn lại.

2. SỐ TỪ

1. Thông thường, số từ chỉ số lượng đứng trước, số từ chỉ vị trí đứng sau, do đó muốn xác định đúng ta phải dựa vào vị trí của số từ. Tuy nhiên, cần tránh nhầm lẫn với những trường hợp rút gọn hoặc thói quen (xem Bài tập 5 và 6).

2. Ở câu thứ nhất *một* đứng trước *đường*.

Ở câu thứ hai *đường* bị lược bỏ, do đó học sinh thêm từ *con đường* thứ vào *một* và *hai* mà không phá vỡ ý nghĩa của câu thơ để xác định ý nghĩa của số từ *một* và *hai*.

Các số từ còn lại học sinh có thể tự xác định.

4. Câu này hơi khó. Học sinh chú ý xét quan hệ giữa *nhất* với *nước*. *Nhất* ở đây không bổ sung ý nghĩa trực tiếp cho *nước* như kiểu tứ diện (bốn mặt). Đây là tục ngữ, phải súc tích, cô đọng nên các từ ngữ đều bị rút gọn lại. Ta phải phục hồi lại để hiểu cho đúng. Câu trên có thể hiểu như sau : *Thứ nhất là nước, thứ nhì là phân, thứ ba là chuyên cần, thứ tư là giống tốt*. Căn cứ vào đó, học sinh tự giải bài này.

5. Học sinh hãy đọc kĩ bài *Không ngủ được* của Bác Hồ để thấy được có *canh bốn*, *canh năm* thì phải có *canh một*, *canh hai*, *canh ba*. Ngày xưa người ta chia thời gian của một đêm làm năm canh. Cho nên *canh bốn*, *canh năm* là số thứ tự. Ngày nay người ta chia một ngày làm 24 giờ. Vậy đồng hồ chỉ 1 giờ hay 8 giờ thì 1 và 8 đều là số thứ tự. Đáng lẽ chúng ta phải nói là "*giờ một*" và "*giờ tám*" nhưng đây là cách nói theo thói quen đã được mọi người chấp nhận. Trong ngôn ngữ, cái sai lâu ngày khi được cộng đồng chấp nhận lại trở thành cái đúng.

Để hiểu đúng, học sinh xét hai trường hợp sau đây :

– *Tôi làm việc tám giờ một ngày*.

– *Bây giờ là tám giờ sáng*.

Trường hợp thứ nhất *tám* là số lượng. Vậy trường hợp thứ hai *tám* là số thứ tự.

6. Dựa vào Bài tập 4 ta xác định được ngay *hai* và *sáu* đều là số từ chỉ số lượng.

Khi làm bài này, học sinh cần dựa vào ý nghĩa để phục hồi lại cách nói đầy đủ làm cơ sở để xác định ý nghĩa của số từ một cách chính xác và thuyết phục.

3. LƯỢNG TỪ

1. Lượng từ chỉ toàn thể : *cả, tất cả, hết thảy,...*

Lượng từ chỉ ý nghĩa tập hợp, phân phối : *những, các, mọi, mỗi, từng,...*

2. a) Trước hết học sinh phải đối lập từ *mọi* với từ *các*. Các từ này ngoài ý nghĩa chỉ lượng thì giữa *mọi* và *các* còn khác nhau ở chỗ : *các* mang sắc thái khách quan, còn *mọi* mang sắc thái tình cảm chủ quan.

Ví dụ : – *Thưa các bạn, tôi xin trình bày mọi ý nghĩ của tôi.*

b) Đối lập *mỗi* với *từng* ta thấy đây là những lượng từ mang ý nghĩa phân phối. Ngoài ra chúng khác nhau ở chỗ *từng* có ý nghĩa khách quan theo thứ tự còn *mỗi* mang sắc thái tình cảm chủ quan.

Ví dụ : *Mỗi khi nghĩ đến con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột.*

3. Học sinh có thể giải bài tập này theo hướng sau đây :

a) Trong đoạn trích có hai lượng từ là *từng* ở dòng thơ thứ nhất và *mỗi* ở dòng thơ thứ hai.

b) Lượng từ *từng* có ý nghĩa phân phối mang tính khách quan chỉ hoạt động thu lượm, gom góp lần lượt hết vật này đến vật khác. Lượng từ *mỗi* ngoài ý nghĩa phân phối nó không có ý nghĩa lần lượt nhưng lại có sắc thái tình cảm. Từ *mỗi* cộng hưởng với các từ *nâng niu*, *gom góp* tạo thành ý nghĩa trân trọng cho cả đoạn thơ, bài thơ.

4. Học sinh cần chú ý lượng từ *một* còn có ý nghĩa khách quan, riêng lẻ, do vậy từ *một* đi với *quân thù* là chính xác. Khi *một* đi với *viên đạn* sẽ mang sắc thái trung hoà do *một* và *viên đạn* mang lại. Còn khi *mỗi* đi với *viên đạn* thì ý nghĩa lại khác, do từ *mỗi* mang sắc thái tình cảm cho nên thể hiện được sự trân trọng của tác giả đối với vật sở hữu của mình và công việc mình làm.

5. a) Đây là những em học sinh ở miền Bắc trong thời kì bị giặc Mĩ ném bom. Nhà thơ Tố Hữu rất yêu thương các em nhưng vì chưa quen biết nên dùng lượng từ *các*, *những* khi bắt đầu hướng đến các em là hoàn toàn chính xác.

b) Trong *các* và *những* đều có ý nghĩa khách quan trung hoà gần như nhau nhưng vẫn có điểm khác nhau về phạm vi. *Các* chỉ tập hợp toàn thể, *những* chỉ tập hợp bộ phận nên khi đứng trong một câu chúng không thể đổi chỗ cho nhau được.

4. CHỈ TỪ

1. Các chỉ từ trong văn bản *Sự tích Hồ Gươm* gồm : *ấy*, (*hỏi*) *ấy*, *đó* (*là*), *đó* (*là một cái*), (*trong*) *đó*, *này*, (*từ*) *đó*.

2. + Một hôm, có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua *đó* : *đó* – nơi ở của Thạch Sanh.

- + Con trần ấy là của vua nuôi : *ấy* – con trần vừa bị giết.
- + Nay em đã giết nó : *nó* – con chăn tinh.
- + Trông thấy nó : *nó* – con đại bàng.
- + Nó bị thương : *nó* – con đại bàng.
- + Đó chính là Thái tử : *đó* – chàng trai khôi ngô.

5. ĐỘNG TỪ

1. a) Trước khi làm bài tập này học sinh cần xem kỹ các đặc điểm của động từ, các loại động từ chủ yếu mà sách giáo khoa đã trình bày. Dựa vào đặc điểm về ý nghĩa khái quát của động từ, học sinh có thể tìm được một số động từ. Số còn lại, cho kết hợp với một trong các từ chỉ mệnh lệnh : *hãy, đừng, chớ*. Nếu kết hợp được thì đó chính là động từ.

b) Sau khi nhận được các động từ ra khỏi văn bản, dựa vào ý nghĩa của mỗi động từ, học sinh chia chúng thành hai loại : động từ chỉ hành động và động từ chỉ trạng thái. Những động từ chỉ hành động phân biệt với động từ chỉ trạng thái ở chỗ : động từ chỉ hành động không thể kết hợp về trước với *rất, hơi, khá, khi* ; còn động từ chỉ trạng thái thì kết hợp được với *rất, hơi, khá, khi* vì loại động từ này là loại động từ có mức độ.

Ví dụ : Các từ *trống trọt, chăn nuôi* là động từ chỉ hành động không kết hợp được với *rất, hơi, khi, khá*. Các từ *yêu thương, băn khoăn* là động từ chỉ trạng thái vì chúng kết hợp được với các từ *rất, hơi, khi, khá*.

2. Động từ chỉ tình thái có số lượng không nhiều, chúng thuộc loại động từ không độc lập.

Ví dụ : *dám, toan, định, chực, muốn, bị, được, cần, nên, phải, có thể,...*

3. a) Các động từ có trong đoạn trích gồm : *nghe, gõ, mở, nhìn, lao, công, sợ, chết khiếp, tỉnh, thấy, dùng, ôm, chạy, bay, gặp, rẽ, thả, lăn, lộn, cào, cho, định, ăn, run sợ, dám, nhúc nhích*.

b) – Các động từ chỉ tình thái gồm : *định, dám*.

– Các động từ chỉ trạng thái tâm lí gồm : *sợ, chết khiếp, tỉnh, run sợ*.

– Các động từ còn lại là động từ chỉ hành động.

c) Học sinh cần nhớ : *rất, hơi, khi, khá* là từ chỉ mức độ. Động từ trạng thái có mức độ không ? Nếu có thì chúng kết hợp được.

d) Học sinh cần nhớ trong số các động từ kể trên, động từ nào hướng tới đối tượng bên ngoài và làm cho đối tượng đó thay đổi thì cần phải có từ ngữ đứng sau để bổ sung ý nghĩa. Học sinh xem lại các từ *ôm, thả, cào, ăn* nếu không có từ ngữ đứng sau thì câu có nghĩa không. Theo hướng này, học sinh sẽ giải được bài tập.

4. Học sinh xét xem các động từ : *bảo, ra lệnh, đòi, gọi* có ý nghĩa gì ? Có hướng vào đối tượng nào không ? Các động từ *đưa, cho, biếu, tặng, nhận, lấy* có vật cho hoặc vật nhận không, có người cho và người nhận không ? Trả lời được các câu hỏi này là trả lời được câu hỏi.

5. Dựa vào Bài tập 4 học sinh sẽ làm được bài tập này vì các động từ ở đây có ý nghĩa ngược lại và không hướng tới đối tượng nào cả.

6. a) Phần này học sinh tự làm.

b) Học sinh cần nhớ đây là đoạn kể về trận đánh với sức mạnh phi thường của Phù Đổng Thiên Vương. Các động từ được sử dụng nhiều hay ít ? Chủ yếu là những động từ chỉ *hành động* có tác dụng gì ? Trận chiến diễn ra ác liệt như thế nào ? Kết quả trận đánh ra sao ?

7. Làm bài tập này học sinh chú ý sử dụng các động từ chỉ hành động thể hiện tính dứt khoát, nhanh, khoẻ nhằm miêu tả một cách sinh động trận đánh.

6. TÍNH TỪ

1. a) Trước khi làm bài tập này học sinh cần đọc kĩ đặc điểm của tính từ. Sau đó đọc đoạn thơ để xác định các tính từ. Cần nhớ tính từ khác động từ ở chỗ tính từ không kết hợp được với các từ chỉ mệnh lệnh : *hãy, đừng, chớ*.

b) Học sinh cần khai thác các từ ngữ chỉ hình dáng, điệu bộ của chú bé liên lạc, cách ngắt nhịp thơ, phép so sánh để làm nổi bật hình ảnh Lượm. Cách mô tả như vậy có giúp cho việc khắc hoạ được tính tình bên trong của Lượm không ?

2. a) Câu này học sinh làm như hướng dẫn ở mục (a) Bài tập 1. Các tính từ trong văn bản là : *lâu, bé nhỏ, ốm ọp, vang động, bé, oai, to, quen, nghiêng ngả, nhâng nháo, bẹp*.

b) Học sinh cần nhớ tính từ thường làm vị ngữ cho danh từ, làm phụ ngữ cho động từ nhằm mô tả một cách sinh động bản chất của sự vật, hiện tượng.

3. a) Muốn làm được câu này, học sinh phải dựa vào đặc điểm của tính từ chỉ đặc điểm tương đối và đặc điểm của tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối.

b) Khi làm bài này, để tránh nhầm lẫn với cụm danh từ, học sinh cần thêm một trong các từ *rất, hơi, cực kì* vào trước tính từ làm vị ngữ và không viết số từ *một* vào trước danh từ làm chủ ngữ.

- Ví dụ : – *Chiếc cổng nhà em rất đẹp.*
 – *Ngôi nhà của em cực kì rộng rãi.*
 – *Góc học tập của em cực kì thoải mái.*

4. Muốn làm bài này học sinh phải dựa vào những dấu hiệu sau đây : đặc điểm của tính từ, đặc điểm của động từ và đặc điểm của danh từ.

Trong trường hợp :

- *Bọn côn đồ thường hay lẩn trốn quanh đây.*
- *Thái độ anh ta rất côn đồ.*

Ở câu đầu, *côn đồ* có dấu hiệu thứ nhất là có danh từ chỉ đơn vị đứng trước, dấu hiệu thứ hai là có thể thêm từ *những* đứng trước *bọn côn đồ*, dấu hiệu thứ ba là làm chủ ngữ trong câu.

Ở câu thứ hai, *côn đồ* có dấu hiệu thứ nhất là có *rất* đứng trước, dấu hiệu thứ hai là trực tiếp làm vị ngữ trong câu, dấu hiệu thứ ba là không kết hợp với các từ *hãy, đừng, chớ*. Từ những dấu hiệu trên học sinh tự rút ra kết luận.

Trường hợp *anh hùng* cũng suy luận tương tự.

5. Học sinh cần nhớ các điểm sau đây khi tìm danh từ, động từ, tính từ :

- Danh từ có khả năng kết hợp về trước với từ chỉ lượng *những, các,...* và danh từ chỉ loại, danh từ chỉ đơn vị.
- Động từ có khả năng kết hợp về trước với từ chỉ mệnh lệnh : *hãy, đừng, chớ*.
- Tính từ có khả năng kết hợp về trước với các từ chỉ mức độ : *rất, hơi, khá*, không kết hợp với từ chỉ mệnh lệnh.

– Có những từ vừa đi được với từ chỉ lượng, vừa đi được với từ chỉ mức độ. Ta phải đặt chúng trong câu cụ thể mới xác định được từ loại. Từ *khó khăn* thuộc trường hợp này. Ta có thể đặt các câu cụ thể như sau :

- *Công việc này rất khó khăn* : *khó khăn* là tính từ.
- *Những khó khăn ấy sẽ được giải quyết* : *khó khăn* là danh từ.

Các trường hợp còn lại học sinh cũng làm tương tự sẽ xác định được từ nào là tính từ.

6. a) Khi xét cấu tạo học sinh cần xét hai quan hệ đó là quan hệ ngữ âm giữa các tiếng và quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiếng. Các từ *ngheñ ngào, nhâng nháo*,

riú rít, đều đặn có quan hệ ngữ âm. Các từ còn lại không có quan hệ ngữ âm, giữa các tiếng sau của mỗi từ có nghĩa phân biệt.

b) Học sinh cần xét sự giống nhau giữa các từ theo câu hỏi gợi ý sau đây :

– Mỗi từ có mấy tiếng có nghĩa thực ? Các tiếng này đứng ở vị trí nào trong từ ?

– Các tiếng đứng sau có nghĩa thực không ?

Trong mỗi từ phức, nghĩa của tiếng đứng đầu có khác với nghĩa của các từ không ?

7. PHÓ TỪ

1. Làm bài tập này học sinh chú ý các thao tác sau đây : tìm các động từ và tính từ sau đó kiểm tra các phó từ đứng trước và sau động từ, tính từ nếu có. Ngoài các phó từ ta đã biết còn có những phó từ vốn là động từ chỉ hướng, chỉ kết quả như *được, mất, ra, vào, lên, xuống* khi đứng sau động từ chỉ hành động đều giữ vai trò là phó từ. Chẳng hạn trong cụm từ "co căng lên" thì *lên* là phó từ chỉ hướng. Các trường hợp khác học sinh tự làm.

2. Bài tập này giúp học sinh nắm vững kiến thức về phó từ, đồng thời thấy được giá trị của phó từ trong văn bản.

3. Các câu trong bài tập này đều chứa ít nhất là một phó từ. Có nhiều câu hai phó từ, có câu phó từ có nguồn gốc từ động từ. Vì vậy học sinh cần chú ý để không bỏ sót.

4. Câu này giúp học sinh làm quen với cách dùng chính xác các phó từ, nhất là khi có hai phó từ đi liền nhau thì phải có sự lựa chọn để ý nghĩa của câu được thể hiện chính xác.

5. Mỗi phó từ đều có sắc thái ý nghĩa riêng. Học sinh cố gắng viết đoạn văn thể hiện cách sử dụng tốt các phó từ.

8. CỤM DANH TỪ

1. Học sinh cần nhớ rằng danh từ có phụ ngữ đi kèm được gọi là cụm danh từ. Vì thế muốn xác định cụm danh từ trong câu ta phải xác định các danh từ có trong câu. Tiếp đến ta xét xem danh từ nào có từ ngữ làm phụ ngữ cho nó thì đó là cụm danh từ.

Ví dụ : *Xưa có một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.*

Câu trên có các danh từ *thợ mộc, vốn, nhà, gỗ, nghề, cày*. Nhưng chỉ có các cụm danh từ sau đây : *một người thợ mộc, vốn trong nhà, nghề đẽo cày*

Các danh từ *nhà, gỗ, cày* không có phụ ngữ đi kèm nên không phải là ngữ danh từ. Trường hợp phụ ngữ cho một danh từ là một cụm từ thì ta nên coi đó là một cụm danh từ.

2. a) Dựa vào cách làm ở Bài tập 1 và đọc kĩ đoạn trích để nhớ lại nội dung và có cảm hứng khi làm bài. Các cụm danh từ trong đoạn trích là :

- | | |
|---------------------------------|------------------------|
| – <i>con cò trắng không mắt</i> | – <i>một chút sơ ý</i> |
| – <i>một giọt nước</i> | – <i>chỗ mắt cò</i> |
| – <i>kẻ mách lẻo</i> | |

b) Sau khi xác định đúng các cụm danh từ, học sinh điền vào mô hình. Mục đích là để xác định thành thạo ranh giới giữa các phần của cụm danh từ. Trong thực tế có nhiều cụm danh từ không đầy đủ các phần. Tuy nhiên, phần trung tâm bao giờ cũng phải có.

3. Ở bài tập này cách làm cũng giống Bài tập 2.

4. Học sinh cần dựa vào nghĩa của cả tổ hợp *anh em* trong câu cụ thể để xác định đó là danh từ hay cụm danh từ. Sự phân biệt giữa danh từ và cụm danh từ là ở chỗ cụm danh từ có thể chêm xen một từ nào đó vào giữa hai tiếng. Còn danh từ thì không thể chêm xen được. Bài này khó, học sinh cố gắng suy nghĩ thật kĩ và nhớ rằng chỉ có một danh từ mà thôi.

5. Bài này học sinh cần thêm các phụ ngữ trước và sau danh từ. Sau khi thêm, kiểm tra lại xem danh từ nào có đầy đủ các phụ ngữ, danh từ nào không thể có đầy đủ phụ ngữ trước khi nhận xét.

6. Làm bài tập này học sinh cần kiểm tra kĩ phân định ngữ trong các cụm danh từ.

7. Muốn làm được bài tập này học sinh cần nhớ danh từ làm trung tâm phải có ý nghĩa khái quát cao như : *người, cây* và các danh từ chỉ đơn vị.

- Ví dụ : – *người mà em gặp ở công viên hôm nọ*
 – *việc anh giao cho tôi hôm qua*

9. CỤM ĐỘNG TỪ

1. Bài tập này cách làm tương tự như cách xác định cụm danh từ.

2. a) Trước hết học sinh xác định có bao nhiêu cụm động từ trong các câu đã cho.

b) Sau khi đã xác định xong các cụm động từ, học sinh điền chúng vào mô hình sau :

Trước	Trung tâm	Sau
	<i>theo</i>	<i>Âu Cơ</i>

3. Bài tập này tiến hành như Bài tập 1 và 2 để củng cố vững chắc thêm kiến thức.

4. Muốn đặt cụm động từ trước hết ta phải tìm động từ trước, sau đó thêm các phụ ngữ trước và sau.

Đối với hai kiểu đầu là tương đối dễ. Tuy nhiên học sinh nên dùng các động từ chỉ hoạt động hướng ra bên ngoài là dễ tìm phụ ngữ nhất.

Ví dụ : – *ăn* → *đang ăn cơm*

– *biếu* → *đã biếu bà một quả cam*

Đối với trường hợp thứ ba, học sinh nên chú ý yêu cầu của đề ra là phụ ngữ sau phải là cụm chủ – vị. Tuy nhiên, không phải động từ nào cũng có phụ ngữ là cụm chủ – vị mà chỉ có những động từ sau đây đáp ứng được yêu cầu của đề:

– *Động từ cảm nghĩ* : *bảo, bảo rằng, nghĩ rằng, biết, tưởng, tưởng rằng,...*

– *Động từ tình thái* : *chúc, muốn, mong, bị, được, chịu, cần, có thể,...*

Bây giờ thì học sinh có thể đặt rất nhiều cụm động từ có phụ ngữ là cụm chủ – vị.

Ví dụ : – *chúc* : *Tôi chúc các bạn học giỏi.*

– *biết* : *Em đã biết mọi người yêu quý em.*

– *được* : *Chúng em còn được nhà trường tuyên dương.*

5. Học sinh làm bài tập này theo gợi ý sau đây :

– Chủ ngữ được lược bớt chỉ có các cụm động từ liên tiếp gây ấn tượng như thế nào ? Có phải là niềm vui đang đến dồn dập không ?

– "Nghe" ở đây có phải bằng tai nữa không ?

6. Học sinh cần lưu ý danh từ chỉ đơn vị có thể đứng trước bất kì cụm động từ; cụm tính từ nào để thành cụm danh từ. Do vậy bài này có thể làm theo hai bước sau đây :

Bước 1 : Đặt trước một trong các danh từ chỉ đơn vị sau đây : *sự, việc, cuộc, cú, người,...*

Bước 2 : Thêm một cụm động từ thích hợp vào sau một trong các từ nói trên là có kết quả ngay. Cần nhớ là cụm động từ làm phụ ngữ không nên có phó từ làm phụ ngữ đứng trước.

- Ví dụ : – *việc học tập theo phương pháp mới*
– *cú móc bóng bằng chân trái*
– *sự ra đi vội vã của bạn*
– *người đánh bóng bàn bằng tay trái*
– *cuộc chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc*

7. Bài tập này nhằm giúp học sinh tạo lập cụm động từ chính xác trong khi tạo lập văn bản. Học sinh cần chú ý sử dụng các động từ chỉ những hành động của nhân vật khi đi lấy củi, nhất là những hành động như *chặt, chẻ, bó, buộc, kéo, rút, gánh, náng,...* sau các động từ này cần thêm các phụ ngữ thích hợp.

10. CỤM TÍNH TỪ

1. Các tính từ là những từ đơn chỉ đặc điểm tuyệt đối có rất nhiều. Sau đây là một vài tính từ tiêu biểu : *đục, cái, trống, mái, công, tư,...* Theo đó học sinh tự tìm tiếp.

2. Học sinh hãy xác định các tính từ có trong mỗi câu. Tính từ nào có phụ ngữ đi kèm để bổ sung ý nghĩa thì kết hợp đó là cụm tính từ.

Ví dụ : "*xinh đẹp*" có "*tuyệt trần*" làm phụ ngữ. Học sinh vẽ mô hình và điền các cụm tính từ vào cho đúng.

3. Câu này hơi khó, cần chú ý hai điểm sau đây :

Một là, động từ chỉ trạng thái tâm lí gắn với tính từ, nó có thể thêm phụ ngữ *rất, hơi, khá, khá* như tính từ, vì thế không thể căn cứ các phụ ngữ này để xác định từ loại được.

Hai là, động từ có khả năng thêm phụ ngữ chỉ mệnh lệnh *hãy, đừng, chớ* còn tính từ thì không.

Bây giờ ta cùng làm một trường hợp sau đó học sinh tự làm tiếp. Ta lấy cụm từ "*vô cùng ngạc nhiên*" chẳng hạn. *Ngạc nhiên* có thể kết hợp được với phụ từ *đừng*. Vậy *ngạc nhiên* là động từ và *vô cùng ngạc nhiên* là cụm động từ.

4. Bài tập này nhằm kiểm tra kiến thức về cụm tính từ. Trong đoạn trích có nhiều tính từ xen lẫn cụm tính từ. Đoạn trích còn có nhiều động từ, cụm động từ gần gũi với tính từ, học sinh cần chú ý tránh nhầm lẫn. Trước khi tách cụm tính từ ra khỏi đoạn văn theo yêu cầu của đề bài, nhớ thử lại cẩn thận.

Ví dụ : Cụm từ *hứa hẹn sự trưởng thành* không phải là cụm tính từ vì phó từ *đừng* có thể đứng trước *hứa hẹn*.

5. Học sinh đọc kĩ đề bài, bám sát vào yêu cầu của đề bài, đồng thời vận dụng kiến thức vừa học về cụm tính từ và văn miêu tả ở lớp 5 để làm bài.

11. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN

1. Muốn tìm chủ ngữ và vị ngữ của câu trần thuật đơn học sinh cần đọc lại phần lí thuyết để xác định cách tìm chủ ngữ, vị ngữ. Trong câu trần thuật đơn cũng như câu nói chung, thông thường chủ ngữ đứng trước vị ngữ. Danh từ thường làm trung tâm cho chủ ngữ, động từ, tính từ thường làm trung tâm cho vị ngữ.

Trong câu : *Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn*. *Bóng* là trung tâm của chủ ngữ, *tre* là phụ ngữ cho *bóng*, *trùm* là trung tâm vị ngữ, các từ đứng sau động từ *trùm* là phụ ngữ của động từ. Ta có : *Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn*.

C

V

Trong câu : *Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính*. *Dưới bóng tre của ngàn xưa* là trạng ngữ chỉ nơi chốn. Vì có từ *dưới* đứng đầu và có dấu phẩy ngăn cách với bộ phận sau nên bộ phận này không làm chủ ngữ được. Bộ phận *thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính* là nòng cốt câu có vị ngữ đứng trước chủ ngữ. Bây giờ thì mọi chuyện đã trở nên dễ dàng, học sinh hãy làm các câu còn lại.

2. Học sinh cần chú ý trong thực tế có những câu chỉ tả, có những loại câu chỉ giới thiệu, có những câu chỉ kể, có những câu chỉ nêu ý kiến. Loại này không khó. Loại câu khó là loại câu vừa có tác dụng này lại vừa có tác dụng khác. Học sinh cần chú ý hơn khi làm bài.

3. Học sinh hãy dựa vào gợi ý sau đây :

a) Câu (1) là câu có ba cụm C – V.

Câu (2) có một cụm C – V.

Câu (3) có một cụm C – V chính.

Vạch ranh giới C – V trong câu (2)

Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.

C

V

b) Các cụm C – V chính trong mỗi câu.

Trong câu (2) từ *lòng* là yếu tố chính cho cả cụm từ làm chủ ngữ. Các cụm từ đứng sau là phụ ngữ cho danh từ *lòng*. Từ *trở nên* là động từ chính, cụm từ đứng sau là phụ ngữ.

Trong câu (3) từ *hiếu* là động từ làm yếu tố chính cho cụm động từ làm vị ngữ, các từ ngữ đứng sau là phụ ngữ cho động từ *hiếu*.

4. Làm bài này học sinh chú ý : Đây là thơ không nên căn cứ vào dòng thơ, cũng không nên căn cứ vào chữ cái viết hoa đầu mỗi dòng một cách máy móc. Đây là đoạn thơ viết theo lối kể chuyện, tác giả sử dụng thơ năm chữ. Các câu đều là câu trần thuật đơn. Đoạn thơ gồm bốn câu trần thuật đơn, mỗi câu hai dòng. Học sinh cố gắng trình bày cho cụ thể.

12. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN CÓ TỪ LÁ

1. Khi làm bài tập này học sinh nhớ đọc kĩ ý nghĩa của mỗi câu trong mối quan hệ giữa chủ ngữ và vị ngữ để xác định kiểu câu được chính xác. Sau khi xác định xong, xếp các câu cùng kiểu lại với nhau để so sánh, đối chiếu, kiểm tra lại lần cuối. Bài tập này giúp củng cố kiến thức về các kiểu câu.

Chẳng hạn câu "Việc làm của Lang Liêu nhân ngày lễ tiên vương là có hiếu." là kiểu câu đánh giá. Còn câu "Đất rừng phương Nam là truyện dài của Đoàn Giỏi." là kiểu câu vừa giới thiệu vừa giải thích.

2. Trước khi làm bài này học sinh phải làm hết Bài tập 1 để nắm chắc kiến thức về các kiểu câu định nghĩa, giải thích, miêu tả, giới thiệu.

3. a) Yêu cầu của đề ra là phải có mặt hai kiểu câu giới thiệu và miêu tả trong đoạn văn. Học sinh chú ý kết hợp cho thật khéo các câu trong khi viết đoạn văn. Sau đây là một đoạn văn để tham khảo.

"Dọc theo đường quốc lộ, cách thị xã Tuy Hoà hai kilômét là cánh đồng quê em. Đối với em, cánh đồng vừa là một cảnh đẹp, vừa là một kỉ niệm khó quên. Mùa lúa chín, cánh đồng là một biển lúa bao la, vàng óng, trải dài đến tận chân mây. Màu vàng của lúa át cả màu nâu của những con đường chằng chịt trên cánh đồng. Đứng giữa đồng, quê em dường như chỉ còn hai màu, màu vàng tươi của lúa tương phản với màu xanh thẫm của trời. Tháng ba đứng trên Nhạn Tháp nhìn xuống, đồng lúa quê em mới đẹp làm sao. Màu xanh của lúa đang thời kì con gái hoà lẫn với màu xanh của núi rừng ở phía xa xa, vươn tới màu xanh sẫm của bầu trời để rồi lại trở về như mơ màng với màu xanh của biển".

(Quang Dương)

b) Việc tìm chủ ngữ, vị ngữ của các câu trong đoạn văn là để học sinh kiểm tra lại xem mình viết câu đã đúng ngữ pháp chưa. Các yêu cầu của đề ở câu (a) đã đáp ứng được chưa.

4. Học sinh cần chú ý đây là kiểu câu giới thiệu thường được sử dụng trong văn đối thoại khi ngữ cảnh đã rõ ràng. Vì vậy cả hai câu đều là câu trần thuật đơn. Ở câu thứ hai, dấu phẩy có tác dụng thay từ *là*, đồng thời làm cho tính khẳng định cao hơn.

5. Làm kiểu bài này học sinh cần chú ý mấy điểm sau : ở trường hợp (1) là hai câu giới thiệu, ở trường hợp (2) có phải là hai câu giới thiệu không, hay là câu định nghĩa giải thích ? Nếu là câu định nghĩa giải thích thì quan hệ hai vế phải thế nào ? Người mù và người tàn tật có đồng nhất không ?

6. Học sinh cần chú ý câu trần thuật đơn chỉ có một chủ ngữ và một vị ngữ. Bài tập này luyện cho học sinh ý thức nắm chắc và vận dụng tốt các kiểu câu trần thuật đơn có từ *là*.

13. CÂU TRẦN THUẬT ĐƠN KHÔNG CÓ TỪ *LÀ*

1. a) Học sinh chú ý câu trần thuật đơn bao giờ cũng có một kết cấu C – V. Theo đó, đọc kĩ các câu để xác định đúng các câu trần thuật đơn trong đoạn văn.

b) Học sinh cần chú ý phân biệt câu miêu tả hành động và câu miêu tả trạng thái. Câu miêu tả hành động chỉ có ở người, vật, sự vật, hiện tượng được nhân hoá. Số còn lại là câu miêu tả trạng thái. Cần chú ý phải phân biệt câu miêu tả trạng thái với câu miêu tả đặc điểm. Câu miêu tả đặc điểm do tính từ, cụm tính từ làm vị ngữ.

2. Để làm bài tập này, học sinh phải đọc kĩ từng câu. Câu nào tìm ra kết cấu chủ – vị mà chủ ngữ đứng trước vị ngữ đó là câu miêu tả. Câu tồn tại thường xuất hiện dưới dạng : *trạng ngữ* (chỉ không gian) + *động từ* + *danh từ*. Tránh nhầm lẫn

trạng ngữ với chủ ngữ của câu. Câu tồn tại còn có đặc điểm là khi đảo chủ ngữ lên trước vị ngữ sẽ trở thành câu miêu tả. Đoạn văn trên có ba câu tồn tại.

3. Học sinh đọc kĩ các câu trên, câu nào có tính từ, cụm tính từ làm vị ngữ là loại câu miêu tả đặc điểm, câu nào chỉ hành động của người, của vật là câu miêu tả hành động. Số còn lại là câu miêu tả trạng thái của sự vật, hiện tượng.

4. Học sinh cần lưu ý câu miêu tả và câu tồn tại khác nhau ở chỗ : câu miêu tả chủ ngữ đứng trước, còn câu tồn tại chủ ngữ đứng sau. Mặt khác, câu tồn tại còn có trạng ngữ chỉ nơi chốn làm nền cho sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến của sự vật, hiện tượng. Có một mẹo nhỏ như sau : Đặt một câu trần thuật đơn có trạng ngữ chỉ không gian (nơi chốn) đứng trước, sau đó là cụm C – V bình thường có vị ngữ chỉ sự tồn tại, xuất hiện hay tiêu biến của sự vật. Tiếp đến, đảo trật tự chủ – vị ta sẽ có câu tồn tại.

Ví dụ : *Từ trên bầu trời xuất hiện một đám mây.*

Đổi thành : *Từ trên bầu trời, một đám mây xuất hiện.*

5. Giữ nguyên các trạng ngữ và tìm chính xác các cụm C – V có trong mỗi câu. Công việc tiếp theo là đảo trật tự cụm C – V.

6. Học sinh chú ý yêu cầu của bài tập là sử dụng câu trần thuật đơn tả cảnh sinh hoạt nơi em ở. Nên sử dụng cho hết các kiểu câu đã học để viết đoạn văn chính xác.

14. CHỮA LỖI CÁC DẤU CÂU

1. Bài tập này chắc nội dung học sinh đã nắm được. Vấn đề là "giải mã" hai dấu chấm câu ấy như thế nào cho hợp lí. Có thể có rất nhiều bức thư dài theo thông lệ và thủ tục viết thư. Học sinh viết theo hai văn bản sau đây được không ?

– *Tại sao sách đã bán ở các hiệu sách rồi mà nhà xuất bản chưa gửi tiền nhuận bút cho tác giả ?*

– *Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi nhận được thư của ông !*

Bài tập này giúp học sinh thấy dấu câu quan trọng như thế nào.

2. Tự làm bài tập xong, học sinh kiểm tra lại văn bản dưới đây :

Anh,

Phải chi em đến được cùng anh

Chỉ một ngày thôi, kể ngọn ngành !

Thư viết đôi trang, lòng cuộn cuộn

Như dòng sông cuốn lá tre xanh...

*Anh ạ, từ hôm Tết tới nay
Giặc đi ruộng bố suốt đêm ngày
Thời Lai, Thời Thuận liền hai trận
Ba bốn nghìn quân, bảy máy bay.*

*Biết không anh ? Giồng Keo, Giồng Trôm
Thảm lắm anh à. Lũ ác ôn
Giết cả trăm người, trong một sáng
Máu tươi lênh láng cả đường thôn.*

(Tố Hữu)

3. Đặt dấu câu :

- Hu ! Hu ! Sao giờ này mẹ vẫn chưa về ?
- Mà có im đi không !
- Hu ! Hu ! Tại vì mẹ đi chợ lâu quá.
- Thôi nào ! Anh xin ! Chốc nữa mẹ về anh nhường hết quà cho em.
- A ! Mẹ về ! Mẹ đã về !
- Chào các con. Sao con lại khóc nhè ?
- Mẹ ơi, anh mừng con.

4. Học sinh làm bài xong đối chiếu với văn bản sau đây :

"[...] Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi. Những dòng nhựa chảy trong cây cối cũng mang trong kí ức của người da đỏ.

Khi người da trắng chết đi, họ thường dạo chơi giữa các vì sao và quên đi đất nước họ sinh ra. Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất tươi đẹp này. Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là người chị, người em của chúng tôi. Những mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều cùng chung một gia đình".

(Xi-át-ton)

5. Học sinh làm bài rồi kiểm tra theo văn bản dưới đây :

- a) Trong ánh trăng suông, gió bắc tràn xuống thung lũng.
- b) Mát đến tận tim phổi, ông bà ông vải ơi !
- c) Bố em biểu thầy giáo chủ nhiệm lớp 7 quyển sách mới mua hôm qua.
- d) Trái lại, bạn Lan đạt điểm 10 môn Toán, điểm 6 môn Văn.

d) Đêm hôm, qua lối rẽ tối lắm. *hoặc* Đêm hôm qua, lối rẽ tối lắm.

e) Bạn Lan, lớp trưởng lớp tôi học giỏi.

6. Hai câu "Tre, anh hùng lao động. Tre,..." đều là một kiểu câu nhưng rất khó xử lí vì mấy lí do sau đây :

– Trong câu, giữa chủ ngữ và vị ngữ hiếm có trường hợp có dấu phẩy.

– Không có từ *là* làm dấu hiệu giữa *tre* và *anh hùng*.

Tuy nhiên, ta có thể lí giải như sau : Hai câu này phải được đặt trong cả đoạn văn do vậy *tre* ở đây được khẳng định là *anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu*. Do phải hình tượng hoá, khái quát hoá, đồng thời phải nêu ý khẳng định dứt khoát, mạnh mẽ, tác giả đã dùng dấu phẩy thay từ *là* để làm nổi bật ý khẳng định. Đó chính là tầm quan trọng của dấu phẩy đối với người sử dụng ngôn ngữ.

15. CHỮA CÂU SAI NGỮ PHÁP

1. a) Học sinh đọc kĩ tất cả các câu rồi vận dụng kiến thức về chủ ngữ và vị ngữ, đặt câu hỏi để tìm chủ ngữ, vị ngữ nhằm phát hiện lỗi ngữ pháp trong câu. Sau đó em loại trừ các câu đã đúng ngữ pháp.

b) Học sinh phải xác định các lỗi ngữ pháp cụ thể trong câu, câu nào thiếu chủ ngữ, câu nào thiếu vị ngữ, câu nào thiếu cả hai. Trong mỗi câu sai tìm được, học sinh tìm ra cách chữa. Một câu sai có thể có nhiều cách chữa. Học sinh cần tìm cách chữa phù hợp nhất với ý định của người viết.

Ví dụ : Câu (b) sai vì người viết đặt "việc" trước một câu có cấu tạo là một cụm C – V do vậy đã biến toàn bộ thành cụm danh từ có đủ tư cách làm chủ ngữ. Chính vì vậy kiểu câu sai này mới gọi là câu thiếu vị ngữ. Cách chữa : thứ nhất là bỏ từ "việc" để câu có cấu tạo chủ – vị, thứ hai có thể thêm một vị ngữ thích hợp. Chẳng hạn ta thêm : "là một vinh dự cho nhà trường". Lưu ý : Các câu trong bài tập này có bốn câu đúng.

2. Học sinh đọc kĩ các câu chưa hoàn chỉnh. Trong mỗi câu, cần chú ý quan hệ ngữ nghĩa giữa các bộ phận trong câu để phát hiện bộ phận còn thiếu là chủ ngữ, vị ngữ hay cả chủ ngữ lẫn vị ngữ để điền vào cho thích hợp.

Chú ý : Câu (a) từ *khi* đứng đầu. Câu (b) có từ *qua* đứng đầu và từ *thấy* là động từ làm vị ngữ. Câu (c) mới chỉ thể hiện một cách thức. Câu (d) mới chỉ thể hiện nguyên nhân. Câu (đ) mới chỉ thể hiện một cách thức. Câu (e) bộ phận đầu chỉ mới là điều kiện để đưa đến sự việc. Câu (g) có từ *qua* đứng đầu và *trời* là động từ làm vị ngữ.

3. a) Câu này sai ở chỗ chiếc xe đạp không thể hát vang bài hát được, chỉ có Thuý là vừa đạp xe, vừa hát. Học sinh chữa lại cho đúng.

b) Đọc câu này người đọc không hiểu được ai trả lại cho em cái bút. Học sinh chữa lại cho đúng.

c) Học sinh chú ý *cầu thang* có thể đưa em lên tận gác hai và cửa, nhưng không thể tiến vào lớp được. Còn em lại có thể theo *cầu thang lên gác đến cửa* và *tiến vào lớp học*. Học sinh chữa lại câu này cho đúng.

B – TẬP LÀM VĂN

Chương I : VĂN TỰ SỰ

1. Hướng dẫn giải bài tập

Bài 1 : Phải đạt hai yêu cầu : Đặt tên (gắn với biệt hiệu) và nêu đặc điểm ngoại hình của từng kiểu nhân vật. Muốn vậy, phải xác định trước đặc điểm ngoại hình.

Mẫu : a) Một cậu học sinh cá biệt : đặt tên (gắn với biệt hiệu) : Hùng "gồ", Hùng "lì", Hùng "sẹo",...

Đặc điểm ngoại hình : vóc người nhỏ thó, da đen bóng vì chạy ngoài nắng quá nhiều, gương mặt gầy gầy, xương xương, lông mày rậm, trán dô, tóc rẽ tre, có cái sẹo trên mắt là chứng tích của một lần trèo cây bị ngã, lúc nào cũng kè kè một cái nỏ cao su, v.v.

Bài 2 :

– Yêu cầu 1 – Tình tiết truyện được sắp xếp độc đáo, để cho nhân vật ba lần kéo lưới ở ba chỗ khác nhau mà đều có thanh sắt mắc lưới. Sự nhầm lẫn của nhân vật ở lần kéo lưới thứ nhất càng tăng thêm yếu tố bất ngờ ngẫu nhiên. Cho đến lần thứ ba mới phát hiện ra đó là một thanh gươm. Chi tiết này chứng tỏ đây là ý trời.

– Yêu cầu 2 : Vận dụng nghệ thuật kể để viết đoạn văn tự sự. Muốn làm tốt yêu cầu này cần lưu ý : phải tạo được sự hiểu nhầm, sự ngẫu nhiên, tình cờ để làm nổi bật được niềm vui bất ngờ cho nhân vật.

Ví dụ : Cậu bé gặp một bài toán khó. Lần thứ nhất chỉ giải một nhaoáng là ra đáp số – cậu ngạc nhiên, không dám tin. Lần thứ hai rồi lần thứ ba, cậu tìm cách giải khác, vẫn ra đáp số ấy.

Bài 3 : Có hai yêu cầu.

a) Yêu cầu thứ nhất là tìm hai cốt truyện có cùng một ý nghĩa. Tìm cốt truyện nào cũng phải làm nổi bật được "bài học nhớ đời" đối với nhân vật.

Ví dụ : Cốt truyện 1 : A xin mẹ đi bơi ở hồ. Mẹ không cho. Buổi trưa, đợi mẹ đi ngủ rồi A lén đi. Ra đến hồ A gặp một cậu bạn cùng xóm cũng đang tập bơi. Ban đầu A chỉ dám bơi trong bờ. Sau đó, máu "iêng hùng" nổi lên, A bơi ra ngoài xa. Cậu bạn ngăn không được. Không ngờ bị chuột rút, A chới với... May mà có anh thanh niên đi qua, cậu bạn kêu lên, anh thanh niên đã cứu được A...

Học sinh hãy tự tìm cốt truyện thứ hai.

b) Yêu cầu thứ hai là viết *Mở bài* theo nhiều cách khác nhau. Dù viết cách nào thì cũng nên ngắn gọn, đi thẳng vào câu chuyện và gây được hứng thú cho người đọc, người nghe (tuỳ theo cốt truyện mà chọn cách *Mở bài*).

Bài 4 : Yêu cầu giới thiệu nhân vật, tức là phải nêu được tên, đặc điểm ngoại hình và đặc điểm tính cách của các nhân vật.

Mẫu : a) Lời giới thiệu về một bác thương binh vui tính : *Lũ trẻ trong xóm tôi đứa nào cũng quý bác Hưng. Bác là một thương binh thời chống Mĩ. Một cánh tay và một bàn chân của bác đã bị bom Mĩ cắt ngang. Mọi người gọi bác bằng cái tên "Hưng cụt". Bác nhận cái tên ấy rất thoải mái. Từ ngày về làng, dù đã có chế độ đãi ngộ riêng, nhưng bác vẫn soạn một thùng đồ nghề ra đầu xóm, chỗ gốc đa, làm nghề chữa xe đạp. Chưa trông thấy mặt nhưng mọi người có thể nhận ra bác nhờ tiếng nạng gõ gõ xuống đất "lộc cộc... cộc cộc..." và tiếng cười sang sảng. Bác rất vui tính, lại hay kể chuyện nên bọn trẻ thường rủ nhau ra gốc đa đầu làng ngồi cùng với bác, đến hết buổi mới chịu về. Có hôm, bác còn đãi chúng tôi một chậu ngô nướng hay một rá lạc rang. Bác thường khuyên chúng tôi phải chịu khó học tập và phải biết lao động để sau này trở thành người có ích cho cuộc đời. Hôm nào trở trời, vết thương cũ tái phát, bác phải nghỉ ở nhà là chúng tôi lại thấy nhớ. Đứa nào cũng thơ thẩn, đi ra đi vào, chờ nghe cái âm thanh nạng gõ "lộc cộc..." gõ xuống đường và tiếng cười vang của bác Hưng...*

(Vận dụng cách viết của đoạn văn mẫu trên, học sinh hãy viết tiếp những đoạn văn còn lại).

Bài 5 : – Yêu cầu bài tập này là viết đoạn văn để kể sự việc. Tức là chú ý tới diễn biến của sự việc (có mở đầu, có diễn biến và có kết thúc) ; phải tìm các tình huống, các chi tiết cụ thể. Kể sự việc cũng có thể xen vào một vài câu miêu tả nhân vật có liên quan tới sự việc đó.

– Mẫu :

a) Một em bé hờn dỗi vì một lí do nào đó : Bé Na đang khóc thút thít ở đầu hồi nhà. Chủ là bé hờn dỗi mẹ đấy mà ! Lí do thật đơn giản : Bé đòi mẹ đi chơi công viên. Mẹ đã hứa sẽ đưa bé đi chơi. Nhưng dùng một cái, hôm nay mẹ lại có việc bận ở cơ quan, thế là lời hứa không thực hiện được. Bé giận mẹ. Mặc cho mẹ dỗ dành, rồi xin lỗi, bé cứ khóc mãi. Nước mắt chảy từng hàng trên gương mặt bầu bĩnh. Bé nức lên, có vẻ tủi thân lắm. Chú mèo mướp thấy vậy, đến cọ mình vào chân bé "meo meo" như có ý hỏi : "Việc gì mà bé Na khóc nhè thế ?". Thường ngày thì bé đã cúi xuống bế mèo lên vuốt ve rồi, nhưng hôm nay thì không được. Vì bé còn bận phải "khóc nhè" mà ! Mèo ta vẫn không chịu thua, cứ quẩn quanh, "meo meo" mãi. Ý chừng mèo ta "lêu lêu" bé Na đấy ! Nghĩ thế, bé Na càng bực mình thêm. Bé lấy chân, hất mạnh một cái. Mèo ta bị bất ngờ, văng đúng vào chỗ con mực đang ngủ. Mực ta giật mình bồng dậy "gừ...", "ngao...". Cả hai con vật xù lông lên, nhe răng ra, lừ lừ nhìn nhau. Bé Na bật cười thành tiếng. Thế là không khóc được nữa. Bé chạy lại ôm lấy mèo mướp. Nước mắt vẫn còn đọng trên bờ mi.

(Theo đoạn văn mẫu trên, học sinh hãy viết tiếp những đoạn còn lại).

Bài 6 : – Yêu cầu : Triển khai câu chủ đề thành một đoạn văn. Như vậy tức là phải xác định được nội dung chính mà câu chủ đề đề cập tới. Từ ý của câu chủ đề có thể hình dung được toàn bộ đoạn văn. Lưu ý là câu chủ đề phải được giữ nguyên và đặt đầu đoạn.

Ví dụ : Ở câu chủ đề (a), nội dung thông báo chính là "tôi cùng lũ trẻ trong xóm rủ nhau ra đi chơi trò đánh trận giả". Toàn bộ đoạn văn được triển khai phải giới thiệu về trò chơi này (thời gian, địa điểm, diễn biến, không khí cuộc chơi,...).

– Mẫu : Buổi chiều hôm ấy, tôi cùng lũ trẻ trong xóm rủ nhau ra đi chơi đánh trận giả. Mặt trời lặn, mát rượi. Ánh nắng nhạt dần. Hơi nước từ sông Lam phả lên, làm dịu không khí của chiều hè. Chúng tôi chia làm hai phe : Phe quân xanh do thằng Vinh làm thủ lĩnh, phe quân đỏ thì nhất trí cử tôi. Mỗi bên chiếm lĩnh một triền đồi. Trận đánh bắt đầu. Những bụi cây lúp xúp, những gò đất trở thành chỗ nấp của chúng tôi. Cũng lăn lộn, bò toài. Cũng hô xung phong vang trời dậy đất. Tiếng cười nói, tiếng cãi nhau chí choé làm rộn rã cả một quãng đồi. Có những lúc hăng lên, chúng tôi xông vào đánh giáp lá cà. Thằng nào bị lương chạm đất là coi như đã "hi sinh". Những chỗ chúng tôi quẩn nhau, bụi tung mù mịt. Đứa nào đứa nấy mồ hôi mồ kê nhễ nhại, quần áo tóc tai bám đầy đất đỏ. Một mà vui ghê. Trận chiến diễn ra giằng co quyết liệt, không phân thắng bại. Quân của

hai bên đã "hi sinh" quá nửa. Số còn lại quyết "tử thủ" bám giữ trên đê không cho phe kia chiếm đất. Chúng tôi đang bàn mưu tính kế đánh úp quân xanh thì đột nhiên phía bên kia triển đê, có tiếng la oai oái. Rồi thằng Vinh nhảy chơi chơi trên mặt đê, chân tay múa tít. Không hiểu mô tê gì, chúng tôi xông lên bắt sống "tướng địch". Thằng Vinh dờ khóc dờ mếu đưa tay đầu hàng rồi lại nhảy chơi chơi. Lúc ấy chúng tôi mới vỡ lẽ. Thì ra là cu cậu lại nấp đúng chỗ có ổ kiến lửa. Những con kiến càng to đang bò khắp quần áo nó, đốt chí tử. Thế là chúng tôi vội vã khiêng thằng Vinh ra bờ sông, ném nó xuống nước. Cả bọn ào theo sau nhảy xuống sông vùng vẫy. Thế là tan cuộc chơi.

(Theo đoạn văn trên, học sinh tự viết đoạn văn còn lại)

Bài 7 : – Yêu cầu xác định :

– *Câu chủ đề* : Chính là câu thứ nhất của mỗi đoạn.

– *Yêu cầu xác định nội dung chính* : Nằm ngay ở câu chủ đề (dựa vào câu chủ đề để xác định rõ).

Bài 8 : – Yêu cầu thay ngôi kể : Chuyển đại từ *tôi* sang danh từ *Dế Mèn* (từ ngôi thứ nhất chuyển sang ngôi thứ ba).

Khi ngôi kể đã thay thì cách diễn đạt cũng phải thay đổi theo cho phù hợp.

Ví dụ : *Nhưng tôi có sợ. Coi họ làm gì nổi tôi tốt !* (kể ở ngôi thứ nhất).
Chuyển thành : "Nhưng Dế Mèn đâu có sợ. Xem chừng thì anh Xiến Tóc cũng chẳng làm gì nổi Dế Mèn" (kể ở ngôi thứ ba).

– Thay đổi ngôi kể khiến cho đoạn văn có tính khách quan hơn. Nhưng thái độ của nhân vật lại không thể hiện rõ như ở đoạn văn dùng ngôi kể thứ nhất.

Bài 9 : – Yêu cầu thay ngôi kể, chuyển danh từ "Trọng Thủy" sang đại từ "tôi", thay Triệu Đà bằng cụm từ "phụ vương tôi" (từ ngôi thứ ba chuyển sang ngôi thứ nhất).

Cách diễn đạt cũng vì thế mà thay đổi theo. Ví dụ : "Đến gần bờ biển, thấy xác vợ nằm trên thảm cỏ, tuy chết mà nhan sắc không mờ phai, Trọng Thủy khóc òa lên, thu nhặt thi hài đem về chôn trong Loa Thành rồi đâm đầu xuống giếng trong thành mà chết" (kể ở ngôi thứ ba). Sang ngôi kể thứ nhất, câu văn ấy phải tách thành nhiều câu ngắn : "Đến gần bờ biển, tôi trông thấy xác Mị Châu. Nàng nằm trên thảm cỏ, tuy chết mà nhan sắc không mờ phai. Đau đớn, bàng hoàng, tôi không dám tin đó là sự thật. Lỗi lầm này là của tôi. Không nén nổi đau đớn, tôi òa lên khóc rồi thu nhặt thi hài Mị Châu đem về chôn trong Loa Thành. Tôi làm sao

có thể sống thiếu nàng được ? Chỉ có cái chết mới giúp tôi được gặp nàng. Cái chết sẽ giúp tôi với bớt niềm ân hận. Hãy chờ ta nhé, Mị Châu ơi !" .

– Thay đổi ngôi kể khiến cho đoạn văn mang tính chủ quan. Và vì để diễn tả cảm xúc, thái độ của nhân vật một cách trực tiếp, cách diễn đạt của đoạn văn trở nên dài dòng hơn.

Bài 10 : – Yêu cầu : sắp xếp lại trật tự lời văn trong từng câu. Việc sắp xếp này phải đảm bảo tính hợp lí : Hợp nội dung diễn đạt, hợp lô gích,...

– Mẫu : a) Tên tướng giặc vô cùng hoảng sợ, phải cắt râu thay áo, giả làm người dân thường để lẩn trốn.

(Theo mẫu trên, học sinh sắp xếp các câu còn lại).

Bài 11 : – Yêu cầu : Thay lời hai nhân vật, lần lượt viết thành hai đoạn văn mới có cùng nội dung với đoạn trích đã nêu (chuyển ngôi kể thứ ba thành ngôi kể thứ nhất).

– Lưu ý : Thay lời nhân vật nào thì phải để nhân vật ấy xưng *tôi*, và phải đặt vào vị trí của nhân vật ấy để nhìn nhận diễn biến sự việc.

Ví dụ : Nếu là Thạch Sanh tự kể chuyện thì ngay đầu đoạn không thể nói toạc ra âm mưu của mẹ con Lí Thông,...

Nếu là Lí Thông tự kể thì không thể biết được diễn biến cuộc chiến giữa Thạch Sanh với chằn tinh một cách trực tiếp, phải qua lời kể lại của Thạch Sanh mới hiểu được sự việc,...

Bài 12 : – Yêu cầu : Chọn ngôi kể và thứ tự kể cho câu chuyện được đề cập tới trong đề văn. Sau đó lí giải.

– Lưu ý : Đây là câu chuyện kể về một kỉ niệm, do đó nên xưng "tôi" (kể ở ngôi thứ nhất). Nội dung có tính chất hồi tưởng nên thứ tự kể có thể đi từ hiện tại, quay trở về quá khứ để lí giải rõ (không nên lẫn lộn giữa thứ tự kể với diễn biến cốt truyện).

Bài 13 : a) Cách dùng từ ngữ trong lời hội thoại của đoạn văn : để cho nhân vật thấy đồ Cốc dùng nhiều từ Hán Việt để nói chữ. Vì nhại lại để giễu cợt nên lời đáp của Đế Mèn cũng dùng kiểu diễn đạt này.

b) Thay thế các từ Hán Việt bằng từ thuần Việt để viết lại đoạn văn (Ví dụ : "Hà cớ mà *nhị* vị tráng sĩ du nhàn qua bản thôn ?" có thể đổi thành : "Vì lí do nào mà *hai* vị tráng sĩ nhàn nhã qua chơi thôn xóm của tôi ?").

Lưu ý : Có những từ Hán Việt không cần phải thay (*tráng sĩ*,...).

c) So sánh và lí giải : Đoạn văn viết lại có nội dung diễn đạt dễ hiểu hơn đoạn văn gốc.

Lí do mà Tô Hoài chọn cách viết trên : Để làm nổi bật nét tính cách đáng mỉa mai, giễu cợt của thầy đồ Cốc : Đó là cái bệnh hay nói chữ mà không thêm hiểu nghĩa.

Bài 14 : – Yêu cầu : Chuyển đoạn văn tự sự có câu hội thoại gián tiếp thành đoạn văn tự sự có câu hội thoại trực tiếp.

– Lưu ý : Chỉ chuyển những câu có ý hội thoại :

Ví dụ : "Thấy lạ, tôi hỏi thì ông trả lời rằng đây là cây mai mà một người đồng đội cũ của ông đã đem từ miền Nam ra tặng" (Câu có lời thoại gián tiếp).

Chuyển : "Thấy lạ, tôi hỏi :

– Ông ơi ! Vì sao ông lại nói chuyện có vẻ thân mật với cây mai thế ?

Ông tôi trả lời :

– Đây là cây mai mà một người đồng đội cũ của ông đã đem từ miền Nam ra tặng đấy cháu ạ !" (Đoạn có lời thoại trực tiếp).

Bài 15 : – Yêu cầu : Từ cốt truyện đã cho để viết thành đoạn truyện ngắn. Các nhân vật trong truyện đã được nhân hoá (Gồm : quần dài, áo, dép phải, dép trái). Riêng nhân vật cậu bé thì có thể đặt tên và để ở ngôi thứ ba. Có thể dùng các lời hội thoại trực tiếp.

Mẫu :

Đồ dùng để ở đâu

Minh nhìn lên đồng hồ. Đã đến giờ đi học. Minh cuống cuống tìm quần áo để mặc. Nhưng chú bé không thấy quần dài, không thấy áo, không thấy dép đâu cả.

Minh gất lên :

– Quần áo ta đâu rồi ?

Quần lên tiếng :

– Tôi đây ! Tôi đây : Tôi ở trong xó tủ. Tôi qua anh nhét tôi vào dây cơ mà.

– Áo ta đâu ?

– Tôi ở đây ! Trên đỉnh màn này. Tôi qua anh vớt tôi lên dây cơ mà ! – Chiếc áo nhăn nhúm kêu lên như vậy.

– Dép của ta ở đâu ?

– Tôi đây ! Dưới gầm tủ ấy ! – Chiếc dép bên phải trả lời, chiếc bên trái nằm im thìn thít. Nó không nghe thấy tiếng Minh hỏi. Nó nằm ngoài cửa.

Cuối cùng, Minh cũng mặc xong quần áo và tìm thấy dép. Nhưng trông vào học đã đánh rồi. Minh chạy bỏ hơi tai mà vẫn chậm. (Nhị Hà, dẫn theo *Tiếng Việt 2*, tập hai, NXB Giáo dục, 2000).

Bài 16 : – Yêu cầu : Viết đoạn văn tự sự ghi lại cuộc đối thoại giữa hai quyển sách giáo khoa cũ và mới. Do đó, phải dùng nghệ thuật nhân hoá. Lời đối thoại phải dí dỏm, thể hiện thái độ của từng nhân vật.

– Lưu ý : Quyển sách giáo khoa cũ thì tỏ thái độ buồn rầu, quyển sách giáo khoa mới thì tỏ thái độ tự tin, có phần ngây thơ (vì nó chưa hiểu về cậu chủ nhỏ). Trong lời đối thoại giữa hai nhân vật nên nhắc tới cậu chủ nhỏ này với thái độ phê bình.

Bài 17 : – Yêu cầu : viết đoạn văn hội thoại. Nhân vật là hai học sinh (có thể đặt tên cho từng nhân vật). Đề tài là bảo vệ môi trường (nên đi vào một khía cạnh nhỏ : hoặc vấn đề bảo vệ cây xanh, hoặc vấn đề xử lí rác thải). Về hình thức, đoạn văn phải chứa các kiểu dấu câu thật linh hoạt (dấu chấm hỏi, dấu chấm lửng, dấu chấm than). Thực chất, đi kèm với các loại dấu câu ấy chính là các kiểu câu thường dùng trong hội thoại.

– Lưu ý : Lời hội thoại cần ngắn gọn, có thể kèm thêm các từ ngữ thể hiện thái độ của người nói. Trong nội dung của đoạn văn, nên để cho một nhân vật phạm lỗi, nhân vật kia nhắc nhở.

Bài 18 :

a) Phát hiện lỗi của đoạn : Chủ yếu là lỗi lô gích (câu chuyện kể có một số chi tiết chưa hợp lí : Khi chị học sinh bị tai nạn, nhân vật kể chuyện "điều chị ấy đến trạm xá" và sau đó "ba chân bốn cẳng ù chạy đến lớp". Còn hai chiếc xe đạp biến đi đâu ? Hoặc chi tiết : Chiếc xe đạp "lạng cả bánh" vì đường "trơn như đổ mỡ", vậy mà ở câu sau, người kể lại tả rằng mình "hối hả đạp thật nhanh". Như vậy là ý mâu thuẫn nhau).

b) Chữa lỗi và viết lại đoạn : Muốn chữa lỗi thì phải thay đổi các chi tiết chưa hợp lí đã nêu trên.

Bài 19 : – Yêu cầu : Viết lại đoạn văn đã cho theo hướng sửa lại các lỗi diễn đạt (sử dụng câu hội thoại trực tiếp chưa đúng). Muốn vậy, người viết lại đoạn văn phải xác định lời hội thoại trực tiếp nằm ở câu văn nào trong đoạn đã cho.

– Lưu ý : Cần dùng các kiểu câu khác nhau để diễn đạt lời hội thoại.

Ví dụ : Từ câu "Tôi xăng giọng hỏi có phải cậu vẽ bậy lên bàn tớ không." (là câu trần thuật) có thể diễn đạt lại như sau :

Tôi xăng giọng hỏi Sơn :

– Có phải cậu vẽ bậy lên bàn tớ không ? (Câu nghi vấn).

Bài 20 : – Yêu cầu : Viết một đoạn văn ghi lại cuộc trò chuyện giữa hai nhân vật ngôi cũ và ngôi mới. Như vậy đây cũng là đoạn hội thoại. Các nhân vật phải được nhân hoá. Về cách diễn đạt, nên dùng lời hội thoại trực tiếp.

– Lưu ý : Đoạn văn không cần dài quá. Lời hội thoại nên ngắn gọn và thể hiện được thái độ, tính cách của từng nhân vật : Ngôi mới thì kiêu ngạo, hóm hỉnh, còn ngôi cũ thì điềm đạm,...

2. Hướng dẫn tìm hiểu đề

Đề 1 : – Yêu cầu về nội dung : Kể lại truyền thuyết *Con Rồng cháu Tiên*.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Dùng ngôi kể thứ nhất (nhân vật bà Âu Cơ trực tiếp kể chuyện). Vì vậy ở phần đầu bài văn có thể tạo tình huống để nhân vật xuất hiện và đóng vai người kể. Đối tượng nghe là các cháu của bà Âu Cơ (có thể mở đầu bằng những câu đối thoại giữa bà và cháu). Mặt khác, vì người kể là bà Âu Cơ nên trình tự kể trong nội dung chính có thể thay đổi : Không nên bắt đầu bằng lời giới thiệu về Lạc Long Quân, mà phải để cho bà Âu Cơ tự giới thiệu về mình trước... Hoặc trong quá trình kể, bà Âu Cơ có thể trực tiếp bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ của mình (sự ngạc nhiên thích thú khi đặt chân lên miền đất Lạc Việt, nỗi buồn khi thiếu vắng Lạc Long Quân,...).

Đề 2 : – Yêu cầu về nội dung : Kể lại truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*.

– Yêu cầu về hình thức : Kể theo ngôi thứ nhất (Lang Liêu trực tiếp kể chuyện). Theo đề ra, Lang Liêu kể lại toàn bộ diễn biến về sự ra đời của hai loại bánh trong buổi lễ đăng quang. Vì vậy, không thể dùng lại thứ tự kể cũ mà cần phải thay đổi. Mở đầu câu chuyện là không khí của buổi lễ đăng quang. Từ đó, Lang Liêu mới lần lượt kể lại quá trình diễn biến của câu chuyện : Việc vua cha nêu yêu cầu về lễ vật, nỗi lo lắng buồn rầu của chàng khi thấy mình thất thế, sự xuất hiện vị thần trong mơ cùng với lời khuyên, những suy nghĩ của Lang Liêu khi làm từng loại bánh, niềm vui bất ngờ của chàng trước lời tuyên bố của vua Hùng.

Đề 3 : – Yêu cầu về nội dung : Kể lại truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

– Yêu cầu về hình thức : Có thể dùng ngôi kể thứ nhất hoặc ngôi kể thứ ba. Theo yêu cầu của đề thì Thủy Tinh gặp lại Mị Nương để thanh minh chuyện cũ. Do đó thứ tự kể phải đi từ hiện tại rồi quay về quá khứ. Mặt khác, trong bài làm phải hình dung được những lời đối đáp giữa hai nhân vật Thủy Tinh và Mị Nương. Những lời đối đáp này phải xen vào giữa câu chuyện kể của Thủy Tinh, mục đích

chính là tạo điều kiện cho Thuý Tinh thanh minh về nỗi oan của mình. Câu chuyện có thể chọn một cách kết thúc mới theo khả năng sáng tạo của người viết.

Đề 4 : – Yêu cầu : về nội dung : kể lại truyện cổ tích *Ông lão đánh cá và con cá vàng*.

– Về hình thức diễn đạt : cũng dùng ngôi kể thứ nhất (nhân vật mẹ vợ kể chuyện). Vì vậy, cốt truyện có thể thay đổi ở một số chi tiết, mở đầu không phải là cảnh ông lão giải thoát cho con cá vàng ngoài biển cả mà phải là cảnh mẹ vợ đang ngồi trong túp lều nát bên cạnh cái máng lợn ăn sứt mẻ... Mẹ vợ là người kể nên trong quá trình dẫn dắt cốt truyện phải để cho mẹ trực tiếp bộc lộ những suy nghĩ, những thái độ của mình (tức giận khi nghe ông lão kể chuyện thả con cá vàng, ngồi mơ những viễn cảnh trong tương lai, khát vọng được đổi đời,...). Có thể kết thúc câu chuyện bằng một bài học mà mẹ vợ tự rút ra cho mình khi ngồi trước cái máng lợn ăn sứt mẻ trong túp lều rách nát.

Đề 5 : – Yêu cầu về nội dung : Kể lại truyện *Cây khế* theo một cách kết thúc mới.

– Yêu cầu về cách thức diễn đạt : cũng dùng ngôi kể thứ nhất (người anh tự kể lại câu chuyện). Yêu cầu này bắt buộc cách kết thúc phải thay đổi. Nếu theo cách kết thúc cũ, để người anh chết giữa biển khơi thì anh ta làm sao có thể kể lại câu chuyện này. Do đó, kết thúc mới cho truyện *Cây khế* phải là người anh vẫn sống để trở về sau khi đã tự rút ra cho mình một bài học nhớ đời về thói tham lam. Có thể để cho hai anh em từ đó sống hoà thuận.

Đề 6 : – Yêu cầu về nội dung : Kể lại quá trình phấn đấu của một học sinh (từ chỗ học kém, vươn lên trở thành một học sinh khá).

– Yêu cầu về hình thức : Dùng ngôi kể thứ nhất (nhân vật tự kể về mình). Thứ tự kể không nên theo trình tự thời gian xuôi chiều (từ quá khứ đến hiện tại) mà có thể bắt đầu câu chuyện bằng hiện tại (kết quả phấn đấu của nhân vật). Sau đó nhớ lại quá trình phấn đấu. Ngoài nhân vật người kể chuyện, có thể đưa vào một số nhân vật khác (cô giáo, bạn, mẹ,...).

– Một số lưu ý : Cốt truyện này không cần thiết phải có sự sáng tạo nhiều. Tuy vậy, người kể phải chú ý đến tính hợp lí của nó. Chẳng hạn như quá trình thay đổi từ một học sinh kém vươn lên thành một học sinh khá không thể diễn ra trong một thời gian ngắn (một tháng, một học kì) mà phải có một thời gian vừa phải, đủ để thay đổi lực học của người kể chuyện (một năm, hai năm). Mặt khác, việc phấn đấu từ một học sinh kém lên một học sinh khá đòi hỏi phải vượt qua nhiều khó khăn

thử thách, không dễ dàng gì. Thậm chí phải để cho nhân vật có những lúc chán nản, muốn bỏ cuộc. Phải chỉ ra được nguyên nhân vì sao lại có sự thay đổi trong tư tưởng của người kể (từ chỗ học sinh kém quyết tâm vươn lên học khá. Như vậy, có thể tạo một tình huống bất ngờ, cho nhân vật nhận ra nỗi khổ vì học kém, từ đó nuôi ý chí vươn lên,...).

Đề 7 : – Yêu cầu : Kể lại câu chuyện mình trở thành "cô chủ nhỏ", thay mẹ làm mọi việc trong gia đình khi mẹ bị ốm. Với nội dung này, người kể phải tự tìm ra các chi tiết diễn biến của câu chuyện (tức là phải có sự sáng tạo).

– Yêu cầu về hình thức : Nên dùng ngôi thứ nhất để kể chuyện. Tình huống chính thì đề ra đã chọn (mẹ bị ốm, em trở thành cô chủ nhỏ). Từ tình huống ấy, người kể phải biết đan xen giữa những tình tiết kể lại công việc mình đã làm với những cảm xúc, những suy nghĩ (thương mẹ, lo lắng cho sức khỏe của mẹ, muốn được giúp mẹ, tự thấy mình đã khôn lớn,...).

– Một số lưu ý : Phải đảm bảo tính hợp lí (cô chủ nhỏ làm thay công việc của mẹ, nhưng chỉ nên dùng lại những công việc vừa sức : đi chợ, nấu cơm, nấu cháo, lấy thuốc, lấy nước, quạt cho mẹ, dỗ em,...). Trong câu chuyện nên dùng một số lời hội thoại giữa hai mẹ con. Có thể để cho người mẹ khen ngợi, động viên,...

Đề 8 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải nói lên được sự gắn bó giữa người kể với những người xung quanh mình (có thể là những người lớn tuổi, có thể là những người bạn cùng tuổi,...). Theo yêu cầu của đề ra thì chỉ cần đề cập tới một kỉ niệm đáng nhớ (không được kể lan man và kỉ niệm được kể phải thật sâu sắc thì mới đáng nhớ).

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Dùng ngôi kể thứ nhất. Cốt truyện phải hấp dẫn với tình huống bất ngờ và cách xử lí tình huống thông minh, sáng tạo. Người kể phải là người trong cuộc, chứng kiến toàn bộ diễn biến của câu chuyện...

– Cốt truyện tham khảo : "Trong xóm em có người khó tính nổi tiếng (có thể là một ông lão cáu kỉnh, một bà lão lắm điều,...) khiến cho mọi người xung quanh cảm thấy ngại, không muốn tiếp xúc – nhất là lũ trẻ. Nhưng trong vườn nhà người ấy lại có một cây ổi đào rất ngon khiến cho lũ trẻ nhiều hôm đứng ngoài, nhìn vào thèm thuồng. Một hôm, lũ trẻ bàn chuyện trộm ổi. Đầu têu trò này chính là em. Bàn xong kế hoạch thì lại dùn đẩy nhau vì ai cũng sợ. Em nổi máu "iêng hùng" xung phong trèo tường lên vào. Cả bọn nấp sẵn ở gần đó đợi kết quả. Rồi một tình huống xảy ra : Khi đã trèo lên ngọn ổi, đang hoa mắt trước những trái ổi chín thơm nức thì em giật mình vì nghe tiếng chó sủa. Rồi tiếng hắng giọng của chủ nhà.

Luống cuống sợ hãi, em hụt chân bị ngã, không biết trời đất gì. Khi tỉnh lại thấy mình đang nằm trên giường của nhà ông lão (hoặc bà lão) khó tính ấy. Xung quanh là những gương mặt thân quen : bố, mẹ, lũ bạn, ông lão (bà lão) chủ nhà,... Không ai mắng em một câu nào, chỉ lo lắng. May mà em không bị gãy chân, gãy tay, chỉ đau ê ẩm. Khi cho em về nhà, ông lão (bà lão) chủ nhà còn gửi theo cả một túi ổi thơm nức và dặn chung cả bọn trẻ : "Bao giờ muốn ăn ổi thì phải vào xin, không được tự ý trèo cây". Từ đó ông lão (bà lão) chủ nhà không còn đáng sợ đối với lũ trẻ. Thậm chí em và lũ trẻ còn thấy ông (bà) thật gần gũi, thân thiết".

Đề 9 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải nói lên được một lỗi lầm của em đối với ông (bà) khiến cho em cảm thấy hối hận. Theo yêu cầu của đề, không được kể lan man dài dòng, mà chỉ nên chọn một tình huống cụ thể.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Cũng dùng ngôi kể thứ nhất. Câu chuyện muốn hấp dẫn thì phải tạo được tình huống. Số lượng nhân vật có thể là : em (người kể chuyện), ông (hoặc bà), bố, mẹ,... Nên đưa vào chuyện một số chi tiết nói lên lỗi lầm. Có thể dùng một số câu hội thoại.

– Những tình huống (lỗi lầm) có thể xảy ra : tỏ thái độ vô lễ hoặc thiếu tình cảm đối với ông (bà), không nghe lời ông (bà),...

Đề 10 : – Yêu cầu về nội dung : Kể lại một câu chuyện nói lên tình cảm của anh em (chị em) trong một gia đình. Tình huống chuyện đã được nêu rõ : Người em làm hỏng một thứ đồ chơi nào đó của chị (anh). Cách giải quyết tình huống như thế nào là do người kể chuyện tự tìm. Có thể coi đây là một dạng đề đòi hỏi sự sáng tạo.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Đề cho trước hai nhân vật chính : hai chị em (hoặc hai anh em). Ngoài hai nhân vật này có thể bổ sung thêm một vài nhân vật phụ khác : bố, mẹ hoặc ông, bà. Có thể dùng ngôi kể thứ nhất (để cho một trong hai nhân vật chính trực tiếp kể chuyện) ; hoặc dùng ngôi kể thứ ba.

– Một số cách giải quyết tình huống :

+ Người em sau khi làm hỏng đồ chơi đã không dũng cảm nhận lỗi, nhưng người chị (anh) đã rộng lượng tha thứ khiến cho người em cảm thấy ân hận.

+ Khi người em làm hỏng đồ chơi, người chị (anh) đã tỏ ra tức giận, bắt em phải đền, hoặc khóc lóc. Người em dỗ dành, hoặc tự nguyện lấy một thứ đồ chơi khác của mình đền cho chị (anh). Sau đó, người em có thể theo bố, mẹ, ông, bà đi xa (về quê hoặc đi tham quan). Người chị (anh) cảm thấy ân hận và nhớ em.

Đề 11 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải đề cập tới kết quả của một lần vì mải chơi và em đã không học bài. Đề ra chỉ mới nêu tình huống, chưa có cách giải quyết và kết cục cụ thể. Do đó, người kể phải tự hình dung ra diễn biến của câu chuyện để kể lại. Đây cũng là dạng đề đòi hỏi sự sáng tạo.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên kể theo ngôi thứ nhất (người kể là người trong cuộc, trực tiếp tham gia vào tình huống truyện). Theo cách dẫn dắt của đề ra thì người dẫn truyện ngoài việc nêu lên các tình tiết, sự kiện còn phải trực tiếp bày tỏ tâm trạng của mình. Thời gian diễn ra câu chuyện không cần dài (chỉ cần một buổi tối và một buổi sáng hôm sau). Về nhân vật, ngoài nhân vật chính đứng ra dẫn truyện có thể thêm một số nhân vật phụ : lũ trẻ trong xóm, thầy giáo,...

Trong câu chuyện có thể dùng một số lời hội thoại trực tiếp ở phần đầu (khi lũ trẻ rủ rê chơi trò đánh trận giả) ; còn phần sau của câu chuyện chủ yếu tập trung diễn tả tâm trạng của người kể (lo lắng và bất lực vì không làm được bài, hối hận, tự trách mình,...).

Đề 12 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể nên tập trung vào một nội dung cụ thể : "công cha" hoặc "nghĩa mẹ". Nội dung cần cụ thể với những tình huống, những chi tiết diễn ra tại một thời điểm, một không gian nhất định. Không nên sa vào phát biểu cảm nghĩ về "công cha" hoặc "nghĩa mẹ". Dù kể nội dung nào thì câu chuyện phải có ý nghĩa giáo dục sâu sắc.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Có thể chọn kể ở ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba. Dù kể ở ngôi nào thì nhân vật phải có tên cụ thể, có đặc điểm hình dáng và tính cách cụ thể, và nhất là phải đặt trong tình huống cụ thể. Nếu kể ở ngôi thứ nhất thì ngoài việc dẫn dắt các tình tiết của câu chuyện, người kể phải bày tỏ được những suy nghĩ, tình cảm của mình đối với "công cha" ("nghĩa mẹ").

Đề 13 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải làm nổi bật một kỉ niệm về tình bạn. Kỉ niệm ấy gắn với một tình huống cụ thể (tình cảm đối với một người bạn mới làm quen nhân dịp cùng bố mẹ đi tham quan hoặc du lịch).

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên chọn ngôi kể thứ nhất. Các nhân vật tham gia vào câu chuyện gồm : em – vai người kể và người bạn mới quen (có thể cho nhân vật người bố hoặc người mẹ xuất hiện). Nên kể dưới dạng hồi tưởng (nhân một sự kiện nào đó để nhớ lại chuyện cũ). Người kể phải dựng được tình huống làm quen một cách hợp lí, phải làm nổi bật được đặc điểm ngoại hình cũng như tính cách của người bạn, nhất là phải tập trung vào một kỉ niệm cụ thể, sâu sắc (không nên kể tràn lan).

Đề 14 : Nội dung câu chuyện phải liên quan đến đề tài bảo vệ môi trường. Tuy vậy qua cách dẫn dắt của đề ra, ta có thể thấy rõ người làm bài phải sáng tạo một cốt truyện cụ thể để viết một tác phẩm dự thi nói về đề tài "bảo vệ môi trường" đúng theo mục đích yêu cầu của đợt thi sáng tác.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Đây là một câu chuyện nhỏ tham gia cuộc thi, do đó nó phải có hình thức của một tác phẩm văn học hơn là một bài văn. Không cần phải nhắc tới lí do viết truyện, cũng không cần nhắc tới cuộc thi, nên đi thẳng vào diễn biến cốt truyện. Về ngôi kể, có thể chọn ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba tùy ý. Mặc dù trong đề ra có nhắc tới đề tài "bảo vệ môi trường", nhưng khi làm bài không nhất thiết phải đưa cụm từ này vào. Nên để cho nội dung câu chuyện tự toát lên ý nghĩa.

Đề 15 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải khái quát lên được tình cảm gia đình (hoặc một tình cảm nào đó : tình cảm bạn bè, tình thầy trò,...) thông qua một tình huống truyện cụ thể : một cô bé (cậu bé) gặp trường hợp đi học mà rơi vào hoàn cảnh mưa, lạnh, không có áo ấm và ni lông. Đề ra chỉ gợi mở tình huống, đòi hỏi người kể chuyện phải sáng tạo, hình dung ra sự phát triển của tình huống truyện và cách giải quyết. Ý gợi mở rất rộng, ngoài nhân vật chính gặp hoàn cảnh đặc biệt, đề ra không nhắc tới một nhân vật nào, cũng không hé mở bất cứ một cách giải quyết nào. Chỉ biết rằng nhân vật chính của câu chuyện rất cần sự giúp đỡ và chắc chắn phải nhận được sự giúp đỡ. Nếu muốn ca ngợi tình cảm gia đình thì người xuất hiện để giúp đỡ em bé là ông, bà, cha, mẹ,... Nếu muốn ca ngợi tình bạn thì người giúp đỡ là một học sinh khác...

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nhân vật không cần nhiều, chỉ từ hai đến ba nhân vật là đủ. Để làm nổi bật được tình huống truyện, phải xen vào những đoạn văn tả (tả thời tiết, tả tâm trạng lo sợ của nhân vật,...). Cách giải quyết tình huống cũng phải thật bất ngờ (khi nhân vật chính của câu chuyện quá lo lắng hoảng sợ và trời cứ tối dần, nhân vật thứ hai mới được xuất hiện...).

Đề 16 : – Yêu cầu về nội dung : Dù lời dẫn dắt của đề ra có nhắc tới Sơn Tinh, Thủy Tinh, vua Hùng, nhưng nội dung cốt truyện lại không phụ thuộc vào truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Câu chuyện mà đề yêu cầu kể đòi hỏi phải thực sự sáng tạo và là sản phẩm của trí tưởng tượng. Nội dung câu chuyện phải đề cập tới việc vị thần núi Sơn Tinh hiện lên, giúp cho con người chống lại Thủy Tinh.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên dùng ngôi kể thứ ba. Các nhân vật xuất hiện trong câu chuyện gồm : con người (không nên nêu tên cụ thể), Thủy Tinh,

Sơn Tinh. Trong quá trình xây dựng hình tượng nhân vật, có thể vận dụng những đặc điểm tính cách, tài năng của hai nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh như trong truyền thuyết cũ. Tuy nhiên bên cạnh đó cần có cái nhìn hiện đại đối với các nhân vật. Để câu chuyện hấp dẫn và có ý nghĩa giáo dục cao thì phải tạo nên được những tình huống cụ thể, phải sử dụng văn miêu tả (tả hình ảnh hai vị thần, tả sự thắng thế của thần nước, tả cảnh con người được tiếp sức chống lại nạn lũ lụt,...).

– Lưu ý : Nguyên nhân của nạn lũ lụt mà Sơn Tinh đề cập tới trong câu chuyện chính là do con người tàn phá rừng đầu nguồn, không chăm lo việc đê điều,...

Đề 17 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải ghi lại được cuộc trò chuyện lí thú giữa một ngọn núi và một con suối. Đề ra đã nêu rõ đặc điểm tính cách của từng nhân vật (được nhân hoá). Thông qua nội dung câu chuyện, người kể phải làm toát lên được ý nghĩa giáo dục thật sâu sắc.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên kể ở ngôi thứ ba, và chỉ cần hai nhân vật : ngọn núi và dòng suối. Mỗi nhân vật phải thể hiện tính cách phù hợp với đặc điểm ngoại hình : ngọn núi to lớn sừng sững, suốt đời đứng yên một chỗ thì tính tình điềm đạm, chín chắn (gọi là bác Núi) ; còn dòng suối có thân hình mềm mại chảy suốt đêm ngày được ngao du đây đó thì tính tình huênh hoang, lả lướt, thích rong chơi (gọi là cô Suối)... Cuộc đối thoại giữa hai nhân vật cần ngắn gọn nhưng phải làm toát lên được quan điểm sống cũng như tính cách của mỗi nhân vật. Kết thúc chuyện phải bất ngờ và mang tính giáo dục (dòng suối phải nhận ra sự sai lầm trong lối sống và suy nghĩ của mình).

Đề 18 : Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải ghi lại được cảnh chia tay xúc động giữa người mẹ và Thánh Gióng. Thực ra đây là một câu chuyện truyền thuyết đã được lưu truyền nhưng chi tiết chia tay chưa được nói tới. Như vậy nội dung kể hoàn toàn mới, đòi hỏi người kể phải thực sự sáng tạo. Qua câu chuyện, người kể phải làm toát lên được tấm lòng của một người mẹ Việt Nam (thương con, lo lắng cho sự an nguy của con, nhưng lại dũng cảm gạt tình riêng để hướng tới trách nhiệm đối với cộng đồng, nhắc nhở con làm tròn sứ mệnh mà nhân dân, đất nước đã dành cho). Đồng thời qua câu chuyện cũng phải làm toát lên được vẻ đẹp hình tượng Thánh Gióng (thương mẹ, yêu nước, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ đất nước). Cuộc chia tay phải thể hiện sự lưu luyến, bịn rịn nhưng lại toát lên không khí anh hùng ca.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên kể theo ngôi thứ ba. Để làm nổi bật cuộc chia tay và tính cách các nhân vật, có thể đan xen giữa những mẫu đối thoại

những đoạn văn miêu tả thật đặc sắc (tả hình ảnh Thánh Gióng đang cười trên lưng ngựa sắt, tả hình ảnh người mẹ già nua nhỏ bé, tả không khí chia tay,...), lời thoại cũng cần phải lựa chọn. Nên dùng cách nói của người xưa (cách dùng từ ngữ, hình ảnh, cách biểu lộ tình cảm). Không nên hiện đại hoá hình thức kể chuyện đối với bài văn này.

Đề 19 : Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện phải ghi lại được lời tâm sự của một cây bàng non trong một tình huống cụ thể : bị lũ trẻ bẻ gãy cành, làm rụng lá. Nội dung lời tâm sự vừa thể hiện được sự đau đớn xót xa, vừa toát lên thái độ oán trách. Thông qua câu chuyện, người kể phải giúp cho bạn đọc rút ra được bài học về ý thức bảo vệ môi trường.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : nên dùng ngôi kể thứ nhất, nhân vật trung tâm chính là người dẫn truyện (cây bàng non). Nghệ thuật nhân hoá phải được sử dụng một cách sáng tạo, hợp lí. Dưới hình thức là lời tâm sự nhưng thực chất đây là một câu chuyện kể có tình huống, có chi tiết, có nguyên nhân, hậu quả,... xen vào đó là những câu văn bộc lộ thái độ, tâm trạng của cây bàng non.

Phần mở đầu có thể chọn một tình huống dẫn dắt để cây bàng tâm sự (mở theo lối gián tiếp), cũng có thể đi ngay vào lời tâm sự không cần qua nhân vật trung gian (mở theo lối trực tiếp).

Đề 20, 21, 22 : Yêu cầu về nội dung và hình thức diễn đạt tương tự như Đề 19, chỉ cần thay đổi tượng tâm sự và tình huống, lí do tâm sự.

Đề 23 : Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện phải toát lên được hình ảnh và cuộc đời cây tre : đặc điểm hình dáng, hoàn cảnh sống, phẩm chất,... (có thể tham khảo thêm bài viết *Cây tre Việt Nam* của nhà văn Thép Mới và bài thơ *Tre Việt Nam* của nhà thơ Nguyễn Duy). Thông qua cuộc đời cây tre, người kể phải gợi cho người đọc thấy được sự gắn gũi, thân thiết giữa cây tre và con người Việt Nam. Hay nói cách khác, đằng sau hình ảnh cây tre chính là hình ảnh con người.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Cây tre tự kể về cuộc đời mình, tức là câu chuyện phải dùng ngôi kể thứ nhất. Nhân vật cây tre phải được nhân hoá.

Lời kể tự nhiên dưới dạng giới thiệu, tâm tình, không nên sa vào phát biểu cảm nghĩ về cây tre.

Đề 24 : Yêu cầu về nội dung : Đây là một câu chuyện tưởng tượng về thế giới thiên nhiên. Đề ra chỉ gợi cho người viết về số lượng nhân vật, về tình huống, còn người kể chuyện tự xác định nội dung. Dù chọn nội dung như thế nào thì câu chuyện cũng phải mang ý nghĩa giáo dục (ca ngợi đất mẹ, ca ngợi mùa xuân, ca ngợi sức sống của cỏ cây, hoa lá).

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên kể theo ngôi thứ ba. Số lượng nhân vật chỉ cần đúng theo gợi ý của đề : Cây Bàng, Đất Mẹ, lão già Mùa Đông và nàng tiên Mùa Xuân. Các nhân vật phải được giới thiệu và miêu tả với đặc điểm hình dáng và tính cách cụ thể, được đặt trong tình huống cụ thể : Từ mùa đông chuyển sang mùa xuân, cây cối như được tiếp thêm sức sống mới. Cây Bàng về mùa đông thì phải gầy guộc, run rẩy, cầu cứu Đất Mẹ. Đất Mẹ diễm đạm, dịu dàng động viên Cây Bàng dũng cảm chờ đợi Mùa Xuân ; lão già Mùa Đông thì già nua, cẩu kính, độc ác, xấu xí ; nàng tiên Mùa Xuân xinh đẹp, dịu dàng, trẻ trung,... Thông qua cách kể phải làm toát lên được sự đối đầu giữa một bên là sự sống (Cây Bàng, Đất Mẹ, Mùa Xuân), một bên là sự tàn lụi, chết chóc (Mùa Đông).

Đề 25 : – Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện được kể phải giới thiệu về cuộc thi "vẽ đẹp tuổi hoa" của các loài hoa khi mùa xuân tới. Đây là một câu chuyện hoàn toàn tưởng tượng, nhưng phải toát lên được ý nghĩa giáo dục đối với tuổi thơ cũng như ca ngợi vẻ đẹp kì diệu của thế giới các loài hoa khi mùa xuân về.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nhân vật Hồng Nhung Bé kể lại cuộc thi, tức là phải dùng ngôi thứ nhất. Ngoài nhân vật Hồng Nhung Bé phải có sự tham gia của nhiều nhân vật khác nữa (bố mẹ Hồng Nhung, một số loài hoa khác, người dẫn chương trình, rồi các vị giám khảo cũng là các loài hoa được gọi tên cụ thể). Nghệ thuật nhân hoá phải được thể hiện từ cách gọi tên nhân vật, cho đến những đặc điểm, hình dáng, tính cách và các hoạt động. Xen vào lời kể phải là những câu, những đoạn miêu tả đặc sắc (tả hình dáng các loài hoa, tả không khí cuộc thi).

Đề 26 : Yêu cầu về nội dung : Để ra chỉ nêu lên một tình huống : có bông lúa bị rơi bên vệ đường, hoàn toàn không nêu trước nội dung diễn biến. Như vậy, người kể phải tưởng tượng ra một cốt truyện có liên quan tới bông lúa ấy. Thông qua cốt truyện tưởng tượng để lồng vào ý nghĩa giáo dục đối với con người. Yêu cầu về hình thức diễn đạt : có thể chọn ngôi kể thứ nhất hoặc ngôi kể thứ ba. Ngoài nhân vật bông lúa, cần bổ sung thêm các nhân vật khác nữa tùy thuộc vào nội dung cốt truyện được lựa chọn (một bác nông dân, một cô bé,...). Nghệ thuật nhân hoá phải được sử dụng một cách hợp lí.

– Một vài cách giải quyết tình huống :

+ Bông Lúa đang buồn rầu vì bị bỏ rơi thì một nhóm người xuất hiện. Họ phát hiện ra Bông Lúa. Bông Lúa cầu cứu thì nhận được nhiều cách đối xử khác nhau thể hiện quan điểm sống của mỗi người : Người thì reo lên khi phát hiện ra Bông Lúa bên vệ đường, định nhặt thì người khác gạt đi. Họ định lạng lẽ bỏ qua (nhưng người đi sau cùng cúi xuống nhặt Bông Lúa đưa về nhà).

+ Bông Lúa đang buồn rầu, sợ hãi thì một Con Gà xuất hiện định mổ nó. Bông Lúa đang tuyệt vọng thì hai cậu bé xuất hiện. Con Gà sợ hãi bỏ chạy. Hai cậu bé bần nhau nhặt Bông Lúa về cho vịt ăn khiến Bông Lúa bàng hoàng. Lại một cô bé nữa xuất hiện. Nghe dự định của hai cậu bé, cô bé đã phản đối. Sau đó cô nâng Bông Lúa lên, đưa về nhà, gieo những hạt lúa vào một khoảng đất và hi vọng từ những hạt lúa ấy sẽ cho nhiều bông lúa chắc mẩy khác ở mùa sau.

Đề 27 : Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện kể phải làm nổi bật bài học giáo dục mà chú Sẻ Con bướng bỉnh tự rút ra được qua tình huống : Sẻ ta không nghe lời dạy của mẹ nên đã gặp nhiều thất bại ; khi hiểu được điều đó, chịu khó rèn luyện thì mới thành công. Đó cũng chính là bài học giáo dục dành cho con người.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên kể theo ngôi thứ ba. Đây là câu chuyện tưởng tượng, nhân vật là các loài vật (Sẻ Mẹ, Sẻ Con và một loài vật khác nữa). Do đó cần dùng nghệ thuật nhân hoá để làm nổi bật đặc điểm tính cách của từng nhân vật. Trong câu chuyện phải xuất hiện tình huống (Sẻ Con không chịu nghe lời mẹ nên đã thất bại khi tập bay). Diễn biến câu chuyện ra sao là tùy thuộc vào trí tưởng tượng của người kể. Tuy nhiên, dù chọn hướng giải quyết nào thì cũng phải toát lên được bài học cho Sẻ Con. Trong quá trình kể, ngoài việc giới thiệu các tình tiết thì có thể đưa vào các mẫu đối thoại, có thể đan xen vào những câu văn nêu ý nghĩ của Sẻ Con.

Đề 28 : Yêu cầu về nội dung : Bài văn phải ghi lại được cuộc trò chuyện lí thú giữa hai nhân vật : Giọt Nước Mưa Động Trên Lá Non và Vũng Nước Đục Ngầu Trong Vườn. Qua cuộc trò chuyện lí thú này, người kể phải gửi gắm trong đó một nội dung giáo dục cụ thể. Đây là một câu chuyện tưởng tượng hoàn toàn.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên dùng ngôi kể thứ ba và chỉ cần hai nhân vật mà đề ra đã nêu. Mỗi nhân vật phải thể hiện được một vài nét về đặc điểm hình dáng, tính cách, một quan điểm sống (tức là đã được nhân hoá). Giọt Nước Mưa Động Trên Lá Non thì xinh đẹp nhưng kiêu ngạo và không tự biết mình ; Vũng Nước Đục Ngầu Trong Vườn thì diêm dâm, hiểu rõ công việc mình đang làm, không quan tâm đến hình thức,... Gọi là cuộc trò chuyện nên rất cần các mẫu đối thoại. Lời hội thoại phải ngắn gọn mà sâu sắc, thể hiện được tính cách của từng nhân vật.

– Một số cách kết thúc có thể sử dụng cho câu chuyện này :

+ Khi trời về trưa, nắng gắt thì Giọt Nước Mưa bị tan biến một cách vô nghĩa, còn Vũng Nước thì rất hài lòng với ý nghĩa công việc mình đang làm : tiếp nước cho cây.

+ Giọt Nước Mưa nhún nhảy, vênh váo. Đột nhiên một làn gió lướt tới, cành cây rung rinh.

– Giọt Nước Mưa chưa kịp định thần thì đã rơi tòm xuống Vũng Nước. Bộ áo cánh lộng lẫy của nó đã bị nhuộm bùn, trông chẳng khác gì bác Vũng Nước. Giọt Nước Mưa chột hiệu ra tất cả và lặng lẽ hoà mình vào Vũng Nước, thấm sâu vào lòng đất.

Đề 29 : Yêu cầu về nội dung : Bài văn phải ghi lại được câu chuyện lí thú giữa hai mẹ con nhà chim trong một tình huống cụ thể : Lần đầu tiên, chim non ra khỏi tổ để ngắm cảnh. Thông qua cuộc trò chuyện này, người kể phải làm toát lên được một số vấn đề : thái độ thích thú của chim non khi được khám phá thế giới xung quanh ; ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên cũng như cảnh sinh hoạt của con người và vạn vật dưới cái nhìn của hai mẹ con nhà chim.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Dùng ngôi kể thứ ba. Chỉ cần hai nhân vật là Chim Mẹ và Chim Con, bên cạnh những câu hội thoại ngắn gọn phải là những lời văn miêu tả đặc sắc (tả cảnh). Cũng có thể lồng lời miêu tả vào trong lời hội thoại. Qua cuộc trò chuyện, Chim Con phải thể hiện được sự ngây thơ hồn nhiên, Chim Mẹ dịu dàng âu yếm và có vốn hiểu biết khá rộng (tất cả điều đó phải được thực hiện qua nghệ thuật nhân hoá).

Đề 30 : Yêu cầu về nội dung : Câu chuyện được kể mang một nội dung có ý nghĩa nhân đạo rất sâu sắc, nhắc nhở con người có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên. Qua câu chuyện về bài học mà nhân vật chính tự rút ra (hối hận vì trò chơi hái hoa bắt bướm), người kể chuyện phải đưa ra một lời khuyên đối với tất cả mọi người : Phải biết yêu mến và tôn trọng thiên nhiên.

– Yêu cầu về hình thức diễn đạt : Nên dùng ngôi kể thứ nhất, để cho nhân vật chính tự bộc bạch những suy nghĩ, thái độ của mình đối với bài học giáo dục mà bản thân tự rút ra. Lời kể phải tự nhiên, giàu cảm xúc. Ngoài nhân vật chính có thể thêm các nhân vật phụ : Bông Hoa Hồng Bị Héo, Cây Hoa Hồng Mẹ. Dù là chuyện tưởng tượng thì cũng phải đảm bảo tính chân thực.

3. Một số bài làm mẫu

Đề 3 :

Có một lần, Thuý Tinh tình cờ gặp được Mị Nương. Chàng có cơ hội để thanh minh chuyện cũ. Hãy thay lời Thuý Tinh để kể lại cuộc gặp gỡ ấy.

Bài làm

Hàng ngàn năm đã trôi qua, Thuý Tinh lặng lẽ ôm nỗi buồn dưới thủy cung. Chàng nghĩ tới Mị Nương và vẫn không thôi khao khát được cùng nàng nên vợ

nên chồng. Và có lẽ buồn hơn cả là cái tiếng xấu mà thiên hạ đã gán cho chàng kể từ ngày chàng và Sơn Tinh giao chiến để giành Mị Nương. Thế rồi một hôm, Thuỷ Tinh quyết đi tìm Mị Nương. Chàng từ biển Đông ngược dòng sông Hồng, men theo con suối nhỏ để đi lên núi Tản. Một ngày. Hai ngày. Một tháng. Hai tháng. Núi Tản kia rồi. Thuỷ Tinh nép mình sau tảng đá lớn. Chàng hi vọng Mị Nương sẽ ra suối...

Và quả như chàng đã dự đoán. Một buổi sáng, khi chim rừng cất cao tiếng hót chào đón những tia nắng đầu tiên thì Mị Nương xuất hiện. Nàng ra suối ngắm cảnh. Đã mấy ngàn năm mà nhan sắc của Mị Nương không hề phai. Vẫn dáng người mảnh mai, thướt tha. Vẫn gương mặt hiền như ánh trăng rằm. Vẫn mái tóc dài tuôn từ bờ vai rủ xuống gót chân óng ả, đen mượt. Thuỷ Tinh rời khỏi chỗ nấp tiến về phía Mị Nương. Nàng hoảng sợ lùi lại. Thuỷ Tinh vội buồn rầu lên tiếng :

– Nàng đừng sợ ! Nàng không nhận ra ta ư ?

– Chàng là... – Mị Nương ngập ngừng... Trong thoáng chốc, nàng đã nhớ lại hình ảnh cuộc đua tài tranh ngôi phò mã tại Phong Châu ngày trước. – Chẳng lẽ chàng là Thuỷ Tinh đó sao ? Chàng tìm ta làm gì ? Ta là gái đã có chồng. Mấy ngàn năm rồi, bao nhiêu tai hoạ chàng gây cho nhân dân ta như vậy vẫn chưa đủ ư ?

– Mị Nương ! Nàng hãy nghe ta. Ta đi tìm nàng lần này là để thanh minh câu chuyện ngày trước, để nàng đừng oán giận ta nữa ! – Thấy Mị Nương im lặng, Thuỷ Tinh lấy hơi kể liền một mạch. – Nàng biết không : Ngay từ buổi đầu gặp nàng, ta đã mơ ước cùng nàng xe tơ kết tóc. Có trời đất chứng giám lòng thành của ta đối với nàng. Hôm độ sức cùng Sơn Tinh, ta cũng thầm phục chàng trai ấy. Nhưng tình yêu thì không thể chia sẻ nên ta cố gắng đem hết tài năng của mình ra để vừa ý nàng và vừa ý vua cha. Chắc nàng cũng thấy rõ ta và Sơn Tinh hoàn toàn ngang tài ngang sức...

– Nhưng tại vì chàng đã mang lễ vật đến muộn hơn phu quân ta, sao chàng còn oán giận mà gây cảnh binh đao ? – Mị Nương ngắt lời Thuỷ Tinh.

– Nàng thực không công bằng với ta rồi – Thuỷ Tinh buồn rầu. – Nàng không nhận thấy rằng khi vua Hùng yêu cầu lễ vật, vua đã ngầm thiên vị cho Sơn Tinh đó sao ? Tất cả các lễ vật ấy, từ gạo nếp đến voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao đều là sản vật của núi rừng – vương quốc của Sơn Tinh – còn ta là chúa miền nước thẳm, giữa biển cả bao la, làm sao ta có thể tìm ngay được các lễ vật ấy chỉ trong vòng có một đêm. Vậy mà nàng thấy đó, ta đâu có nản chí. Ngay khi rời khỏi thành Phong Châu, ta cùng với Binh Tôm, Tướng Cá toả đi các ngả để tìm.

Bao nhiêu gian nan, ta đâu ngại. Bao nhiêu vất vả, ta đâu sờn. Chỉ hiềm nỗi khi ta có được tất cả các thứ ấy để đem đến thành Phong Châu ra mắt nhà vua thì đã chậm mất rồi. Được tin Sơn Tinh đã rước nàng lên núi, ta đau buồn và tuyệt vọng quá. Mị Nương ! Nàng có hiểu cho tâm trạng của ta lúc bấy giờ không ?

Mị Nương thoáng đỏ mặt. Nàng không thể không chạnh lòng trước lời tâm sự chân thành của Thuỷ Tinh. Tự nàng cũng rõ rằng ngày ấy, khi cùng các Lạc hầu bàn bạc để tìm ra cách chọn rể hiền, vua cha cùng với quần thần trong triều đã ngầm thiên vị cho Sơn Tinh. Ngay cả nàng lúc ấy, dù thâm thán phục cả hai chàng như nhau, nhưng tự trong thâm tâm, nàng vẫn thấy Sơn Tinh gần gũi với mình hơn. Và lại, chỉ nghĩ tới việc lấy chồng về miền nước thẳm, xa xôi cách trở, nàng đã sợ hãi rồi... Nhưng mọi chuyện đã qua... Mị Nương nghiêm nghị nhìn Thuỷ Tinh.

– Ta hiểu lòng chàng. Nhưng sau khi mọi việc đã yên bề sao chàng còn gây chiến với phu quân ta mãi không thôi, để muôn dân điêu đứng ? Chàng thật đáng trách...

– Mị Nương ! Việc ta đánh Sơn Tinh ngày ấy cũng dễ lí giải thôi. Ta không có ý gì khác ngoài mong muốn giành lại nàng. Lúc thất bại, ta hiểu rằng điều đó không thể được. Ta lui về thuỷ cung cùng nỗi buồn từ ngày ấy. Còn các cuộc chiến hàng năm đâu phải do ta. Đó là bởi bọn Binh Tôm, Tướng Cá, những trợ thủ đắc lực của ta muốn trả thù cho chủ, và để giải toả cho ta nỗi buồn này. Mặt khác, nạn lũ lụt hàng năm ấy còn là bởi con người nữa đấy. Những cánh rừng đầu nguồn bị tàn phá vô tội vạ. Môi trường bị ô nhiễm nặng nề... Nàng phải hiểu cho ta, Mị Nương ! Làm sao ta có thể nhận cả những lỗi không phải của mình.

Thuỷ Tinh ngừng lời. Chàng đã nói được những gì cần nói. Và nỗi buồn nặng trĩu trong lòng chàng từ hàng ngàn năm nay hình như cũng có phần vơi đi. Chàng nhìn Mị Nương lần cuối rồi lặng lẽ theo dòng suối đổ ra sông, về với đại dương mênh mông.

Mị Nương đứng lặng hồi lâu. Lời Thuỷ Tinh vẫn còn văng vẳng bên tai nàng. Sự oán trách Thuỷ Tinh dường như đã tiêu tan đâu cả. Nàng nghĩ tới những câu nói cuối cùng của thần nước. Những cánh rừng đầu nguồn bị tàn phá... Môi trường bị ô nhiễm... Con người cũng chịu một phần trách nhiệm trước những thiên tai. Nàng hiểu ý Thuỷ Tinh muốn nói gì. Điều nàng có thể làm được lúc này để minh oan phần nào cho Thuỷ Tinh chính là cùng với Sơn Tinh ngăn chặn những sai lầm của con người. Phải giữ lấy những cánh rừng. "Thuỷ Tinh ! Chàng hãy yên tâm. Thiếp sẽ không phụ lòng chàng đâu !". Mị Nương thầm nhủ trong lòng. Nàng rời bờ suối, rào gót quay về. Sơn Tinh còn đợi nàng trên đỉnh núi kia.

Một ngày mới đang bắt đầu.

Đề 9 : Có một lần, em đã vô tình mắc lỗi với ông (bà). Điều ấy làm em ân hận mãi. Hãy kể lại câu chuyện.

Bài làm

– Trang Nhung đâu rồi ? Ra đón khách này !

Đang ngồi xem dở cuốn băng hoạt hình hấp dẫn, nghe tiếng gọi của bác xích lô quen cùng xóm, tôi vội vã chạy ra.

– A ! Ngoại ! Ngoại, mẹ ơi !

Tôi ríu rít lên vì mừng. Đã lâu lắm rồi, hôm nay bà ngoại từ quê ra thăm gia đình tôi. Từ sau bếp, bố mẹ tôi cũng vội vã chạy ra. Mẹ cứ lú ra, lú rú bên ngoại. Chắc mẹ vui lắm. Nhìn thái độ mọi người, khuôn mặt nhăn nhoe của ngoại hình như rạng rỡ hẳn. Ngoại hấp háy mắt, chớp chớp, rồi mắng yêu :

– Thế nào ! Các anh chị không mời tôi vào nhà sao ! Hay tiếp khách ngoài ngõ này hả ?

Lúc ấy, mẹ tôi mới sực nhớ ra là ngoại chưa vào đến nhà. Mẹ cười ngượng ngịu, ôm lấy vai ngoại rồi cùng đi vào. Tôi giành phần ôm chiếc tay nải mà ngoại khoác trên vai. Chiếc tay nải khá nặng. Có lẽ là quà bánh gì đấy chăng ?

Sau khi đã rửa mặt mũi, chân tay và thay bộ quần áo bám đầy bụi bặm, ngoại đi vào nhà. Mẹ đã pha sẵn cốc nước giải khát để ngoại uống cho mát. Bố thì loay hoay bật quạt. Ai cũng lú rú hỏi những tin tức ở quê. Nào là ông đạo này có khỏe không ? Nào là em bé nhà cậu Hoà đã biết làm gì ?... Riêng tôi, cứ ngồi thuôn mặt ra. Tôi chả biết nói gì cả. Thấy thế, ngoại vội kéo tôi vào lòng.

– Chao ôi ! Mãi chuyện, bà quên hỏi thăm cô cháu gái yêu của bà ! Cháu bà lớn quá rồi. Càng lớn càng giống bố mày như lột. Thế nào ? Em Mầm đi học mẫu giáo có ngoan không ? Chiều mới đón về à ? Trang Nhung có biết nhường nhịn em không ?

Ngoại hỏi nhiều quá làm tôi không kịp trả lời. Vả lại, mắt tôi còn đang bận nhìn cái tay nải cũ. Chắc hẳn quà trong ấy nhiều lắm. Như đọc được ý nghĩ của tôi, ngoại chợt kêu lên :

– Chết nỗi ! Bà quên lấy quà ra mắt.

Chỉ cần đợi câu đó, tôi lật đật chạy lại xách cái tay nải đến cho ngoại. Ngoại vui vẻ lôi ra từng thứ một, không quên giới thiệu cụ thể từng loại quà. Đây là mớ

dậu đen vườn nhà để mẹ nấu chè. Đây là gói trà bà tự sao lấy để bố pha nước. Đây là đùm nếp mới cậu Hoà gửi để thổi xôi ăn sáng. Cuối cùng, ngoại lôi từ đáy tay nải ra một túi cam, mắt hấp háy.

– Đây là quà cho hai cháu tôi. Cam đầu mùa đấy. Năm nay nó mới ra bói được ngần này quả. Ông may hôm nào cũng ra ngắm nhía. Chỉ đợi đến ngày hái được là giục bà đi ngay.

Chẳng đợi ngoại nói hết câu, tôi phụng phịu :

– Tưởng gì chứ cam thì nhà cháu có ối ra. Mẹ cháu mua nhiều, bỏ trong tủ lạnh ấy. Máy quả cam này xanh thế chắc chua loét chẳng ăn được đâu.

Niềm vui trên gương mặt ngoại vụt tắt. Ngoại lặng lẽ đặt mấy quả cam xuống bàn không nói gì cả. Bố tôi vội vã chạy lại.

– Trang Nhung ! Sao con lại ăn nói thế hả ? Xin lỗi bà ngay đi ! – Rồi bố quay sang bà : – Mẹ đừng buồn ! Cháu nó còn dại.

Thấy thái độ của ngoại và của bố, tôi biết mình đã lỡ lời, vội lúng búng xin lỗi rồi chạy ù vào nhà trong. Nhưng trong lòng tôi vẫn ấm ức. Tưởng gì chứ cam thì ngày nào mà chị em tôi chả được ăn ! Vừa lúc đó, mẹ tôi đi vào. Nhìn nét mặt mẹ, tôi hiểu rằng mẹ đang rất giận.

– Trang Nhung ! Con hư quá ! Con có biết là con đã khiến cho bà đau lòng không ? Những món quà mà bà đưa từ quê ra là tất cả tấm lòng của ông bà. Mẹ có thể mua cho con rất nhiều những trái cam ngon. Nhưng làm sao có giá trị bằng những trái cam đầu mùa mà ông bà dành cho các con. Sao con dám phụ tấm lòng của ông bà hả ?

Mẹ còn nói nhiều, nói nhiều nữa. Nhưng tai tôi đã ù đi. Chao ôi ! Tôi thật là ích kỉ, đại dốt và ngốc nghếch ! Tình thương mà ông bà dành cho tôi, làm sao tôi lại không biết cơ chứ ! Vậy mà, tôi đã làm cho ngoại phiền lòng. Tôi dè dặt bước ra. Ngoại tôi vẫn ngồi trên chiếc ghế xa lông đã cũ. Đến lúc này tôi mới nhìn kĩ ngoại tôi. Mái tóc ngoại hình như bạc hơn trước. Gương mặt khắc khổ dướm buồn. Nước mắt tôi không hiểu sao cứ trào ra. Trong lòng tôi, một nỗi ân hận dâng lên. Ngoại ơi ! Tha lỗi cho con nghe ! Tôi không thể thốt lên được câu đó. Chỉ chạy lại, vùi đầu vào lòng ngoại. Tôi cảm nhận được hương vị quen thuộc toả ra từ bộ áo quần nâu đã sờn bạc và khuôn miệng đang bồm bẻm nhai trầu của ngoại. Bàn tay nhăn nheo của ngoại vuốt vuốt lên tóc tôi. Ngoại ôm tôi vào lòng, vỗ về như ngày tôi còn bé... Ngoại ơi ! Con biết ngoại đã tha lỗi cho con. Phải thế không hả ngoại ?

Câu chuyện ấy xảy ra đã lâu lắm rồi. Nhưng tôi còn nhớ mãi. Nhớ mãi không bao giờ quên.

Đề 12 : Kể một câu chuyện có nội dung nói về công cha nghĩa mẹ như câu ca dao :

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Bài làm

Tuổi thơ – hai tiếng ấy thật là thiêng liêng, có lẽ bởi vì thế mà ai cũng nâng niu, gìn giữ trong trái tim mình. Đó là những hoài niệm đẹp khó phai mờ : Đêm trăng nghe bà kể cổ tích, buổi chiều thả diều trên con đê... Và với tôi cũng vậy, kỉ niệm về mùa thu năm ấy với hình ảnh người cha cứ sáng mãi, cứ dọi về mỗi khi nhớ lại, mỗi khi băng khuâng...

Chả là nhà tôi cách thành phố nơi tôi học hơn năm cây số. Ngày ngày, cha tôi chở tôi đi học trên chiếc xe đạp cọc cạch mà cả nhà tôi vẫn gọi đùa là "con chiến mã". Vào những ngày hè oi ả, nắng như đổ lửa, cha vẫn cặm cụi lái tôi. Mỗi giọt mồ hôi âm thầm thấm ướt vai áo cha là một niềm tin, ước mong tốt đẹp của cha về tôi. Những ngày đông rét cắt da cắt thịt, chống chọi với mưa gió, cha vẫn chở tôi trên con đường quen thuộc.

Mùa thu năm ấy, một mùa thu tôi không thể nào quên. Đó là những ngày lụt lội. Tôi còn nhớ rất rõ. Nước ngập hơn nửa bánh xe. Mưa, gió gào rít dữ dội. Cha tôi hôm ấy hơi mệt vì tối qua bị mắc mưa. Nếu nghỉ mất một buổi học thì hơi tiếc vì toàn là môn khó. Nhưng nhìn cha với dáng vẻ mệt mỏi, rồi nhìn ra ngoài trời... mưa gió..., tôi lại tự an ủi : "Thôi, mai mình mượn vở của bạn cũng được. Nhưng nếu mai cũng...".

- Thuý ơi ! – Tiếng gọi của cha cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi.
- Dạ ! – Tôi vừa trả lời, vừa chạy vào.
- Con lấy cặp đeo vào, mặc áo mưa rồi dắt xe ra, cha sẽ chở con đi.
- Nhưng mà cha...
- Không sao đâu, cha chỉ hơi mệt thôi mà. Lẹ lên con !
- Vâng ạ !

Vậy là tôi lại cùng cha đến trường, trên con "ngựa sắt đã về già". Gió ngoài này thật mạnh, cha con tôi lại đi ngược chiều. Cha còng lưng, đạp mạnh lên. Bàn tay của cha giữ chặt ghi đông. Tôi có cảm giác đôi bàn tay vững chãi đó đang hơi

run run. Cha như đang dồn tất cả sức vào đôi chân, gồng cả người lên. Tôi biết là cha đang rất cố gắng. Đã có lúc tôi tưởng như một cơn gió mạnh thổi qua nữa thì sẽ hất tung cả con ngựa sắt này đi mất. Ngồi sau xe, tôi cứ mong sao cho mưa hãy giảm, gió hãy ngừng rít đi. Bỗng "rắc". Hình như chú ngựa sắt cũng đã kiệt sức rồi thì phải. Tôi lo lắng. Cha tôi vội xuống xe, rồi lắc đầu :

– Phải dắt bộ thôi con ạ !

Tôi chân chừ :

– Hay là... Hay là ta quay về nhà, cha ?

– Ta đi đã hơn nửa đoạn đường rồi, quay về làm gì nữa, đi tiếp thôi. Con cứ ngồi yên nhé.

Cha tôi bì bõm lội nước đẩy xe đi. Mưa gió không thuyên giảm mà dường như còn mạnh hơn. Cha vẫn cố gắng, cố gắng từng bước. Tôi biết là cha mệt mỏi. Quần áo cha ướt sũng. Nước mưa chảy ròng ròng trên gương mặt cha... Cuối cùng, ngôi trường của tôi đã hiện ra. Tôi vào học không bị chậm và cũng cảm thấy chưa có buổi học nào ý nghĩa như vậy.

Đến chiều thì nước rút. Nhưng buổi tối hôm ấy cha tôi bị cảm lạnh, nằm li bì suốt mấy tiếng đồng hồ. Bón từng thìa cháo cho cha, tôi thấy mắt mình cứ cay cay, chực vỡ oà ra mất. Tôi thỏ thẻ :

– Cha ơi ! Vì con mà cha bị cảm ! Con xin lỗi cha.

– Không sao đâu con gái ạ ! Cha chịu khổ đã quen rồi. Chỉ cốt sao con cố gắng học hành cho giỏi giang...

– Vâng... – Tôi không thể nói tiếp thêm một lời nào nữa. Cũng may lúc đó, mẹ tôi từ dưới bếp đi lên, bảo tôi ra học bài để cha nằm nghỉ cho đỡ mệt.

Hôm sau cha tôi đỡ hẳn. Những buổi học tiếp theo, cha vẫn chờ tôi đi trên chiếc "chiến mã" ấy. Năm đó, tôi đã đạt giải nhì học sinh giỏi tỉnh. Đây là kết quả của quá trình cố gắng của tôi. Và có lẽ một phần nhiều còn là do tình thương mà cha mẹ đã dành cho tôi. Lúc nhận phần thưởng, tôi bất gặp ánh mắt và nụ cười rạng rỡ của cha. Tôi thầm cảm ơn người cha kính mến.

Thế đấy các bạn ạ . Đó là một kỉ niệm sâu sắc mà bây giờ hay cho mãi về sau tôi cũng không thể nào quên được. Nó trở thành một sợi dây vô hình neo giữ những kí ức tuổi thơ, neo giữ những tình cảm thiêng liêng để tôi luôn tự nhắc với lòng mình rằng : Phải sống tốt hơn ! Sống tốt hơn nữa !

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai , Thành phố Vinh)

Đề 17 :

Có một ngọn núi uy nghi, diêm tĩnh, từ bao đời đứng đó. Và dưới chân núi, một dòng suối nhỏ ngày đêm chảy róc rách, đi du lịch khắp mọi miền nên kiêu căng, hợm hĩnh. Hãy tưởng tượng và kể một câu chuyện về hai nhân vật này.

Bài làm

Mùa xuân, trăm hoa đua nở, chim hót líu lo, cảnh vật tràn trề một sức sống mới. Một ngọn núi sừng sững, uy nghi đứng đó từ bao đời nay. Dưới chân núi, dòng suối róc rách chảy đêm ngày. Nó tung tăng khắp mọi nơi và cất vang tiếng hát. Bỗng một hôm, dòng suối cất giọng hỏi ngọn núi :

– Bác Núi ơi ! Bác đang làm gì thế ? Sao lúc nào cũng trầm ngâm, tư lự ? Hay bác đang có chuyện nghĩ ngợi buồn phiền ?

– Cô Suối đấy à – ngọn núi ồm ồm trả lời. – Tôi có buồn đâu. Tôi đang làm việc đấy thôi. Công việc của tôi là tích trữ chất màu mỡ để nuôi cho cây cối xanh tươi.

– Chao ôi ! Bác si... êng quá nhỉ ! – Dòng suối bĩu môi, kéo dài giọng. – Lúc nào bác cũng chỉ nghĩ đến công việc thôi ư ? Suốt đời chôn chân tại chỗ mà bác chẳng buồn à ? Chả bù cho tôi, suốt ngày suốt đêm được rong chơi thoải thích. Nào là giỡn với những tia nắng vàng. Nào là đùa cùng với ánh trăng bạc. Tôi còn đi đến tận sông dài biển rộng để được thấy, được nghe bao điều thú vị. Chao ôi ! Thích ơi là thích ! Là la... Là la...

Nghe dòng suối huênh hoang, ngọn núi chỉ mỉm cười :

– Rong chơi đây đó thì cũng thích thật. Nhưng chơi mãi mà không thấy chán sao hả cô Suối ?

– Chán ư ? Bác nói buồn cười quá nhỉ ! Làm sao mà có thể chán được cơ chứ ? Đúng là suy nghĩ thiên cận của một kẻ cổ hủ, già cỗi, suốt đời chẳng được đi đến đâu.

– Đừng vội kiêu căng cô Suối ạ – ngọn núi vẫn ôn tồn – quả là tôi không được đi đến đâu nhưng tôi vẫn cảm thấy cuộc đời mình rất hạnh phúc. Cô hãy nhìn những cây xanh trên mình tôi đây. Bao nhiêu năm trời, tôi đã tiếp sức để chúng trưởng thành. Và bây giờ, nhờ màu xanh của cây cối mà tôi luôn giữ được mực nước trong khe lúc nào cũng đủ cung cấp cho cô đấy.

Dòng suối chẳng thèm nghe ngọn núi nói hết câu. Nó vênh mặt lên, ngúng nguẩy bỏ đi. Thiên nhiên tươi đẹp đang chờ đón nó trước mắt với bao niềm thích thú, say mê.

Rồi mùa xuân qua đi, mùa hè lại tới. Chưa bao giờ hạn hán lại kéo dài đến thế. Mặt trời chói chang như quả cầu lửa hun nóng tất cả mọi vật và cây cối rũ xuống. Hoa không còn nở, chim chẳng còn hót. Dòng suối cảm thấy mệt mỏi

chẳng còn đủ sức mà rong chơi nữa. Một ngày kia, nó hốt hoảng nhận ra rằng mình đang ngày một cạn kiệt di. Nó ngược nhìn lên ngọn núi sừng sững. Một màu xanh vẫn phủ kín, trông mới tràn trề sức sống làm sao. Dòng suối chọt nép mình vào chân núi và cảm thấy mình thật bé nhỏ. Thật bé nhỏ !

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 20 : Lời tâm sự của một bức tường loang lổ những vết xước và những hình vẽ.

Bài làm

Một buổi sáng, tôi đến trường sớm hơn mọi ngày để làm trực nhật. Đang từ từ đưa những nhát chổi nơi hành lang, tôi chợt nghe thấy tiếng rên rỉ : "Ái ! Đau quá ! Sao tôi lại khổ thế này ?". Tôi bước về phía có tiếng rên ấy và sững người lại : Trước mắt tôi, bức tường hành lang loang lổ những vết xước và những hình vẽ. Chắc đây là trò đùa của mấy cậu học sinh lớp 6E đây mà. Lớp này luôn đứng bết trường vì mấy vị tướng này.

Tiếng bức tường lại rên rỉ : "Cô bé ơi ! Người tôi toàn những vết thương. Đau đớn quá ! Đã bao năm nay, tôi góp sức mình đem lại vẻ đẹp cho trường cho lớp. Vậy mà có những cậu học sinh ngỗ ngược đã không biết ơn tôi, lại còn hành hạ tôi ra nông nổi này đây. Cô còn nhớ không, hồi đầu năm học, các bác thợ nề đã trang hoàng cho tôi một bộ áo khoác trắng tinh. Tôi sung sướng vì đã làm đẹp thêm cho trường và mang lại niềm vui cho các cô cậu khi bước vào năm học mới. Ở nơi đây, tôi đã chứng kiến biết bao nhiêu kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi học trò. Vậy mà... Những gì diễn ra trong buổi chiều hôm qua thật là khủng khiếp. Bây giờ nghĩ lại tôi vẫn còn chưa hết bàng hoàng.

Chiều hôm qua, khi trống trường đã tan, một nhóm học trò vẫn còn nán lại. Họ thì thầm với nhau điều gì đó rồi cả lũ kéo đi. Một lúc sau họ quay lại, mặt cậu nào cậu nấy đỏ phừng phừng. Quần áo thì lấm lem bụi đất. Hình như họ vừa đá bóng thua thì phải. Tiếng cãi nhau ồm ồm. Tiếng gắt gỏng ồm ồm. Bỗng "huych"... Cậu Dũng "béo" thượng cả đôi giày bản thủ, dấn đây bùn đất đá phốc vào người tôi khiến tôi choáng cả người. Chưa kịp định thần lại thì thêm một cú trời giáng nữa. Tôi tối tăm cả mặt mũi. Ôi ! Cái áo trắng tinh của tôi ! Một vài vết xước đã hằn trên thân thể tôi.

Thế vẫn chưa đủ. Cậu Hùng "gấu" lại thẳng tay cầm nửa viên gạch ném vào người tôi đánh "chát". Một mảng tường vỡ ra, rơi xuống. Tôi đau đớn, ê ẩm toàn thân. Hình như các cậu học trò này trút hết cả bực tức lên mình tôi. Những viên gạch vỡ rào rào. Rồi những hình thù kì dị được vẽ lên mình tôi. Nào là mặt quỷ. Nào là mặt siêu nhân. Khắc rồi xoá. Xoá rồi lại khắc. Vội vã rơi lả tả. Nghe những tiếng cười khoái trá của những cậu học trò mà tôi đau đớn quá".

Lắng nghe lời tâm sự của bức tường, tôi cảm thấy những cậu học trò ấy thật đáng trách. Tôi cúi xuống thu gom những mảnh gạch vỡ và vụn vôi, dọn lại bãi chiến trường. Ngay chiều hôm ấy, bác bảo vệ trường cùng với nhóm học sinh nghịch ngợm chiều qua đã đưa vôi vữa đến, sửa sang lại bức tường. Những vết xước, những hình vẽ đã được xóa đi. Bức tường lại khoác chiếc áo choàng màu trắng. Nhưng câu chuyện đáng buồn ấy thì có thể sẽ không bao giờ mờ phai trong tâm trí của nó. Và cả của tôi nữa.

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 27 : Sẻ Mẹ thường dạy các con của mình : "Có công mài sắt có ngày nên kim". Nhưng có một chú Sẻ Con bướng bỉnh không biết nghe lời, khi tập bay đã phải vấp nhiều thất bại mới hiểu hết lời khuyên của mẹ. Câu chuyện sẽ diễn ra như thế nào ? Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện ấy.

Bài làm

Hoan hô ! Hoan hô ! Sẻ Em giỏi quá !

Cả khu rừng xôn xao những tiếng reo vui. Việc Sẻ Em biết bay đã trở thành một sự kiện thật quan trọng. Từ chị Sóc nâu cho đến bác Nhím già, ai cũng có lời chúc mừng khiến Sẻ Em cảm động ứa nước mắt.

Nhưng để có được niềm vui ngày hôm nay, đâu phải điều đơn giản. Nghĩ lại chuyện cũ, Sẻ Em cứ xấu hổ mãi.

Gia đình nhà Sẻ sống trong khu rừng này từ bao giờ, Sẻ Em không biết nữa. Từ khi ra đời, Sẻ Em đã thấy mọi người thật gần gũi và thân thiết với mình. Sẻ Mẹ chăm sóc các con rất chu đáo. Anh em Sẻ chẳng thiếu thứ gì. Hôm thì những hạt thóc vàng ươm. Hôm thì nắm kê béo ngậy. Có hôm lại là chú cào cào... Khi anh em nhà Sẻ đã cứng cáp, mẹ dành thời gian dạy chúng tập bay. Bao giờ mẹ cũng nhắc đi nhắc lại cái câu "Có công mài sắt có ngày nên kim". Sẻ Em nghĩ bụng : "Họ nhà chim thì ai mà chẳng biết bay. Cứ có cánh là bay được tất, cần gì phải tập !".

Nghĩ thế nào thì làm thế đó, những buổi tập bay, mặc cho mẹ dỗ dành thế nào, Sẻ Em cũng tìm cơ để trốn tránh. Nào là đau bụng. Nào là nhức đầu. Rồi lại đau cánh nữa chứ. Sẻ Anh thì ngược lại, luôn luôn nghe lời mẹ, cần mẫn tập bay. Hải lòng về Sẻ Anh bao nhiêu, mẹ lại buồn vì Sẻ Em bướng bỉnh. Nhưng Sẻ Em đâu có bận tâm. Chiều con, Sẻ Mẹ cũng không ép.

Thời gian trôi qua. Sẻ Anh đã bay thành thạo, theo mẹ kiếm mồi. Sẻ Em cứ nằm trong tổ, đợi mẹ. Nhưng nằm mãi rồi cũng chán. Nghe anh kể những chuyện lí thú ở bên ngoài, Sẻ Em cũng thấy thèm. "Phải bay ra ngoài thôi". Sẻ Em nghĩ bụng. Một buổi sáng nọ, đợi mẹ và anh bay đi kiếm mồi, Sẻ Em lén ra cửa tổ.

Cả một thế giới mới lạ mở ra trước mắt chú. Đây là chị Sóc nâu chuyển cành nhanh thoăn thoắt. Đây là mẹ con nhà bác Nhím già xù lông tua tủa trông thật buồn cười. Sẻ Em muốn được ra khỏi tổ. Phải bay mới được. Nhưng bay như thế nào, Sẻ Em đâu biết. Có lẽ chỉ xoè cánh ra là được chứ gì ! Dễ quá ! Sẻ Em đến sát mép tổ, xoè cánh ra, ngỡ là mình sẽ được vi vu giữa bầu trời cao rộng kia. Nào ! Bắt đầu nhé ! Sẻ Em nhấc chân ra khỏi tổ. Chưa kịp định thần thì đã rơi bệt xuống đất. "Ồi đau quá ! Đau quá !". Sẻ Em rên rỉ. Bác Nhím và chị Sóc vội vã chạy tới. Sẻ Em đã bị gãy một bên cánh. Khi về tổ, biết chuyện, Sẻ Mẹ cuống quýt lên. Thương Sẻ Em quá, Sẻ Mẹ cứ khóc mãi.

Chỉ sau một tuần, vết thương của Sẻ Em đã lành lặn. Sẻ Mẹ quyết định tập cho Sẻ Em bay. Lúc này thì Sẻ Em mới thấy rằng để bay được đâu phải dễ. Một hôm. Hai hôm. Chỉ mỗi động tác dang cánh để giữ thăng bằng thôi mà sao khó thế. Người Sẻ cứ đau ê ẩm. Thấy Sẻ Em nản chí, Sẻ Mẹ lại động viên : "Có công mài sắt có ngày nên kim con ạ !". Sẻ Em không thể kiên trì được, cứ chực bay ngay. Nhiều hôm ngã đau điếng.

Một tháng trôi qua. Sẻ Em quen dần với bài tập luyện của mẹ. Chú không còn thấy chán nản nữa. Thú nhất là lúc nâng mình lên, bay bổng trên không trung, hay được nhảy chuyển từ cành này sang cành khác. Sẻ Mẹ luôn miệng nhắc : "Cẩn thận nhé con ! Khéo ngã đấy !". Giờ thì Sẻ Em thấy lời khuyên của mẹ bao giờ cũng đúng. Chú ngoan ngoãn vâng lời.

Hôm nay, lần đầu tiên Sẻ Em được theo mẹ và anh đi kiếm mồi. Có nghĩa là được bay xa, ra khỏi cánh rừng này. Chú vui quá. Cứ háo hức mãi. Nhìn đôi cánh non nớt của Sẻ Em vẫy vẫy, và bóng chú vút lên không trung, Sẻ Mẹ mừng rơi nước mắt. Còn cả khu rừng thì xôn xao : "Hoan hô Sẻ Em ! Hoan hô Sẻ Em !".

Sẻ Em nghiêng cánh chào tất cả mọi người. Phía trước kia, bao điều lí thú đang chờ đợi chú.

Bay lên ! Bay lên nào !

Đề 28 : Cho hai nhân vật là một Giọt Nước Mưa Động Trên Lá Non và một Vầng Nước Đục Ngầu Trong Vườn. Hãy hình dung cuộc trò chuyện lí thú giữa hai nhân vật và kể lại.

Bài làm

Sau một đêm mưa rào, bầu trời quang đãng hẳn. Bình minh lên ! Một bình minh thật trong trẻo. Đâu đó trong không gian vẫn còn đọng chút hương vị của trận mưa đêm. Mặt trời lên cao dần. Những tia nắng vàng tươi làm cảnh vật thêm bừng sáng. Cây cối trong khu vườn xôn xao. Chúng hớn hờ phô ra bộ cánh màu xanh rờn lấp lánh những giọt mưa còn đọng lại.

Có một Giọt Nước Mưa đậu trên cánh đoá hồng nhung non tơ. Nó vừa được tia nắng sớm thức dậy, ngái ngủ vươn mình ngắm nhìn xung quanh. Rồi nó nhìn lại mình, sung sướng nghĩ bụng : "Chà ! Mình đẹp quá. Có lẽ muôn vật trong khu vườn này đều đang chiêm ngưỡng vẻ đẹp kiều diễm của mình !".

Quả là Giọt Nước Mưa đẹp thật. Nó khoác bộ cánh trong veo, lóng lánh muôn màu sắc. Đó là bộ cánh được dệt bằng làn nước và những tia nắng mặt trời. Sắc xanh của chiếc lá non càng tô điểm thêm cho vẻ đẹp của nó. Giọt Nước Mưa nhún nhảy khoe mình. Nó nghĩ rằng chắc mọi người đang ngắm nó với những ánh mắt vừa ghen tị, vừa khâm phục.

Chợt Giọt Nước Mưa nhìn xuống. Nó trông thấy một vũng nước đục ngầu ngay dưới gốc cây hoa hồng. Trận mưa đêm qua lớn quá. Nước còn đọng từng vũng, chưa kịp ngấm hết. Giọt Nước Mưa kêu lên :

– Eo ôi ! Bác Vũng Nước ơi ! Sao mà bác bẩn thế ! Sao mà bác xấu xí thế ! Quần áo đẹp của bác đâu rồi ?

– Giọt Nước Mưa đấy à ! – Vũng Nước ôn tồn đáp lại. – Bác làm gì có quần áo đẹp ! Mà nếu có thì bác cũng chẳng đủ thời giờ để mặc mà ngắm nghía nữa, cô bé ạ !

– Nhưng trông bác xấu lắm. Bộ quần áo bẩn thỉu, phát khiếp lên được. Bác hãy nhìn tôi đây này ! Tôi mới lộng lẫy làm sao !

– Cô bé ạ, quần áo đẹp hay xấu thì quan trọng gì ! Vấn đề là làm sao để có ích cho đời chứ ! – Vũng Nước vẫn ôn tồn.

– Có ích ư ? Bác hãy xem mọi người đang thán phục nhìn tôi kia kìa ! Với bộ váy rực rỡ này, tôi đã góp phần làm đẹp cho khu vườn đấy thôi. Còn bác, bác xấu xí thế thì phỏng có ích gì ?

– Cháu đừng vội kiêu căng như vậy, cô bé ạ ! Bác đang phải tiếp nước cho đất mẹ để giữ độ ẩm cho khu vườn này. Nhờ thế mà cây cối xanh tươi quanh năm đấy. Quần áo bác đẹp hay xấu gì thì đâu có quan trọng. Chỉ lát nữa thôi, bác đã phải hoà tan vào lòng đất rồi.

Chẳng đợi Vũng Nước nói hết câu, Giọt Nước Mưa đã ngúng nguẩy quay đi. Nó uốn éo, nhảy nhót trên cành lá non tơ. "Mình đẹp quá đi mất" ! Nắng càng rực rỡ thì bộ váy của nó càng lóng lánh. Gió ban mai còn đưa đẩy chiếc lá, khiến cho nó càng thấy mình lộng lẫy hơn.

Mặt trời lên cao. Giọt Nước Mưa cảm thấy hình như mình đang bị thu nhỏ lại. Nó không còn đủ sức để nhún nhảy nữa. Nó khô dần. Khô dần, rồi tan biến.

Trong khi đó, Vũng Nước đọng vẫn cần mẫn thấm dần, thấm dần vào lòng đất. Vị nước mát lạnh, ngọt ngào tiếp sức cho từng chiếc rễ của cây hoa hồng. Cành lá rung rinh, rung rinh trong gió như muốn nói : "Cảm ơn bác Vũng Nước ! Cảm ơn bác Vũng Nước !".

Chương II : VĂN MIÊU TẢ

1. Hướng dẫn giải bài tập

Bài 1 : – Có hai yêu cầu. Tìm nét nổi bật của cảnh vật được miêu tả và dựa vào đó để đặt tên cho từng đoạn văn. Hai yêu cầu này có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Cần lưu ý là muốn tìm nét nổi bật của cảnh phải thông qua các hình ảnh. Việc đặt tên cho đoạn văn phải đảm bảo yêu cầu ngắn gọn, phù hợp và giàu hình ảnh.

– Ví dụ mẫu : Đoạn a

+ Nét nổi bật của cảnh được miêu tả : Cảnh vật như náo loạn trong cơn bão lớn.

+ Đặt tên : "Bão đêm".

(Dựa vào ví dụ mẫu để giải đáp đoạn b,c)

Bài 2 : – Yêu cầu : Tìm nét nổi bật của từng mùa trong năm và phác hoạ nhanh bằng những đoạn văn miêu tả. Mỗi mùa phải hiện lên với những đặc điểm đặc trưng riêng biệt đặc sắc, không nên giới thiệu chung chung, tránh tình trạng lẫn lộn giữa mùa này với mùa kia.

– Mẫu : Mùa xuân : Không khí ấm áp. Mưa xuân lất phất, dịu dàng rải xuống vạn vật. Từ những cành cây trần trụi, gầy guộc, trỗi dậy những mầm non tươi xanh mơn mơn. Hoa nở. Chim hót. Không gian chan hoà hương thơm và rộn rã âm thanh. Lòng người cũng phơi phới, tràn đầy ước mơ, hi vọng.

(Theo mẫu để làm tiếp yêu cầu đối với các mùa còn lại trong năm).

Bài 3 : Yêu cầu của bài tập này là dùng hình ảnh so sánh để viết tiếp câu văn còn dang dở sao cho cách diễn đạt trở nên hay hơn, sinh động hơn. Các hình ảnh so sánh được chọn vừa phải phù hợp, vừa phải có sự sáng tạo. Nên tránh những hình ảnh sáo mòn.

– Mẫu : a) Mùa đông, cây hồng trụi hết lá, chỉ còn hàng trăm quả trĩu trĩu trên cành như hàng trăm chiếc đèn lồng màu hồng sáng lấp lánh trong sương mù.

(Lần lượt giải đáp các câu còn lại).

Bài 4 : Yêu cầu : Phải sử dụng nghệ thuật nhân hoá để viết lại những câu văn đã cho, làm cho cách diễn đạt trở nên giàu hình ảnh hơn. Nghệ thuật nhân hoá được sử dụng phải phù hợp, sáng tạo.

– Mẫu : a) Về mùa hè nước dòng sông trong xanh màu ngọc bích.

Viết lại : Về mùa hè dòng sông khoác trên mình một chiếc áo màu xanh màu ngọc bích.

Bài 5 : Yêu cầu : Phải tìm được những từ tượng hình, tượng thanh phù hợp điền vào chỗ trống trong từng đoạn văn. Ở mỗi vị trí, vừa phải dựa vào nội dung

diễn đạt trong câu, vừa phải đặt trong nội dung tổng thể của cả đoạn để tìm những từ có thể điền vào. Sau đó lựa chọn những từ nào phù hợp nhất. Mẫu : ở đoạn (a), câu thứ 2 có hai vị trí cần điền. Một vị trí sau danh từ *mưa* và một vị trí sau danh từ *ánh nắng*. Các từ có thể liệt kê ra là *mưa* (dai dẳng, dầm dề, lê thê, dử dội,...). Nên chọn từ "dầm dề".

Nắng (ấm áp, rực rỡ, chói lọi, hiếm hoi,...). Nên chọn từ "hiếm hoi".

Cứ như thế lần lượt điền những từ phù hợp cho đoạn a và các đoạn còn lại theo yêu cầu.

Bài 6 : Yêu cầu : Về hình thức, chỉ cần viết một đoạn văn ngắn.

Về nội dung, đoạn văn miêu tả không khí oi bức trong một buổi trưa hè.

Về nghệ thuật diễn đạt, cần dùng nghệ thuật so sánh, nhân hoá và các từ láy tượng hình, tượng thanh. Như vậy đoạn văn được hoàn thành phải đảm bảo tất cả các yêu cầu trên.

Sau khi viết xong, phải gạch chân dưới các từ tượng hình, tượng thanh theo yêu cầu.

Bài 7 : – Về hình thức : Yêu cầu viết một đoạn văn tả.

– Về nội dung : Diễn tả sự thay đổi của hàng cây hai bên đường trong suốt bốn mùa.

– Về nghệ thuật : Dùng nghệ thuật so sánh hoặc nhân hoá để cách diễn đạt trở nên hấp dẫn hơn.

Bài 8 : – Yêu cầu : Viết lại những đoạn văn đã cho bằng cách sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hoá sao cho cách diễn đạt trở nên hay hơn.

– Mẫu : a) Có thể viết lại đoạn văn đã cho như sau :

Trước sân trường sừng sững một cây bàng khổng lồ. Gốc nó rất to, người lớn dang tay ôm cũng không xuể. Cách mặt đất chừng một mét, thân cây nổi lên những cái u sần sùi to bằng cái mũ. Tán bàng xòe ra như một cái ô khổng lồ rợp cả góc sân trường. Màu sắc lá bàng thay đổi theo mùa. Khi đông về, nó khoác chiếc áo lá màu đỏ thắm trông thật uy nghiêm. Khi hè sang, chiếc áo ấy lại được nhuộm màu xanh như mời gọi tiếng chim về.

Bài 9 : – Yêu cầu : Viết lại những đoạn văn đã cho bằng cách sử dụng nhiều kiểu câu khác nhau theo yêu cầu. Việc thay đổi các kiểu câu phải phù hợp, phải linh hoạt và tự nhiên.

– Mẫu : a) Có thể viết lại đoạn văn đã cho như sau :

Vào một buổi chiều, tiết trời âm u. Những cơn gió lạnh từ đâu tràn về. Mùa đông đã đến thật rồi chẳng ? Bầu trời xám đục dường như bị kéo thấp xuống.

U ám. Nặng nề. Không còn trông thấy những cánh chim chao lượn. Thấy em co ro trước cơn gió lạnh, mẹ dịu dàng nhắc : "Con hãy lấy chiếc áo khoác mẹ vừa mới mua mà mặc vào cho ấm, kẻo cảm lạnh thì khôn đấy !". Khoác chiếc áo vào người, em cảm nhận được sự ấm áp. Phải chăng đó là hơi ấm toả ra từ những sợi bông ? Và phải chăng đó còn là hơi ấm toả ra từ tấm lòng của mẹ ? Con cảm ơn mẹ lắm, mẹ ơi !

Bài 10 : Có hai yêu cầu :

– Yêu cầu 1 : Tìm từ ngữ gợi tả sắc nắng (nên là các từ láy tượng hình hoặc một số từ ghép giàu sức gợi tả).

Ví dụ : *dịu dàng, rực rỡ, chói chang, chang chang, óng ả,...*

– Yêu cầu 2 : Chọn khoảng năm từ trong số các từ đã tìm trên để viết đoạn văn tả cảnh một ngày nắng đẹp. Cần lưu ý là không nên chọn từ trước, rất khó viết, mà đoạn văn lại rời rạc. Cần để cho ý đoạn văn hình thành thật tự nhiên rồi chọn các từ phù hợp ghép vào. Mặt khác, cần phải làm nổi bật khung cảnh một ngày nắng đẹp. Có nghĩa là không nên chọn các từ ngữ chỉ màu sắc nắng quá gay gắt. Nếu không chú ý đến điều này thì đoạn văn sẽ có nội dung không đạt yêu cầu.

Bài 11 : – Yêu cầu 1 : Các từ tìm được phải đảm bảo các tiêu chuẩn (là từ láy ; gợi tả về màu sắc, hình dáng và hoạt động của biển) (10 – 15 từ).

Ví dụ : *biêng biếc, xanh xanh, nhấp nhô, cuộn cuộn, ì oạp,...*

Yêu cầu 2 : Chọn một số từ để viết đoạn văn tả cảnh biển trong buổi bình minh (nội dung phải phong phú, cách tả phải sinh động).

Yêu cầu 3 : Về cách diễn đạt, phải có nghệ thuật so sánh, nhân hoá và các kiểu câu khác nhau.

Bài 12 : Yêu cầu tìm từ ngữ phù hợp để diễn tả từng đối tượng. Chú ý là các từ tìm được phải có ý nghĩa thể hiện các mức độ khác nhau (về mùi vị, về trạng thái,...)

– Ví dụ mẫu : a) Hương (đưa) : *thoang thoảng, ngào ngạt, ngan ngát, dịu dịu, phảng phất, nồng nặc,...*

Bài 13 : Yêu cầu 1 : Tìm từ ngữ gợi tả âm thanh sân trường trong giờ ra chơi (không được lẫn với từ ngữ chỉ trạng thái hoạt động).

Ví dụ : *ồn ả, nheo nhéo, vang vang, inh ỏi,...*

Yêu cầu 2 : Viết đoạn văn có chứa một số từ đã tìm. Đoạn văn cần phải sinh động, giàu hình ảnh. Nên chọn ý cho đoạn văn rồi vận dụng từ ngữ để cách diễn đạt được tự nhiên, không bị gò ép.

Bài 14 : Yêu cầu nhận xét sự sáng-tạo trong nghệ thuật miêu tả của từng đoạn. Tức là phát hiện ra nét độc đáo nào đó trong cách diễn đạt.

– Mẫu : Đoạn (a) : Sự sáng tạo thể hiện trước hết ở cách dùng từ giàu sức gợi hình. Đó là từ "dâng" (cánh đồng "dâng lên", màu vàng "dâng lên") được hiểu theo nghĩa chuyển một cách độc đáo. Đó là các từ gợi màu sắc (*vàng chói*) ; trạng thái (*bập bênh*). Bên cạnh đó, sự sáng tạo còn thể hiện ở các biện pháp nghệ thuật như nghệ thuật đối ngữ ở câu 1 ; nghệ thuật so sánh ở câu 2. Chính sự sáng tạo trong cách miêu tả đã làm cho bức tranh thiên nhiên hiện lên thật sống động, gợi cảm và đẹp.

Bài 15 : Bài tập đặt ra hai yêu cầu : Quan sát và ghi chép những điều đã quan sát về từng đối tượng, cảnh vật. Công việc này có thể thực hiện trong thời gian tự học ở nhà. Khi quan sát thì phải biết chọn điểm quan sát, có cái nhìn bao quát tổng thể rồi mới đi vào chi tiết. Chú ý vị trí, hình dáng, màu sắc, trạng thái hoạt động, đường nét của cảnh. Còn việc ghi chép cũng cần lưu ý là không được ghi tràn lan mà cần có sự lựa chọn, ghi chép phải ngắn gọn, súc tích.

Bài 16 : – Yêu cầu của bài tập là tìm nét nổi bật ở đặc điểm ngoại hình khi miêu tả chân dung một nhân vật nào đó, cần lưu ý là những nét ngoại hình phải phù hợp với tuổi tác, nghề nghiệp, tính cách của nhân vật.

– Mẫu : a) Đặc điểm ngoại hình của một em bé đang ở độ tuổi tập nói tập đi : Về dáng người thì thường là bụ bẫm, mập mạp ; chân tay có ngấn, nước da trắng hồng ; tóc có thể là đen nhánh, có thể là hoe vàng, lơ thơ ; mắt thì đen lay láy ;... Miệng nhoeo cười để lộ mấy cái răng sữa.

Bài 17 : Để tả đôi mắt mẹ trong một đoạn văn khoảng năm đến bảy dòng thì người viết phải tìm những đặc điểm tiêu biểu của đôi mắt ấy (*hình dáng, màu sắc, nét lông mi, lông mày,...*). Có thể đặt đôi mắt vào những tình huống khác nhau để đoạn văn miêu tả thêm sinh động (khi vui, khi buồn, khi nghiêm khắc,...)

Bài 18 : – Yêu cầu của bài tập là triển khai bốn nội dung thành bốn đoạn văn miêu tả. Ở từng đoạn, người viết phải tạo ra được những hình ảnh cụ thể, sống động. Muốn cho cách tả hấp dẫn thì phải chú ý cách dùng từ ngữ (chọn các từ có tính biểu cảm cao), cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật (so sánh, nhân hoá,...) ; kiểu câu phải linh hoạt (câu dài, câu ngắn, câu đặc biệt, câu tỉnh lược,...).

– Mẫu : a) Gương mặt của một em bé khi làm nũng mẹ.

Bé Nam đang nũng nịu với mẹ ở trong nhà kìa ! Chả là bé đang đòi mẹ mua quà đấy. Chà, trông gương mặt của bé lúc này mới ngộ nghĩnh làm sao ! Dưới lớp tóc tơ đen nhánh đang loà xoà trước trán, đôi mắt bé rung rung nước. Tưởng chừng như trong chốc lát nữa thôi là bé sẽ oà khóc. Đôi má phụng phịu càng làm hẳn rõ

hai lúm đồng tiền xinh xắn. Còn cái miệng méo máo chực khóc thì trông thật buồn cười... Hai chân bé giẫm bình bịch xuống đất. Cái đầu lúc lắc liên hồi.

Bài 19 : Yêu cầu của đoạn văn là tả tâm trạng của một em học sinh khi bước vào năm học mới. Nhân vật trực tiếp bộc lộ tâm trạng (xung "tôi" hoặc "em"). Vì nội dung yêu cầu tả tâm trạng cho nên chú trọng những cảm xúc, những suy nghĩ. Nếu có tả nét ngoại hình nào đó thì nét ngoại hình ấy cũng phải toát lên được tâm trạng bên trong.

Tâm trạng của một em học sinh trong tình huống cụ thể này thì thường là hồi hộp, náo nức, vui vẻ, phấn khởi, xúc động.

Bài 20 : Bài tập có hai yêu cầu :

1. Phát hiện lí do vì sao cô giáo không hài lòng khi nghe Lan đọc đoạn văn (đó là vì Lan đã dùng những hình ảnh, những từ ngữ đã quá sáo mòn, thiếu tính chân thực nên không có tính thuyết phục).

2. Viết lại đoạn văn bằng cách khắc phục những nhược điểm trên.

– Ví dụ mẫu : *Cô giáo em tuổi đã khá cao. Hình như thời gian và bụi phấn đã để lại dấu ấn rất rõ trên mái tóc cắt ngắn điểm lốm đốm những sợi bạc của cô. Nhất là những vết rạn chân chim nơi khoé mắt, khoé miệng. Thế nhưng, không hiểu sao em cảm thấy cô giáo của mình vẫn rất trẻ. Có lẽ bởi tính cô luôn luôn vui vẻ. Có lẽ bởi nụ cười tươi tắn thường trực trên môi cô làm cho khuôn mặt cô càng thêm rạng rỡ, xoá dần những nếp nhăn. Và có lẽ bởi các vầng sáng lấp lánh trong đôi mắt của cô mà mỗi lúc soi vào đó, em như được tiếp thêm nguồn động viên, khích lệ. Dáng người cô nhỏ nhắn, dong dỏng, đôi bàn tay gầy với những ngón tay dài thanh mảnh, trắng xanh. Từ gương mặt, ánh mắt cô toát lên vẻ dịu hiền và cương nghị. Em cảm thấy cô gần gũi và thân thiết với mình biết bao nhiêu.*

2. Hướng dẫn tìm hiểu đề

Đề 1 : – Yêu cầu chung : Về hình thức, phải viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Về nội dung, phải tả được món đồ chơi mà em thích nhất. Có thể chọn một trong số những đồ chơi sau : con búp bê, một chiếc ô tô, một đoàn tàu hoả,...

– Yêu cầu cụ thể : Phải làm nổi bật được đồ vật thông qua nghệ thuật miêu tả. Nhìn bao quát để nhận xét tổng thể rồi đi vào chi tiết (cấu tạo, chất liệu, hình dáng, màu sắc,...). Chú ý sử dụng từ ngữ giàu sức gợi hình, các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hoá,... Trong quá trình tả, phải thể hiện được thái độ, tình cảm.

Đề 2 : Yêu cầu chung : Phải viết một đoạn văn hoàn chỉnh có nội dung miêu tả lọ hoa (lẵng hoa) phù hợp với đề tài ngày 8 - 3, đồng thời phải toát lên được cái nhìn ngây thơ, hồn nhiên của lứa tuổi học trò qua cách bài trí lọ hoa.

– Yêu cầu cụ thể : Giới thiệu chủ đề mà lọ hoa thể hiện. Nhìn bao quát tổng thể, nhận xét chung, rồi sau đó đi vào tả chi tiết (chất liệu gồm những loại hoa gì, số lượng bông, kiểu dáng của từng bông, sự phối hợp màu). Cần xen vào những lời giải thích ý nghĩa để toát lên chủ đề. Về nghệ thuật, chú ý dùng từ ngữ biểu cảm và các biện pháp tu từ.

Đề 3 : – Yêu cầu chung : Làm bài văn miêu tả hoàn chỉnh, đối tượng là cái áo cũ của em. Vừa tả, đồng thời vừa nói lên được cảm xúc.

– Yêu cầu cụ thể : Phải giới thiệu về lai lịch của cái áo (Ai mua ? Mua lúc nào ? Nhân sự kiện gì ? Em mặc năm học lớp mấy ?). Sau đó đi vào miêu tả cụ thể (chất liệu vải, màu sắc, kiểu dáng). Khi tả phải xen vào một vài kỉ niệm có liên quan đến chiếc áo. Cuối bài phải diễn tả được cảm xúc của mình khi bắt gặp chiếc áo cũ. Chú ý nghệ thuật miêu tả (từ ngữ, biện pháp nghệ thuật).

Đề 4 : – Yêu cầu chung : Phải hoàn thành bài văn miêu tả mà đối tượng miêu tả là chiếc xe đạp của em. Trước hết giới thiệu chung về chiếc xe (Ai mua cho em ? Nhân sự kiện gì ? Nó gắn bó với em từ bao giờ ?). Sau đó đi vào tả : Từ bao quát (mới hay cũ, loại xe ?) sau đó tả chi tiết (cấu tạo, màu sắc, hình dáng từng bộ phận). Cần xen vào giới thiệu mối quan hệ thân tình giữa em và chiếc xe, cũng như tác dụng của nó. Khi tả, chú ý nghệ thuật dùng từ, đặt câu và biện pháp tu từ.

Đề 5 : – Yêu cầu chung : Làm bài văn hoàn chỉnh mà đối tượng miêu tả là cây bưởi vào mùa quả chín. Cây bưởi phải được đặt ở một vị trí nhất định và có quan hệ với tổng thể vườn cây.

– Yêu cầu cụ thể : Phải giới thiệu một số nét khái quát (vị trí, lai lịch, độ tuổi). Sau đó mới đi vào tả chi tiết, cụ thể trong hình dáng chung, một số bộ phận trong cấu tạo (thân, lá, cành, quả). Khi tả phải dùng nhiều từ ngữ gợi cảm, các biện pháp nghệ thuật sao cho hình ảnh cây bưởi hiện lên cụ thể, sống động. Phải chú ý bộc lộ thái độ, tình cảm đối với cây.

Đề 6 : – Yêu cầu chung : Làm bài văn miêu tả lũy tre làng. Đây là hình ảnh quen thuộc, gắn gũi với đời sống hằng ngày của con người Việt Nam. Có thể tham khảo bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới và bài thơ *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy. Nhưng không được bắt chước quá máy móc, lộ liễu.

– Yêu cầu cụ thể : Tả bao quát chung (Vị trí ở đâu ? Hình dáng như thế nào ? Màu sắc thay đổi theo các mùa ra sao ?). Sau đó đi vào tả cụ thể cấu tạo của cây, lá, cành. Chú ý nghệ thuật so sánh, nhân hoá và các từ ngữ có sức gợi lớn. Trong quá trình tả, có thể đan xen những câu văn nêu công dụng, phẩm chất của tre cũng như quan hệ của nó với con người quê em.

Đề 7 : – Yêu cầu chung : Đây là đề văn tả loài vật (con mèo đang vờn cuộn len). Đối tượng được tả xuất hiện trong một tình huống cụ thể với trạng thái hoạt động cụ thể. Tránh sa vào tả con mèo nói chung.

– Yêu cầu cụ thể : Phải tạo được khung cảnh chung làm nền (thời gian, không khí, thời tiết, hoạt động của mèo). Sau đó tập trung miêu tả hình ảnh và các động tác đùa giỡn của con mèo với cuộn len (hoạt động của toàn cơ thể, bốn chân, đôi mắt, mũi, miệng, đôi tai). Chú ý nghệ thuật nhân hoá, so sánh. Thỉnh thoảng nên xen vào những câu tả thái độ của mọi người xung quanh đối với mèo lúc ấy.

Đề 8 : – Yêu cầu chung : Làm bài văn hoàn chỉnh tả hình ảnh chú chim sâu trong một trạng thái hoạt động cụ thể. Do đó, phải tập trung vào những nét đặc điểm có liên quan tới hoạt động, không sa vào tả chung về chú chim sâu.

– Yêu cầu cụ thể : Trước hết phải dựng khung cảnh chung làm nền (thời gian, địa điểm, gió, nắng, cây cối trong vườn). Sau đó mới tập trung vào miêu tả hình ảnh chú chim sâu tìm mồi (hình dáng, màu lông, đôi chân, cái đầu, đôi mắt, cái mỏ). Lưu ý là tất cả những hình ảnh trên phải gắn với hoạt động cụ thể. Trong quá trình tả chú chim, có thể giới thiệu luôn ích lợi của chú đối với khu vườn cũng như thái độ tình cảm cây cối dành cho chú. Thỉnh thoảng có thể xen vào những chiến công (tìm thấy sâu và ăn một cách ngon lành). Ở những chi tiết này cần nêu rõ nỗi khiếp sợ kinh hoàng của lũ sâu, sự hả hê của cây cối. Nghệ thuật so sánh, nhân hoá và các từ ngữ tượng hình tượng thanh phải dùng linh hoạt.

Đề 9 : – Yêu cầu chung : Tả ngôi trường cũ. Hình ảnh ngôi trường xuất hiện trong một tình huống cụ thể : Người tả (một em học sinh cũ) trở lại thăm trường. Trong quá trình miêu tả phải làm nổi bật những đặc điểm thân thuộc còn nguyên như cũ và những đặc điểm đã thay đổi. Người miêu tả phải bộc lộ được tình cảm, thái độ đối với ngôi trường.

– Yêu cầu cụ thể : Phải theo trình tự từ ngoài vào trong, từ bao quát đến cụ thể. Hình ảnh ngôi trường hiện dần lên qua từng dòng miêu tả (cổng ra vào, sân chơi, lớp học, cây cối). Người ta phải biết lựa chọn một số nét đặc điểm chính gắn với những kỉ niệm để miêu tả. Vừa tả vừa xen vào những hồi ức, những cảm xúc.

Đề 10 : – Yêu cầu chung : Làm một bài văn hoàn chỉnh mà đối tượng miêu tả là một mâm cỗ Trung thu. Mâm cỗ này phải đặt trong tình huống cụ thể : Mẹ bày sẵn để em cùng các bạn trông trăng phá cỗ.

– Yêu cầu cụ thể : Cần đặt mâm cỗ Trung thu trong một khung cảnh tràn ngập ánh trăng đêm rằm, vây quanh mâm cỗ là các bạn trẻ. Cũng theo trình tự tả đi từ bao quát đến cụ thể. Nhìn chung hình dáng cả mâm cỗ, liệt kê các thứ có trên mâm. Sau đó mới đi vào tả từng thứ cụ thể (tên gọi, hình dáng, màu sắc, nguồn gốc,

vị trí,...). Vừa tả vừa phải xen vào những câu nhận xét về người soạn mâm cỗ (sự khéo léo, mắt thẩm mỹ, thái độ tình cảm,...). Cuối bài có thể giới thiệu ngắn gọn cảnh phá cỗ. Đây chỉ là cảnh phụ trong toàn bài.

Đề 11 : – Yêu cầu chung : Phải thông qua bài văn để dựng lại bức tranh về cảnh vào hè trên quê hương. Đây là cảnh thiên nhiên.

– Yêu cầu cụ thể : Nên giới thiệu chung về cảm nhận của mình khi mùa hè đến trên quê hương (cảm nhận về thời gian, cảnh vật, không khí,...). Sau đó mới đi vào một số cảnh tiêu biểu làm nổi bật nét đặc trưng của thiên nhiên khi mùa hè đến (ánh nắng, cây cối, gió,...). Có thể chọn một vài hình ảnh tiêu biểu để tả kĩ. Chú ý nghệ thuật dùng từ ngữ, hình ảnh, so sánh, nhân hoá,... (tham khảo sáu câu mở đầu bài *Khi con tu hú* của Tố Hữu).

Đề 12 : – Yêu cầu chung : Tả sự đổi thay kì diệu của cây cối trong vườn sau một đêm mưa rào. Muốn làm nổi bật sự đổi thay có thể dùng động tác liên hệ, so sánh với hình ảnh vườn cây trước trận mưa.

– Yêu cầu cụ thể : Phải giới thiệu vài nét về không khí của buổi bình minh sau đêm mưa (bầu trời, nắng, gió,...). Sau đó mới tập trung vào hình ảnh chính, tả cây cối trong vườn thêm sức sống (màu sắc, những hoạt động,...). Có thể chọn một số loại cây tiêu biểu nhất trong khu vườn để miêu tả. Lưu ý là hình ảnh cây cối phải được đặt trong mối quan hệ với nắng, với gió, với những hạt mưa còn đọng lại, với chim chóc, ong bướm,... Dùng nhiều các từ tượng hình, tượng thanh, nghệ thuật so sánh, nhân hoá thì bài văn tả sẽ hay hơn.

Đề 13 : – Yêu cầu chung : Đối tượng mà bài văn miêu tả phải tập trung làm nổi bật là bầu trời đêm. Hình ảnh ấy phải hiện lên qua cảm nhận chủ quan của người miêu tả nhưng phải đảm bảo tính chân thực.

– Yêu cầu cụ thể : Phải bắt đầu bằng những cảm nhận chung về bầu trời đêm cũng như cảm giác thú vị khi được ngắm nhìn nó. Sau đó, miêu tả hình ảnh bầu trời trong một tình huống cụ thể : khi có trăng rằm, khi vắng bóng trăng, về mùa đông, về mùa hè sau cơn đông,... Vừa miêu tả vừa xen vào những câu nhận xét, những câu cảm nghĩ của bản thân. Có thể sử dụng các biện pháp và hệ thống từ ngữ một cách linh hoạt.

Đề 14 : – Yêu cầu chung : Thông qua bài văn miêu tả, phải làm nổi bật được thế giới nhỏ bé và đáng yêu sau khung cửa sổ. Đó là vườn cây, là khoảng trời,...

– Yêu cầu cụ thể : Nên đi theo trình tự từ bao quát chung đến cụ thể. Tức là nhận xét và nêu những cảm tưởng của bản thân về thế giới nhỏ bé sau khung cửa sổ, sau đó mới đi vào một số hình ảnh tiêu biểu để miêu tả từng chi tiết (Cảnh gì ? Màu sắc ? Trạng thái hoạt động ?). Để bài văn tả sinh động thì phải lựa chọn các

từ ngữ chỉ màu sắc, chỉ trạng thái thật phong phú ; phải sử dụng các nghệ thuật so sánh, nhân hoá,... Vừa tả, vừa bộc lộ cảm xúc.

Đề 15 : – Yêu cầu chung : Qua bài văn miêu tả phải dựng lên được khung cảnh một buổi chiều hè trên đồng quê yên ả, thanh bình. Đây là dạng đề đan xen giữa tả cảnh thiên nhiên và tả cảnh sinh hoạt.

– Yêu cầu cụ thể : Cũng theo trình tự từ bao quát đến cụ thể. Nhận xét chung về không khí trên cánh đồng (nắng, gió, con người, công việc,...). Sau đó tập trung làm nổi bật một số hình ảnh (cánh đồng lúa, đàn trâu gặm cỏ trên bờ đê, lũ trẻ thả diều, dòng kênh,...). Nghệ thuật so sánh, nhân hoá và hệ thống từ láy phải được sử dụng nhiều thì bài văn mới sinh động. Vừa tả vừa thể hiện thái độ tình cảm của người tả đối với cảnh.

Đề 16 : – Yêu cầu chung : Qua bài văn miêu tả phải làm nổi bật được khung cảnh thiên nhiên và sinh hoạt trong đêm mà người tả quan sát được.

– Yêu cầu cụ thể : Cũng theo trình tự từ bao quát đến cụ thể. Vì là cảnh được quan sát trong đêm nên chú ý nhiều tới âm thanh, hoạt động, hương vị, một ít màu sắc,... Khung cảnh này đối với người miêu tả phải rất quen thuộc. Do đó vừa tả, vừa bộc lộ cảm xúc. Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật và hệ thống từ ngữ gợi tả để tạo cho bài văn phong phú, đặc sắc.

Đề 17 : – Yêu cầu chung : Chủ yếu thiên về cảnh thiên nhiên (giao mùa giữa hạ sang thu hoặc đông sang xuân). Tùy người làm bài lựa chọn thời điểm cụ thể nhưng dù thời điểm nào thì cũng cố gắng làm nổi bật hình ảnh thiên nhiên của mùa hiện tại.

– Yêu cầu cụ thể : Vì là cảnh giao mùa, do đó trong quá trình tả nên có sự so sánh đối chiếu. Một số hình ảnh cần được tập trung miêu tả để làm nổi bật hiện tượng giao mùa (cây cối, thời tiết, không khí, màu sắc,...). Cảnh giao mùa được miêu tả qua cảm nhận của con người nên vừa tả vừa bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc. Chú ý sử dụng các biện pháp nghệ thuật, hệ thống từ ngữ gợi tả.

Đề 18 : – Yêu cầu chung : Đây là bài văn tả cảnh sinh hoạt. Đối tượng miêu tả là một tiết kiểm tra trên lớp.

– Yêu cầu cụ thể : Vì là cảnh sinh hoạt nên phải chú trọng nhiều tới các hoạt động của những đối tượng xuất hiện trong cảnh : hoạt động của giáo viên, hoạt động của học sinh,... Cũng đi từ miêu tả bao quát đến cụ thể nhưng phải theo trình tự thời gian từ đầu tiết học đến cuối tiết học. Việc lựa chọn hình ảnh, chi tiết phải làm nổi bật được không khí chung của tiết kiểm tra (khác với tiết học bình thường). Nên chọn một số hình ảnh tiêu biểu về trạng thái tâm lí cũng như hành động

của một số học sinh trong lớp để miêu tả. Người tả phải là người trong cuộc, do đó nên đan xen thái độ, cảm xúc.

Đề 19 : – Yêu cầu chung : Qua bài văn miêu tả phải làm nổi bật quang cảnh đường phố (đường làng) khi cơn dông bất ngờ ập tới. Quang cảnh này diễn ra trong một thời điểm cụ thể, không nên miêu tả trong thời gian dài. Tùy vào môi trường sống mà người làm bài có thể chọn tả cảnh đường phố hoặc cảnh đường làng. .

– Yêu cầu cụ thể : Để làm nổi bật quang cảnh theo đề yêu cầu, người làm bài phải có cái nhìn bao quát chung, nhận xét về những thay đổi trong thiên nhiên dự báo cơn dông đang ập tới (bầu trời, mây, gió, không khí). Tất cả diễn ra trong chớp nhoáng, rất bất ngờ, không ai lường trước. Do đó, bài miêu tả phải tập trung làm hiện lên không khí náo động của thiên nhiên cũng như của con người. Chú ý nhiều tới các từ ngữ miêu tả trạng thái hoạt động, âm thanh,... Nên tả theo trình tự thời gian.

Đề 20 : – Yêu cầu chung : Qua bài văn miêu tả phải làm nổi bật khung cảnh đường phố trong một thời điểm cụ thể : lúc lên đèn. Đây là cảnh giao thời giữa một ngày và một đêm. Do đó, khi miêu tả, phải chú ý nhiều tới hiện tượng thay đổi của cảnh vật theo thời gian từ ngày vào đêm.

– Yêu cầu cụ thể : Nên đi theo trình tự thời gian, ở mỗi khoảng thời gian khác nhau, cảnh vật có những đặc điểm riêng. Nhưng tất cả lại toát lên được không khí hoạt động của thiên nhiên và con người trong thời điểm thành phố lên đèn. Chú ý một số hình ảnh (ánh mặt trời, gió, con đường, những hàng cây, những ngôi nhà, quán xá,...). Các từ ngữ chỉ màu sắc, âm thanh, trạng thái hoạt động, những biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hoá,... có vai trò rất quan trọng trong bài văn miêu tả này.

Đề 21 : – Yêu cầu chung : Thông qua bài văn tả để làm nổi bật sự đổi mới của quê hương qua cảm nhận của một em bé xa quê lâu ngày, nay mới có dịp về thăm. Nhân vật chính là người trực tiếp miêu tả và bộc lộ cảm xúc.

– Yêu cầu cụ thể : Tả theo trình tự bước chân của người về quê. Qua trình tự ấy lần lượt làm nổi bật những biểu hiện thay đổi của cảnh vật, của con người khiến cho người tả cảm thấy ngạc nhiên bất ngờ. Sự thay đổi đến mức độ nào, thay đổi những gì là tùy thuộc vào một yếu tố quan trọng : quê hương ở nông thôn hay thành phố ? Nếu ở nông thôn thì ở mức độ thay đổi sẽ chậm hơn với những hình ảnh : cánh đồng, con đường, nhà cửa,... Nếu ở thành phố thì mức độ thay đổi nhiều hơn, nhanh hơn với những hình ảnh : đường sá, nhà cửa, các khu chung cư, các khu vui chơi giải trí,... Vừa miêu tả lại phải vừa xen vào thái độ cảm xúc (vui ngỡ ngàng, tự hào,...). Để làm nổi bật sự thay đổi, ở một số chi tiết nên có sự so sánh đối chiếu giữa cảnh cũ và cảnh mới.

Đề 22 : – Yêu cầu chung : Đây là đề văn tả cảnh sinh hoạt. Qua bài văn miêu tả để làm nổi bật không khí đêm Trung thu nơi em ở. Tùy vào điều kiện sống của mỗi người mà có thể lựa chọn đêm Trung thu ở khối phố (thành phố) hoặc thôn xóm (nông thôn).

– **Yêu cầu cụ thể :** cũng theo trình tự từ bao quát đến cụ thể. Đề yêu cầu tả không khí sinh hoạt, do đó người tả phải lựa chọn những hình ảnh, những hoạt động cụ thể để làm nổi bật. Trong đêm Trung thu thì có thể chọn những hình ảnh, hoạt động sau : Cảnh đêm trăng rằm, cảnh lũ trẻ tụ tập ở Hội quán, cảnh rước đèn, những trò chơi dưới trăng,... Không tả lan man, nên tập trung vào một số cảnh chính. Vừa tả lại phải vừa xen những lời nhận xét, những cảm nghĩ. Cần sử dụng các nghệ thuật đặc trưng của văn tả (so sánh, nhân hoá, từ tượng hình, tượng thanh).

Đề 23 : – Yêu cầu chung : Thông qua bài văn phải dựng lên được không khí hoạt động của lũ trẻ trong một tình huống cụ thể : tắm mưa. Đây là bài văn tả cảnh sinh hoạt có đan xen cảnh thiên nhiên.

– **Yêu cầu cụ thể :** Nên đi theo trình tự thời gian (bắt đầu mưa, đang mưa và khi cơn mưa kết thúc). Ở từng thời điểm, ngoài việc miêu tả thiên nhiên, cái chính là phải làm nổi bật được hình ảnh và không khí hoạt động của lũ trẻ (tiếng hò hét, tiếng gọi, những trò chơi dưới mưa,...). Tất cả đều phải toát lên được niềm vui sướng, phấn khởi của lũ trẻ khi được đón cơn mưa rào trong những ngày hè nóng bức. Cần sử dụng các nghệ thuật đặc trưng của văn tả (so sánh, nhân hoá, từ tượng hình, tượng thanh).

Đề 24 : – Yêu cầu chung : Qua bài văn miêu tả phải dựng lên được một đêm trăng với những trò chơi lí thú của tuổi thơ. Tránh sa vào tả cảnh thiên nhiên đơn thuần mà phải có sự kết hợp giữa cảnh thiên nhiên với cảnh sinh hoạt, trong đó cảnh sinh hoạt là trọng tâm.

– **Yêu cầu cụ thể :** Tả chung không khí của đêm trăng (thời gian, hình ảnh ánh trăng). Tả chung hoạt động của lũ trẻ (Tập trung ở đâu ? Số lượng nhiều hay ít ? Những trò chơi gì được tổ chức ? Không khí sinh hoạt ?). Trên nền chung đó, chọn một vài trò chơi đặc sắc (mà người tả trực tiếp tham gia) để miêu tả chi tiết cụ thể. Thỉnh thoảng, phải đan xen vào một vài hình ảnh thiên nhiên. Cần sử dụng linh hoạt các nghệ thuật so sánh, nhân hoá, từ láy tượng hình, tượng thanh. Cuối bài cần nêu cảm nghĩ của bản thân.

Đề 25 : – Yêu cầu chung : Bài văn phải miêu tả được không khí đón giao thừa của một gia đình trong đêm 30 Tết. Từ không khí ấy phải toát lên được tình cảm

gia đình đầm ấm, gần gũi, thân thiết. Đây là dạng văn tả cảnh sinh hoạt, có thể đan xen một số hình ảnh thiên nhiên.

– Yêu cầu cụ thể : đi theo trình tự thời gian, lần lượt giới thiệu công việc cũng như tâm trạng của từng người trong gia đình khi phút giao thừa đang gần đến. Mỗi người mỗi việc nhưng phải thể hiện được mối quan hệ giữa mọi người và giữa các công việc, từ đó toát lên không khí náo nức, hồi hộp đón đợi giao thừa. Đan xen vào đó, người tả có thể giới thiệu phong tục tập quán của người Việt Nam khi đón tết Nguyên đán (trang trí bàn thờ, chuẩn bị mâm cỗ, lời chúc đầu năm mới, đi xông nhà, đi hái lộc,...). Ngoài ra, người tả phải bộc lộ thái độ, cảm xúc riêng của mình (miêu tả tâm trạng).

Đề 26 : – Yêu cầu chung : Qua bài văn miêu tả phải làm nổi bật được không khí hoạt động trên sân trường trong buổi lễ mít tinh mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11. Đây là hoạt động quen thuộc diễn ra hằng năm nhưng người tả phải tìm được những nét riêng của buổi lễ để tả thật sinh động. Bài văn này thuộc văn tả cảnh sinh hoạt.

– Yêu cầu cụ thể : Để làm nổi bật không khí hoạt động, bài văn có thể đi theo trình tự từ tả bao quát đến tả cụ thể. Vừa tả, vừa nhận xét và nêu cảm nghĩ. Những hình ảnh có thể đưa vào trong bài văn gồm : trang phục của mọi người (thầy cô giáo, học sinh) ; những bó hoa trên tay học sinh ; trang trí lễ đài ;... Tất cả phải toát lên được niềm vui và sự trân trọng của người học sinh đối với các thầy cô giáo. Đây đơn thuần là tả sinh hoạt, tuy vậy vẫn có thể đan xen vào một số câu miêu tả hình ảnh con người (trang phục, diện mạo, tâm trạng,...).

Đề 27 : – Yêu cầu chung : Qua bài văn miêu tả phải làm nổi bật được một trò chơi quen thuộc của lứa tuổi học trò. Đây là đề văn tả cảnh sinh hoạt. Học sinh tự chọn một trò chơi quen thuộc nhất để tả.

– Yêu cầu cụ thể : Phải tả theo trình tự từ bao quát đến cụ thể. Trước tiên, có thể giới thiệu chung toàn cảnh sân chơi (thời gian, không khí, các trò chơi,...). Sau đó, tập trung tả cụ thể một trò chơi theo yêu cầu. Chọn tả trò chơi nào thì người miêu tả phải thật am hiểu trò chơi đó để khi tả dễ dàng hơn.

Đề 28 : – Yêu cầu chung : Có sự kết hợp giữa văn miêu tả và văn viết thư. Nội dung phải phác họa được một bức tranh sinh động về ngày tết Nguyên đán ở Việt Nam.

– Yêu cầu cụ thể : Chọn đối tượng nhận thư. Hình thức một bức thư phải được đảm bảo. Nội dung nên tập trung vào một số phong tục tập quán của người Việt Nam cũng như không khí đón Tết. Tránh sa vào kể lể các công việc chuẩn bị Tết của các gia đình. Người viết thư phải bộc lộ được thái độ tình cảm trong thư (tự hào, thích thú).

Đề 29 : – Yêu cầu chung : Đây là văn tả người trong một trạng thái hoạt động cụ thể (chú công an đang điều khiển các phương tiện giao thông trên đường phố).

– Yêu cầu cụ thể : Phải tạo dựng được nền cảnh rộng (có thời gian, địa điểm, không khí hoạt động trên đường). Nên chọn thời điểm mọi người đi làm về (tức là lúc xe cộ đông đúc nhất). Trên nền cảnh ấy mới làm nổi bật hình ảnh chú công an (trang phục, diện mạo, các động tác, thái độ làm việc,...). Có thể xen vào miêu tả thái độ phục tùng luật an toàn giao thông của mọi người và bộc lộ suy nghĩ của người tả.

Đề 30 : – Yêu cầu chung : Tả người trong trạng thái hoạt động (bà kể chuyện cổ tích dưới trăng).

– Yêu cầu cụ thể : Trình tự giống Đề 29 nhưng đối tượng và tình huống có thể thay đổi (nền cảnh chung là đêm trăng và sự chăm chú của bọn trẻ). Trên nền cảnh ấy, tập trung làm nổi bật hình ảnh bà (tuổi tác, hình dáng, diện mạo, trang phục, động tác, lời kể, thái độ kể,...). Khi tả cần có sự liên tưởng (bà giống ai trong truyện cổ ?). Nên gắn với nội dung một câu chuyện cụ thể để bày tỏ cảm xúc khi nghe bà kể.

Đề 31 : – Yêu cầu chung : Tả người trong một tâm trạng cụ thể (mẹ buồn vì em có lỗi).

– Yêu cầu cụ thể : Nêu lí do (em mắc lỗi gì ?) thật ngắn gọn. Sau đó tập trung miêu tả mẹ (hình ảnh gương mặt, ánh mắt, thái độ,...). Vừa tả vừa bộc lộ thái độ (ân hận, thương mẹ, trách mình,...)

Đề 32 : – Yêu cầu chung : Tả người nói chung (hình ảnh người bố).

– Yêu cầu cụ thể : Nên đi theo trình tự từ tả hình dáng đến tả tính tình, các đặc điểm này phải phù hợp với tuổi tác, nghề nghiệp,...

Khi tả phải bộc lộ thái độ của mình (yêu mến, kính trọng,...). Có thể giới thiệu một vài mẩu chuyện nhỏ ghi lại kỉ niệm về bố khi miêu tả. Tất nhiên, tránh sa vào kể chuyện.

Đề 33 : – Yêu cầu chung : Giống Đề 32, chỉ thay đổi đối tượng (một học sinh thông minh, hiếu động)

– Yêu cầu cụ thể : tả hình dáng, tính tình. Chú ý nét đặc điểm riêng.

Đề 34 : – Yêu cầu chung : Tương tự Đề 29, 30, chỉ thay đổi đối tượng (một học sinh đang chơi trên sân trường)

– Yêu cầu cụ thể : Chú ý một số nét riêng (tuổi tác, vóc dáng, trò chơi, cách chơi). Có thể xen vào cảnh các bạn xung quanh đang quan sát, cổ vũ, thán phục.

Đề 35 : – Yêu cầu chung : Tương tự Đề 29, 30, 34, chỉ thay đổi đối tượng (em bé đang tập đi trên sân).

– Yêu cầu cụ thể : Phải làm nổi bật được hình ảnh chung (tuổi tác, vóc dáng, gương mặt). Sau đó tập trung miêu tả động tác tập đi của bé và thái độ của mọi người đối với bé lúc ấy.

Đề 36 : – Yêu cầu chung : Tả người nhưng lại dùng trí tưởng tượng vì đây là hình ảnh một nhân vật trong truyền thuyết.

– Yêu cầu cụ thể : Phải dựa vào truyền thuyết để tưởng tượng về Thánh Gióng (vóc dáng, trang phục, diện mạo,...). Các hình ảnh bổ trợ thêm (ngựa sắt, roi sắt). Phải làm hiện lên chân dung của một tráng sĩ thời xưa.

Đề 37 : – Yêu cầu chung : Tương tự Đề 29, 30, 34, chỉ thay đổi đối tượng (em bé đang ngủ trong lời ru của mẹ).

– Yêu cầu cụ thể : Tả khung cảnh chung để làm nền (không gian, thời gian, nắng, gió, người mẹ,...). Trên nền cảnh ấy tập trung miêu tả hình ảnh em bé (gương mặt, dáng nằm,...). Vừa tả vừa bộc lộ thái độ, tình cảm của người tả đối với người được tả.

Đề 38 : Yêu cầu chung : Tương tự Đề 29, 30, 34,... chỉ thay đổi đối tượng (ông đang chăm sóc vườn cây).

– Yêu cầu cụ thể : Tả cảnh chung (thời gian, địa điểm, nắng, gió, cây cối trong vườn,...). Trên nền ấy tập trung tả hình ảnh của ông (công việc, động tác khi làm việc, thái độ,...)

Đề 39 : – Yêu cầu chung : tương tự các Đề 29, 30, 34,... Chỉ thay đổi đối tượng (cô giáo đang chấm bài trong đêm).

– Yêu cầu cụ thể : Tạo cảnh nền (thời gian, không gian, thời tiết,...). Nên chọn tả vào đêm đông để làm nổi bật nỗi vất vả của cô. Trên nền cảnh ấy, làm nổi bật hình ảnh của cô đang chấm bài (dáng người, gương mặt, động tác, thái độ,...).

Đề 40 : – Yêu cầu chung : Tự tả chân dung của mình. Kết hợp văn miêu tả và hình thức viết thư.

– Yêu cầu cụ thể : Tả hình dáng, tính tình. Cách giới thiệu phải dí dỏm, hài hước.

MỘT SỐ BÀI LÀM MẪU

Đề 5 : *Tả cây bưởi vào mùa quả chín.*

Bài làm

Khi mùa hè sắp qua thì cây bưởi trong vườn nhà ông bà tôi cũng vào mùa quả chín. Được ngắm nhìn cây bưởi lúc ấy mới thấy hết được vẻ đẹp riêng của nó.

Đó là một cây bưởi đang ở vào tuổi sung sức. Nó đã lặng lẽ có mặt ở góc vườn ấy từ sáu năm nay. Ban đầu thì chẳng ai để ý đến nó, vì cái dáng mảnh mai của một cây bưởi bé tí đang vươn lên đã bị cây cối sum suê trong vườn che khuất mất. Cho đến một ngày kia, trong làn gió xuân nhẹ nhàng thoảng mùi hương hoa bưởi thì mọi người mới nhận ra rằng cây bưởi đã lớn thật rồi. Và từ mùa hoa đầu tiên ấy, cây bưởi tự tin hẳn lên, theo thời gian để vươn cao và xoè tán rộng. Thân nó màu xám, tua tủa những gai. Ông tôi dành rất nhiều thời gian để chăm sóc cho nó.

Và bây giờ, cây bưởi đang vào mùa quả chín. Quả sai trĩu trĩu. Có những cành bưởi nhỏ, mảnh mai thế mà treo lủng lẳng tới ba, bốn quả. Quả nào quả nấy tròn căng, to như những trái bóng mà bọn trẻ chúng tôi vẫn đá. Ai trông thấy cũng xuýt xoa. Một số cành oằn xuống, tưởng như sắp gãy. Ông tôi phải dùng que để chống nó lên. Tôi thường gọi đùa đó là những cái chân phụ của cây bưởi. Nhìn cây bưởi lặng lẽ công vô số những trái bưởi trên thân mình, ngày đêm nhẫn nại hút màu mỡ từ lòng đất, tôi chợt nghĩ đến hình ảnh một người mẹ và lũ con. Ở một bài thơ nào đó, nhà thơ Trần Đăng Khoa cũng đã viết như vậy.

Những quả bưởi hình như thay đổi theo từng ngày, làn da màu xanh thẫm chuyển dần sang màu xanh pha vàng. Rồi cái nắng gay gắt của trời đã khiến cho chúng vàng rộm lên nhanh chóng. Một số trái bưởi kín đáo nép mình trong tán lá. Một số trái khác tinh nghịch hơn, cố vươn mình ra, ngửa mặt lên nhìn vào xanh cao mênh mông. Gió thổi mạnh, cành cây đưa đẩy khiến chúng cọ vào nhau, đùa giỡn suốt ngày hình như không biết chán. Ông tôi vẫn thường bảo chính những trái bưởi ấy lại ngon nhất.

Cuối hè, cây bưởi cũng vào mùa thu hoạch. Khi bà tôi gọt trái bưởi ra, xếp bên đĩa những múi bưởi to, dài như chiếc lược sừng, căng mọng nước, tôi đã cảm nhận được ngay cái vị ngọt thanh thanh của nó. Trời nắng, đi đâu về, cái vị bưởi ấy sẽ làm cho con người cảm thấy khoẻ khoắn hơn. Chẳng thế mà cả xóm ai cũng tấm tắc khen giống bưởi nhà ông bà tôi. Và vì vậy, khi nào đến mùa quả chín, ông bà thường hái những trái to nhất, ngon nhất, và bảo tôi mang biếu mỗi nhà một quả.

Không biết tự bao giờ, cây bưởi lặng lẽ đứng ở góc vườn ấy đã trở thành một hình ảnh quen thuộc, ghi vào kí ức tuổi thơ tôi.

Đề 10 : *Đêm rằm Trung thu thật đẹp, thật vui. Nhưng có lẽ thú vị nhất vẫn là mâm cỗ Trung thu với biết bao nhiêu bánh ngọt, quả ngon. Hãy tả lại một mâm cỗ Trung thu mà mẹ đã bày sẵn để em cùng các bạn trông trăng phá cỗ.*

Bài làm

Rằm Trung thu năm nay thật đẹp. Tôi và các bạn đi rước đèn ông sao về thì thấy mẹ đã đón sẵn ở cửa, đôi mắt mẹ lấp lánh niềm vui. Giọng mẹ có vẻ bí mật : "Đố các con, mẹ sẽ có quà gì ?". Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau : Cái gì nhỉ ? Đèn ông sao ư ? Mật nạ ư ? Mỗi đứa đã có một cái rồi. Chúng tôi ùa vào trong nhà. Chao ôi ! Trên bàn là một mâm cỗ Trung thu đầy ngút. Cả bọn reo lên khiến cho gương mặt mẹ tôi càng rạng rỡ.

Chỉ trong chốc lát, bàn cỗ đã được bày ra giữa sân. Khoảng sân không rộng lắm nhưng cũng đủ cho chúng tôi ngồi thành một vòng tròn quanh mâm cỗ. Dưới ánh trăng sáng vàng vạc của đêm rằm Trung thu, mâm cỗ trông đẹp như một bức tranh vẽ của một họa sĩ tài hoa. Nghe bọn bạn tôi tấm tắc khen, tôi càng cảm thấy tự hào và biết ơn mẹ vô cùng. Công bằng mà xét thì quả là mẹ tôi khéo tay thật. Chỉ cần nhìn mẹ sắp xếp mâm cỗ là cũng đủ thấy được điều đó. Chẳng hiểu mẹ chuẩn bị từ bao giờ mà mâm cỗ có đầy đủ bánh kẹo, hoa quả. Các thứ được sắp xếp một cách hài hoà về cả màu sắc lẫn hình dáng. Nhìn toàn thể thì mâm cỗ có hình chóp nón. Phía dưới cùng là hai nải chuối vàng ươm trứng cuốc. Những trái chuối tròn căng, cong cong hình trăng khuyết ôm tròn các thứ trong mâm cỗ. Phía trong, mẹ xếp dưới cùng là hộp bánh trung thu với hai loại bánh nướng và bánh dẻo. Những người làm bánh đã tạo ra những khuôn bánh hình hoa thật đẹp và hấp dẫn. Phía trên hộp bánh, mẹ rải đều những trái na và trái hồng thành ba lớp, càng lên cao càng nhỏ dần theo hình chóp. Những trái na được mẹ chọn thật ngon. Quả nào quả nấy mắt mở to, da màu xanh nhạt đã lên phấn trắng. Xen giữa màu xanh nhạt của na là màu đỏ thắm của những trái hồng trứng da căng tròn, mịn màng, mọng nước, trông thật hài hoà. Hai trái bưởi đã được mẹ tách ra thành từng múi, xếp chen vào giữa những trái chuối theo thế cài răng lược. Thành viên cuối cùng trong mâm cỗ là những viên kẹo bột được nặn theo hình các con vật : Đây là anh gà trống, kia là chú gà con, kia nữa là ả gà mái đang xoè cánh... Trung thu năm nào, ông bà cũng gửi những viên kẹo bột này từ quê ra cho anh em tôi. Lâu đã thành lệ, mâm cỗ Trung thu mà không có kẹo bột là chúng tôi vẫn cảm thấy chưa đầy đủ. Và hình như bao giờ mẹ tôi cũng xếp những viên kẹo bột ấy quanh mâm cỗ với tất cả sự trân trọng của mình.

Sau khi hát xong bài hát mời trăng phá cỗ, chúng tôi bắt đầu thưởng thức hương vị của những chiếc bánh, những trái cây trên mâm cỗ của mẹ. Nhìn các bạn ăn một cách ngon lành, tôi muốn thăm thẳm thì vào tai mẹ : "Con cảm ơn mẹ lắm, mẹ ơi !".

Đề 15 : *Tả cảnh buổi chiều hè trên cánh đồng quê yên ả, thanh bình.*

Bài làm

Chiều quê. Đó có lẽ là lúc mà ta cảm nhận được rõ nhất sự yên ả và thanh bình.

Mặt trời xuống thấp dần. Cái nắng hè không còn gay gắt, chói chang nữa. Một màu vàng thắm trải rộng, phủ lên cả cánh đồng. Trời vẫn trong xanh, cao vợi vợi. Một vài làn mây trắng trôi nhẹ giữa không trung. Một vài cánh chim chao liệng. Tiếng hót trong trẻo, ngân vang trong gió chiều. Đang mùa thu hoạch nên dù trời đã về chiều mà cánh đồng quê vẫn đầy ắp tiếng nói, tiếng cười của những người nông dân. Cánh đồng lúa chín rục lên, óng ả. Những bông lúa uốn câu, ngả đầu vào nhau. Sóng lúa gợn lăn tăn nô đùa với gió. Hương lúa chín dịu dịu, thoang thoảng, lẫn trong mùi bùn đất ngai ngái, mùi cỏ khô nồng nồng. Thấp thoáng trên triền đê bao quanh cánh đồng là những con trâu đang thong thả gặm cỏ. Con nào con nấy mình tròn căng, da đen bóng nhẫy. Lũ trẻ đứng đỉnh ngói trên lưng trâu, trong tay đứa nào cũng cầm sẵn một cánh diều giấy. Gió lên mạnh dần, mạnh dần. Không ai bảo ai, những đứa trẻ đồng loạt rời lưng trâu, chạy lên đê, bắt đầu trò chơi thả diều. Những cánh diều mỏng manh theo gió lên cao. Tiếng sáo diều vi vu, vi vu lẫn trong tiếng hò reo nghe vang động cả một góc trời. Mặt trời gom lại những tia nắng cuối cùng rồi khuất dần sau rặng núi. Mảng trời phía tây đỏ rục lên, nhuộm hồng cả làn mây xấp trắng. Ráng chiều phủ thắm cả cánh đồng. Vẫn còn thấp thoáng bóng những chiếc nón trắng trên một vài thửa ruộng đang gặt dở. Tiếng liềm đưa xoèn xoẹt. Tiếng gọi nhau í ới, tiếng cười giòn tan của mấy cô thiếu nữ. Lúa được chất đầy trên những chiếc xe ba gác, ngất ngưỡng theo sau những con trâu lực lưỡng về làng. Sau một ngày làm việc vất vả nhưng trên gương mặt những người nông dân vẫn bừng lên niềm vui. Bóng người, bóng trâu in dài dưới dòng mương nước trong vắt, kéo nhau về làng. Những cánh diều cuối cùng cũng được bọn trẻ thu lại. Trong bóng hoàng hôn, cánh đồng trở nên vắng vẻ lạ lùng. Chỉ còn tiếng lúa xào xạc trong gió. Chỉ còn tiếng một vài chú chim lạc đàn nhao nhác gọi nhau. Và chỉ còn hương lúa thoang thoảng lẫn trong mùi bùn đất và mùi cỏ khô nồng nồng, ngai ngái. Từ xóm nhỏ ven đê, những sợi khói lam chiều toả ra, mang theo vị ngọt thơm của nồi cơm gạo mới. Ánh lửa bập bùng, bập bùng,...

Một ngày hè đã qua. Cánh đồng quê chìm vào màn đêm yên tĩnh. Cái vẻ đẹp thanh bình của nó đã lưu vào lòng người một cảm giác êm ả, nhẹ nhàng mà khó nhạt phai.

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 16 : *Một buổi tối, sau khi đã học bài xong, em bước ra sân, hít thở không khí trong lành của màn đêm yên tĩnh. Hãy tả lại khung cảnh quanh em lúc đó.*

Bài làm

Đó là một buổi tối mùa hè. Ngồi học trong căn phòng nhỏ, em cảm thấy thật nóng bức và ngột ngạt. Khi đáp số của bài toán cuối cùng được chép nắn nót vào vở, em bước ra sân. Một cảm giác mát mẻ, khoan khoái và dễ chịu tràn ngập trong tâm hồn.

Trăng mười bảy nên lên muộn. Giữa màn đêm thăm thẳm, vầng trăng tròn nhỏ và cao vời vời lơ lửng như một cái đĩa bạc. Ánh trăng vàng nhạt, huyền ảo bao trùm lên cảnh vật quanh em. Trăng soi sáng sân nhà. Trăng soi mình trong đáy giếng. Khi em múc nước rửa mặt, cái gàu vừa chạm xuống mặt nước, bóng trăng liền tan ra, vỡ vụn thành muôn ngàn mảnh li ti, lấp lánh trong gàu nước mát khiến cho em cảm thấy tỉnh táo hẳn. Khu vườn cũng tràn ngập ánh trăng. Những bóng cây tối sẫm, in hình trên mặt đất như rải thảm hoa. Gió thổi nhẹ làm cây lá xao động và tấm thảm hoa thay hình đổi dạng liên tục, làm em ngắm mãi không biết chán. Thoang thoảng trong gió mùi hương trái chín. Phải rồi ! Hương ổi đầu mùa đấy. Em bước tới. Dưới bóng trăng, có thể nhìn thấy thấp thoáng những trái ổi tròn lủng lẳng nấp sau lá. Hái trái ổi, đang thưởng thức vị ngọt giòn của nó, em chợt giật mình vì tiếng chim trong vòm lá. Chắc là chú chim này đang ngủ mê đấy. Vừa đoán em vừa búng tay vào mũi mình, tự giễu cợt cái tính nhát gan như thỏ đế. Trong bóng tối, một con ong bay vù ra, vo ve có vẻ rất khó chịu. Nó làm như chính em đã khuấy động giấc ngủ của nó vậy.

Em bước vào sân, vươn vai làm mấy động tác thể dục cho đỡ mệt mỏi. Gió thổi nhẹ. Tiếng xào xạc của vườn cây lẫn trong tiếng kéo cà kè kệt của rặng tre đầu ngõ. Từ các ngôi nhà trong xóm, ánh điện vẫn thấp sáng trưng. Bây giờ vẫn chưa khuya lắm, có lẽ mọi người đang xem chương trình truyền hình. Tiếng nhạc. Tiếng cười nói. Tiếng gọi của ai đó. Chợt từ ngôi nhà nhỏ của bác An có tiếng khóc của bé Bi. Chắc nó đang ngủ dở giấc thì giật mình thức dậy. Tiếng ầu ơ của bác An vang lên. Lời ru trong đêm nghe thật dịu ngọt, sâu lắng, thiết tha. "Ấu ơ... cái ngủ mà ngủ cho ngoan". Ngủ đi ! Bé Bi ơi ! Màn đêm yên tĩnh thế cơ mà.

Bước vào nhà, em vẫn còn luyến tiếc cái không khí thoáng đãng, mát mẻ của trời đêm. Sau khung cửa sổ, vầng trăng tròn, vàng thắm vẫn lơ lửng trên vòm cao mênh mông. Em chợt thấy yêu vô cùng những hình ảnh quanh mình. Ngôi nhà

nhỏ. Ngõ xóm quanh co. Mảnh vườn đầy hoa trái và cả những đêm hè yên tĩnh, mát mẻ này nữa. Giấc ngủ đến từ lúc nào, em cũng không rõ. Chỉ biết trong giấc mơ đêm ấy hiện lên một vầng trăng vàng thắm. Lơ lửng. Lơ lửng,...

Đề 18 : Tả không khí một tiết làm bài kiểm tra ở lớp em.

Bài làm

Tùng, tùng, tùng... Tùng, tùng, tùng... Trống vào học bảy giờ mới điểm mà trong lớp tôi, các bạn đã ngồi vào chỗ đầy đủ. Bạn thì đọc lại một lượt phần lí thuyết trong sách giáo khoa. Bạn thì loay hoay kẻ giấy. Chả là vì hôm nay lớp tôi có một tiết kiểm tra môn Toán. Tôi yên tâm vì mình đã ôn bài kĩ. Và lại, từ trước đến nay tôi vẫn được bạn bè tôn là "cây toán" xuất sắc của lớp 6A mà.

Thầy giáo bước vào lớp. Chúng tôi đứng dậy chào rồi ngồi xuống chuẩn bị chép đề, làm bài. Năm phút ghi đề đã xong. Tôi kẻ một gạch nắn nét dưới chân hai chữ "Bài làm" rồi cầm cúi giải. Đề toán hôm nay hơi hóc búa, nếu không tranh thủ thì sẽ khó làm xong bài. Trên bàn giáo viên, thầy giáo ngồi yên lặng quan sát cả lớp, gương mặt nghiêm nghị. Thấy tôi ngược lên nhìn, thầy khẽ nheo mắt như có ý bảo "làm bài đi cô bé". Xung quanh tôi, không khí thật yên lặng. Chỉ còn tiếng bút đưa sột soạt trên giấy, tiếng compa và thước kẻ va vào nhau lách cách, tiếng tí tách của kim đồng hồ đang điểm thời gian trôi. Thỉnh thoảng có tiếng thở dài và tiếng ho húng hắng. Không cần quay lại, tôi vẫn biết đó là tiếng của thằng Nam. Nó có cái tật lúc nào lo quá là lại ho húng hắng.

Tôi chăm chú làm bài. Tờ giấy nháp đã đặc kín những con số. Bao giờ tính xong một bài, tôi mới cẩn thận chép vào giấy kiểm tra. Thầy giáo vẫn thường khen tôi ở điểm này. Một bài, rồi hai bài. Còn bài thứ ba nữa. Tôi khoan khoái nhìn đồng hồ. Còn những hai mươi phút cơ mà. Tôi ngó sang bên cạnh, thằng Hùng đang hí hoáy với những phép tính cuối cùng của bài số 2. Trên gương mặt nó lấm tấm mồ hôi. Máy sợi tóc mai dính bết vào mảng trán đỏ gồ lên trông càng lộ ra vẻ bướng bỉnh. Chả trách mà bọn con trai gọi nó là "Hùng gồ". Nó cũng là một trong những "dịch thủ" đáng gờm của tôi về môn Toán.

Phía trên tôi, anh chàng "Thắng lười" đang ngồi vắn vẹo cái lưng. Bình thường cậu ta nhác học, vậy mà không hiểu sao hôm nay làm bài kiểm tra có vẻ mê mải, say sưa. Trang giấy đặc kín những con số xiêu xiêu, to tướng, trông ngộ ngộ. Thỉnh thoảng cậu lại lấy tay quyết vội những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán, nhấp nhấp, xoa xoa. Tờ giấy kiểm tra của cậu ta đang vẹo dịch, oằn lên bởi lực tì của

khuyết tay và sức ấn của ngòi bút bi. Thế mà Thắng đâu có thèm để ý. Chả trách bài kiểm tra nào của cậu ta cũng bị trừ điểm, thế có oan không chứ ! Nhưng Thắng vẫn chúng nào tật nấy.

Cả lớp như đang chạy đua cùng với thời gian vậy. Những mái đầu nghiêng nghiêng. Những vầng trán nhíu lại. Những giọt mồ hôi và những tiếng sột soạt của ngòi bút. Thình thoảng có nghe tiếng lật trang giấy loạt xoạt. Ai cũng nháp nháp, ghi ghi. Rồi bấm máy. Rồi lại nháp. Những nụ cười rạng rỡ kèm với tiếng reo khe khẽ. Tiếng cái Lan đấy. Chắc nó đã nghĩ ra cách giải hoặc tìm thấy đáp số của bài toán.

Tôi khuông lại đáp số cuối cùng của bài 3. Thế là xong. Những con số tròn trịa sắp xếp ngay ngắn theo hàng theo lối làm cho bài kiểm tra của tôi trông thật đẹp. Tôi đang kháo lại bài, chợt giật mình vì tiếng vỗ tay đánh đét một cái. Đây là thói quen của thằng Hùng mỗi khi phát hiện ra được một cách giải mới. Cậu ta đang gấp rút viết vào giấy, người vẹo hẳn đi, tì sát vào mép bàn. Thời gian không còn nhiều nên cậu ta chẳng còn để ý gì tới tư thế ngồi viết nữa.

Chỉ còn hai phút. Không khí trong phòng có vẻ chùng xuống. Ngoài tiếng ngòi bút đưa trên giấy còn lẫn vào tiếng thở phào nhẹ nhõm, tiếng nắp bút lách tách. Đâu đó có tiếng thì thào hỏi nhau đáp số. Gương mặt bạn nào cũng bớt vẻ căng thẳng. Có nhiều bạn kháo lại bài xong, hí húi sửa một vài lỗi sai nào đấy.

Tùng... tùng... tùng... ba tiếng trống vang lên báo hiệu giờ học đã kết thúc. Chúng tôi nhanh chóng nộp bài cho thầy giáo rồi ùa ra sân chơi. Lúu rúu hỏi nhau đáp số, chúng tôi hi vọng những điểm mười đỏ chói mà thầy giáo sẽ tặng chúng tôi trong giờ trả bài.

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 20 : *Tả cảnh thành phố lúc lên đèn.*

Bài làm

Thú vị biết bao nhiêu khi được ngắm nhìn thành phố lúc lên đèn ! Trong cái khoảnh khắc ngắn ngủi giao thời giữa một ngày và một đêm ấy, vẻ đẹp cùng sự sôi động của thành phố đã hiện lên thật rõ, để lại trong lòng người bao cảm xúc khó tả.

Hoàng hôn đã buông xuống. Bầu trời trong veo. Mảng trời phía tây chuyển từ màu đỏ tía sang tím nhạt. Rồi tím thẫm. Một vài dải mây trắng vắt ngang bầu trời. Trong thoáng chốc, chúng trở nên mỏng manh. Tan dần, tan dần và cuối cùng biến mất giữa khoảng mênh mông. Cả thành phố nhuộm tím sắc hoàng hôn.

Gió nhẹ nhẹ thổi. Cái nóng hừng hực của mùa hè phần nào đã dịu bớt. Tôi thong thả đạp xe dọc theo những lối phố quen thuộc. Một cảm giác dịu ngọt nhẹ nhàng lan toả trong tâm hồn làm tôi chợt thấy băng khuâng. Không khí trên đường phố lúc này thật nhộn nhịp. Từng dòng người hối hả tuôn về các ngã, tưởng chừng như không lúc nào ngớt. Tiếng động cơ của ô tô, xe gắn máy inh ỏi. Tiếng người cười nói tíu ta tíu tít. Tiếng rao hàng, chào hàng ồn ã. Khi những vòm cây hai bên đường thắm lại thì dãy đèn đường cũng bật sáng. Một thứ màu vàng dùng dục toả ra làm cho không gian càng trở nên huyền ảo. Đèn pha ô tô, đèn xe máy cũng được bật lên. Loang loáng. Loang loáng. Mọi vật trở nên nhạt nhoà. Không còn trông rõ mặt người. Chỉ còn những bóng xe lao vun vút. Chỉ còn những bóng hàng cây in xuống lòng đường. Từ các ngôi nhà, từ các quán ăn, ánh điện nê-ông hắt ra, sáng dịu. Có những dây đèn xanh đỏ tím vàng nhay nháy như những con mắt sao lấp lánh tăng thêm vẻ đẹp lung linh, rực rỡ của phố phường.

Màn đêm đã bao trùm khắp nơi. Dòng người trên các ngã đường vẫn chưa ngớt. Có quãng lại tấp nập, nhộn nhịp hơn thường ngày. Náo động nhất vẫn là những khu vực có các quán ăn, các tiệm giải khát. Người ra kẻ vào nườm nượp như mắc cửi. Nhất là ở quán ăn lớn, xe ô tô, xe gắn máy dựng san sát, dây theo dây, hàng theo hàng. Đâu đó vọng lại tiếng nhạc xập xình và tiếng hát trong trẻo của một cô ca sĩ nào đó, nghe khi gần, khi xa. Có lúc thật trong, thấy thật rõ, nhưng có lúc lại chìm đi giữa bao nhiêu thứ âm thanh sôi động và ồn ã khác. Tất cả góp phần tạo nên nhịp sống hối hả của thành phố.

Thành phố thực sự vào đêm. Vòm trời mênh mông đen thẫm như nhung. Mấy vì sao nhấp nháy dường như trở nên nhạt nhoà bởi ánh sáng của hàng nghìn ngọn đèn. Một mùi hương hoa ngọt ngào, thoang thoảng, lan toả trong làn gió nhẹ. Hương hoa sữa đấy. Thật thân thuộc mà đầy quyến rũ. Đường phố lúc này bớt ồn ã hơn. Và dòng người, dòng xe cộ cũng không còn tuôn hối hả. Những người đi làm về đã vắng, chủ yếu chỉ còn những tốp người đi dạo chơi, ngắm cảnh. Hình như họ đi thong thả để cảm nhận hết vẻ đẹp kì diệu của thành phố vào đêm. Tiếng nói chuyện rì rầm. Tiếng cười khúc khích. Một vài tốp trẻ em đang đùa nghịch trên vỉa hè, líu ríu cãi nhau. Từ một căn nhà nhỏ, vang lên tiếng đàn. Réo rắt. Trầm bổng...

Căng lồng ngực hít thở bầu không khí trong lành, tôi thấy trong lòng dâng lên một tình yêu sâu nặng đối với thành phố quê hương. Tình yêu ấy tôi sẽ mang theo suốt đời, không bao giờ phai nhạt. Có lẽ vậy chăng ?

Đề 21 : Đã lâu lắm rồi, dịp Tết này em mới được về thăm quê. Em không khỏi ngỡ ngàng trước cảnh quê hương đang đổi mới. Hãy tả lại cảnh đổi mới nhanh chóng và kì diệu của quê hương em.

Bài làm

Chiếc xe ca chuyển bánh, để lại sau lưng lớp bụi đỏ bốc lên mù mịt. Nhìn theo đám bụi đỏ ấy, tôi có cảm giác mình đang lắc lư theo nhịp bánh xe. Đã trọn một đêm, một ngày, ba bố con tôi phải vượt đường trường trên chiếc xe ca cũ kĩ, chật ních người và chật ních cả tiếng cãi vã ấy để về quê. Với tôi, lần nào về quê cũng là một sự kiện lớn. Do điều kiện làm việc và sống xa quê nên cứ phải ba năm hay bốn năm, bố tôi mới đưa anh em tôi về thăm quê một lần. Ngồi trên xe, hai anh em tranh nhau nhắc lại những hình ảnh về cảnh vật và con người ở quê. Thế mà bây giờ, làng quê tôi đã hiện ra trước mắt kia. Không hiểu sao tôi cứ thấy nao nao...

– Nhanh lên kéo tới, các con ! Vẫn còn phải đi bộ ngót hai cây số nữa đấy ! – Tiếng bố tôi thúc giục đã kéo tôi ra khỏi dòng suy nghĩ miên man.

Xốc lại ba lô hành lí, tôi vội vã bước theo bố. Cu Miu đã nhanh chân chạy lon ton ở phía trước. Cu cậu xem chừng phấn khởi lắm. Lần trước về, nó mới năm tuổi, bé tí teo, giờ đã đường hoàng là một cậu học sinh lớp hai. Cái túi ếch đựng quần áo của nó cứ lúc la lúc lắc theo nhịp nhảy chân sáo. Thỉnh thoảng, bố phải nhắc nó đi chậm lại kéo ngã.

Từ đường quan vào nhà ông bà nội tôi phải đi qua một quãng đồng rộng. Đã lập xuân nhưng tiết trời vẫn còn rét lắm. Hiểu rõ khí hậu ở quê nhà nên khi ba bố con lên đường về quê, mẹ đã chuẩn bị sẵn đồ ấm đầy đủ. Lúc ngồi trên xe, thấy công kênh, tôi nghĩ bụng : "Mẹ lo xa quá !". Nhưng giờ thì mới hiểu được giá trị của mấy cái áo khoác to sù. Xuýt xoa trước những đợt gió chiều hun hút, tôi không khỏi ngỡ ngàng khi đặt chân lên con đường dẫn vào làng. Nó thay đổi nhiều quá. Trước đây, con đường này chỉ là một lối đi hẹp chen giữa hai bờ lúa. Mùa khô thì bốc bụi mù mịt. Mùa mưa thì trơn như đổ mỡ. Tôi đã từng "chụp ếch" mấy lần đau điếng trong đợt về quê trước. Bây giờ con đường đã được mở rộng ra, ô tô đi vào vẫn có chỗ cho các loại xe khác tránh. Người ta đã rải đá và đổ một lớp nhựa mỏng. Hai bên vệ đường, hàng cây non mới trồng cao quá đầu người. Trong bóng chiều, ánh nắng nhạt màu còn rải rác, sót lại trên những đám ruộng lúa xanh rờn, mơn mớn. Con mương dẫn nước đã được làm bằng bê tông, nước trong vắt, soi bóng những đám mây trắng lang thang trên vòm trời xám đục. Tết đến nơi rồi mà mọi người vẫn cần mẫn làm việc. Thấp thoáng bóng áo nâu, nón trắng trong bóng chiều.

Qua khỏi cánh đồng là vào ngay làng. Cu Miu chột la lớn :

– Bố ơi ! Lạc đường rồi ! Không phải làng mình !...

Trong kí ức của anh em chúng tôi, làng quê phải là những mái nhà nhỏ ẩn sau lũy tre xanh. Là những ngõ xóm quanh co, vòng vèo, đầy rơm rạ ; là những hàng tre rậm rạp, chìa ra bao nhiêu cành nhỏ vương áo người qua đường... Thế mà giờ đây, trước mắt chúng tôi, cảnh tượng đã khác hẳn. Không riêng gì cu Miu, ngay cả tôi cũng cứ ngỡ ngợ. Chẳng lẽ làng mình đây ư ? Bố tôi thì chỉ cười, búng tai mỗi đứa một cái, ý bảo : "Còn lạ nhiều nữa đấy !". Năm vừa rồi, bố đi công tác, có ghé qua thăm ông bà nên những đổi thay ấy đâu có làm bố ngạc nhiên như chúng tôi.

Dưới cái nhìn của tôi, làng quê đã khoác một chiếc áo mới thực sự. Đường trong làng đã được mở rộng và đổ bê tông. Hai bên đường, cây cối được phát quang. Nhiều nhà đã thay bờ rào tre bằng những hàng rào xây cao, có cổng sắt sơn xanh, sơn nâu trông rất đường hoàng. Trong xóm lác đác xuất hiện một số nhà hai tầng theo kiểu hiện đại. Ngay đầu xóm, hội trường lớn và trụ sở làm việc của Ủy ban Nhân dân xã cũng đã được sửa sang lại trông khang trang hẳn lên. Một hàng chữ được căng trước cổng Ủy ban Nhân dân xã : "Chào mừng xuân Nhâm Ngọ 2002". Phía trong gara, xe máy xếp hàng ngang hàng dọc. Hình như mọi người đang họp tổng kết cuối năm. Kế tiếp Ủy ban Nhân dân xã là trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở. Những dãy nhà cao tầng mới mọc lên, thay thế cho dãy nhà cấp bốn trước đây. Học sinh đã nghỉ Tết nên sân trường vắng tanh vắng ngắt. Máy cây bàng, cây phượng trước đây còn bé tí, giờ đã phồng phao. Những chồi non xanh mơn mơn đang thấp sáng trên các cành cây khẳng khiu. Mùa xuân đã về thật rồi !

Đang đi, tôi chợt dừng lại. Trước mắt tôi là ngôi nhà lớn có đề dòng chữ "Hội quán xóm Trung Thành". Nơi đây ngày xưa là bãi đất trống bỏ hoang. Bọn trẻ chúng tôi vẫn thường rủ nhau ra đá bóng, thả diều và chơi trò đánh trận giả. Giờ người ta đã xây hẳn một khu hội quán khang trang có sân chơi, bãi tập. Hình như đây còn là nơi lớp mẫu giáo học vì tôi thoáng thấy trong góc vườn có mấy cái cầu trượt, đu quay... Thấy tôi đứng ngẩn người ra, bố tôi phải bảo cu Miu quay lại kéo tôi đi. Đã về đến gần nhà ông bà tôi. Bố tôi gật đầu chào mấy người hàng xóm. Chúng tôi lú lú chào theo. Tôi vẫn nghe rõ những tiếng xì xào thân thương. "Chà ! Hai quý tử đã lớn bằng ngần này rồi kia à ! Chóng quá ! Chóng quá !". Tôi rảo bước càng nhanh hơn. Cu Miu đã cuống cuống vượt lên trước. Nhà ông bà đây rồi. Cánh cổng sắt sơn xanh mở toang như chờ đón chúng tôi. "Ông bà ơi, cháu đã về đây !". Sau tiếng gọi của cu Miu, cả nhà ủa ra đón bố con tôi. Nhanh chân nhất vẫn là con vàng. Nó sủa ăng ẳng mà cái đuôi thì ngoáy tí. Thì ra nó vẫn nhớ chúng tôi. Tiếp sau con vàng là thằng Lâm, con chú Hải. Nó trạc tuổi cu Miu nhưng thấp đậm và có nước da hơi nâu. Lũ trẻ ở quê đứa nào chả thế. Nó reo từ trong sân "A ! Bác Thọ, anh Quang và anh Miu !". Cuối cùng là ông bà tôi. Vừa

nhìn thấy ông bà, tôi đứng sững lại. Không hiểu sao nước mắt cứ ứa ra. Ông bà tôi già đi nhanh quá. Mái tóc bạc trắng, lưng còng xuống, dáng đi có phần chậm chạp hơn trước nhiều. Ông kéo tôi vào lòng, còn bà ôm vai cu Miu. "Cha bố các anh ! Sao không đợi ông bà khuất núi rồi hẵng về ?". Cu Miu khóc oà lên làm bà phải dỗ: "Thôi, bà nói vui vậy thôi ! Cún con của bà chóng lớn quá !".

Tối hôm ấy, cả nhà quây quần bên mâm cơm, bàn kế hoạch ăn Tết. Hình như sự có mặt của bố con chúng tôi làm cho chương trình đón Tết của gia đình thêm phần rôm rả. Chú Hải tôi còn tuyên bố một câu "xanh rờn" :

– Sáng mùng một Tết, cậu cả (tức là tôi) sẽ dẫn đầu cả phái đoàn nhà ta lên thắp hương trên nhà thờ họ. Sau đó đi chúc Tết quanh xóm một vòng.

Còn thằng Lâm thì ghé tai tôi : "Anh Quang, sáng mai em sẽ dẫn anh đi chơi. Làng mình có nhiều cái lạ lắm, khác lắm".

Đêm hôm ấy, tôi ngủ một giấc thật ngon lành trong vòng tay của ông nội. Trong giấc mơ, tôi thấy mình đang cùng thằng Lâm và cu Miu lạc vào một xứ sở thần tiên. Ở đó, có đầy đủ các thành viên của đại gia đình chúng tôi. Quê tôi đó chẳng ? Vừa xa vời, vừa gần gũi biết bao !

Đề 25 : Tả không khí đón giao thừa ở gia đình em.

Bài làm

Chuông đồng hồ đã điểm mười tiếng. Phút giao thừa đến gần. Cả gia đình tôi đã tụ họp đầy đủ. Không khí chuẩn bị đón giao thừa thật vui và ấm cúng. Đây có lẽ là những khoảnh khắc đáng nhớ nhất trong năm đối với mỗi người.

Phòng khách đã được trang hoàng từ chiều. Mọi thứ được bài trí thật đẹp. Góc phía bên trái tủ trong là một cành đào chúm chím nụ. Những cánh hoa đầu tiên đã hé nở, phơn phớt hồng, chen giữa những chồi lá xanh biếc. Góc phía bên phải là một cây quất chi chít quả, có hình dáng như một ngọn tháp. Ông cùng bố loay hoay xếp lại vị trí của cành đào. Rồi treo câu đối Tết lên hai bên bàn thờ tổ tiên. Đây là đôi câu đối do ông chọn. Chơi câu đối hình như đã trở thành cái thú của ông, chưa năm nào thiếu. Nheo mắt ngắm nghía một lúc, ông mới yên tâm ngồi vào bàn cùng bố xem chương trình cầu truyền hình trực tiếp.

Trong khi đó, ở dưới bếp, mẹ và chị tôi đang sửa soạn mâm cỗ để cúng giao thừa. Trước hết là mâm đựng hoa quả. Nhìn mâm ngũ quả, em thán phục sự khéo léo và con mắt thẩm mỹ của mẹ. Hai nải chuối màu xanh ghép lại, tạo thành hình một cái đĩa tròn. Những quả chuối mập mạp, đều đặn, trông như những ngón tay đang khum khum xòe ra để đỡ lấy trái bưởi to, vàng rộm, còn nguyên cuống lá

xanh. Ba trái cam sành màu đỏ được xếp đều quanh trái bưởi. Chen giữa là những quả hồng xiêm màu nâu xám và một chùm nho tím mọng. Năm loại quả với năm màu sắc khác nhau được bố trí thật hài hoà. Ngoài mâm ngũ quả, mẹ và chị còn sắp một cỗ xôi chè đầy đặn. Xong đâu đấy, mẹ đặt hai mâm lễ lên bàn thờ rồi cũng ngồi vào bàn xem truyền hình.

Là thành viên "nhí" của gia đình, tôi cũng muốn được thể hiện mình. Thấy chị đưa hoa ra cắm, tôi xăng xái soạn cái này, soạn cái kia. Thực chất là tôi đang làm bừa bộn thêm. Thế mà chị tôi không hề quát mắng. Thậm chí còn tươi cười nhắc tôi, và tự tay sắp xếp lại. Chỉ một lát, chị đã cắm được một đĩa hoa thật đẹp đặt lên bàn. Sau đó, chị treo thêm chùm bóng bay xanh đỏ lên cành đào và nhắc tôi bật chùm đèn nháy.

Kim đồng hồ đã nhích dần tới con số 12. Đường phố vẫn nhộn nhịp người qua lại. Họ đang đi chơi xuân và hái lộc đấy. Tiết trời hơi se lạnh càng làm cho không khí đêm giao thừa thêm đượm sắc xuân. Hương trầm thơm hoà quyện trong hương hoa nồng nàn. Đâu đó, trên những cành cây có tiếng chổi non cựa mình khe khẽ. Tì tách. Dìu dịu, êm êm. Tôi hồi hộp nhìn lên đồng hồ liên tục, đếm từng tiếng tích tắc để điểm thời gian trôi. Lúc này, mọi người trong gia đình đã ngồi quây quần quanh chiếc bàn trà. Nhìn gương mặt người nào cũng rạng rỡ, háo hức. Còn 5 phút rồi 3 phút. "Bính bong... bính bong..." chuông đồng hồ điểm 12 tiếng đều đặn. Cùng lúc đó, trên vòm trời thành phố sáng lên những chùm pháo hoa xanh, đỏ, tím, vàng. Qua màn hình của chiếc ti vi 21 in, pháo hoa cũng bùng lên từng chùm không ngớt. Ông tôi run run thắp nén hương cắm lên bàn thờ. Ông đứng lặng hàng phút. Có lẽ ông đang chuyện trò với ông bà tổ tiên để nhờ ông bà phù hộ cho gia đình tôi một năm mới tốt lành, bình an. Khi pháo hoa dứt thì lời chúc mừng của bác Chủ tịch nước vang lên. Cả nhà ngồi yên lặng, lắng nghe với tâm trạng xúc động. Nhất là ông tôi. Nỗi xúc động lộ rõ trên gương mặt đầy những nếp nhăn mà rạng rỡ. Nghe xong lời chúc Tết, mọi người quây quần bên mâm cỗ cúng giao thừa. Nắp chai rượu được bật ra. Những li rượu hồng được nâng lên, chạm nhau tanh tách. Bố tôi trịnh trọng đứng lên, thay mặt cả nhà chúc sức khoẻ ông nội. Bố còn chúc chị em tôi học giỏi, chúc mẹ trẻ mãi không già. Những lời chúc của mọi người nhất loạt vang lên nghe rộn ràng cả căn phòng nhỏ. Bỗng có tiếng chuông điện thoại. Đó là chuông điện thoại của dì tôi từ Sài Gòn gọi ra chúc mừng năm mới. Một không khí đầm ấm ngập tràn. Ca khúc *Happy new year* cất lên rộn ràng thêm.

Sau khoảnh khắc giao thừa, bố tôi bước ra cổng, nhập vào tốp những người hàng xóm để đi "xông đất" cho từng nhà. Ông và mẹ lo chuẩn bị tiếp khách,

còn hai chị em tôi đi hái lộc đầu năm mới. Ngoài đường, người và xe vẫn nườm nượp, nườm nượp. Tiếng nhạc nhà ai đó vang lên náo nức : "Xuân, xuân ơi, xuân đã về !", "Tết ! Tết ! Tết ! Tết đến rồi !...". Tôi nhẹ tay ngắt một nhánh lộc non, thầm chúc cho cả gia đình mạnh khỏe, và ước ao mình học thật giỏi.

Một năm mới đã bắt đầu.

(Nguyễn Thanh Huyền, Trường THCS Hưng Dũng, Thành phố Vinh)

Đề 29 : *Được tắm trong cơn mưa rào đầu mùa hạ là một thú vui của tuổi thơ. Và có một lần về quê, em đã được thưởng thức thú vui đó. Hãy tả lại.*

Bài làm

Cái nắng mùa hè thật gay gắt và khó chịu. Tất cả như đang ở trong cái nôi hơi kín hăm hập... hăm hập... Cây cối đứng rũ ra như sắp chết héo. Đàn gà nằm im dưới những bóng cây, chẳng buồn nô đùa như mọi khi. Thi thoảng mới có một luồng gió thổi tới. Nhưng không phải gió mát mà là gió nóng rát da rát mặt. Cái gió Lào của miền Trung. Bầu trời trong xanh không bóng một gợn mây và thăm thẳm đến vô cùng. Bọn trẻ chúng tôi ngồi trong nhà, quạt phành phạch, phành phạch. Nóng quá ! Nóng quá ! Trời càng oi nồng, khó chịu. Đứa nào hình như cũng đang thầm thường ước ao có một trận mưa rào mà tắm cho đã, cho thoải thích.

Rồi cầu được ước thấy. Trong thoáng chốc mây đen từ đâu ùn ùn kéo đến. Sấm nổ đùng đùng. Những tia chớp xanh loé lên, loảng ngoảng rạch ngang, rạch dọc như muốn xé toang vòm trời. Tất cả bỗng dừng tối sầm lại. Gió thổi mạnh, mang theo hơi nước từ biển lên mát rượi. Tiếng cành cây va vào nhau loạc xoạc. Tiếng gọi nhau í ới : "Cất quần áo chúng mày ơi ! Mưa rồi !". Cả một dãy dài phơi toàn quần áo. Những bàn tay thoăn thoắt, thoăn thoắt... Có kịp không ? Lộp độp... Những hạt mưa đầu tiên đã rơi xuống cây lá trong vườn háo hức đưa những cánh tay đang rũ xuống vì khát, ra hứng những giọt nước mưa để uống thật thoải thích. Lũ gà con cũng đã kịp chạy về chuồng, nấp sau đôi cánh xoè rộng của gà mẹ. Máy cặp mắt tròn xoe, bóng loáng như nước, nhìn mưa có vẻ ngạc nhiên : "Chiếp chiếp ! Khiếp thật ! Khiếp thật !". Chúng lạ lắm cũng phải, mới chưa tròn tháng tuổi, mà đã hai tháng nay trời hạn hán, chúng làm gì được chúng kiến một trận mưa lớn như thế này.

"Mưa ! Mưa ! Tắm mưa đi chúng mày ơi !". Tiếng một thằng bé vang lên. Hình như là cu Nam thì phải. Rồi kế tiếp, tiếng gọi ấy lan truyền từ nhà này sang nhà kia. Chẳng cần đợi lâu, chỉ trong nháy mắt , từ các ngôi nhà trong xóm, lũ trẻ chúng tôi đã chạy túa ra đường. Đứa nào cũng reo vui, thích thú, nhảy tâng tâng

dưới mưa, chân tay múa tít. Mưa xối ào ào lên đầu lên vai. Mặc ! Chúng tôi hò hét làm đầy cả một góc đường. Vì trời mưa to, gió lại mạnh nữa nên đứa nào cũng phải nói như hét vào tai thì mới nghe thấy. Bọn con trai đầu trần, chân đất kéo nhau ra bãi cỏ. Không hiểu đứa nào nhanh tay đã cầm theo được quả bóng. Thế là trận đấu bóng diễn ra dưới mưa. Lại hò. Lại hét. Không cần trọng tài. Không cần thủ môn. Mạnh đứa nào đứa ấy đá. Quả bóng tròn lăn khắp bãi. Nước mưa chảy chưa kịp, đọng lại từng vũng. Mỗi lần chạy qua là nước toé lên, nào có hề gì ! Thịnh thoàng đang đà chạy mà trơn quá, có đứa ngã oạch một cái khiến cả lũ cười vang. Mưa xối xả. Nước rùng rùng chảy từ đầu xuống mặt, xuống cằm, thấm vào da thịt. Mát quá ! Sướng quá !

Đá bóng một lát đã thấm mệt, cả lũ lại kéo nhau rùng rần về làng. Nước đã đầy ăm ắp những thửa ruộng. Nước cũng đã đầy ăm ắp các ao hồ. Trận mưa lớn quá. Cây cối hả hê cành lá tươi tỉnh hẳn lên. Chúng tôi nhảy chồm chồm qua những vũng nước còn đọng trên mặt đường, đuổi theo những con nhái bén và lũ mỗi cánh. Mưa ngớt dần. Rồi tạnh hẳn. Bầu trời trở nên quang đãng, trong xanh. Gió thổi nhẹ làm những hạt mưa đọng trên cành lá rung rinh, lấp lánh, lấp lánh. Chẳng ai bảo ai, từng đứa lần lượt tách khỏi đoàn để trở về nhà. Có mấy đứa đứng ngẩn tò te vì nuối tiếc. Mưa mùa hạ là thế, chợt đến rồi chợt đi, không hề báo trước. Đối với bọn trẻ chúng tôi, mưa chừng ấy vẫn còn chưa đủ. Giá như cơn mưa kéo dài thêm nữa thì thú vị biết bao. Bỗng nhiên, một đứa nào đó hét lên : "Ê ! Chúng mày ơi ! Đằng kia có mưa kìa ! Mưa ! Mưa !". Mấy cái đầu ló ra. Tiếng cười nhộn nhạo vang khắp xóm. Rồi tất cả chạy ù về nhà. Con đường và những vũng nước mưa ngơ ngẩn...

Được tắm dưới mưa quả là thú vị. Cơn mưa rào ấy đã qua lâu rồi mà tôi vẫn còn nhớ mãi. Nhớ mãi. Ước sao có một lần được về quê, được cùng bọn trẻ trong làng đùa giỡn trong mưa.

(Nguyễn Phương Thảo, Trường THCS Hà Huy Tập, Thành phố Vinh)

Đề 30 : Đã lâu lắm rồi em mới có dịp quay trở lại thăm ngôi trường cũ của mình đã học những năm mẫu giáo (hoặc những năm đầu cấp Tiểu học). Trường đã thay đổi nhiều nhưng vẫn còn giữ được những hình ảnh gắn bó với tuổi thơ. Hãy tả lại ngôi trường ấy.

Bài làm

Đã lâu lắm rồi tôi mới có dịp quay trở lại thăm ngôi trường cũ – ngôi trường đã in dấu biết bao kỉ niệm của thuở mới cắp sách tới trường, khi tôi bắt đầu trở thành "cô sinh viên lớp 1".

Nhìn từ xa, ngôi trường có vẻ bề thế, khang trang hơn. Chiếc biển nhỏ ngày xưa đã được thay thế bởi tấm bảng xanh lớn : "Trường Tiểu học Nguyễn Trãi". Bồi hồi khó tả, tôi bước qua cánh cổng vàng – cánh cổng mà bây giờ ngoái lại nhìn, tôi vẫn cảm nhận được bóng dáng cùng ánh mắt nhìn của mẹ ngày xưa vẫn còn in dấu. Tôi nhớ, đó là lúc tôi đặt những bước chân bỡ ngỡ đầu tiên vào cổng trường này. Lúc này đây, trong tôi lại dâng lên cảm giác đó... Cảm giác run run, vừa mừng vừa hồi hộp. Tôi chào bác bảo vệ già rồi bước nhanh về phía trước. Dãy nhà cấp bốn ngày xưa tôi học vẫn còn. Rất may là nó vẫn chưa bị phá đi để xây dựng thành ngôi nhà tầng khang trang như hai dãy bên.

Lớp 1B thân yêu kia rồi. Tôi tưởng như cô giáo hiền từ của mình vẫn còn đứng đó, ngay cửa lớp học, để dắt tay tôi vào như buổi đầu tiên tôi đến trường. Tôi chạy vội lại. Một cảm xúc bồi hồi nhớ thương trào dâng trong lòng. Mảnh sân nhỏ, nơi chúng tôi vẫn xếp hàng vào lớp đã được lát gạch sạch sẽ. Cây bàng đứng đó, lặng lẽ. Nó đã cao hơn trước rất nhiều và có lẽ vẫn là địa điểm lí tưởng để các em nhỏ vui đùa như chúng tôi ngày xưa. Cánh cửa lớp vẫn còn nguyên vẹn với những vết xước cũ nhưng đã được sơn xanh. Nền nhà được lát gạch hoa. Bàn ghế được bổ sung thêm một dãy. "Các em chú ý, chữ o phải đọc tròn môi". Tôi tưởng như lời cô giáo xưa còn vọng về. Tôi chậm rãi bước vào lớp, từ từ đặt tay lên chiếc bàn học năm xưa. Tôi run run... Bao nhiêu kỉ niệm đẹp để chợt ùa về. Chiếc bàn kê cạnh cửa sổ kia là chỗ tôi ngồi. Tôi còn nhớ rất rõ, có một lần, vì mãi mê nhìn bác thợ sửa điện bên ngoài mà tôi không chú ý tập viết. Kết quả là cô giáo đã cho một điểm 6 to tướng vào vở. Tôi mỉm cười khi nghĩ rằng hồi ấy sao mình ngây thơ và trẻ con thế. Tấm bảng đen đã in dấu thời gian. Một bên góc bảng ngày xưa bị khuyết, nay vẫn nguyên như thế. Toàn bộ căn phòng đối với tôi hình như không một chút đổi thay. Dù thời gian đã bắt đầu phủ rêu xanh lên mái ngói. Dù bốn bức tường đã được sơn màu. Nhưng ngôi trường năm xưa vẫn thế, vẫn nguyên vẹn trong kí ức của tôi.

Đứng lặng hồi lâu trong lớp, tôi bước ra ngoài. Bước chân vô tình đưa tôi lại phía cây phượng vĩ già. Thân cây sù sì đầy những vết khắc của thời gian. Tán phượng vẫn xanh, xòe rộng, che mát cả một khoảng sân. Hoa vẫn đỏ như màu niềm tin và hi vọng – màu của những chia li thời học sinh.

Tôi bước nhanh về phía cổng, để lại sau lưng biết bao kỉ niệm mãi in dấu một thuở cấp sách tới trường. Ngoái lại nhìn một lần nữa lớp 1B thân yêu, tôi tự hứa với lòng mình : Một ngày nào đó tôi sẽ quay trở lại. Tạm biệt nhé ngôi trường tuổi thơ !

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 31 : Có một lần em phạm lỗi khiến mẹ rất buồn. Hãy tả lại hình ảnh của mẹ lúc ấy.

Bài làm

Tôi chưa hẳn đã là đứa con ngoan của mẹ. Bởi cái tính ngang ngạnh của mình mà nhiều lúc tôi đã khiến mẹ không vừa lòng. Có một lần tôi nhớ mãi. Không hiểu sao đã hơn một năm trôi qua, nhưng mỗi khi nghĩ lại, tôi vẫn hình dung thật rõ hình ảnh của mẹ lúc ấy.

Đó là một ngày cuối năm học lớp 4 của tôi. Do sự rủ rờ của bạn bè mà tôi thường trốn học bỏ đi chơi. Nhiều lần như thế lặp đi lặp lại. Kết quả học tập của tôi sút đi trông thấy. Hình như cô giáo đã trao đổi với mẹ. Trưa hôm ấy, khi tôi đi học về đã thấy mẹ đợi sẵn ở nhà từ bao giờ. Mọi hôm, mẹ thường đi làm về muộn hơn tôi. Biết có chuyện, tôi định lỉnh ngay ra sau nhà. Nhưng mẹ đã gọi lại. Mẹ hỏi chuyện học của tôi ở lớp. Lẽ dĩ nhiên là tôi đã trả lời trơn tru. Khi mẹ yêu cầu tôi đưa bài vở của mình cho mẹ xem, bí quá, tôi gắt lên : "Mẹ không có quyền đòi xem sách vở của con !". Đang cầm chiếc cặp của tôi trên tay, mẹ sững lại. Trong đôi mắt mẹ thoáng qua một chút ngạc nhiên. Một chút bối rối. Một chút đau đớn và bức bối. Cái cặp rơi xuống, sổ tung ra. Những bài kiểm tra 3 điểm, 4 điểm, những trang vở ghi nguệch ngoạc... như phơi ra. Tôi thuôn mặt, không còn chối cãi vào đâu nữa. Mẹ im lặng đi vào buồng trong khiến tôi đứng như trời trồng giữa nhà.

Buổi trưa hôm ấy trời qua thật nặng nề. Bố và chị về thăm ông bà nội, chỉ còn tôi và mẹ trong căn nhà rộng thênh. Mẹ lặng lẽ soạn sửa cho bữa cơm trưa. Chỉ một mình, không cần tôi trợ giúp như mọi hôm. Len lén đứng ở cửa bếp nhìn vào, tôi thấy rõ nỗi buồn trên gương mặt mẹ. Đôi tay mẹ cứ làm nhưng ánh mắt của mẹ dường như vô cảm. Có lúc đang nhặt rau, mẹ ngồi thẫn ra. Có lúc lại bỏ nhầm những cọng rau vào rổ rau đã nhặt sạch. Thái độ của mẹ làm tôi thấy sợ quá. Thường ngày mẹ rất vui tính, lại hay nói hài hước khiến cho cả nhà cùng cười. Thế mà hôm nay... Chưa bao giờ tôi có dịp nhìn kĩ mẹ đến vậy. Nước da đã xạm lại. Gương mặt nghiêm nghị đã đẩy những nếp nhăn và vết chân chim. Mấy sợi gân xanh nổi lên trên vầng trán rộng. Khuôn miệng không còn tươi thắm như trước. Tuổi già đã đến với mẹ rồi ư ? Tôi chợt muốn òa khóc. Suốt bữa cơm, mẹ im lặng. Thỉnh thoảng mẹ vẫn gấp thức ăn bỏ vào bát cho tôi. Nhưng tôi làm sao có thể ăn nổi. Tôi chỉ muốn nói lên một lời : "Con xin lỗi...". Nhưng cái tính ngang ngạnh hay nỗi sợ hãi đã làm cho lưỡi tôi cứng đơ, không thốt ra được.

Chỉ ăn hết lưng cơm rồi mẹ đặt bát xuống. Hình như mẹ đang nén tiếng thở dài. Chưa kịp nghỉ ngơi, mẹ đã lại vội vã đi làm ca chiều, để tôi một mình ở nhà với một tâm trạng lo buồn. Lũ bạn í ới gọi ngoài ngõ nhưng tôi làm sao có thể đi

chơi cùng chúng được. Những điểm 3, điểm 4 trong trang giấy kiểm tra bị sổ tung rơi xuống nền nhà hồi trưa. Ánh mắt thần thờ của mẹ. Chưa bao giờ tôi thấy mình tệ như vậy. Và tôi biết mẹ buồn vì sự sa sút trong học tập của tôi thì ít, mẹ đau đớn vì thái độ hỗn láo, ngang ngạnh của tôi thì nhiều. Văng tiếng cười vui và những câu nói đùa của mẹ, tự nhiên tôi thấy mình đơn độc. Nước mắt cứ thế trào ra.

Tối hôm ấy, mẹ đi nằm sớm, mặt quay vào vách tường, lặng lẽ. Ngập ngừng mãi nơi cửa buồng, tôi mới dám len lén bước vào, ghé xuống nằm bên cạnh mẹ, không nhúc nhích. Nhắm mắt vờ ngủ, nhưng tôi vẫn cảm nhận được tiếng thở dài khe khẽ của mẹ. Hình như mẹ trở mình. Tôi biết mẹ đang rất buồn. "Con xin lỗi mẹ, mẹ ơi!". Tôi thầm kêu lên trong lòng như vậy. Nước mắt đầm đìa chảy tràn trên má, rơi xuống gối. Tôi thèm được mẹ vuốt ve mái tóc. Tôi thèm được mẹ ôm vào lòng... Bỗng tôi cảm thấy hơi thở ấm áp của mẹ rất gần. Rồi bàn tay thô ráp của mẹ áp vào má tôi, lau những giọt nước mắt cho tôi. Mẹ ôm tôi vào lòng thì thầm: "Ôi con gái yêu của mẹ! Con ngủ mê rồi đây này!". Chao ôi! Buồn lòng đến vậy nhưng mẹ vẫn thương tôi vô cùng. Mẹ không hề giận tôi nữa ư! Mẹ đã tha thứ cho tôi rồi ư? Tôi nằm im không nhúc nhích, cứ sợ rằng đó chỉ là giấc mơ...

Thời gian cứ trôi qua. Tôi dần lớn khôn. Nhưng tôi biết rằng hình ảnh mẹ trong cái lần tôi phạm lỗi ấy sẽ đi theo tôi suốt đời, sẽ nhắc nhở tôi sống tốt hơn, sống đẹp hơn. Nhất định như vậy, mẹ ạ!

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 37: *Một em bé đang ngủ ngon trong tiếng ầu ơ ru hời của người mẹ. Hãy tả lại cảnh ấy.*

Bài làm

"À á ru hời, ơ hời ru". Cái Bống nằm thiu thiu theo nhịp chiếc võng đong đưa. Tiếng hát ru nhẹ nhàng đầm ấm của người mẹ đang đưa em vào giấc ngủ giữa trưa hè càng trở nên da diết.

Trời trưa gần tròn bóng. Màu xanh mượt mát của khu vườn dường như đã làm dịu bớt cơn nắng lửa. Từng đợt gió nhẹ, cây lá xôn xao. Trong căn nhà nhỏ, nhịp võng vẫn đều đều theo tay của người mẹ trẻ. Cái quạt trong tay mẹ phe phẩy, phe phẩy, lời ru của mẹ đong đưa, đong đưa. Ánh mắt mẹ nhìn cái Bống thật âu yếm và tràn đầy hạnh phúc. Cái Bống vẫn ngủ ngon lành. Trên nền xanh nhạt của chiếc gối bông hình bán nguyệt, gương mặt bé càng ngời sáng. Bé có nước da trắng hồng, mịn màng. Đôi lông mày thưa thớt nhưng cũng đã rõ thành hình vòng cung mềm mại. Đôi mắt bé khép lại, càng làm nổi bật những sợi lông mi dài uốn cong. Ai cũng khen cái Bống có đôi mắt thật đẹp. Quả đúng như thế thật. Mắt bé đen

lay láy, luôn mở to tròn xoe ngời sáng, lộ rõ vẻ lanh lợi, hoạt bát và thông minh. Hàng mi dài cong vút đã tôn thêm vẻ đẹp cho đôi mắt của bé. Giờ bé ngủ, hai hàng mi khép lại, trông thật đáng yêu.

"À á ru hời, ơ hời ru"... Lời ru vẫn mơn man trong làn gió nhẹ giữa trưa hè. Người mẹ trẻ cúi xuống khẽ hôn nhẹ lên đôi má ửng hồng của bé làm bé chột cựa mình rồi ngủ tiếp.

Hai cánh mũi thở đều đều. Cái miệng chúm chím xinh xinh thỉnh thoảng lại chóp chép như đang ngậm bầu vú mẹ. Có lúc cái Bống chột nhoén miệng cười để lộ hai răng sữa mới nhú và đôi lúm đồng tiền trên má. Đây là bà mẹ đang dạy bé cười. Mẹ bé vẫn nựng bé như thế mỗi lần bắt gặp bé cười trong mơ. Những lúc ấy gương mặt bé càng đáng yêu hơn. Chột cái Bống lại cựa mình. Hai bàn tay bé xịu với những ngón tay trắng múp míp huơ lên như muốn cầm nắm cái gì đó, rồi lại buông xuống đặt lên gờ võng. Người mẹ dịu dàng cúi xuống, sửa lại đáng nằm cho bé. Xen giữa lời ru âu ơ là tiếng nựng khe khẽ : "Ngủ ngon nào, con yêu của mẹ ! Hãy ngủ ngon nào !".

Trời càng về trưa càng gắt nắng. Khu vườn yên ắng lạ. Không một tiếng ve kêu. Không một tiếng chim hót. Chỉ có lá vườn xào xạc, xào xạc, đùa vui với gió. Căn nhà nhỏ vẫn ngân nga tiếng ru tha thiết, ngọt ngào "À ơ...". Cánh võng đưa đều đều kéo cả kéo kẹt. Chiếc quạt nan phe phẩy, đưa gió về mơn man những sợi tóc mai lơ thơ trên vầng trán của cái Bống và gương mặt của người mẹ trẻ ngồi bên, tràn trề hạnh phúc.

Ngủ ngoan ... Ngủ ngoan. Hãy ngủ ngoan trong lời ru dịu dàng của mẹ. Bé yêu ơi !

(Nguyễn Quang Khang, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 39 : *Tả hình ảnh cô giáo chấm bài trong đêm.*

Bài làm

Tiếng chuông đồng hồ đã điểm mười tiếng từ lâu. Trời đã khuya lắm rồi. Cái lạnh mùa đông bao trùm khắp mọi nẻo. Tôi nằm co ro trong máy tăng chăn mà vẫn cảm thấy chưa ấm áp. Ngoài bàn kia, mẹ tôi đang ngồi chấm bài để kịp ngày mai trả cho học sinh. Nhìn mẹ, tôi chột hình dung ra cảnh cô giáo mình cũng đang ngồi chấm bài trong đêm khuya như thế.

Cả một ngày đứng trên bục giảng để nói về cái hay cái đẹp của văn chương, chắc cô cũng mệt lắm rồi. Gió ngoài trời cứ rít lên từng hồi. Cái lạnh như cắt da cắt thịt. Chông vờ trên bàn cô chắc là chưa với một nửa bởi thằng cu Mập nhà cô có bao giờ để cho cô ngồi yên đâu. Có lẽ giờ này thằng bé đã ngủ và cô mới có thể ngồi vào bàn làm việc được. Nhắm mắt lại tôi vẫn có thể hình dung được cái dáng

người nhỏ nhắn của cô cúi xuống bên chiếc bàn nhỏ. Đôi mắt chắc đang dán vào từng câu từng chữ, tập trung đọc kĩ bài làm của chúng tôi. Không biết ánh mắt ấy buồn hay vui. Buồn khi bắt gặp những bài làm yếu, những ý vắn vụng về. Vui vì thấy được sự tiến bộ trong từng bài làm của học sinh. Có những bài, các bạn viết ngộ nghĩnh chắc hẳn sẽ làm cô bật cười. Nhiều hôm trả bài, cô đã chỉ ra những chi tiết buồn cười ấy khiến cả lớp chúng tôi cũng phải cười theo.

Trong đêm lạnh, cô giáo tôi vẫn ngồi lặng lẽ. Đọc từng bài. Đọc từng trang. Sửa từng câu từng chữ. Nét mặt cô lúc này có lẽ cũng đang đắm chiêu suy nghĩ. Bàn tay nắn nót ghi từng lời phê, hạ từng con điểm. Có lúc, cô tỏ ra băn khoăn cân nhắc mãi. Phải chăng đó là những bài viết của những bạn có biểu hiện tiến bộ, cô muốn nâng thêm điểm để động viên ? Phải chăng đó là những bài viết của những bạn học sinh giỏi mà thiếu cố gắng, cô muốn phê bình ? Đọc những lời phê của cô giáo, tôi hiểu rằng ở từng dòng phê như vậy là biết bao chăm chút, biết bao yêu thương cô dành cho chúng tôi, mong chúng tôi nên người.

Một đợt gió bắc rít lên ngoài khung cửa sổ. Không biết đợt gió ấy có làm cô lạnh hay không ? Chắc là cô đang xoa bàn tay vào nhau cho ấm hơn để rồi tiếp tục chấm bài. Chông vờ làm vắn trên bàn có lẽ đã vơi dần. Vơi dần. Đêm khuya lắm rồi. Bao giờ cô mới chấm xong ? Co ro trong chăn, tôi lại càng thương cô giáo hơn. Sau khi chấm xong tập bài, cô còn phải ghi lại những câu văn lủng củng, những lỗi diễn đạt để ngày mai đọc cho chúng tôi rút kinh nghiệm. Cuốn sổ đó đầy những nét chữ thì chắc cô sẽ buồn và lo lắng lắm. Biết đến bao giờ những nỗi lo toan này vơi đi để cho cô giáo tôi có thể bình yên trong giấc ngủ. Cô cứ miệt mài, miệt mài như thế bao nhiêu đêm rồi bên những trang vở học trò. Liệu các bài làm văn của chúng tôi có đem lại cho cô những niềm vui ? Tôi không thể trả lời được những câu hỏi ấy. Nhưng tôi biết và tin chắc một điều rằng dù đôi khi chúng tôi còn mắc lỗi trong các giờ học và vụng về trong những bài làm văn thì cô giáo tôi vẫn tìm thấy được niềm vui và hạnh phúc trong các giờ dạy, trong những đêm chấm bài. Bởi cô yêu nghề, yêu học sinh – tình yêu của những người làm nghề ươm cây không biết mệt mỏi.

Đang miên man trong dòng suy nghĩ thì tôi chợt giật mình vì tiếng kẹt cửa. Mẹ tôi đã bước vào, và lên giường đi ngủ. Tôi ôm lấy mẹ – mẹ cũng là một cô giáo của tôi. Đồng hồ điểm 11 tiếng đã qua từ lúc này. Giờ này không biết cô giáo tôi đã đi nghỉ chưa hay vẫn còn miệt mài bên ngọn đèn khuya ?

(Đặng Thị Thuý, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Đề 40 : Qua chuyên mục "Kết bạn" trên báo "Thiếu niên tiền phong", em đã có được một người bạn mới. Hãy viết thư cho bạn để tự giới thiệu về mình.

Bài làm

Vinh, ngày 22 tháng 3 năm 2002

Nga thân !

Qua chuyên mục "Kết bạn" trên báo *Thiếu niên tiền phong*, tớ đã trông thấy ảnh và biết tên cậu. Tớ rất muốn làm quen. Hôm nay, theo đúng "thủ tục", tớ viết thư này để tự giới thiệu về mình.

Tớ tên là Hằng. Gọi đầy đủ theo tên khai sinh là Nguyễn Thị Minh Hằng. Còn tên "cúng cơm" ở nhà thường gọi là "Vịt". Năm nay tớ học lớp 6A trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh, Nghệ An. Tớ 11 tuổi. Vóc người tớ không được lí tưởng lắm : Nhỏ thó mà lại cao lóng khòng trông như cò hương. Từ những năm học lớp 3, lớp 4, lũ bạn đã gán thêm cho tớ một biệt danh là "cây sậy". Tớ chẳng thích cái biệt danh ấy lắm nhưng cũng không thể chối từ. Cậu hãy nhắm mắt lại hình dung ra diện mạo của tớ nhé : tớ có khuôn mặt hơi dài, hai mắt mở to, tròn, kèm với cái mũi hếch trông ngô ngộ. Hai má tớ đều có lúm đồng tiền. Mỗi khi cười lúm đồng tiền hiện lên, tròn xoay như xoáy nước ấy. Ai cũng bảo nhờ cái lúm đồng tiền ấy mà gương mặt tớ xinh hơn. Có người còn dự đoán rằng những ai có má lúm đồng tiền thì sau này sẽ sống trong giàu sang, sung sướng. Tớ chẳng tin đâu, nhưng vẫn hi vọng... Mái tóc tớ buông xoã ngang vai. Những hôm trời nóng bức, tớ kẹp gọn lên trông như cái đuôi ngựa cùn cùn, lúc lắc. Da tớ ngăm ngăm đen. Nhiều hôm tớ ước có viên ngọc của ông tiên để ước cho da mình được trắng. Khổ nỗi, tớ hay đi chơi ngoài nắng nên dù có ước một ngàn lần thì da đen vẫn hoàn đen. Tính tình tớ cũng tạm tạm. Theo bạn bè đánh giá thì tớ là "cây tếu" của lớp. Tớ thích vui vẻ, mong được giúp đỡ mọi người và sẵn sàng "ra tay" bảo vệ những ai yếu hơn mình.

Về tài năng, tớ khá "hoàn hảo" : có thể chơi thả diều, cờ tướng, cầu lông và cả đá bóng nữa – mặc dù tớ chỉ là cầu thủ hạng xoàng. Về hạn chế, tớ là chúa hay ăn vặt nào kem, sữa chua, cóc, ổi, me... Vì vậy nên tớ chẳng béo lên tí nào. Tuy thế đừng coi thường là làng nhàng. Nếu tớ học võ thì giỏi chẳng kém gì đâu. Năm sau, tớ quyết sẽ đi học võ. Sở thích trong học tập là Văn, Toán, Ngoại ngữ và Địa lí bởi vì học Văn giúp ta có thêm vốn từ, sử dụng trong nói và viết. Học Toán giúp ta tư duy, học Ngoại ngữ để có kĩ năng giao tiếp còn học Địa lí để tương lai trở thành một hướng dẫn viên du lịch. Đây cũng chính là ước mơ của tớ về nghề nghiệp trong tương lai. Hằng năm tớ vẫn đạt danh hiệu học sinh giỏi.

Tớ hi vọng chúng ta sẽ là bạn tốt của nhau. Chúc cậu vui, khoẻ và học giỏi. Tớ mong thư hồi âm của cậu.

(Nguyễn Thị Minh Hằng, Trường THCS Đặng Thai Mai, Thành phố Vinh)

Chương III : TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ

Bài 1 – 2 : Yêu cầu chỉ rõ nhịp thơ và các tiếng chứa vần. Khi làm bài cần lưu ý những trường hợp đặc biệt.

Ví dụ : Ở đoạn a (bài 1), cách ngắt nhịp của một số câu như sau :

Ôi / Từ không đến có

Xảy ra / như thế nào ?

Ở đoạn b (bài 2), các tiếng phối vần trong câu hai và câu bốn của khổ thơ là : *thương, nằm*.

Bài 3 – 4 : Yêu cầu bổ sung các tiếng chứa vần còn bị thiếu. Khi làm hai bài tập này, các em phải chú ý tới nội dung ý nghĩa của các câu thơ và sự liên kết giữa các vần thơ để tìm vần cho phù hợp.

Ví dụ : Ở bài 3 : Câu thơ thứ hai, tiếng chứa vần "Mậm" (vần "âm"). Vì vậy, ở câu thứ ba, tiếng chứa vần cũng phải khớp (vần "âm"). Ta có thể chọn từ miêu tả vóc người của bé là "bụ bẫm" (vóc người mập mạp).

Theo hình thức chọn từ này, học sinh tự hoàn thành bài tập.

Bài 5 : Yêu cầu viết đồng dao mới theo đề tài cho sẵn ở mỗi đề tài, các em nên liệt kê các đối tượng có thể nhắc tới trong bài thơ. Sau đó tìm đặc điểm của chúng. Trên cơ sở đó, mới bắt đầu lựa chọn, sắp xếp cho hợp về nội dung, vần, nhịp, thanh điệu.

Bài 6 : Cách diễn tả độc đáo của đoạn ca dao là cách nói ngược (trái với quy luật tự nhiên). Cách nói này làm cho bài ca dao có ý nghĩa hài hước (ca dao vui).

Trên cơ sở đó, các em tìm một số hiện tượng trong cuộc sống xung quanh, tìm cách nói ngược và tạo thành bài thơ mới theo yêu cầu.

Bài 7, 8, 9, 10 : Cả bốn bài tập này đều yêu cầu tập làm thơ với các đề tài cho sẵn (cả thơ bốn chữ và năm chữ). Học sinh cần suy nghĩ trước đề tài, tìm nội dung phù hợp rồi mới bắt đầu sắp xếp ý thơ, lời thơ.

MỘT SỐ CHUYỆN VUI NGÔN NGỮ

1. Không ! Ông dài hơn tôi

Hoàng đế Na-pô-lê-ông lúc mới được phong tướng, ông còn rất trẻ. Người ông thấp, nhỏ nhưng rất thông minh, nhanh trí. Một hôm Na-pô-lê-ông đang chăm chú làm việc thì một viên sĩ quan cận vệ dáng người to cao bước vào và nói :

– Ngài Na-pô-lê-ông, tôi cao hơn ông.

Na-pô-lê-ông lập tức ngửa đầu ra sau ghế hai chân bắc lên bàn và bình thản đáp :

– Không ! Ông dài hơn tôi.

2. Kim loại là gì ?

Hoàng rất chăm học lại sáng dạ nên kì thi nào cũng đạt học sinh giỏi. Năm nào Hoàng cũng đạt học sinh xuất sắc. Học hết lớp 5, nghỉ hè Hoàng ra thành phố ở với bố. Biết Hoàng học giỏi lại nhanh nhẹn, các bác, các chú trong cơ quan bố liền mở một cuộc "sát hạch". Đầu tiên là các kiến thức trong sách lớp 5. Sau mấy câu hỏi Hoàng đều trả lời trôi chảy. Bỗng một chú hỏi Hoàng :

– Kim loại là gì ?

Ai cũng đinh ninh là Hoàng bí vì lớp 5 chưa học đến kim loại. Bỗng Hoàng à lên một tiếng :

– Cháu biết rồi, kim loại là kim sút tròn hoặc gãy mũi.

3. Thăng tôm

Giáo sư N có một người bạn nước ngoài rất thân. Ông bạn sang Việt Nam để học tiếng Việt. Sau một thời gian học tập, ông ta cảm thấy mình đã thạo tiếng Việt. Một lần ngồi ăn cơm với giáo sư N, ông bạn bắt đầu nói bằng tiếng Việt :

– Mời anh ăn thăng tôm.

Giáo sư N phì cười nói :

– Anh nói chưa đúng đâu.

Mấy hôm sau, ngồi ăn cơm với nhau ông ta lại nói :

– Mời anh ăn con tôm.

Giáo sư N lại phì cười nói :

– Vẫn chưa đúng.

Một thời gian sau trong bữa cơm thân mật, ông bạn nước ngoài giờ đưa chỉ vào đĩa tôm mà nói một cách nhỏ nhẹ :

– Mời anh ăn tôm.

Giáo sư N cười và vui vẻ nói :

– Anh đã trở thành người Việt Nam rồi đấy.

4.

Nhâm

Trong giờ Vật lí, thầy Hùng đang giảng bài say sưa nên không để ý gì ngoài bài giảng. Thấy bạn Hải hai tay chống cằm ngủ gật nhưng trông dáng điệu chăm chú lắm. Thấy đột ngột hỏi Hải :

– Hải, em hãy cho thầy và cả lớp biết ép-xi-lon ở đây là bao nhiêu ?

Vừa nghe loáng thoáng câu hỏi, Hải giật mình đứng dậy trả lời thầy :

– Thưa thầy ở đây Pép-si lon 4500 đồng đến 4700 đồng một lon ạ.

Thầy giáo : (? !).

(Phỏng theo N.Q.H)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
Phần một : TIẾNG VIỆT	
Chương I : TỪ VỰNG	
Cấu tạo từ	5
Từ mượn	10
Nghĩa của từ	15
Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ	18
So sánh	23
Nhân hoá	27
Ẩn dụ	30
Hoán dụ	34
Chữa lỗi dùng từ	36
Chương II : NGỮ PHÁP	
Danh từ	39
Số từ	43
Lượng từ	45
Chỉ từ	47
Động từ	48
Tính từ	50
Phó từ	52
Cụm danh từ	54
Cụm động từ	58
Cụm tính từ	60
Câu trần thuật đơn	62
Câu trần thuật đơn có từ <i>là</i>	66
Câu trần thuật đơn không có từ <i>là</i>	69
Chữa lỗi các dấu câu	73
Chữa câu sai ngữ pháp	77

Phần hai : TẬP LÀM VĂN

Chương I : VĂN TỰ SỰ

I – Đặc điểm của văn tự sự	81
II – Những lưu ý khi làm văn tự sự	92
III – Một số bài tập	107

Chương II : VĂN MIÊU TẢ

I – Đặc điểm của văn miêu tả	116
II – Những lưu ý khi làm văn miêu tả	125
III – Một số bài tập	141

Chương III : TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ

I – Đặc điểm của thơ bốn chữ	149
II – Đặc điểm của thơ năm chữ	151
III – Một số lưu ý khi tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ	153
IV – Một số bài tập	158

Phần ba : HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

A – Tiếng Việt

Chương I : Từ vựng	165
Chương II : Ngữ pháp	176

B – Tập làm văn

Chương I : Văn tự sự	193
Chương II : Văn miêu tả	222
Chương III : Tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ	255

Phụ lục : MỘT SỐ CHUYỆN VUI NGÔN NGỮ	256
---	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập kiêm Phó Tổng Giám đốc NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bàn thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH
Giám đốc CTCP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHAN KẾ THÁI

Biên tập lần đầu:

HOÀNG PHÙNG

Biên tập tái bản:

LÊ THỊ BÍCH HẠNH

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in :

PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)

Chế bản:

CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội -
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm

MỘT SỐ KIẾN THỨC - KĨ NĂNG VÀ BÀI TẬP NÂNG CAO NGŨ VĂN 6

Mã số: T6V11h3 - CPD

Số đăng kí KHXB : 14-2013/CXB/83-1961/GD

In 3.000 cuốn (QĐ in: 03), khổ 17x24cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế,
57 Bà Triệu - Huế. In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2013.